PHẬT HỌC

TỪ QUANG

Tập 29



Vu Lan 2019

PHẬT HỌC XÁ LỢI

Tỳ kheo Thích Đồng Bổn chủ biên

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TỲ KHEO THÍCH ĐỒNG BỔN
Chủ biên

Phật học
TỪ QUANG

Tập 29

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Hội đồng biên tập
TS. BS. Đỗ Hồng Ngọc
PGS. TS. Phạm Anh Dũng
PGS. TS. Trịnh Sâm
PGS. TS. Hoàng Thị Thơ
PGS. TS. Trần Hồng Liên

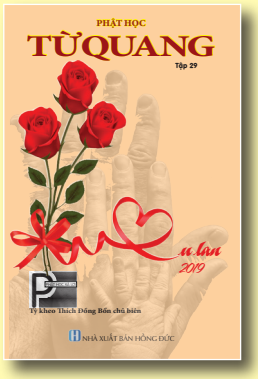
Chủ biên
Tỳ kheo Thích Đồng Bổn

Biên tập
TS. Phạm Văn Nga
Nhà báo Vu Gia
Cư sĩ Minh Ngọc

Sửa bản in
Cư sĩ Trí Tâm

Trình bày
Khánh Lê

Văn phòng Ban Biên tập
89 Bà Huyện Thanh Quan,
P. 7. Q. 3, TP. HCM



PHẬT HỌC TỪ QUANG

Tập 29 - Tháng 7 năm 2019
(PL. 2563)

Trong số này

Thích Thiện Đạo : Vu lan, lễ hội tình người ..... *trang 4*
Trần Quê Hương (thơ) : Trăng sao hiếu hạnh *7*
Viên Thắng : Vu lan về, con nhớ mẹ hơn *8*
Tuệ Quán : Vì sao tôn giả Mục Kiền Liên không thể dùng thần thông cứu mẹ? *12*
Lăng Già Tâm (thơ) : Hồng trắng Vu lan *22*
Huỳnh Như Phương : Con đợi mẹ trước cổng nhà tù *23*
Nguyên Cẩn : Cơ hội nào cho chữ Hiếu? *27*
Nguyên Thường (thơ) : Chiều Vu lan *34*
Nhuận Nghi : Nhớ mẹ, cài bông trắng! *35*
Đỗ Hồng Ngọc : Trời cao đất rộng một mình tôi đi... ..... *40*
Tuệ Nha (thơ) : Điệp khúc tình mẹ *45*
Viên Phương : Hạnh "Lắng nghe" của Bồ tát trong Tôi *48*
Vu Gia : Nghĩ về ăn mày cửa Phật *51*
Nguyễn An Bình (thơ) : Tháng bảy mùa ngâu *57*
Tuệ Ân : Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu *58*

Lê Sơn Phương Ngọc : Cư sĩ Phật giáo ... *65*
Vũ Thị Hồng Dung : Giá trị đạo đức Phật giáo trong việc hình thành và phát triển đạo đức truyền thống Việt Nam ... *71*
Đoàn Tấn Thuận (thơ) : Nỗi niềm tháng bảy Vu lan ... *82*
Huỳnh Văn Ưu : Nhìn thấu - buông xuống ... *83*
Nguyễn Đại Đồng : Phong trào chấn hưng Phật giáo tỉnh Hải Dương từ 1934 đến 1945 ... *89*
Lương Thị Thu : Tín ngưỡng dân gian, một biện pháp bảo trọng cuộc sống ... *97*
Trần Thái Học (thơ) : Đôi tay mẹ ... *106*
Tuệ Lạc : Lý nhân quả và ảnh hưởng "văn hóa" ... *107*
Nguyễn Hải Hoành : Các đặc điểm và sự quốc tế hóa của Phật giáo Hán truyền ... *113*
Phan Thị Bích Trầm : Những con đường ta đã đi qua ... *124*
Thích Nữ Chúc Hòa : Những đóng góp của chùa Phật học Xá Lợi cho đạo pháp và dân tộc ... *127*
Ngộ Anh Kiệt (nhạc) : Trái tim bất diệt ... *135*
Hữu Chí : Chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một ... *138*
Thích Giác Minh Hữu : Chùa Ấn Quang với phong trào đấu tranh Phật giáo năm 1963 ... *144*
Thích Minh Nghĩa : Tìm hiểu hoạt động giáo dục Phật giáo tỉnh Kiên Giang ... *152*
TN. Huệ Phát : Tìm hiểu di tích lịch sử chùa Sắc Tứ Tam Bảo - Rạch Giá ... *158*
Thích Hoằng Trúc : Ăn chay để nuôi dưỡng sự bình an và hạnh phúc ... *165*
Dương Kinh Thành : Thơ và mưa trong mùa Vu lan ... *171*
Nguyễn Thanh Vũ : Bà già nhà quê ... *175*
Nguyễn Hoàng Duy : Những đứa con nuôi ... *180*
Đặng Hùng Anh : Kinh Bách Dụ (chuyển thơ) ... *185*
Hàng Châu : Hoa sen trên đảo ... *187*
Cao Thăng Bình : Phật pháp giữa đời thường: Đừng đợi đến khi hoàn hảo, Vết sẹo trong tàng thức ... *193*
Trí Bá - Nhuận Kiên - Chúc Trọng : Thông tin ... *195*



Vu lan, lễ hội tình người

HT. THÍCH THIỆN ĐẠO

Mỗi độ thu sang nhớ bóng Người
Đây mùa hiếu hạnh mãi xanh tươi
Bao tâm hồn trẻ nương theo dấu
Của bước Người đi tỏa sáng ngời.

Lễ hội Vu lan Báo hiếu không biết từ bao giờ, đã trở thành truyền thống đạo lý "Uống Nước Nhớ Nguồn" của dân tộc ta, của mọi người con Phật khắp nơi trên thế giới.

- Vu lan Rằm Tháng Bảy là lễ hội tình người, nhằm nhắc nhở tinh thần hiếu đạo, tinh thần nhớ ơn và báo ơn đối với tiền nhân, với ông bà cha mẹ, với tất cả những người đã đem lại cho chúng ta cuộc sống an lành hạnh phúc hôm nay.

- Vu lan Rằm Tháng Bảy là dịp để mọi người ý thức sâu sắc hơn nữa bổn phận làm con đối với hai vị thần cao cả trong đời là cha và mẹ. Họ là những người đã gầy dựng và bảo hộ chúng ta suốt chiều dài của không gian và thời gian của một đời người. Không có cha mẹ thì không có con cháu, không có sự nghiệp hôm nay của chúng ta. Cha mẹ đã đồng hành với chúng ta qua các giá trị tốt đẹp từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ tinh thần đến vật chất. Dù có khôn lớn có thành công tới đâu thì chúng ta vẫn thấy nhỏ bé khờ dại trước giá trị hiện hữu của cha mẹ.

- Vu lan Rằm Tháng Bảy, còn là lễ hội truyền thống văn hóa của dân tộc, mang đậm tính nhân văn, nhằm tôn vinh những giá trị tinh thần cao đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến, nhằm giáo dục lòng tôn kính tiền nhân tổ tiên ông bà cha mẹ, để tiếp tục xây dựng một xã hội có hiếu nghĩa thủy chung thương yêu gắn bó, mọi người cùng chia bùi sẻ ngọt, nhường cơm sẻ áo trong những lúc gian nan cực khổ. Chim có tổ người có tông là đạo lý làm người, là truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, để từ trên nền tảng nhân văn này, mà xây dựng một cuộc sống không có người vong ân bội nghĩa, mất gốc quên nguồn, phản dân hại nước.

- Vu lan Rằm Tháng Bảy, cũng là lễ hội của sự cầu nguyện tưởng niệm anh hùng liệt sĩ, các thánh tử đạo, vì đạo quên thân vì dân quên mình. Dòng máu của họ đã thấm sâu vào lòng đất mẹ để xanh tốt cây tự do, thắm tươi hoa dân chủ. Họ đã nằm xuống cho tổ quốc trường tồn, đạo pháp mãi mãi xương minh.

- Rằm Tháng Bảy xá tội vong nhân còn thể hiện một triết lý sống vị tha nhân ái, không những chỉ cho người còn sống trên cõi đời này biết quay về nẻo thiện mà còn giúp cho người chết ở cõi âm giác ngộ được cảnh vô thường đau khổ, luân hồi thọ báo trong chốn u đồ ác đạo, mà phát bồ đề tâm hướng về Tam Bảo nương nhờ thần lực của chư Phật, thánh tăng để được siêu sanh thoát khổ. Trong bài *Văn Tế Thập Loại Chúng Sanh*, cụ Nguyễn Du có diễn tả nội dung này như sau:

"Tiết đầu thu lập đàn giải thoát
Nước tịnh bình rưới hạt dương chi
Muôn nhờ Đức Phật từ bi
Giải oan cứu khổ, hồn về Tây phương"

- Sâu sắc và ý nghĩa hơn cả, là mùa Vu lan Báo hiếu Rằm Tháng Bảy, còn nói lên tinh thần cảm thông chia sẻ với những ai đã thiếu may mắn không còn cha mẹ ở đời, để mỗi độ Vu lan về, nhìn người khác có diễm phúc được cài hoa hồng trên ngực áo, mà lòng bỗng lạnh đau tê tái khi ngực mình đón nhận đóa hồng

trắng, trắng lạnh cả tâm hồn, bởi vì "*Tôi thấy tôi mất mẹ là mất cả bầu trời…*".

Cũng xin chúc mừng đến những ai đang có diễm phúc được cài đóa hồng hạnh phúc trên ngực áo, bởi vì "*còn cha mẹ là còn tất cả*".

- Hôm nay, một lần nữa mùa Vu lan Báo Hiếu lại trở về, nhằm nhắc nhở chúng ta, những người con Phật yêu đạo mến đời luôn luôn ghi nhớ và thể hiện nét đẹp tình người, hiếu trung nhân nghĩa, biết yêu thương cảm thông chia sẻ mọi cảnh ngộ của cuộc sống, nhằm xây dựng một cõi cực lạc trên hành tinh này.

Chừng nào cuộc sống chưa hết những cảnh thương tâm như bất hiếu, ngỗ nghịch, vong ân bội nghĩa, tranh giành hãm hại, đua đòi theo cái mới, quên gốc xa nguồn, thiếu văn hoá, mất đạo đức, coi nhẹ các giá trị tâm linh, thì chừng đó, tinh thần nhân bản của mùa Vu lan Báo hiếu vẫn còn có giá trị thiết thực như là thần dược, có khả năng chữa khỏi các căn bệnh trầm kha của thời đại.

- Nguyện cầu bóng tối tiêu tan, tình thương thể hiện, Phật pháp huy hoàng, chúng sanh an lạc.

- Nguyện cầu người người đến với nhau, sống với nhau bằng tất cả tình yêu thương chân tình chung thuỷ, hiếu trung nhân nghĩa.

- Nguyện cầu cuộc sống được xây dựng và phát triển trên nền tảng hoà hợp đoàn kết, biết tôn trọng và bảo vệ các giá trị đạo đức văn hoá nhằm duy trì và phát huy nếp sống văn minh nhân bản.



Trăng sao hiếu hạnh

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Trời Sài Gòn - Đêm Vu lan
Nhớ cha nhớ mẹ ngập tràn mưa ngâu
Cuộc đời cha mẹ thương đau
Oằn vai chịu đựng… mật đào cho con
Con ơi! Năm tháng mỏi mòn
Nhìn con khôn lớn, lòng son dâng trào
Tiếng con cười nói xôn xao
Niềm vui đọng lại ngọt ngào thời gian
Tung tăng chập chững rộn ràng
Mỗi ngày qua, mỗi bước đàng lớn khôn
Mỗi ngày qua, mỗi nụ hôn
Mỗi năm mỗi lớp… tâm hồn dâng cao
Dòng đời như suối qua mau
Nhìn con khôn lớn đi vào ước mơ
Nếp đời như một bài thơ
Vô vàn cung bậc đợi chờ buồn vui
Bình minh cũng lắm nụ cười
Hoàng hôn cũng lắm ngậm ngùi bóng đêm
Ai ơi! Giềng mối tổ tiên
Ai ơi! Ân đức thiêng liêng hiếu tình.
Trời Sài Gòn - rạng tâm linh
Đêm tháng bảy sáng niềm tin thảo hiền
Anh ơi! Em ơi… phúc duyên
Phận làm con, nhớ đáp đền nghĩa sâu
Trời Sài Gòn - thắm mưa ngâu
Hiền hòa hiếu hạnh vọng cầu báo ân
Đêm tháng bảy - nguyện song thân
Trăng sao lấp lánh trong ngần hiếu tâm.



Vu lan về, con nhớ mẹ hơn

VIÊN THẮNG

Mẹ ơi con đã già rồi, con ngồi nhớ mẹ khóc như trẻ con.
Mẹ ơi con đã già rồi, con ngồi ngớ ngẩn nhớ ngôi nhà xưa[1].

Mẹ ơi! Thế là một mùa Vu lan nữa lại về, trên ngực con cài đóa hoa trắng, khiến con nhớ mẹ vô cùng. Mỗi lần con về thăm ngôi nhà xưa, nhìn ở bất cứ nơi nào, con cũng thấy hình ảnh mẹ ra vào; thế là con ngồi khóc nức nở. Giờ đây, con chỉ biết tìm mẹ trong ký ức, tìm mẹ ở trong cõi hư vô, mong được thấy bóng dáng mẹ hiền, nhưng chẳng thấy hình dáng mẹ, con lại khóc gọi mẹ như trẻ thơ, thật đúng như người ta thường nói:

"Thêm một người quả đất sẽ chật thêm
Nhưng thiếu mẹ thế giới đầy nước mắt"

---

1. Mẹ Tôi, nhạc sĩ Trần Tiến.

Mẹ mất đã 5 năm rồi, mà sao con cứ ngỡ như ngày hôm qua. Nhớ những ngày con còn bé, mẹ vất vả chăm con từng chút một, từ miếng ăn giấc ngủ, chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn. Những buổi trưa hè nắng nóng ở xứ miền Trung oi bức khó chịu, làm cho con không ngủ được cứ mãi khóc nhè; mẹ vừa quạt vừa ru con bằng những bài hát ru con ngọt ngào:

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy mẹ thức đủ vừa năm.

Lời mẹ ru đưa con vào giấc ngủ say nồng. Thế là mẹ lại nhẹ nhàng đứng lên tiếp tục vô số công việc nhà không tên. Vào mùa đông giá lạnh, con cuộn mình trong lòng mẹ để nghe mẹ kể rất nhiều câu chuyện cổ tích. Cả cuộc đời mẹ làm nông, chăn nuôi lam lũ, tảo tần, quẩn quanh sau lũy tre làng, dãi dầu một nắng hai sương để nuôi con khôn lớn. Cuộc đời mẹ chịu nhiều đắng cay tủi nhục vì chiến tranh loạn lạc. Vậy mà, tuổi thơ con bồng bột, nông nổi có lúc con trách móc giận hờn làm cho mẹ buồn, con không hiểu được nỗi đau thầm kín, chỉ có mình mẹ biết.

Giờ đây, con đã lớn khôn, cũng từng nếm trải biết bao đắng cay, ngọt bùi trong cuộc sống; con cũng từng vấp ngã trên đường đời rồi lại gượng đứng lên làm bài học kinh nghiệm cho mình. Con đi khắp mọi nơi, sống chung biết bao nhiêu người, trải nghiệm qua cuộc sống; những lúc con ngồi nhớ mẹ, chỉ có mẹ là thương con và bao dung tất cả lầm lỗi cho con.

Lúc này, mỗi lần nhìn lên di ảnh mẹ, con mơ ước được một lần nghe tiếng mẹ gọi con, được ôm lấy mẹ và ăn những món ăn tự tay mẹ nấu cho con, được hít hà mùi của mẹ như ngày xưa. Dường như mẹ biết được nỗi khao khát trong lòng con, nên mẹ nhìn con mỉm cười, làm cho con càng nhớ mẹ xót xa.

Có lẽ cùng tâm trạng có người mẹ quê, cuộc sống cực khổ tảo tần, dãi dầu mưa nắng, chịu bao đắng cay, hi sinh cả cuộc đời vì mong cho con mình được tương lai tốt đẹp, nên thầy Thích Thiện Hữu cũng nói về mẹ mình:

"Đời của mẹ đã thành bài học sống
Đức hi sinh như nước khơi nguồn
Bao nỗi đắng cay mẹ chẳng chút u buồn
Lắm lời sỉ vả mẹ chưa từng ta thán?"

Thật vậy, khi nói về mẹ thì dường như ai cũng thốt lên: "Mẹ thật tuyệt vời, chúng con yêu thương mẹ nhiều lắm!". Hạnh phúc nhất ở thế gian này là con còn có mẹ! Điều bất hạnh nhất trần gian này là mẹ đã không còn. Đứa con dù có lớn đến mấy mà mất mẹ thì cũng như còn bé, cũng cảm thấy bơ vơ, lạc lõng, chẳng khác nào trẻ mồ côi. Chính vì thế, Vũ Hùng Việt đã thốt lên nỗi đau đớn khi không còn mẹ:

"Con mất mẹ rồi mất yêu thương.
Hoa trắng con cài lên ngực này
Con tim nức nở nhận niềm đau
Công ơn của mẹ chưa đền đáp"

Bởi vì đứa con khi mất mẹ nên phải chịu cảnh mồ côi, thiếu vắng bàn tay chăm sóc của mẹ hiền. Khi con đi học, đi chơi hay đi làm về bụng đói meo, chỉ cần con réo gọi: "Mẹ ơi! Con đói bụng quá!", thì mẹ như bà tiên dịu hiền liền bưng đến cho con cơm dẻo, canh nóng, rau tươi… còn bốc hơi thơm lựng, trong cơn đói lả con vô tư ngồi ăn ngấu nghiến một lúc đã hết sạch. Mẹ ngồi âu yếm nhìn con ăn mà nét mặt rạng ngời hạnh phúc, rồi đứng lên làm cho con ly nước chanh mát lạnh. Đến khi con ăn uống no nê rồi chỉ nhìn mẹ mỉm cười mà chưa hề nói lời "con cảm ơn mẹ". Lúc con tắm xong, quần áo con thay ra chưa giặt thì mẹ lại âm thầm giặt giũ sạch sẽ, phơi khô, xếp lại gọn gàng cho con…

Thế nên, ai mất mẹ rồi mới thấy được giá trị hạnh phúc khi còn có mẹ: "*Mồ côi, tội lắm ai ơi. Đói cơm khát nước biết người nào lo*[2]". Đến lúc này, đứa con ấy mới giật mình thảng thốt: "Mẹ xa con thật rồi!". Nỗi đau xé buốt con tim, con ân hận chưa làm được điều gì gọi là báo hiếu mẹ. Hai từ 'giá như' cứ mãi theo con day dứt.

---

2. Mừng Tuổi Mẹ, nhạc sĩ Trần Long Ẩn.

Vậy mà, xã hội ngày nay có rất nhiều đứa con, vì chạy theo cám dỗ đời thường mà đánh mất lương tâm mình. Từ một đứa con hiền lành hiếu thuận với cha mẹ, nhưng khi bị bạn bè xấu lôi kéo trở thành đứa con ngỗ nghịch, ham mê ăn chơi trác táng, hút chích, cờ bạc, nhậu nhẹt, gái gú v.v… ngày đêm đắm mình trong mê muội, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Điều đáng buồn hơn, khi bọn chúng không còn tiền để ăn xài thì về nhà tra khảo bắt cha mẹ đưa tiền. Nếu cha mẹ không còn tiền đưa thì chúng sẵn sàng sát hại đấng sinh thành của mình. Những vụ án xảy ra thời gian gần đây đã khiến dư luận bàng hoàng, người người đau xót.

Do đó, mỗi mùa Vu lan về, như một hồi chuông thức tỉnh thấm sâu trong lòng những người con, như nhắc nhở về niềm hiếu hạnh. Cho dù chúng ta ở gần cha mẹ hay đi làm ăn xa, nhưng hãy cố gắng sắp xếp công việc, thời gian học tập để gần cha mẹ nếu có thể. Bởi vì khi mẹ không còn, nỗi đau tê tái khi trên ngực chúng ta cài đóa hoa hồng trắng:

Thu sang lá rụng sân chùa cũ,
Mà Mẹ ra đi chẳng hẹn về,
Lắng tiếng chuông ngân hòa nhịp mõ,
Nghe lòng chết lịm nỗi đau tê[3]*.*



3. Tác giả Khương Vi

VÌ SAO TÔN GIẢ MỤC KIỀN LIÊN KHÔNG THỂ DÙNG THẦN THÔNG CỨU MẸ?

TUỆ QUÁN

Mỗi năm vào dịp Rằm tháng Bảy âm lịch, không riêng gì Phật tử, mà đa số người dân Việt đều nhớ đến truyền thống tốt đẹp Mùa Vu lan, tưởng nhớ công ơn và báo hiếu đối với đấng sanh thành, cùng là tổ tiên nói chung. Tích Vu lan Bồn được cho là ra đời từ thời Đức Phật. Chuyện kể rằng Tôn giả Mục Kiền Liên là một trong Thập đại đệ tử của Đức Phật, được xưng tán là thần thông đệ nhất. Sau khi đắc đạo, Tôn giả nhớ mẹ, Ngài dùng huệ nhãn tìm thì thấy mẹ mình là bà Thanh Đề đang ở trong địa ngục, chịu đói rét khổ sở. Ngài dùng thần thông đi xin được bát cơm đem đến dâng mẹ, nhưng khi bà Thanh Đề bốc ăn thì cơm hóa lửa, không dùng được, khổ sở vô cùng. Ngài thương mẹ, về thưa thỉnh Đức Phật và được chỉ dạy, do mẹ ông gây nhiều ác nghiệp từ trước nên sanh vào ác đạo, ông dù tu chứng, có thần thông cũng không thể tự mình cứu mẹ được, phải lập hội Vu lan, sắm sanh lễ vật cúng dường chư tăng, sau ba tháng an cư kiết hạ, thỉnh chư tăng chú nguyện để cứu mẹ. Mục Kiền Liên làm theo lời Phật dạy, và mẹ của Ngài đã thoát khỏi cảnh giới ngạ quỷ, sanh về cõi lành. Từ đó về sau, không những chư tăng ni, mà Phật tử tại gia muốn báo hiếu với cha



mẹ thì nên làm theo như vậy. Truyền thống mùa Vu lan báo hiếu ra đời từ đó.

Chúng tôi rất ấn tượng lần đầu tiên dự lễ Vu lan tại thiền viện Trúc Lâm Đà lạt, nghi thức lễ Vu lan tại thiền viện đơn giản mà trang trọng. Buổi sáng rằm tháng Bảy âm lịch, gần như toàn bộ chư tăng ni (trừ một số ít đang làm Phật sự) sau ba tháng an cư kiết hạ, mặc y vàng trang nghiêm, thứ tự theo thứ lớp, từ nội viện đi ra; Phật tử sắp thành hàng dài hai bên, chắp tay cung kính chào đón, tập trung về tại chánh điện dự lễ, trong ba hồi chuông trống Bát nhã trầm hùng. Sau nghi thức tán Phật, lễ Phật, tán Pháp, tụng Bát Nhã Tâm Kinh, rồi đến bài tụng Vu lan do Hòa thượng Thích Thanh Từ soạn đầy đủ ý nghĩa, xin chép lại nơi đây:

TỤNG LỄ Vu lan

Hôm nay chúng tăng Tự tứ, >
Ngày hội Vu lan. >
Toàn thể chúng con:
Tăng, Ni, Phật tử,
Hồi tâm tưởng nhớ,
Tôn giả Mục Liên.
Tu hành đã chứng,
Lục thông La-hán,
Vẫn còn thương mẹ,
Chẳng biết nơi nao?
Sáu đạo luân hồi,
Quyết tâm tìm kiếm,
Thiên nhãn soi cùng,
Đến nơi ngạ quỷ,
Mẹ ta đây rồi!
Lang thang đói khổ,
Ruột đau như cắt,
Không thể ngồi yên.

Liền đi khất thực,
Đem cơm dâng mẹ,
Tay vừa bốc ăn,
Rơi lệ dầm dề,
Thế Tôn chỉ dạy,
Đồng tâm cầu nguyện.
Mục Liên hớn hở,
Con hiếu sau này,
Phật liền dạy rằng,
Bảy đời cha mẹ
Tu chứng giải thoát,
Còn là phàm tục,
Bổn phận làm con,
Chưa tròn chữ hiếu.
Dù nát thân này,
Bỏ mẹ quên cha,
Sanh thành khổ nhọc,
Là cha mẹ thích,
Chạy ngược chạy xuôi,
Mà quên khổ nhọc.
Vắng mặt con thơ
Cha mẹ nào quên,
Hy sinh cả đời,
Quên mình tạo tội,
Càng nghĩ đến Người,
Làm những điều lành,
Xin trên Tam Bảo,
Nguyền xin hồi hướng,
Phát tâm Bồ-đề,
Siêu thoát trầm luân,
Hạnh duyên đầy đủ,
Được bát cơm đầy,
Nhìn thấy bát cơm,
Cơm liền hóa lửa!
Vội lui trở về,
Lập hội Vu lan,
Lễ hội vừa xong,
Vui vẻ khôn cùng,
Mẹ cha quá cố,
Thiết lễ Vu lan,
Nhớ gương Mục Liên,
Vẫn quý mẹ cha.
Công ơn cha mẹ,
Làm sao quên được,
Thân con có ra,
Chẳng đủ đền ân,
Có ai ruột rà,
Nuôi dưỡng tâng tiu,
Con vừa chớm bệnh,
Rước thầy tìm thuốc.
Con là hòn ngọc,
Mẹ cha sầu thảm,
Thương mãi thương hoài,
Cũng vì con trẻ,
Đời này đã khổ,
Lòng con se thắt!
Dâng công đức này,
Chứng giám lòng con,
Cho đấng hai thân,
Tu hành chánh giác;
Sanh trong đường lành,
Phật đạo chóng thành.
Dùng thần túc thông,
Mẹ mừng khôn xiết,
Đớn đau khó tả,
Cầu Thế Tôn cứu,
Thỉnh mười phương Tăng,
Cõi trời mẹ đến,
Lại hỏi Phật thêm,
Lập hội được chăng?
Cứu độ lục thân
Người con hiếu thảo,
Huống nữa chúng con,
Trời bể khôn bì.
Dâng hiến trọn đời,
Từ nơi cha mẹ,
Con nào dám nghĩ,
Bằng cha với mẹ.
Miễn con khỏe vui,
Cha mẹ buồn rầu,
Chỉ nghĩ đến con,
Của quý mẹ cha,
Dù con khôn lớn,
Đến ngày nhắm mắt.
Muốn được con vui,
Kiếp khác nào an,
Nguyện tu tinh tấn,
Đền ân cha mẹ,
Bao nhiêu phước lành,
Còn sống an khang,
Nếu đã quá cố,
Tu theo chánh pháp,

Nam-mô Đại Hiếu Tôn Giả Mục Kiền Liên. (3 lần)

Khi cùng quý thầy, ni và đại chúng tụng chưa hết một phần ba, bỗng nhiên nhớ về người mẹ mất sớm thuở tuổi còn thơ, tự dưng xúc cảm, nước mắt trào dâng không ngăn được, cho đến hết buổi lễ.

Về tích chuyện Vu lan Bồn, có nhiều ý kiến cho rằng xuất hiện sau này bên Trung Quốc, không phải từ thời Đức Phật, vì trong kinh Nguyên Thủy không có ghi kinh này. Phật giáo Nam truyền cũng chỉ có lễ Tự tứ, chứ không có lễ Vu lan. Đã có vấn đề tranh cãi khi một số ý kiến cho rằng đây là câu chuyện ngụy tạo sau thời Đức Phật. Chúng tôi không có ý đi sâu vào việc tranh luận này, chỉ thấy ở đây những ý nghĩa rất hay, rất lợi ích cho mọi người trong cuộc sống, cũng như trên con đường tu học. Lễ Vu lan từ xưa đã là truyền thống tốt đẹp, là nét đẹp văn hóa trong đời sống người dân Việt.

Có chuyện ghi lại rằng: Ngày xưa, tại một ngôi chùa nhỏ tại làng quê nghèo, có một vị sư đức hạnh trụ trì, cùng một vài chú điệu ở chùa được sư dạy dỗ. Trong làng có hai vợ chồng ông bà lão không có con cái, cuộc sống nghèo khổ khó khăn. Một hôm, hai ông bà nói với nhau, số phận vợ chồng mình nghèo khổ lại không có con cái nương tựa tuổi già, có lẽ do không biết tu thân tích đức. Vậy nên, trong làng có ngôi chùa, lại có vị sư trụ trì đáng kính, hai ta nên sắm sanh chút lễ vật đến chùa, cúng dường lễ Phật, để gieo duyên lành tích phước. Khổ nỗi, hai ông bà nghèo quá, không tìm ra được gì để cúng Phật, nên hai ông bà quyết tâm mỗi ngày dậy sớm ra đồng mót lúa. Qua thời gian, hai ông bà cũng dành dụm được ít lúa chắc, cố gắng thức suốt đêm đến sáng, dùng tay bóc vỏ trấu, hai ông bà được gần một lon gạo, vui mừng nấu được nồi cơm thơm, chuẩn bị tươm tất, trong lòng hoan hỉ, dắt nhau đi đến ngôi chùa.

Vị sư trụ trì đêm qua ngồi thiền tĩnh tọa, lòng rỗng rang cảm nhận được sáng mai có khách quý đến chùa. Nhưng do có việc Phật sự phải đi sớm. Thầy gọi hai chú điệu dặn dò

là hôm nay có khách quý đến viếng chùa cúng Phật, nên phải quét tưới, lau chùi, cắm hoa, sửa soạn đón khách quý. Dặn dò xong, thầy yên tâm rời chùa đi Phật sự.

Hai chú điệu nghe lời thầy dặn dò đón khách quý, lòng rất vui mừng, siêng năng, hăng hái làm theo lời thầy, quét sân, tưới cây, lau chùi sạch sẽ, trang trí khá tươm tất, rồi ngồi mong ngóng khách quý đến lễ Phật cúng dường. Hai chú điệu chờ hoài sốt ruột, vẫn chưa thấy thí chủ sang trọng nào đến, mãi đến nửa buổi sáng mới có hai ông bà lão nghèo, quần áo không được lành lặn, đến cổng chùa xin vào lễ Phật cúng dường gói cơm trắng. Hai chú có ý chờ vị thí chủ giàu sang đến (hiểu không đúng lời thầy), nên không muốn mở cổng cho hai ông bà lão vào, nói rằng ông bà hãy đợi, mà không nói lý do. Trời càng gần trưa càng nắng nóng, hai ông bà năn nỉ xin vào mấy lần không được. Việc phát tâm về chùa lễ Phật, cúng dường, tấm lòng tốt của hai ông bà đã không được chào đón. Phần vì tuổi già đi đường mệt mỏi, phần vì đói, lại phải gặp việc đối xử như vậy, lòng kiên nhẫn đã hết và tâm sân hận sanh khởi lên nơi bà vợ. Mặc dù được ông lão khuyên can, nhẫn nhịn, bà lão vẫn không kềm được lửa sân hận, bà chửi rủa chùa chiền, từ tăng cho đến Phật, lời nguyền rủa nặng nề, thề độc phá hoại Phật pháp. Chưa hả giận, bà hất gói cơm văng tung tóe, chửi thêm một hồi rồi căm tức bỏ về. Hai chú điệu không ngờ xảy ra sự việc như vậy, sợ hãi trốn sau chùa. Đến chiều tối, vị sư trụ trì về đến, hỏi thăm và nghe hai đệ tử nhỏ tuổi kể lại toàn bộ sự việc. Ngài giật mình và hối hận vì bản thân đã không nói rõ hơn, làm hai chú điệu tuổi còn nhỏ hiểu lầm, để xảy ra sự việc đáng tiếc, và nhân quả hệ lụy nguy hiểm vô cùng. Lo sợ bà lão trong cơn sân hận đã tạo nghiệp dữ sẽ sanh vào ác đạo nhiều đời sau. Xem lại cũng do lỗi của mình thiếu suy xét, không cẩn thận, vị sư đến quỳ trước Tam Bảo sám hối, phát nguyện nhiều đời đi theo, sanh vào làm con bà lão để hướng thiện bà, chuộc lại lỗi của mình. Do nhân duyên ấy, vị

sư nhiều đời sanh vào làm con của bà lão, cho đến đời hiện tại được biết Mục Kiền Liên là vị sư ấy, còn bà lão ngày đó là bà Thanh Đề, mẫu thân của ngài trong thời Đức Phật.

Như trên đã nói, chúng ta hãy khoan tranh luận, xác nhận tính xác thực của câu chuyện, để rút ra vài ý nghĩa rất thực tế từ chuyện trên. Chúng tôi đã từng gặp một số trường hợp sự việc tuy khác, nhưng nội dung lại giống nhau. Ban đầu, cũng có một số người phát tâm tốt về chùa gieo duyên lành, lễ Phật, gặp sư cúng dường, nhưng khi xảy ra việc bất như ý, thì mất kiên nhẫn, nổi sân, đổ lỗi cho người, việc nọ, quay ngoắt 180 độ, đánh mất duyên lành phát tâm ban đầu. Thậm chí, do thiếu kềm chế, tâm nổi sân, từ ý nghĩ cho đến lời nói, hành vi, tạo nên nghiệp không tốt phải lãnh quả khổ sau này, giống như bà Thanh Đề vậy. Xét cho kỹ, cũng bởi chấp trước, làm việc tốt nên chấp rằng phải được đối xử tốt, đến khi gặp cảnh trái duyên, đụng chạm đến bản ngã, đã nổi tâm sân hận, không chịu xét mình duyên với Tam Bảo mỏng manh, nhiều đời học theo tà kiến ngoại đạo, nên việc tốt ban đầu đã chuyển thành xấu. Uổng thay!

Đó là đối với người gieo duyên với Phật pháp, còn đối với chư tăng ni, được gọi là sứ giả của Như Lai, nếu không sáng tỏ, quán xét kỹ lưỡng, xử sự thiếu thận trọng, cũng dễ để xảy ra phá kiến chúng sanh, trượt đi duyên lành gieo duyên cho người tìm đến cửa Phật, cũng phải chịu trách nhiệm. Vì tạo nhân quả không tốt, sẽ vất vả trên đường đạo hạnh, nên câu chuyện mẹ con Thanh Đề - Mục Kiền Liên, là bài học quý giá cho mọi người.

Có bao giờ chúng ta đặt câu hỏi; Mục Kiền Liên đã tu chứng, lại đắc thần thông, lại không cứu được mẹ thoát khỏi địa ngục? Hoặc tại sao đức Phật, khi được đại đệ tử của mình cầu cứu, lại không giúp ngay, mà lại chỉ đến thỉnh các chư tăng? Ngày trước, chúng tôi cũng có nghi vấn, vì cho rằng: Có thần thông phép tắc

thì muốn cứu ai cũng dễ dàng, hơn nữa Mục Kiền Liên đã tu chứng, đạt đạo, lại làm việc chính đáng là thể hiện tấm lòng người con muốn cứu mẹ mình? Rồi Đức Phật là Giáo chủ đầy quyền năng sao không tự mình giúp đệ tử mà lại giới thiệu qua chư tăng? Sau này nghĩ lại mới thấy suy luận lúc trước đây thật là ấu trĩ, buồn cười.

Trung Hoa cổ có câu chuyện, có người học trò tên Tăng Sâm vốn là người con hiền, hiếu thảo, bà mẹ cũng là người nhân hậu. Một hôm, có người hớt hải chạy đến báo mẹ ông Tăng Sâm rằng: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ nói: "Chẳng khi nào con ta lại giết người". Rồi bà điềm nhiên ngồi dệt cửi. Một lúc, lại có người đến bảo: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ không nói gì, cứ điềm nhiên dệt cửi. Một lúc nữa lại có người đến bảo: "Tăng Sâm giết người". Bà mẹ sợ cuống, quăng thoi, trèo qua tường chạy trốn. Thực sự có kẻ trùng tên với ông giết chết người, chứ chẳng phải là ông. Nhiều người cùng nói sẽ có tác dụng mạnh, giống như sự cộng hưởng.

Thời điểm qua ba tháng an cư kiết hạ, việc tập trung tinh tấn tu học nên giới đức và trí tuệ của chư tăng ni tăng trưởng rất nhiều. Sự thỉnh nguyện số đông chư tăng đầy đủ giới đức cùng chú nguyện, khuyên bảo sẽ có tác dụng lớn lao đến đối tượng hướng đến. Đôi khi người trong nhà dù rất giỏi, nhưng khó khuyên bảo người nhà, người ngoài lại nói được, nên người Việt Nam có câu: Bụt chùa nhà không thiêng.

Việc một người tâm chấp rồi mắc kẹt bởi niệm tà kiến của mình, rất khó gỡ bỏ. Trước hết, họ phải nhận thức được nỗi khổ trên bản thân họ, và mong muốn thoát khỏi nỗi khổ đó. Sau đó, được những người có uy tín, hiền đức mà họ kính trọng, đến với họ cùng tâm từ bao dung, khuyên bảo họ sẽ chịu nghe, càng nhiều người càng có tác dụng. Khi thấy ra, tâm họ sáng tỏ, bỏ đi kiến chấp trước đây, không còn mắc kẹt cố chấp trong tâm nữa, tức thời họ tự giải thoát. Là như vậy, chứ thần thông nào cứu họ được nếu họ bảo thủ, chết chìm trong kiến chấp của mình?

Ý nghĩa qua câu chuyện bà Thanh Đề rất thực tiễn cho mỗi người trong cuộc sống đang hiện hữu này. Bản thân mỗi người, trong gia đình hay những người xung quanh, chịu khó quan sát, dễ nhận thấy ra tích chuyện bà Thanh Đề cũng là câu chuyện có bóng dáng của chính mình trong ấy, từ đó có cách nhìn thực tế, tích cực trong việc chuyển hóa thân tâm, thay đổi cách nhìn và điều chỉnh hành vi theo hướng thiện, vừa tốt đẹp cho mình, vừa đem lại lợi ích cho những người xung quanh.

Báo hiếu cho cha mẹ quan trọng, thiết thực và có ý nghĩa nhất vẫn là hướng đạo cho cha mẹ biết đến Tam Bảo, biết tu học theo Chánh pháp khi còn tại thế, gieo nhân địa tốt đẹp cho vị lai. Một khi đã mất thân người, còn chút vớt vát với song thân bằng cách sắm sanh lễ vật thỉnh chư tăng chú nguyện, việc này lợi ích cho người sống hơn là người đã quá vãng, buồn thay! Thử quán xét xem, lúc còn đang sống với đầy đủ diệu dụng của sáu căn thanh tịnh, với phước báu đang có ở cõi Người,… mà đã khó học Đạo, khó tin Chánh pháp, thì làm sao đang nơi tối tăm khổ sở, lo sợ, bối rối trăm bề, tâm thần mê muội, dễ đâu nghe nổi lời chú nguyện, khuyên bảo?! Có phải là ảo tưởng quá chăng? Có phải là vẫn mù mờ ảo vọng? Trường hợp mẹ Thanh Đề là rất hy hữu: Do có được người con là Mục Kiền Liên tu chứng, hết lòng thương mẹ, thỉnh được rất đông chư tăng, đầy đủ oai đức thời Đức Phật, đồng tâm chú nguyện, khuyên bảo. Còn đa số bây giờ, lễ cầu siêu cũng rất nhiều, rất đông, cũng hoành tráng đó; người có trí thử suy nghĩ thực tế xem, có dễ siêu thoát được chăng?

Ở Phan Thiết vài năm trước đây, đã từng xảy ra chuyện bi hài, khi có một người bỗng nhiên tìm đến chùa, bỏ ra một số tiền, nhờ một ngôi chùa tập trung nhiều chư tăng, cầu siêu cho mẹ. Lễ xong, cúng dường phong bì cho quý thầy đầy đủ đâu ra đó, rồi vị ấy hỏi quý thầy rằng, mẹ ông có siêu thoát không? Quý thầy trả lời rằng, với tấm lòng hiếu thảo của ông, cùng với việc đông chư tăng tụng kinh cầu siêu chú nguyện như vậy, mẹ ông

chắc chắn sẽ siêu thoát. Năm sau đến ngày giỗ mẹ, có người thân cũng khuyên ông nên tổ chức mời chư tăng về cúng cầu siêu. Ông ngạc nhiên, nhưng cũng đến gặp thầy trụ trì năm trước, hỏi năm nay có nên cúng cầu siêu cho mẹ ông nữa không, thầy nói nên cúng chứ, và thầy vui vẻ sẵn sàng tập trung chư tăng giúp ông làm lễ. Lúc này, ông ấy mới gay gắt lập luận rằng năm ngoái, ông bỏ tiền nhờ chùa tổ chức lễ cầu siêu, cúng dường quý thầy hậu hỉ, và đã được nghe đảm bảo rằng mẹ ông đã siêu thoát. Đã siêu thoát rồi, tại sao bây giờ lại cúng cầu siêu nữa làm chi, vậy là mấy thầy cúng ăn tiền rồi nói xạo, mẹ ông vẫn chưa siêu thoát được, ông muốn bắt đền (vì cho rằng nhà chùa đã vi phạm hợp đồng) và đòi lấy tiền lại. Mặc cho mấy thầy lý giải này nọ, ông vẫn không chịu, và đòi làm lớn chuyện. Chuyện buồn cười này sau đó rồi cũng thôi, không kiện tụng và bồi thường gì, nhưng thời gian ấy đã thành trò cười, những lời đàm tiếu trong thiên hạ, chẳng biết là hướng về bên nào!



Tôn giả Mục Kiền Liên là tấm gương sáng cho gương hiếu hạnh, cho tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ. Bà Thanh Đề là kinh nghiệm quý báu cho mọi người học hỏi, để biết cách thoát khỏi địa ngục trói buộc, chuyển tâm mà tự siêu thoát.

Cách báo hiếu của Tôn giả Xá Lợi Phất có phần may mắn hơn khi Ngài tìm về thăm và

độ được mẹ trước khi bà mất. Lúc này, Ngài sắp tịch, và mẹ của Ngài, bà Xá Lợi đã gần một trăm tuổi. Đủ duyên, Ngài thuyết pháp cho mẹ mình, bà nhận ra, quy kính Thế Tôn, lìa bỏ kiến chấp ngoại đạo trước đây, thoát khỏi lưới mê, chứng quả Tu đà hoàn bước vào dòng Thánh, phúc lạc lâu dài.

Đạo Phật đề cao hiếu hạnh. Các chư Tổ cũng để lại nhiều tấm gương về lòng hiếu thảo với song thân. Ngay Đức Phật là tấm gương sáng về hiếu hạnh. Ngày Thái tử xuất gia, thời đó người ta đã lên án Ngài bất hiếu, bất trung, bất nghĩa,… Nghe họ luận ra rất đúng luôn: Bất hiếu vì Ngài cãi lời phụ vương vượt thành xuất gia, không ở lại chăm sóc phụ vương và di mẫu. Ngài ra đi khiến cho mọi người trong hoàng cung buồn khổ. Bất trung vì không chịu kế tục ngai vàng, lãnh đạo đất nước, bỏ đi khi thành Ca-tì- la-vệ đang rất cần sự tài trí của Ngài. Bất nghĩa vì bỏ vợ con ra đi khi La- hầu- la còn thơ dại, vợ con cần có Ngài kế bên để giúp đỡ, nương tựa,… Theo chuyện đời, và Nho giáo có vẻ đúng lắm. Nhưng con đường Thái tử đã chọn, họ không thể nào hiểu được. Và cho đến bây giờ, thực tế chứng minh, thì không ai không thấy Ngài đã báo đáp đầy đủ, làm tròn Nhân Nghĩa Trung Hiếu xuất sắc như thế nào. Đức Phật khi thành Đạo đã về thuyết pháp cho vua Tịnh Phạn chứng quả Thánh khi đang còn tại thế. Độ bà di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Công chúa Da-du-đà-la, cùng con trai La-hầu-la xuất gia và sau đề chứng quả Thánh vị… Đó là luận bàn chuyện nhân thế, còn ánh sáng trí tuệ mà Bậc Toàn Giác soi phá tan màn đêm vô minh cho nhân loại, thì siêu vượt mọi triết thuyết xưa nay, chẳng thể nghĩ bàn.

Mùa lễ Vu lan sắp đến, nhớ ơn Tôn giả Mục Kiền Liên đã để lại tấm gương hiếu thảo cho mọi người noi theo và đều được lợi lạc. Một vài ý vụng, lời thô, chân thành đến người học đạo, kính mong các bậc Tôn túc, Quý Thầy, cùng các chư huynh đệ không tiếc lời chỉ giáo thêm.

Nam mô Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.



Hồng trắng Vu lan

LĂNG GIÀ TÂM

Vu lan đến,
Nhìn quanh con có người cài hoa trắng
Nghe trong con đăng đắng phận mồ côi
Mẹ hiền ơi! Con chắp tay tạ tội
Mẹ ở đâu, biết tìm mẹ nơi đâu?
Tiếng kinh cầu dâng mẹ bớt niềm đau
Câu hiếu đạo con thấy mình bé nhỏ.
Vô lượng kiếp và vô cùng kiếp nữa
Ân mẹ hiền sáng tựa trăng sao
Khói hương ơi! Xin cảm thấu trời cao
Rằng có kẻ ngẩn ngơ, vì thương cha nhớ mẹ
Đêm vắng trưa hè xạc xào cơn gió nhẹ
Như mẹ về từ cõi trăng sao
Chín chữ cù lao hóa thành sen chín phẩm
Cho thanh cao tự tại mãi cao xanh
Mẹ hiền ơi! Hương khói hiện mây lành
Và trong bao la công đức sanh thành
Con mãi mãi là con của mẹ
Vu lan về, mùa thương cha nhớ mẹ
Hồng trắng con cài nhớ lắm mẹ hiền ơi!



Con đợi mẹ trước cổng nhà tù

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

Khi tuổi đã cao, đôi chân yếu nhiều, lại mắc bệnh loãng xương, bị ngã phải bó bột cánh tay ba lần, mỗi sáng mẹ tôi vẫn ra chợ đi dạo một vòng qua các quầy hàng và mua vài món đem về. Đoạn đường từ nhà ra chợ không xa nhưng phải đi ngang qua chỗ rào chắn đường tàu hỏa lúc nào cũng đông người và xe. Khuyên can mẹ nhiều lần không được, chúng tôi nghĩ là những món mình mua không vừa ý mẹ, nên mẹ muốn tự tay chọn thức ăn theo sở thích.

Sau này, khi mẹ đã nhường hẳn cho chúng tôi việc cơm nước, tôi mới hiểu ra rằng mẹ thích đi chợ mỗi sáng chỉ là để đỡ nhớ những ngày mẹ bán hàng ở chợ Đồng Cát, gánh hàng đã nuôi tôi ăn học hai chục năm ròng, giống như hình ảnh trong bài thơ *Màu mực tím* của Kiên Giang: *Gánh hàng oằn nặng, quãng đường xa/ Bóng chiều nghiêng xế trên lưng mẹ…*

Một lần ngồi soạn lại những kỷ vật của cha mẹ, tôi tìm được tờ giấy khai sinh của mẹ, rồi dò lá số tử vi, thì thấy cha mẹ tôi cùng một tuổi và cùng mạng Lộ Bàng Thổ. Đất ven đường đi, hèn gì số cha mẹ tôi gian nan quá đỗi. Tử vi còn nói tuổi cha mẹ tôi mà lấy nhau thì phạm vào Tuyệt mệnh, một trong hai người phải chết trẻ, và quả đúng như vậy. Chỉ có một chút an ủi: thường vợ chồng có một người mất sớm thì người còn lại được phù hộ sống bù số tuổi thọ mà người kia chưa được hưởng.

Hồi nhỏ, tôi nghe thầy giáo giảng rằng văn học luôn nói đến số phận hai nhân vật đau khổ nhất trên đời này là đứa bé mồ côi và người đàn bà làm lẽ. Thầy phân tích thật cảm động hai truyện cổ tích *Tấm Cám, Sọ Dừa* và thơ Hồ Xuân Hương. Lớn lên, có chút trải nghiệm, tôi còn thấy hai số phận gian khổ không kém mà lại thật phổ biến lúc bấy giờ trên đất nước của mình: người lính và người tù. Trong khi chúng ta chăn êm nệm ấm, thì người lính dãi gió dầm sương, băng suối vượt ngàn, đầu mưa bom bão đạn, chân ngập trong bùn lầy, vừa mới đùa vui với đồng đội, nụ cười chưa tắt mà thân hình đã cụt nát hay chỉ còn là cái xác cứng đờ. Trong khi chúng ta tự do hít thở khí trời, thì người tù bị giam cầm trong ngục tối, bị tra tấn hành hạ, người có tội không nói gì, nhiều người vô tội chỉ vì biểu đạt lòng yêu nước hay lý tưởng dân chủ mà bị cách ly với đời sống bình thường của nhân loại.

Đọc sách báo viết về chiến tranh và cảnh tù tội, tôi thấy tủi thân vô cùng vì số phận hai con người đó rơi vào chính cha mẹ của mình. Ngay trong gia đình và họ hàng tôi, nhiều người tham gia hai cuộc kháng chiến, nhưng cũng không có mấy người hy sinh giữa trận tiền như cha tôi và bị tù tội lâu ngày như mẹ tôi. Mẹ làm việc gì cũng là để thỏa lòng mẹ, cho xứng với cha, để mẹ cảm thấy gần cha trong tinh thần, nhưng cũng vì việc ấy mà đôi khi tôi cảm thấy bị thiệt thòi, không được mẹ chăm sóc.

Từ khi sinh tôi ra cho đến ngày hòa bình, không nhớ mẹ tôi bị tước đoạt tự do bao nhiêu lần. Ngắn thì vài tháng ở trại giam quận, dài thì gần cả năm ở nhà lao tỉnh. Tôi lớn lên dưới mắt nhìn thương cảm của bà con hàng xóm, thầy cô và bè bạn.

Nhưng nghĩ lại, bà con quê tôi cũng thật nhân ái và bao dung: từ tiểu học lên trung học, nhà trường biết cha tôi là bộ đội tập kết trở về Nam, mẹ tôi ở tù vì liên lạc với kháng chiến, vậy mà tôi vẫn được học tập bình thường như bao đứa trẻ khác. Phiếu lý lịch học sinh - sinh viên của tôi chưa tới một trang giấy, trong đó chỉ có một dòng ghi tên cha kèm theo hai chữ "đã mất" và một dòng tên mẹ kèm theo nghề nghiệp là "buôn bán". 12 năm

tôi học phổ thông, mẹ tôi chưa một lần đi họp phụ huynh. Ngày đầu tiên đến trường vào lớp Năm (tức lớp 1 bây giờ), không phải mẹ mà là dì Mười đưa tôi đến trường. Khi làm hồ sơ ghi danh vào đại học, tôi cũng không phải về địa phương xác nhận lý lịch.

Dù sao, một đứa bé mồ côi cha và có mẹ là tù nhân vẫn bị những tổn thương tinh thần không dễ xóa mờ. Nhà lao quận Mộ Đức nằm ngay phía sau công đường quận lỵ, cách trường tôi học chỉ năm trăm mét. Những chiều mang thức ăn tiếp tế cho mẹ, tôi thầm mong không gặp người quen hay bạn học trên đường, không phải dừng lại để trả lời những câu hỏi tò mò của họ. Khi nhà túng thiếu, từ trong tù mẹ nhắn ra ngoài bảo tôi đi đòi nợ những khách hàng mua chịu, tôi chỉ mong họ im lặng trả tiền mà không cần buông ra những lời an ủi, xót thương.

Nhà lao quận nhỏ, hai lớp rào kẽm gai vây quanh, mỗi lần đi thăm mẹ tôi có thể nấn ná nói chuyện với mẹ qua ô lưới sắt, nghẹn ngào nhìn mẹ xách giỏ đồ đi qua khoảng sân nắng vào phòng giam. Một lần, nhờ người lính gác dễ tính, mẹ xin cho tôi vào phòng giam chờ mẹ ăn xong rồi đem cà mèn đựng cơm về. Căn phòng giam chật chội, ngộp thở, các bạn tù của mẹ trải chiếu nằm dưới đất, họ xoa bóp cho nhau những vết bầm trên lưng, trên đùi vì tra tấn, mùi dầu khuynh diệp và cù là nồng nặc cả không gian. Trời nóng, có người đàn bà ở trần, vú chảy xệ, có người tuổi chưa già mà tóc bạc trắng, nở nụ cười thương mến dành cho đứa con người bạn tù. Sau lần đó, bị ám ảnh bởi hình hài tiều tụy của những tù nhân nữ, mỗi khi mẹ xin người lính gác cho tôi vào thăm, tôi nói tránh với mẹ là phải về nhà học bài cho kịp.

Khi mẹ bị chuyển ra nhà lao tỉnh, đường sá xa xôi, mỗi tháng dì Bảy chỉ đưa tôi đi thăm một lần. Nhà lao tỉnh xây tường cao quá đầu người, bên trên thêm một lớp kẽm gai sắc nhọn cuộn tròn. Thân nhân phải đi thăm tù theo đúng ngày giờ quy định, đến nơi nộp thức ăn, thuốc men, quà cáp để lính gác kiểm tra trước khi chuyển vào, chờ nhận được một lời nhắn gì đó của người thân rồi ra về. Mẹ tôi thường nhắn cho dì Bảy: "Chị khỏe, em nói mẹ đừng lo, bữa sau em đừng dẫn cháu

theo, ít hôm nữa chị về". Nhưng dì Bảy chiều ý tôi, thường dẫn tôi đi theo, chứ dì đi một mình cũng buồn. Năm lần bảy lượt, lần nào cũng "ít hôm nữa chị về" mà nào có thấy bóng mẹ.

Lần đi thăm đó đúng vào dịp cuối năm, trường tôi vừa được nghỉ Tết. Từ sáng sớm dì cháu tôi đi xe lam ra bến xe thị xã rồi đón xích lô lên nhà lao ngay cho kịp giờ. Giờ nhận quà trôi qua lâu, chờ mãi mà cổng nhà tù vẫn không chịu mở. Thân nhân tù đứng ngồi xôn xao bên bờ tường nhà giam, nhớn nhác chạy tới chạy lui hỏi thăm nhưng không ai có câu trả lời chắc chắn. Người này bảo sắp có một đợt chuyển tù ra Côn Đảo, nên hôm nay lịch thăm bị hủy bỏ. Người kia lại bảo hôm nay cuối năm, có đoàn cấp trên đến "ủy lạo" tù nhân. Dì cháu tôi hoang mang, chốc chốc lại nhổm dậy nghe ngóng tin tức văng vẳng trên loa phóng thanh vọng ra từ trong sân tù.

Đúng lúc mọi người đều mệt mỏi, không còn gì hy vọng thì cánh cổng tù nặng nề hé ra rồi từ từ mở rộng. Một đoàn tù nhân tay xách nách mang sắp hàng một từ trong sân đi ra, mắt chói nắng giữa giờ trưa đứng bóng. Đám thân nhân ùa vào cổng, một cảnh ồn ào xáo động diễn ra, chồng ôm vợ, mẹ hôn con, anh nắm tay em… Những người không gặp người thân thất vọng hỏi dồn dập những người tù được tha: chị thấy mẹ em đâu không, cha em có được tha đợt này không? Dì cháu tôi đứng như trời trồng giữa đám đông phấn khích, lòng đầy thất vọng nhìn niềm vui của người khác. Bỗng tôi nghe có tiếng mẹ gọi tên mình: từ trong sân mẹ tôi bước ra sau cùng, dáng đi mệt nhọc, được một người bạn tù bên cạnh dìu đỡ.

Khi cùng mẹ và dì Bảy về đến nhà, tôi thấy Bà Ngoại ngồi khóc bên mâm cơm cúng tất niên vừa bưng trên bàn thờ xuống. Đôi đũa bà vẫn để hờ bên mâm như chờ đợi. Tôi chưa ăn gì mà cũng thấy no, không muốn ngồi vào mâm. Tôi đuổi theo con Ki chạy quanh vườn rau của ngoại, nó vừa vẫy đuôi vừa sủa gâu gâu như reo lên: Mẹ về rồi, mẹ về rồi!

Và tôi biết đó là cái Tết hạnh phúc nhất của tuổi thơ mình và cảm thấy tự hào vì có một người mẹ như mẹ tôi.



Cơ hội nào cho chữ Hiếu?

NGUYÊN CẨN

Thường thì khi nói về chữ hiếu, chúng ta liên tưởng ngay đến bổn phận của con cái đối với cha mẹ. Thế nhưng có những trường hợp cha mẹ hay đứa trẻ rơi vào tình cảnh nghịch duyên. Có người cho rằng là do cái thế đối đãi ở thế giới này. Thế nào cũng có ít nhiều những cái nghịch duyên xảy ra bên cạnh cái thuận duyên. Chỉ là thiếu duyên thì ẩn. Đủ duyên thì hiện. Đọc báo, xem trên mạng ta thấy có những bà mẹ bỏ con cho chùa nuôi, hoặc bê tha không chăm sóc chúng đến nỗi bị cha dượng xâm hại nhiều lần mà không biết. Có những ông bố đánh con đến tan nát thân thể. Những ngày qua, dư luận xôn xao về việc anh Nguyễn Văn Thuận (43 tuổi, trú tại Hương Khê, Hà Tĩnh) dùng roi đánh con trai là em Nguyễn Hoàng L. (14 tuổi, học sinh lớp 8, tứa máu khắp người phải vào bệnh viện. Chỉ vì em lấy điện thoại để xem bảng điểm thì bị cha đánh. Về phía con trẻ, không phải em nào cũng hiếu thuận, nhiều em còn dửng dưng với những lo toan vất vả của đấng sinh thành. Còn một trường hợp đáng lưu tâm là những đứa trẻ bất hạnh. Nhà văn Trương Văn Dân trong bài viết "*Chúng tôi bảy người*" trích trong tập truyện "*Trò chuyện với thiên thần*" (chưa xuất bản) kể lại rằng: "Trong tập thơ *We are seven* (Chúng tôi bảy người) của nhà thơ lãng

mạn người Anh William Wordsworth có nói về một bé gái, khi được nhà thơ hỏi, cô luôn trả lời là gia đình cô có bảy người, mặc dù hai thành viên trong gia đình đã chết từ lâu! Thế nhưng trong gia đình của một người bạn, câu chuyện hoàn toàn trái ngược. Ai cũng tưởng gia đình có năm người nhưng thực ra thì có sáu thành viên: lý do là một đứa con lúc sinh ra bị hội chứng down, gia đình nhốt kín em trong nhà để mọi người khỏi biết. Quen bạn đã lâu, nhưng mãi về sau ba (tác giả đang nói chuyện với con chưa chào đời của mình-NV) mới biết chuyện. Một bữa tình cờ bước vào nhà bạn, ba trông thấy một đứa bé bị down đang vội vàng lẩn trốn. Khi hỏi chuyện, người bạn đắn đo, rồi sau cùng mới ngập ngừng nói đó là em trai mình... Con ơi! Con thử tưởng tượng một đứa trẻ, vừa sinh ra bất hạnh đã trùm lấy nó, thế mà khi lớn lên còn bị gia đình hổ thẹn từ chối! Nó sẽ phản ứng ra sao? Chắc chắn động tác đầu tiên là trốn chạy, thu mình lại như một con nhím. Nhưng những mũi nhọn không tua tủa xòe ra ngoài mà tự đâm vào trí não và ý nghĩ của mình. Một nỗi đau bất tận!... Nhiều người không hiểu rằng sự khuyết tật không phải là một căn bệnh. Nó là một hoàn cảnh. Người khuyết tật không cần chữa trị. Họ không cần ai thương hại mà chỉ cần sự chấp nhận và tôn trọng... Bất cứ kẻ nào sinh ra với những khuyết tật vẫn phải được sống như một con người. Và không ai có thể nhân danh điều gì để nhốt họ vào căn phòng lạnh lẽo, chui nhủi như ở trong hang… Và xã hội có thể tự nhận là văn minh, được quyền tố cáo hay lên án người Sparta cổ đại khi một đứa bé sinh ra bị khuyết tật thì họ ném chúng xuống vực sâu?" (TVD - *Chúng tôi có bảy người* Báo *Thanh niên* - 30/12/2018) Chúng ta thấy có những gia đình giấu đứa trẻ khuyết tật, chỉ vì sứt môi, hay một khiếm khuyết nào đó, là họ cách ly đứa bé không cho tham dự bất cứ cuộc họp mặt nào, tạo nên mặc cảm rất lớn trong tâm thức đứa trẻ. Chúng ta phải hiểu mọi thứ đều có nhân duyên. Đều do nghiệp lực thiện ác mình đã gây tạo trong đời. Có vô số duyên không tốt làm nhân để cho cái quả nghịch xảy ra. Tùy nhân tùy duyên mà thuận và

nghịch đan xen. Có khi cha mẹ không thương yêu đùm bọc mà con vẫn hiếu thuận; hoặc có khi dù cha mẹ thương yêu đùm bọc mà con lại không hiếu thuận; tệ hơn là con không hiếu thuận mà cha mẹ cũng không có sự đùm bọc thương yêu v.v...

Điều kiện để thực hiện hiếu hạnh?

Dù chúng ta hiểu rằng đạo hiếu như trong nhiều bài viết trước đây, chúng tôi đã nói rõ là phi thời gian, phổ quát và vô điều kiện thì cũng phải hiểu nó đòi hỏi từ hai phía.

Cha mẹ phải yêu thương những đứa trẻ tật nguyền, tự kỷ, down, chậm phát triển… bằng hay thậm chí nhiều hơn những đứa con bình thường vì chúng sinh ra với một cơ thể hay tâm hồn bất toàn, để rồi chúng có thể lớn lên trong yêu thương và đủ trí khôn để đáp đền chữ hiếu như những đứa con khác. Một người bạn tôi, BS Đỗ Hồng Ngọc có lần nói: "Cha mẹ đừng bắt các con phải báo hiếu nhiều khi lớn lên vì ngay khi sanh ra nó đã báo hiếu bằng cách đem lại cho chúng ta niềm vui mỗi ngày khi được chơi, đùa nhìn ngắm nó".

Trở lại với những tính chất của đạo hiếu, chúng ta phải thấy rằng đó là nền tảng của mọi nền văn hóa. Kinh Thi, một trong những bản kinh cổ xưa của học thuyết Nho giáo đã không ngần ngại tuyên ngôn "Hiếu đạo" là cơ sở thiết lập, mở đầu văn hóa tình người một cách thiết thực mà ai cũng có thể cảm nhận: "Phụ hề sinh ngã, mẫu hề cúc ngã, ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hiệu thiên võng cực" (Cha sinh ta ra, mẹ bồng bế ta, thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo đáp ân sâu, khác nào trời cao không lường). Chúng ta nhớ đến chín chữ Cù Lao (Siêng năng, cần mẫn- nhọc nhằn) gồm 1/. Sinh: Cha mẹ đẻ ra 2/. Cúc: Nâng đỡ 3/Phủ: Vỗ về vuốt ve 4/ Súc: Cho ăn bú mớm 5/ Trưởng: Nuôi dưỡng thể xác 6/ Dục: Giáo dưỡng tinh thần 7/ Cố: Trông xem - nhìn ngắm 8/ Phục: Quấn quít - săn sóc không rời tay 9/ Phúc: ẵm bồng, gìn giữ, lo cho con đầy đủ, sợ con bị ăn hiếp.

Thế nên, Khổng Tử từng nói: "Đạo hiếu bắt đầu từ việc thờ cha mẹ, kế đến là thờ vua giúp nước và sau cùng là lập thân". Đó chính là suối nguồn văn hóa mà mỗi cá nhân hiện hữu ở cõi đời này đều khát khao thực thi. Lịch sử thường minh chứng như thế, một người được tiếp nhận nguồn giáo dục khởi đầu bằng sự hiếu thảo với mẹ cha khi ở nhà, cũng có thể là người nỗ lực đóng góp cho đất nước. Và như thế, đây chính là mẫu người trung hiếu lưỡng toàn của mỗi gia đình, của mỗi quốc gia dân tộc.

Nhưng Khổng giáo lại nặng lời phê phán Phật giáo, một tôn giáo cũng xem chữ hiếu như một bổn phận, một đức hạnh căn bản của con người, cho rằng việc cạo tóc của Tăng sĩ, việc không sinh con là bất hiếu bởi vì Hiếu kinh nói rằng từ thân thể, các chi, tóc và da là nhận từ cha mẹ nên người ta không được làm tổn hại chúng, hay có con nối dõi là yêu cầu bắt buộc.

Chúng ta không cần dùng luận điểm của Mâu Tử để phản bác Khổng Tử khi ông cho rằng đạo đức quan trọng hơn râu và tóc, cũng chẳng cần phải cố gắng chứng minh mình giống họ làm gì, bởi lẽ chữ hiếu của Khổng giáo có nội hàm khác so với nhà Phật. Theo Giáo sư Cao Huy Thuần, "Chữ hiếu trong đạo Phật trải dài vô cùng tận vì Phật giáo quan niệm bất cứ ai cũng có thể là cha mẹ mình trong một kiếp trước". (Lời tựa sách *Tôn giả Đại hiếu Mục Kiền Liên* do HT.Thích Trung Hậu sưu tầm, 2016).

Hiếu là nhân duyên tương tục

Như đã nói ở trên, hiếu trong quan điểm nhà Phật là nhân duyên vô tận. Trong kinh Tương ưng, Đức Phật còn nói: "Vô thỉ luân hồi, tất cả chúng sinh từng làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, là bà con quyến thuộc trong các nẻo đường sinh tử". Đạo lý giải thoát khổ đau, chứng ngộ Niết-bàn cũng bắt đầu từ đây. Cũng trong Kinh này, một chỗ khác Đức Phật dạy: "Này các tỳ kheo, sữa mẹ mà các ngươi đã uống trong khi các ngươi lưu chuyển luân hồi trong một thời gian dài nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì sao thế? Vì luân hồi là vô thỉ, không sao đếm được... Vì vô minh che đậy, vì tham

ái trói buộc, tất cả các nghiệp hành của chúng sanh". Trong vòng luân hồi sanh tử đó, chúng ta thọ ơn cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp, tính không thể hết. Thế nên chúng ta hiểu nhân duyên giữa cha mẹ và con cái kéo dài nhiều đời nhiều kiếp. Chúng ta thọ nhận ân đức đầu tiên, là thân này sinh ra nhờ "duyên" cha mẹ. Như đã nói ở trên, con trẻ là hy vọng, là hạnh phúc của đấng sinh thành. Cha mẹ nào cũng lo lắng, đùm bọc, yêu thương và buồn rầu khi con đau yếu, nhưng không bao giờ khởi niệm than van, oán trách. Con vui cha mẹ vui. Con buồn cha mẹ cũng buồn. Rồi cứ thế theo dõi con lớn lên từng ngày cho đến khi dựng vợ gả chồng rồi sau đó đến đời cháu cũng vẫn lo toan.

Thế nhưng có khi do nhân bất thiện quá khứ mà có cái quả trái ý trong hiện tại. Nhưng theo giáo lý Phật, nếu ta hiểu về nhân quả, tỉnh giác làm chủ hay "tịnh hóa" thân, khẩu, ý nghiệp của mình, thì vẫn có thể chuyển được nghiệp của cả con cái và cha mẹ. Chính vì chỗ này, ta hiểu nghiệp không phải là định mệnh. Phật dạy tu tập biết nhân quả để mà định tâm. Nó là nguyên nhân giúp ta không bị cuốn vào dòng xoáy buồn vui thương ghét vì những nghịch cảnh. Nhờ đó mới thay đổi được những gì cần hay phải thay đổi.

Cho nên, Phật dạy cần phải hiểu biết nhân quả để luôn tỉnh giác. Muốn thoát khỏi vòng oan nghiệt khi mọi chuyện không thuận duyên: con cái bất hiếu hay cha mẹ thiếu trách nhiệm thì không chỉ buồn phiền trách móc là giải quyết được vì Phật giáo không nhìn cha mẹ hay con cái dưới hình ảnh quyền lực hay tôn ty phải tuân thủ mà dưới lăng kính từ bi. Hình ảnh rõ nhất là Mục Kiền Liên sau khi đắc thần thông, ngài nghĩ ngay đến việc cứu mẹ. Nếu cha mẹ làm sai thì sao? Theo *Luận ngữ*, "Thờ cha mẹ nên nhỏ nhẹ khuyên can, nếu thấy cha mẹ không theo ý mình thì vẫn cung kính mà không xúc phạm, tuy khó nhọc, lo buồn, song không được oán hận" (IV.18). Trong *Lễ ký*, Khổng Tử vẫn luôn cho rằng vâng lời cha mẹ là nguyên tắc tối hậu của chữ hiếu, cho dù khuyên răn không được. Vậy nếu cha mẹ sai quấy thì con cái cứ phải phục tòng (!).

Giáo lý nhà Phật thì không như vậy, được thể hiện bằng quan niệm đạo hiếu của người Việt từ xưa có nét đặc thù riêng như đề cập trong *Lục độ tập kinh*: Hiếu không phải chỉ thương cha, thương mẹ là đã làm tròn hiếu đạo của một con người, mà còn phải hướng cha mẹ về đường ngay nẻo chánh, giúp cha mẹ vượt qua sai lầm, giúp nghèo cứu đói, thương nuôi quần sinh, như thế là đứng đầu của trăm hạnh.

Đức Phật từng dạy đệ tử xuất gia rằng: "Này các Tỳ-khưu, đời chưa có gì đáng gọi là hiếu. Làm cho cha mẹ bỏ ác làm lành, vâng giữ năm giới và ba tự quy, được thế dù rằng buổi sớm vâng giữ, buổi chiều mất đi, ơn ấy trọng hơn vô lượng công ơn nuôi nấng, bú mớm của cha mẹ mình. Nếu không biết đem giáo pháp Tam bảo, rất mực khai hóa cho cha mẹ mình, tuy là hiếu dưỡng vẫn như bất hiếu" (Kinh *Hiếu tử*, Việt dịch của HT. Thích Tâm Châu). Hơn nữa, một nguyên lý quan trọng trong giáo lý nhà Phật là nghiệp lực. Tôn giả Mục Kiền Liên, dù thần thông đệ nhất, cũng không thể biến chén than hồng mẹ đang ăn trở lại thành cơm được! Thế nên tốt nhất vẫn là không tạo nghiệp ác. Chữ hiếu của Khổng giáo gắn liền với chữ trung - ngày xưa là trung với vua, với triều đại trị vì, còn chữ hiếu của nhà Phật chính là lòng từ bi ở cấp độ đầu tiên, vì một người không chia sẻ yêu thương với cha mẹ mình thì không thể yêu ai khác được.

Hiếu hạnh là giá trị cuộc sống. Người nào không nhớ đến nguồn cội của mình thì không xứng đáng là một con người chân chính. Tục ngữ có câu: "*Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*". Người xưa từng dạy rằng khi chúng ta ăn cơm phải nhớ đến



người nông dân một nắng hai sương trên đồng ruộng. Tất cả chúng ta khi thọ nhận một điều gì phải suy nghiệm rằng từ đâu mà có? Khi còn tại thế, Đức Phật từng dạy các vị tỳ kheo: "Một vị tỳ kheo nghỉ dưới một bóng cây vào buổi trưa hè nóng bức, khi rời bóng cây ra đi cũng phải nhớ ơn bóng cây đó đã che mát cho mình". Hiếu đạo là chân lý thuộc về tục đế. Đông phương hay Tây phương đều như nhau. Bill Gates, người sáng lập Microsoft đã có lần trả lời phỏng vấn tạp chí "*Chance*" của Ý, được người phóng viên hỏi: "Ngài cho rằng điều gì trong nhân sinh không thể chần chừ nhất?".

Tưởng rằng sẽ được chia sẻ về kinh nghiệm kinh doanh, nhưng người phóng viên không ngờ lại nhận được câu trả lời: "Sự việc mà con người không được phép chần chừ, không gì khác ngoài việc kính hiếu với cha mẹ".

Chúng ta phải thấy mình may mắn là vẫn có khả năng xoay chuyển nghiệp của mình. Hiểu mọi chuyện dưới lăng kính nhân duyên và tin vào nguyên lý nhân quả mà Phật đã dạy. Định tâm và quán chiếu lòng mình để hiểu và thoát ra dòng nghiệp lực một cách chủ động và tự giác,

Hãy hiểu rằng "Tâm bình thế giới bình". Khi chúng ta hiểu và tự thanh lọc tâm mình, chung quanh sẽ là tịnh độ. Cảnh giới dù bất hạnh nghịch lòng nhưng chúng ta luôn sống và ứng xử với tâm từ bi, chúng ta sẽ thay đổi điều kiện hay tạo duyên mới khi nhân đã thay đổi.

Hãy hiểu hiếu là nhân duyên tương tục kết nối đời đời như lời thơ của BS Đỗ Hồng Ngọc

Con cài bông hoa trắng
Dành cho mẹ đóa hồng
Mẹ nhớ cài lên ngực
Ngoại chờ bên kia sông

Ba thế hệ cùng hiện diện, buồn theo nghĩa tục đế nhưng thật ấm áp. Trong tinh thần ấy, hướng về Vu lan với một tâm thế tích cực và tràn đầy thương yêu.

Chiều Vu lan

NGUYÊN THƯỜNG

Chiều về,
Hoa nắng rơi rơi
Ươm vàng một góc
Thoáng nghe gió cười
Chia tay giọt nắng.

Chiều về,
Ngôi mộ buồn tênh
Từng cụm mây tím
Lãng đãng tìm về
Đượm hương tình mẹ.

Chùa xưa im ắng
Chuông chiều ngân rơi
Khói chiều lam toả
Một màu đơn côi.



Hương trầm thơm ngát
Lời kinh trầm buồn
Chiều Vu lan nhớ
Mênh mang mẹ ơi!

Rồi ngày nào đó
Ta về thiên thu
Ai ngồi tưởng nhớ
Mẹ và chùa xưa?

Về thu xếp lại
Ngày trong tháng ngày
Chánh niệm từng bước
Lần về quê xưa...

Nhớ mẹ, cài bông trắng!



NHUẬN NGHI

1. Những ngày gần Vu lan năm 2018, tôi thường về thăm mẹ, để mẹ vui hơn với tuổi già 92. Tôi biết mẹ chẳng bao giờ trách con ít về thăm nhà mà chỉ mong chờ, vì tôi luôn xa nhà từ hơn 50 năm nay.

Tôi nhớ mẹ, nhất là những ngày vào Vu lan tại các chùa, tại các nơi học Phật như chùa Xá Lợi danh tiếng từ thế kỷ trước.

Tôi nhớ, lúc ba tôi mất, mẹ còn chưa già, mới 37 tuổi; nhưng mẹ đã "gồng mình" nuôi 5 anh em tôi, bấy giờ "cô Út" chỉ mới 5 tuổi, không chịu mặc áo tang trắng, còn tôi 10 tuổi, trực tiếp bên cha lúc người lìa đời; gia đình "tứ cố vô thân" vì quê nội xa xôi, không thể biết khi đất nước chia hai từ 1954, còn quê ngoại nghèo ở miền Trung cũng không nương tựa được. Ôi, cảnh nghèo đáng thương, nhờ mẹ cáng đáng buôn bán tảo tần, nhờ láng giềng cứu giúp, có những người thân thiện ở chợ giúp vốn và ủng hộ cách làm ăn; nhờ vậy nên chúng con được trưởng thành; nhưng tôi nhớ từng bữa ăn thiếu kém, và không ý thức đến việc nghèo song biết thân phận mình nghèo nên không hề đòi hỏi gì. Năm 13 tuổi, tôi thi đậu vào trường công ở Sài Gòn, cách quê nhà hơn 15 km, đó là vận may hơn là thực giỏi. Sài Gòn là nơi cha mẹ từng ở, nơi cha từng hoạt động nội tuyến, bị tù và luôn ở nhà thuê nghèo và thường dời nhà để tránh bọn mật thám thời Tây cai trị.

Được đi học, tôi phải nhờ ơn mẹ suốt kiếp này. Tôi nhớ rõ, sau khi học xong tiểu học ở xã nhà (là lứa đầu tiên của tiểu học ở xã), tôi có xin mẹ cho đi học sửa xe như những người con trai của bác Sáu gần nhà, và mẹ đã nói: "Con là con trai, anh con đã không thể học, vậy còn lại con, con cố gắng đi học".

Năm 13 tuổi, rất may tôi đã thi đậu vào lớp đệ thất trường công ở Sài Gòn, việc đó dần đổi đời tôi thành người đô thị; năm đó đã trễ đi 2 năm so với độ tuổi học trò bấy giờ. Từ năm 17 tuổi tôi học quyết liệt, thi tuyển đậu vào trường chuyên nghiệp (nông lâm súc) và được hoãn dịch, mỗi năm là việc học, thi cử rất căng để được hoãn dịch, và tôi đi học cho đến ngày giải phóng 30-4-1975, năm 1976 tốt nghiệp đại học (có lẽ là người đậu cử nhân đầu tiên của xã nhà).

Tôi nhớ, sau những năm ba mất, mẹ thờ cúng Phật và thờ gia tiên rất nghiêm. Mẹ tu theo pháp môn Tịnh độ, cúng lạy Phật mỗi đêm; và tôi là con trai ở nhà nên là người thắp hương (gọi là đốt nhang) mỗi ngày vào chiều tối. Không biết tôi có ý thức là người Phật tử từ lúc nào, song tôi ít thân thiện với bạn gái theo đạo Thiên Chúa để không vướng vào việc tình duyên khó xử với gia đình. Bấy giờ, chùa Pháp Hoa bắt đầu xây dựng, tôi có lên làm công quả được ít ngày, nhưng cảm giác thẹn chưa vui như sau này. Chùa xây dựng xong vào lúc tôi đi học ở Sài Gòn nên không biết rõ, nhưng còn nhớ ngày quy y tại chùa, được thầy Hạnh Đạt truyền đạt ngũ giới, tôi luôn ý thức giữ gìn giới nào mình làm được, như không tham lam, sống trung thực tức không nói dối, làm việc thiện khi có thực tế cần giúp người.

Tôi ở Sài Gòn, dù thiếu kém nhiều, song cũng có chiếc xe đạp để đi học, đi chơi cùng bạn bè, đi Hướng đạo thay vì đi "Gia đình Phật tử" như anh em ở quê nhà. Bấy giờ, tôi thường đến chùa Xá Lợi, được nghe giảng về kinh "*Pháp cú tỷ dụ*", chưa có nhiều kinh sách tiếng Việt để học và đọc như ngày nay nên thực tế hiểu biết Phật pháp rất đơn sơ, thường được đọc và ngưỡng mộ chuyện tiền kiếp của Đức Phật, nên việc giữ ngũ

giới thì có được nghĩ tới khi ứng xử hàng ngày, như phụ khiêng, đẩy đồ vật của ai đó lúc tắt ngặt, giúp người bị nạn trên đường...

Lễ Vu lan những năm cuối thập kỷ 60, đầu thập kỷ 70 ở Sài Gòn rất sôi động. Bài hát "*Bông hồng cài áo*" được vang lên không chỉ ở các chùa mà rộng ra xã hội, hình như có lên đài phát thanh... cổ vũ Phật tử, nhắc nhở đạo hiếu, thấu động lòng người. Bấy giờ, tôi mồ côi cha nhưng còn mẹ, rất tự hào với đóa hồng trên áo và luôn nhớ về mẹ. Tuổi trẻ chỉ nhớ chung chung, chưa ý thức trách nhiệm như bây giờ.

Tôi nhớ có lần về thăm mẹ, buổi trưa ở nhà một mình, mẹ tôi bị một con rắn lành cắn vào mặt gần mắt, do mẹ tôi mắt bắt đầu bị cườm lấn nên không trông thấy rắn, dọn dẹp ở gần tủ đồ cũ, gần nó mà không biết, không tránh, không đuổi, không tự vệ nên bị nó cắn; rất may không độc. Bấy giờ, tôi đã nghĩ về tuổi già và sức khỏe của mẹ, báo động trách nhiệm của các con, trong đó tôi là con trai, được mẹ nuôi cho ăn học, chắc chắn phải có trách nhiệm lớn với mẹ. Lần khác, tôi nhìn thấy Người chăm chú nghe đài, nghe câu chuyện tiểu thuyết gì đó. Cách nghe rõ là của người lãng tai, tôi cũng nghĩ về tuổi đã già của mẹ, người họ ngoại tôi có căn bệnh lãng tai rất nặng, chỉ ngoài 50 là đã bộc lộ rồi; sau đó bà kể lại tôi nghe, tôi nhớ chữ "tài xế" mà mẹ tôi cứ nói là "tài xé" mà buồn cười, song không nói ra trước nét tự nhiên của mẹ.

Hiện nay, mẹ tôi già nhiều, tuổi đại thọ, bắt đầu lẩn thẩn, tôi học Phật đủ để kiên trì nghe mẹ hỏi chuyện nhà mình. Mẹ hỏi tôi lương hưu là bao nhiêu, lương hưu vợ tôi..., hỏi có đủ tiêu dùng không; hỏi như vậy hàng chục lần và tôi trả lời mẹ đúng thực chất, không nghi ngờ mẹ không tin nên hỏi nhiều lần. Có lần tôi nói vui rằng, bây giờ mà "má" còn hỏi thiếu đủ, hãy hỏi con "giàu" đến mức nào, bà cười rồi quên đi; nhưng tuần sau lại hỏi như vậy nữa. Đám con cháu tôi nói tôi kiên nhẫn, nhưng thực ra tôi ý thức để mẹ vui không bực bội vì chuyện hỏi hoài của mẹ.

Mẹ tôi đã phải cấp cứu ở bệnh viện huyện nhiều lần và ít nhất 5 lần ở các bệnh viện trên Sài Gòn.

Khi nằm bệnh trên Sài Gòn, gia đình tôi chủ công mọi việc, nhất là tôi được dịp gần mẹ, chăm sóc việc ăn uống và được ăn chung bữa nhiều lần để mẹ vui và tôi cũng vui. Mới đây nhất, mẹ tôi vấp ngã khi lần mò thắp nhang nơi "bàn thiên" ngoài nhà. Tôi về ngày khi được tin xấu này, lo cho bà khổ thân nếu phải nằm ụ đến cuối cuộc đời. Cô Út tích cực nhất đưa mẹ đi bệnh viện huyện và tin cho tôi ngay. Hai anh em tôi theo xe cấp cứu về bệnh viện 115 để chẩn trị đúng mực, rất may không gãy xương hông, chỉ mẻ đầu gối phải băng bột, vỡ mặt sưng mắt rất đáng sợ nhưng coi như nhẹ; sau thẩm xét chính xác, chúng tôi (có thêm vợ con tôi) đưa bà về nhà lúc 3 giờ sáng sớm. Nguồn cơn này, tôi tự hứa mỗi tuần về thăm một lần, có việc khẩn cấp tôi về ngay. Gần hai tháng tịnh dưỡng thuốc thang trị liệu, luôn có các con cận kề, bà khôi phục dần và khá nhanh; song tuổi già thêm tai nạn làm bà yếu đi nhiều. Không phải lần đầu, chúng tôi lại nghĩ về ngày mẹ tôi qua đời. Một kiếp người đầy nỗi khổ, lo âu, và trách nhiệm với con, cháu, chắc.

2. Rồi chuyện đến phải đến, mẹ bệnh nặng, hấp hối rồi ra đi vào cõi vĩnh hằng.

Hình ảnh những ngày sau té nặng vỡ xương mặt và đầu gối hết sức thảm hại, song mẹ tôi chóng lành bệnh, bên ngoài trở lại gần như bình thường, đi lại chậm chạp nhưng ít khi dùng tới gậy, chỉ dùng xe lăn khi đi khám bệnh mà thôi. Một điều hết sức đáng nhớ, bà đi thăm và ở lại hàng tuần các con cháu ở xa như Phước Hải, Long Thành, Sài Gòn..., ở lại nhà Út Tín, Nhơn Phương tại xã nhà, nói là để tiện việc chăm sóc ăn uống, thật tình muốn thật gần con cháu để trò chuyện. Nhiều chuyện thời còn trẻ của người, về cha của chúng tôi được bà kể đi kể lại nhiều lần, các cháu nội ngoại đều biết hết, thậm chí phì cười khi bà "lẩm cẩm", và "thâu băng" lời bà làm kỷ niệm.

Lần cuối cùng vỡ kế hoạch khi mẹ định sau khi ở Long Thành, bà ra Phước Hải với đứa cháu nội gái lớn nhất. Lý do là bà trông thấy, cháu nó nhớ mẹ mới mất, ngồi tủi thân khóc một mình ở nhà (chồng đi làm, con đi học) bà muốn chia sẻ với đứa cháu gần 50 tuổi đời này. Bà trở mệt thường hơn (bệnh

nhồi máu cơ tim), nên về lại xã nhà, dự báo có thể "ra đi". Chúng tôi, các con cháu luôn xúm xít lo cho bà. Bà thường gọi tôi về vài ba ngày một lần, là đứa con trai làm chỗ dựa khi bà lâm nguy.

Hôm đó, đã sáu bảy giờ tối, bà cho gọi tôi về ngay. Tôi và con trai (cháu nội của bà) vượt gần 20 km về ngay; bấy giờ con cháu quây quần bên bà trên chục người. Bà không muốn lên bệnh viện nữa, có thể chết nên muốn ở nhà. Các cháu hỏi ý kiến tôi, tôi suy nghĩ, rồi đến bên tai bà nói rõ: "Má còn sống, còn cứu chữa, bác sĩ bệnh viện sẽ giúp, tụi con lo; má nên đi cấp cứu ngay", các cháu nội nói thêm vào; may quá bà đồng ý, mọi chuẩn bị cấp tốc với xe hơi, đồ dùng cần thiết, lên đường vào khoảng 23 giờ.

Cuộc "chiến đấu" trên giường bệnh của bà hơn ba tuần, tuần cuối là bước ngoặt của cuộc đời đến, bà bị tai biến não, không nói được nữa, tay chân bên phải liệt không còn cử động; các anh em tôi cùng các cháu tụ tập về bệnh viện có lúc hơn 20 người, chỉ đứng ngoài phòng cấp cứu lo âu, rồi bàn tính việc làm đám tang sẽ đến trong đau buồn. Kiên nhẫn một tuần không chuyển biến, chúng tôi xin chuyển về nhà để lo "hậu sự"; vị bác sĩ trẻ đắn đo có khuyên chúng tôi giữ bà lại thời gian ngắn để xem chuyển biến gì không, song chúng tôi đã thấu tình máu mủ nên xin chuyển về nhà. Các phương tiện thở máy, ăn sữa bằng ống đưa qua mũi được tiếp tục làm nghiêm túc cho đến ngày bà ra đi, thêm gần một tháng chăm sóc tại nhà. Một tháng tưởng đã quá dài, thực tế có người sống thực vật như vậy cả năm hoặc vài năm mới mất; các anh em chúng tôi có mặt thường xuyên bên bà. Lúc bà hít hơi thở cuối cùng có đủ mặt các con, các cháu nội ngoại hơn chục người, được sinh hoạt trước không ai khóc để bà ra đi thanh thoát. Một kiếp người khốn khó nhiều hơn an lạc. Con cháu, dòng họ và xóm giềng ai cũng quý mến; đó là niềm hạnh phúc lớn của chúng tôi.

Như vậy, năm nay năm đầu tiên tôi cài trên áo bông trắng vì không còn mẹ, chia sẻ này sẽ đến với mọi người, hoặc trước, hoặc sau mà thôi!

Mẹ là nguồn hạnh phúc của chúng ta.

Mùa Vu lan năm 2019



Trời cao đất rộng một mình tôi đi...

ĐỖ HỒNG NGỌC

"Đời như vô tận, một mình tôi về,
Một mình tôi về với tôi..."

(TCS).

Ở một nơi không có thời gian, không có không gian, không còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả gì nữa cả, thì nơi đó chính là Chánh định (Samadhi). Thiền là "kỹ thuật" để đạt tới chánh định.

Bí quyết thực hành căn bản nằm ở Tứ niệm xứ (Satipathana), bốn lãnh vực quán niệm. Có rất nhiều phương pháp hướng dẫn cụ thể trong Tứ niệm xứ. Nhưng tôi chỉ chọn một phương pháp đơn giản nhất nhưng cũng sâu sắc nhất, khoa học, sinh lý học đúng đắn nhất, không sợ "tẩu hỏa nhập ma" lúc thực hành. Đó là Anapanasati: Quán niệm hơi thở (Nhập tức xuất tức niệm/ An-ban thủ ý). Chỉ cần niệm (nhớ, nghĩ) hơi thở vào hơi thở ra... đủ "thấy biết" kiếp người chỉ nằm trong từng hơi thở đó. Người ta cứ sống chết mỗi phút giây như vậy mà chẳng biết. Khi niệm, tức nhớ nghĩ đến cái thở, cái sống cái chết thì thấy... thì ra ai cũng như mình, cũng hít thở như mình, rồi cũng... chết ngủm như mình. Tất cả các sinh vật đều vậy. Từ đó mà có Từ, có Bi. Từ Khí đã chuyển thành Trí.

Anapanasati là đã đủ để thực hành (Ana: thở vào; Apana: thở ra; Sati: niệm), nhưng theo tôi cần để ý đến một điểm quan trọng khác nữa.

Đó là khoảng trống - quãng lặng - ở giữa lúc thở ra mà chưa thở vào. Nó thực sự là một quãng "chết" (không thở). Để cho dễ nhớ trong thực hành, tôi đặt tên nó là "Pranasati" (Pra=trước; Ana=thở vào; Sati=niệm). Trước thời thở vào có nghĩa là sau thời thở ra. Thở ra vĩnh viễn mà không thở vào nữa chính là cái chết. Đặt niệm vào quãng lặng đó để "thấy biết" (cảm nhận) một cái chết ngắn. Như là một sự "tập chết". Trở về thời bào thai trong bụng mẹ.

Ở đây là mẹ Như Lai, "bào thai Như Lai". Loài người có trí thông minh vượt trội là nhờ vỏ não phát triển, với hàng trăm tỷ tế bào thần kinh, hàng trăm nghìn tỷ tỷ các mối nối... dày đặc nhưng sự điều hành hô hấp của ta lại không nằm ở vỏ não. Nó nằm ở hành tủy, dưới vỏ não. Các trung khu hô hấp nằm ở đó, điều hành sự thở. Vì thế mà dù vỏ não không hoạt động (ngủ, hôn mê...) thì sự thở (hô hấp) vẫn được duy trì. Khi tập trung (sati) vào hơi thở là ta đã giải phóng cho vỏ não được nghỉ ngơi! "Tâm an" nhờ đó.

Thực ra, ở giai đoạn thiền cao hơn, thì chẳng còn cần phải để ý, đặt niệm vào hơi thở vào, hơi thở ra, hay quãng lặng gì nữa cả. Thở sẽ tự động điều chỉnh theo nhu cầu năng lượng của hành giả. Nhu cầu năng lượng này rất thấp nên nhiều khi ta thấy hành giả thở như "sợi chỉ", gần như không cần thở nữa. Cảm nhận lúc đó như tan vào hư không. Không còn ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả gì nữa.

"Quán niệm" hơi thở chính là "thiền quán" (vipassana). "Quán" là không còn "dõi theo" hơi thở đơn thuần nữa (giai đoạn chánh niệm) mà đã có sự phân tích, soi sáng (quán chiếu) dưới nhiều góc cạnh khác nhau để nhìn cho ra những điều mà bình thường không "thấy biết".

Cái thấy biết bấy giờ đã vượt khỏi cái trình hiện, cái giả tướng bên ngoài để nhìn được cái thực tướng bên trong, bờ bên kia.

Vi, tiếp đầu ngữ có nghĩa là "một cách khác", "một cách đặc biệt", còn *passana* là "thấy", là "biết". Vipassana là thấy biết một cách khác, một cách đặc biệt!

Một chiếc lá vàng rơi, người thi sĩ có thể thấy cả mùa thu,

thấy "con nai vàng ngơ ngác", thấy "mùa thu không trở lại", nhưng người có quán chiếu lại thấy sự vô thường, vô ngã, sự bất sinh bất diệt…

Khi vào sâu trong định, hành giả sẽ không cảm nhận mình thở nữa. Hơi thở nhẹ gần như ngưng. An tịnh. Hòa tan. Tan biến. Đó chính là quãng lặng ở cuối thì thở ra - thường kéo dài, thong dong, nhẹ nhàng, yên tĩnh, vì không tốn năng lượng. Như chim lượn bay, không phải vỗ cánh, như xe ngon trớn chạy ở số không, không tốn nhiên liệu! Đó chính là giai đoạn "Prana". Khi cơ thể đã chùng xuống, thả lỏng toàn thân thì tiêu hao năng lượng đã giảm một cách đáng kể rồi thì cũng sẽ bớt nhu cầu phải cung cấp các dưỡng chất qua thức ăn! Ăn ít mà vẫn đáp ứng thì cơ thể đỡ vất vả, các tế bào đỡ hùng hục làm việc. Các nghiên cứu trên sinh vật cho nhịn đói vừa phải thì thấy sống lâu hơn và trẻ hơn!

Thiền tập là đẩy cái "thân hơi" ra khỏi cái "thân xác". Thân xác là cát bụi, là tứ đại, đất nước gió lửa, là cái "sắc", thô phù, còn "thân hơi" là phần "thọ tưởng hành thức" trong cái gọi là "ngũ uẩn" của cái ta.

Có lần tôi viết: "*Lắng nghe hởi thở của mình/ Mới hay hơi thở của nghìn năm xưa/ Một hôm hơi thở tình cờ/ Dính vào hạt bụi thành ra của mình/ Của mình chẳng phải của mình/ Thì ra hơi thở của nghìn năm sau*"... (ĐHN).

Nói tình cờ chớ chẳng phải tình cờ chi đâu, do duyên, do nghiệp cả đó thôi. Nói cho cùng thì cái thân hơi - hơi thở - kia là của ngàn năm trước, ngàn năm sau, chớ chẳng phải của ta, riêng ta gì đâu. Đừng tưởng bở! Nó đến nó đi vô tình, ngạo nghễ. Nó Như lai. Không phân biệt.

Tôi ngờ rằng thiền là kết quả của một tình trạng "thiếu dưỡng khí' tế bào. Ở một mức độ vừa phải, sự thiếu dưỡng khí đó cho phép tế bào nghỉ ngơi. Khi cơ thể không cần quá nhiều năng lượng dùng cho sự co cơ (tonus musculaire), khi trí não (vỏ não) không còn tiêu tốn quá nhiều năng lượng cho những chuyện không đâu, thì cơ thể không cần phải hấp thu nhiều Oxy

nữa, thở sẽ rất nhẹ, tối thiểu, chỉ để duy trì chuyển hóa cơ bản (métabolisme basal) lúc này cũng đã giảm thiểu. Các tế bào toàn thân được "xả hơi' không phải vất vả, hùng hục làm việc.

Mitochondrie (bộ máy sản xuất năng lượng trong từng tế bào) cũng sẽ giảm hoạt động, nghỉ ngơi. Tình trạng đó có thể xem như cơ thể đang sống trong trạng thái yếm khí, co cụm lại, thành một "bào tử" (spore) để tự bảo vệ, sống dai, khó bị hủy bởi môi trường. Nhiều hành giả thích tu tập trên núi cao, ở đó Oxy rất loãng, và họ thường không sợ lạnh, có khi họ ngồi thiền giữa tuyết giá như ta từng biết.

Thiền sâu sẽ không còn vướng vào hơi thở vào (ana) thở ra (apana) hay quãng lặng (prana) gì nữa. Lúc đầu có năng có sở. Năng là chủ thể (hành giả), sở là đối tượng (hơi thở). Khi vào sâu trong định, chánh định (samadhi), thì không cần để ý gì đến hơi thở nữa. Kệ nó. Nó biết phải làm gì. Nghĩa là chẳng còn "năng" còn "sở" gì nữa, gọi là "năng sở song vong". Chẳng còn trâu chẳng còn người chăn gì nữa cả. Trâu cũng mất mà người chăn cũng mất.



"Tam-ma-địa", phiên âm Samadhi là Chánh định trong Bát chánh đạo. Nghe cứ rờn rợn như "đất của ba con ma" nào đó vậy. Nhưng hiểu "đất của ba con ma" cũng hay chứ! Ma tham, ma sân và ma si. "*Một ông Phật hiện ra / Ba con ma biến mất!*" như một bài đồng dao trẻ con thường hát! Nơi nào ông Phật hiện ra thì "ba con ma" tham sân si phải biến mất thôi!

Hay nói cách khác, nơi nào có "ba con ma" hiện ra thì lập tức có ông Phật xuất hiện. Nếu chẳng có ba con ma Tham, Sân, Si thì Phật hiện ra làm gì cho mất công! Cho nên muốn biết Phật ở đâu thì hãy tìm trong... tham sân si. Tham sân si càng lớn, Phật càng to.

Mỗi tế bào là một sinh vật. Chúng cũng sanh trụ dị diệt. Tế bào sinh vật có bộ phận tự sản xuất năng lượng để sử dụng cho mình. Oxy được mao mạch mang đến tận nơi, thức ăn dưới dạng đường glucose mang đến tận nơi, và mitochondrie lo sản xuất năng lượng. Hôm nào thiếu Oxy thì sẽ tìm cách xoay xở để có năng lượng tối thiểu cần thiết dưới một dạng chuyển hóa khác. Một vài loại vi khuẩn khi thiếu Oxy thì co cụm lại, gom tụ lại để tồn tại. Gọi là những "bào tử" (spore). Chúng sống rất dai và bền vững ở môi trường thiếu Oxy đó. Thí dụ, loại vi khuẩn clostridium. Ta biết sự hô hấp thực sự xảy ra trên từng tế bào chớ không phải ở phổi. Phổi chỉ là cái ống thụt... dùng để hút khí, bơm khí, nhờ máu chuyển khí đến từng tế bào. Cho nên nói rằng trong Thiền, ta có thể đưa tâm ta, ý chí ta đến từng tế bào để an ủi, khuyến khích, chữa trị khi cần không phải là chuyện nhảm nhí.

Thú vị là thai nhi trong bụng mẹ không cần thở! Suốt chín tháng mười ngày nằm đó, lớn nhanh như thổi mà không cần thở lấy chút nào! Chỉ khi sanh ra khỏi bụng mẹ mới bắt đầu hơi thở đầu tiên bằng tiếng "khóc chào đời" đầy thi vị.

Thai nhi cũng có phổi, nhưng là một cái phổi xẹp lép, để dành đó, như người lính nhảy dù đeo trên lưng chiếc dù xếp gọn, sẵn sàng bung ra bọc gió khi tung mình ra khỏi phi cơ. Tất cả nhu cầu năng lượng để hình thành và phát triển của thai nhi được cung cấp từ bào thai của mẹ.

Vì sao Khí mà có thể trở thành Trí? Khí trong trường hợp này chỉ là một phương tiện, là công cụ để đạt đến trạng thái Vô Ngã. Chánh tri kiến, "thấy biết" ở đó. Cho nên Chánh định sẽ dẫn đến Chánh kiến. Từ đó sẽ có Chánh tư duy, nghĩ đúng và làm đúng, sống đúng với... chánh pháp, tự tại, an vui.

Chẳng ai có thể thở giùm ai được. Chẳng ai có thể "thiền" giùm ai được. Cho nên phải quay về nương tựa chính mình "một mình tôi đi, một mình tôi về... với tôi" mà thôi.



Điệp khúc tình mẹ

TUỆ NHA

Từ khi con mới chào đời
Trong vòng tay Mẹ một trời yêu thương
Đêm thanh vắng sớm tinh sương
Cho con tròn giấc, Mẹ nhường chỗ khô
Ôm bầu sữa Mẹ ngẩn ngơ
Nằm trong lòng Mẹ con thơ an lành
Ầu ơ tiếng Mẹ năm canh
Lời ru ngọt lịm, ngoài mành bình minh
Yêu con Mẹ ủ chữ tình
Vào bàn tay Mẹ đăng trình đời con
Cơm canh Mẹ nấu ngọt ngon
Tay Mẹ đút mớm cho con lớn dần
Tấm áo con mặc che thân
Tay Mẹ khéo léo đẹp lần đường khâu
Tung tăng trong chiếc áo màu
Nhìn con sung sướng Mẹ giàu niềm vui

Con như mầm nhỏ xanh tươi
Khu vườn hạnh phúc Mẹ cười nở hoa
Con như oanh vũ, sơn ca
Líu lo chim sáo thiết tha Mẹ hiền
Con đi học buổi đầu tiên
Tay Mẹ con nắm, giữ nguyên không rời
Con không xa Mẹ, Mẹ ơi!
Con ngoan, vào lớp học lời Thầy Cô!

Học chữ, học viết, học tô
Về nhà Mẹ giúp viết cho thật đều
Rồi Mẹ còn dạy con thêu
Tên con trên áo nét đều đẹp xinh
Áo quần con mặc sạch tinh
Tay Mẹ giặt giũ ấm tình yêu thương
Con như chồi nhỏ trong vườn
Dần theo năm tháng lớn vươn vào đời

Áo dài đi học trắng ngời
Mẹ cho con mặc trông vời bấy lâu
Đôi bàn tay Mẹ nhiệm mầu
May cho con Mẹ canh thâu thức dài
Đứa con nhỏ Mẹ hoài thai
Giờ đây trong chiếc áo dài nữ sinh
Bảy năm trung học trinh nguyên
Tà áo tha thướt một mình Mẹ may
Quần áo con mặc mỗi ngày
Cho con hơi ấm từ tay Mẹ hiền
Mẹ con là một Cô Tiên
Suốt đời trân quý dịu hiền của con
Yêu Mẹ với trái tim non
Lên chùa với Mẹ khi còn ấu thơ
Chắp tay lạy Phật con mơ
Mẹ Cha sẽ mãi sống đời với con...

Ngày Cha về lại trên non
Cây tùng khuất bóng, đàn con thẫn thờ
Mẹ đi bước nhẹ như tơ
Đôi mắt nhòa lệ, hai bờ tử sinh
Mẹ còn ở lại một mình
Nhớ Cha, Mẹ quảy gánh tình trên vai
Nhọc nhằn, vất vả, u hoài
Hy sinh đời Mẹ, con mai nên người

Nhà nay vắng bớt tiếng cười
Hoa tươi hiếm nở trên môi Mẹ hiền
Mẹ giờ là một Bà Tiên
Kể câu chuyện cổ nhà Thiền cho con
Tiếp theo những chuyện Cha còn
Chưa kể mỗi bữa cơm ngon cuối ngày
Lời Mẹ nhẹ rót vào tai
Cho mầm xanh Tuệ mỗi ngày lớn thêm
Tình Mẹ như nước êm đềm
Từ bình tịnh thủy mẹ hiền Quán Âm
Lời Mẹ sâu lắng thâm trầm
Cho đàn con nhỏ vững tâm vào đời
Tóc Mẹ nhuộm trắng tơ trời
Tay gân nổi tựa lá chồi quỳnh hoa
Âm thầm chở nhựa mặn mà
Bao nhiêu nguồn sống sang qua nụ quỳnh

Mẹ ngồi dáng liễu yên bình
Bên trang kinh kệ một mình sớm hôm
Yêu Mẹ bằng cả tâm hồn
Nhưng không quay ngược được dòng thời gian
Anh em xa mãi dặm ngàn
Riêng con bên Mẹ muôn vàn kính yêu
Làm sao trả hiếu sớm chiều
Tạ ơn dưỡng dục bao nhiêu cho vừa
Trời còn lất phất sợi mưa
Liêu xiêu dáng Mẹ xế trưa về chùa
Đôi tay in dấu bốn mùa
Con đan tay Mẹ, gió lùa thời gian
Không gian bát ngát mây ngàn
Vô thường thường trụ Kinh Vàng mở ra
Vu lan đảnh lễ Phật Đà
Về nhà lễ Phật, Phật là Mẹ con
Dẫu cho biển cạn núi mòn
Ơn sâu tình Mẹ nguyện còn khắc tâm

Vu lan 2019

HẠNH "LẮNG NGHE" CỦA BỒ TÁT TRONG TÔI

VIÊN PHƯƠNG

Trong các vị Phật và Bồ tát của Phật giáo Đại Thừa, ngoài đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni ra có thể nói Bồ tát Quán Thế Âm là vị Bồ tát được mọi người biết đến nhiều nhất. Như kinh văn có nói, Ngài có tất cả 32 ứng hóa thân. Nhưng trong cuộc sống thường ngày quanh ta, Ngài thị hiện giữa đời thường với hình tướng người mẹ hiền thương xót mọi loài chúng sanh. Dù thị hiện dưới hình tướng nào, hay người ta đặt cho Ngài những tên gọi như Thủy Nguyệt Quán Âm, Nhất Diệp Quán Âm, Trì Bình Quán Âm v.v… Ngài vẫn là một vị Bồ tát gắn liền với hạnh nguyện "Lắng nghe" để thấu hiểu và giải tỏa bao nỗi ưu phiền giúp chúng sanh.

"Quán" là quán sát, "Âm" là âm thanh. Với tôi, âm thanh ấy bao gồm hai loại là thanh âm ở bên ngoài do ngoại cảnh tạo nên, và cả âm thanh bên trong chính là tiếng lòng của mỗi con người trước sự tác động của ngoại cảnh và tha nhân tạo nên.

Vốn xuất thân từ một gia đình đốc tín Phật giáo, nhà tôi cũng phụng thờ một tôn tượng Quán Thế Âm. Khi chiêm ngưỡng dung nhan của Ngài, ở trong tôi luôn có một cảm giác nhẹ nhàng và thanh thản. Với tư cách là một người Phật tử, tôi không chỉ bị cuốn hút bởi vẻ đẹp tôn nghiêm của Ngài dưới bàn tay chế tác của những nghệ nhân tạc tượng Phật tài hoa tạo nên, mà hơn thế nữa,

chính là phẩm hạnh lắng nghe của Ngài. Với tôi, cái hạnh "Lắng nghe" học hỏi từ Ngài thật đáng quý biết bao. "Lắng nghe" như một vị Bồ Tát thật sự là một điều vô cùng quan trọng. "Lắng nghe" để chuyển hóa mọi ưu phiền, để tâm được nhẹ nhõm, để trị liệu những căn bệnh về tâm, hay lắng nghe để thấu hiểu và cảm thông đối với tha nhân, hay đôi khi lắng nghe cũng chỉ để lắng nghe mà thôi. Tôi khắc ghi hình thượng cúi nhìn của Bồ tát Quán Âm, Ngài cúi xuống với ánh mắt hiền từ nhìn chúng sanh và cúi xuống cũng là một tư thế để nhắc nhở chúng sanh khiêm hạ nhìn lại nội tâm của chính mình. Tôi ứng dụng hạnh lắng nghe này vào trong công việc, cuộc sống, đối nhân xử thế với mọi người, ngay cả với những người có thể nói chưa được gọi là "thân" cho lắm. Trong công việc, đối với cấp trên, với đồng nghiệp, nếu ta biết lắng nghe, sẽ góp phần giúp cho công việc được trôi chảy, thuận lợi, bởi khi ta biết lắng nghe khiêm tốn và tiếp thu sẽ mang lại cho chính bản thân mình những điều lợi lạc không thể nghĩ bàn. Ví như bản thân tôi khi nghe sếp hay đồng nghiệp góp ý không hay về mình, điều đầu tiên tôi luôn nhắn nhủ bản thân hãy thực hành hạnh lắng nghe của Bồ tát mà không nên biện bạch hay phủ nhận tức thời như một cách phản ứng bình thường của bản ngã. Vì thật lòng mà nói, khi ta lắng nghe và dành cho mình đủ thời gian để suy xét lại những ý kiến ấy, ta càng cám ơn người đã góp ý cho ta, họ giúp ta ngày một hoàn thiện hơn trong công việc cũng như trong quan hệ với mọi người. Còn đối với người thân trong gia đình, ta cũng phải học "lắng nghe", lắng nghe để giải tỏa mọi khúc mắc hay bất đồng trong cuộc sống



thường nhật bằng tình thương và sự hiểu biết. Bởi suy cho cùng, không phải nhân duyên sâu dày, thì chúng ta không phải là người trong một nhà với nhau. Ở ngoài, đối với người khác ta có thể lắng nghe thì sao ngay trong gia đình, những người thân thuộc ta lại không thể dành ra chút thời gian để lắng nghe và thấu hiểu. Hay đôi khi do một nhân duyên nào mà có người lại tìm đến tôi như một nơi để giải tỏa và trút mọi ưu phiền. Do nguyên nhân nào đó mà họ không thể trực tiếp giải bày với người trong cuộc chỉ có thể tìm một nơi cũng chỉ để trút mọi tâm tư, thì tôi cũng xin vui vẻ để đảm nhận vai trò như thế. Khi ấy, tôi càng biết mình phải lắng nghe, và lắng nghe cũng chỉ để lắng nghe mà thôi. Khi ấy, tôi chợt nhớ đến hạnh lắng nghe của Bồ tát Quán Âm, Ngài lắng nghe mọi nỗi niềm của chúng sanh mà không hề than vãn. Ngài cũng nhìn chúng sanh với ánh mắt đầy bao dung thông cảm mà không hề thêm vào bất cứ mọi phân tích đúng sai hay kết tội bất kỳ ai. Cứ thế, Ngài chỉ lắng nghe và lắng nghe để chúng sanh được giảm bớt ưu phiền, để cho lòng nhẹ nhõm, để người ta có đủ bình tĩnh và thêm thời gian để suy xét lại mọi việc và lựa chọn tâm thế chấp nhận khôn ngoan hơn.

"Lắng nghe" đối với tôi như một liều thuốc quý có thể chữa lành mọi đau khổ, nếu ta kịp nhận ra và dành thời gian chăm sóc nỗi đau sau khi đã lắng nghe thật kỹ và thật sâu. Sống trong bát phong giữa cuộc đời này, cần lắm hạnh "Lắng nghe".

Lại một mùa lễ tưởng niệm đức Bồ tát Quán Thế Âm nữa lại đến, hi vọng mọi chúng sanh đều nhớ nghĩ đến Ngài với một đức hạnh đáng quý để noi theo. Khi đến chùa đứng trước tôn tượng Quán Thế Âm, ta không chỉ bị thu hút bởi tính thẩm mỹ nơi Ngài, hay vì một niềm tin tín ngưỡng tôn giáo, mà hơn cả chính là đức hạnh mà Ngài muốn trao gởi cho chúng ta hôm nay. Trong một thế giới đầy sôi động và biến hóa nhanh chóng này, cần lắm một khoảng lặng để lắng nghe và thấu hiểu. Nguyện cho mọi loài có thể học theo hạnh lắng nghe của Bồ tát Quán Âm để có được một cuộc sống an lành và tỉnh thức.

Nghĩ về ăn mày cửa Phật

VU GIA

Ở đời, có rất nhiều người tự huyễn hoặc mình, tự cho rằng mình thừa đạo hạnh để độ hóa chúng sinh, khiến vạn vật sinh linh đều hướng thiện. Nếu chỉ dựa vào vài ba cuốn kinh có thể độ hóa được chúng sinh thì cõi Ta bà này đã trở thành miền Cực lạc lâu rồi.



Ăn mày tức là xin của bố thí để sống, nhưng người sống ở đời không chỉ người nghèo khó mới đi ăn mày. Người giàu thì mong sẽ giàu hơn, người nghèo thì mong mình được như người giàu, người chưa có chức phận thì mong có chức phận, người có chức phận rồi thì muốn có chức phận cao hơn… nên họ tìm về chốn tâm linh để cầu xin được như ý nguyện, gọi là ăn mày cửa Phật, ăn mày cửa Thánh.

Công bằng hay không, tự ở lòng người

Từ cổ chí kim, con người luôn luôn không bằng lòng với hiện tại và luôn nghĩ ông trời bất công. Người thì giàu nứt đố đổ vách, người thì chạy ăn từng bữa toát mồ hôi, thậm chí đói xanh da vàng mắt; người thì quyền to chức trọng, người thì suốt đời bị khinh khi; người

thì sao đào hoa chiếu rạng ngời ngời, người thì một mảnh tình vắt vai không có, v.v… Nhìn kỹ lại, người người đều giống nhau, ai ai cũng có đầu mình và tứ chi, vậy tại sao người thì có vợ đẹp con ngoan, người thì vợ suốt ngày ngồi mòn chiếu bạc, con thì nghiện ngập ngáp ngắn ngáp dài… Không bất công là gì?

Công bằng hay không, tự ở lòng người. Tại sao cùng xuất thân như nhau, cùng học một lớp, cùng ra trường một ngày… mà chỉ qua một thời gian, người ta có những thành đạt nhất định, còn mình cứ than trời trách đất?

Làm người phải hướng về phía trước. Mọi chuyện không vui trước đây phải tin tưởng nó sẽ phai nhạt theo thời gian. Giống như hồi nhỏ nghịch ngợm, trên người xuất hiện mấy vết sẹo, máu tươi đầm đìa vô cùng đáng sợ, nhưng sẽ có một ngày vết sẹo kín miệng, vết thương lưu lại cũng mờ dần theo năm tháng. Nó cũng là một quá trình đi cùng với sự trưởng thành, cho nên quá khứ chính là quá khứ, càng ôm trong lòng càng khổ chính mình, dẫu ngày ngày đến ăn mày cửa Phật cũng khó mà hết khổ.

Mỗi người đều có cơ duyên của mình, mới nhìn thì tưởng giống nhau, nhưng thực ra mỗi người đều là duy nhất. Đối với người này là cơ duyên, nhưng đối với người khác có khi là đại họa. Phúc họa căn bản tương y. Và cũng chính vì thế mà người ta đến ăn mày cửa Phật, dẫu Phật chưa hề nói: "Ta cho con cái này… Ta ban con cái kia…", mà chỉ dạy: "Hãy tự mình thắp đuốc mà đi".

Đừng lãng phí thời gian

Không thấy người giết cá, giết côn trùng… là độc ác, là không công bằng, bởi vì con người đứng ở tầng cao nhất trong chuỗi động vật, cho rằng giết như thế là chuyện đương nhiên. Xem truyền hình, thấy dã thú lớn ăn thú nhỏ sẽ bảo dã thú đó tàn nhẫn, nhưng không ngẫm lại con người còn tàn ác hơn dã thú nhiều. Vậy làm gì có công bằng?

Chuyện bình đẳng của chúng sinh chỉ là một nguyện vọng tốt đẹp mà thôi. Dê nên

bị sói ăn không? Chuyện này đã không có gì nói công bằng hay không công bằng rồi. Dê không biết nói, nó chỉ biết nỗ lực cố gắng. Sự kỳ diệu của tạo hóa chính là ở đây, ai cũng có tài năng của chính mình. Nếu cứ một lòng đòi hỏi công bằng, chỉ lãng phí thời gian, đến khi tóc bạc mới tỉnh ngộ là chuyện đã rồi. Tuổi trẻ không cố gắng, già tất bi thương. Cố gắng thường giống nhau. Dù ở đâu, thân phận gì, nỗ lực không khi nào là lãng phí. Nhưng ở đời có lắm chuyện truyền kỳ. Cái gọi là truyền kỳ, chính là một người bình thường, thậm chí có chỗ thiếu hụt, nhưng nhân duyên tốt, hoặc đi ăn mày cửa Phật mà trải qua được một đoạn phấn khích, nên dân gian thường truyền rằng chẳng thà tin còn hơn không, hoặc có thờ có thiêng, có kiêng có lành…

Các đế vương, quân chủ của các triều đại trước kia, khi họ thành công rồi thì ai còn thèm để ý đến trước đó người ấy có từng trộm gà, từng nhìn lén cô hàng xóm nào đó đang tắm, hay đã từng cướp đoạt thứ gì đấy của người khác. Cho dù biết đi nữa thì cũng là những câu chuyện làm quà trong lúc trà dư tửu hậu, chứ chẳng có hình phạt nào cả.

Cả ngàn, cả vạn người bỏ học giữa chừng ra ngoài làm ăn, nhưng tên tuổi Bill Gates đứng hàng đầu… Cho đến bây giờ, người ta chỉ lấy ưu khuyết điểm để bàn luận đúng sai, mà không phải căn cứ vào đúng sai để nói về ưu khuyết. Đây là một hiện tượng quái dị trong xã hội loài người.

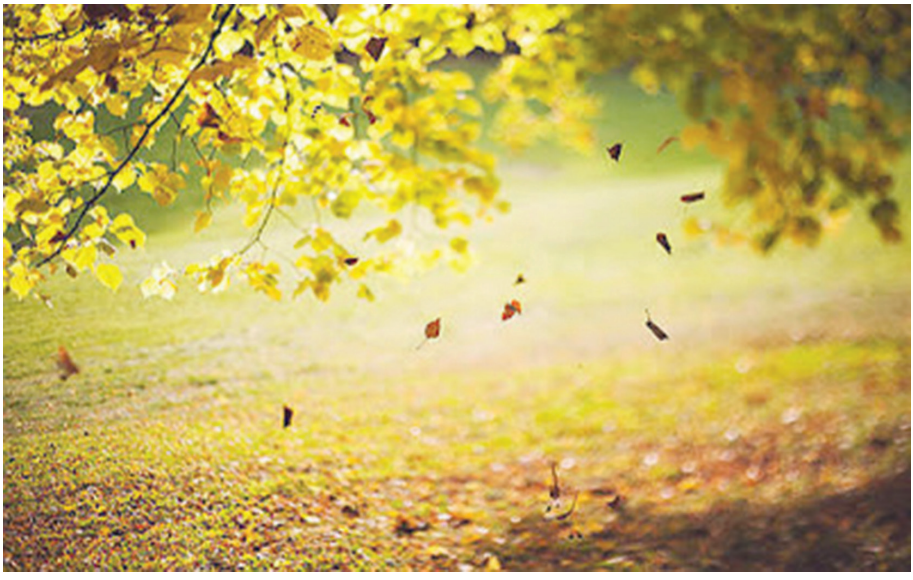
Tiểu lưu manh mà trộm gà thì sẽ bị chủ gà đuổi theo, thậm chí bị nhiều người cùng rượt đuổi chạy bở hơi tai, bị chửi cho tối mặt tắt mũi, bị mọi người khinh bỉ tới cực điểm, thậm chí nếu bị bắt cũng dễ dàng ngồi gỡ lịch một thời gian. Thế nhưng, nếu nhắc tới chuyện hoàng đế khai quốc từng đi trộm gà, bảo đảm mọi người sẽ chỉ cười ha ha. Lúc ấy, mọi người sẽ chỉ cảm khái rằng anh hùng cũng có lúc bất đắc dĩ! Ngoài ra, mọi người còn đồng tình lý giải rằng lâm vào tình trạng như thế thì cũng chỉ có hành động như thế!

Hai người đều trộm gà, nhưng sao người trước lại bị chỉ trích, trong khi người sau lại nhận được sự cảm khái, thậm chí là thở dài đồng ý? Đây là đạo lý gì? Có công bằng không? Nguyên nhân cực kỳ đơn giản, chỉ có một… là sau đó, họ thành công! Chỉ có thành công! Chỉ cần thành công thì khuyết điểm sẽ trở thành ưu điểm. Nghe thoáng qua có vẻ vớ vẩn, song đó là sự thật!

Muốn được như vậy, không phải ai muốn cũng được, bởi ngoài khả năng hiện hữu của phàm nhân. Đã là phàm nhân thì ai cũng muốn được như thế, nên lắm người phải đi ăn mày cửa Phật. Gần đây, báo chí phê phán những hiện tượng này, dư luận chê bai cũng dữ, nhưng khó mà cản được vì vấn đề này thuộc về lĩnh vực tâm linh. Họ không đến những cơ sở tâm linh cầu khấn, thì họ khấn cầu ở nhà, cầu khấn trong lòng, không ai có thể quản được. Nhà Phật gọi sự khấn cầu ấy là niệm lực, tức là niệm tụng chi lực, ngoài miệng niệm, trong lòng nghĩ, thì sẽ tự nhiên hình thành.

Phúc đến thì lòng cũng sáng ra

"Tay làm hàm nhai", có làm mới có ăn, nhưng đã là



con người thì không ai muốn chấp nhận những gì mình đang có, nên luôn muốn những điều mình không có. Từ đó, dẫn đến chuyện cầu xin. Cầu xin được thì tốt, không được thì chẳng mất mát chi. Nhiều người đến ăn mày cửa Phật biết rõ ở đời, có rất nhiều người tự huyễn hoặc mình, tự cho rằng mình thừa đạo hạnh để độ hóa chúng sinh, khiến vạn vật sinh linh đều hướng thiện. Nếu chỉ dựa vào vài ba cuốn kinh có thể độ hóa được chúng sinh thì cõi Ta bà này đã trở thành miền Cực lạc lâu rồi. Biết thì biết, nhưng làm vẫn làm, bởi họ muốn tâm được yên. Phúc đến thì lòng cũng sáng ra. Nhưng không thể vơ đũa cả nắm. Đã là Như Lai Sứ Giả, ai cũng muốn truyền pháp, phát huy bản tính Phật môn phổ độ chúng sinh. Nhưng mỗi người một tâm tư và cũng cực kỳ phức tạp làm sao có thể độ hóa hết được. Hơn nữa, mỗi người đều có cơ duyên, có vận mệnh riêng, tự họ quyết định chứ ai mà độ được. Một số người tiêu cực cho rằng giáo lý Phật môn có vấn đề. Bỏ đao xuống đất, lập tức thành Phật ư? Một tên giết người tội ác tày trời, làm sao vứt đao đi có thể thành người tốt luôn được chứ? Ở cõi Ta bà này, thật sự không có ai vô tội cả.

Nghĩ thì nghĩ thế, song nhiều người vẫn ủng hộ Phật môn, bởi lòng người vốn hướng thiện, theo đuổi những thứ tốt đẹp. Nếu có thể độ hóa người ác về con đường thiện cũng coi như làm được công việc tích đức rồi. Và không phải ai đến ăn mày cửa Phật đều cầu xin những thứ mình không có, cầu xin những thứ cao hơn, sang hơn… Trong những người này, không thiếu người muốn sống thẳng thắn, thành thật một chút, nhưng áp lực của thẳng thắn, thành thật thật sự rất lớn, nên muốn tìm nơi thả cái neo tinh thần xuống biển đời vô tận.

Không thiếu người cày cực cả một đời, hết ăn mày cửa Phật đến ăn mày cửa Thánh, không có thủ đoạn nào không dùng, khi gối mỏi chân run mới biết rằng mình hái hoa trong gương, vớt trăng đáy nước, ảo ảnh trong mơ, tất cả đều thành vô ích. Nhưng đường là do mình chọn,

nếu ta đi tới bước hôm nay là "quả" của ngày hôm qua, không có gì phải thương cảm.

Một khi đã chết, rõ ràng mọi thứ trong tương lai đều không thể thấy được, mà đã như vậy thì cần gì phải để ý sau khi mình chết đi, thế giới này rốt cuộc sẽ như thế nào? Cái chết nào cũng là chết dẫu phải viện ra những mỹ từ như bảo vệ sự vinh quang của mình, bảo vệ sự tôn nghiêm của mình… Tất cả đều láo hết! Nhiều anh bị vợ cắm sừng, vội vội vàng vàng đi bảo vệ sự tôn nghiêm của mình bằng cái chết có khác gì với cái chết được viện tới những từ đao to búa lớn?

Người quý ở tự mình hiểu lấy, đáng tiếc người như vậy lại không nhiều lắm. Nhà Phật cho rằng pháp thân đều là hư không, vô sinh vô diệt, giống như trăng trong nước, có mà không thể nắm bắt, không phải sinh không phải diệt, sinh chưa từng sinh diệt chưa từng diệt, tự nhiên không có đạo. Tâm ở bên ngoài là pháp, tên ở ngoại đạo, ngộ ra bản tâm, tức là Niết bàn. Niết bàn diệu tâm, vô sinh bất diệt. Khi "*Tâm không tham luyến/ Ý không điên đảo*" (Từ Vân sám chủ), thì sinh tử và Niết bàn không có ngăn cách, chỉ là một ý niệm.

Thiên hạ nhốn nháo vì lợi. Thiên hạ sôi trào vì hướng lợi. Ai mà không sống vì dục vọng của mình, vì sự truy cầu mà không tiếc sát hại và hy sinh kẻ khác. Trên đời này, lắm lúc không có phân đúng sai, chỉ có thực lực cao thấp. Người thắng là đúng, kẻ bại là sai. Mỗi người đều có tín niệm của mình và chiến đấu vì tín niệm ấy nên không thể nói ai đúng ai sai. Và đã là con người thì ai cũng muốn tìm cho mình một thứ bảo bối. Vậy cái gì là bảo bối? Đối với người đói xanh da, thứ ăn được, nhét đầy bao tử chính là bảo bối. Đối với người bệnh, khỏe mạnh chính là bảo bối. Đối với người sắp chết, thời gian chính là bảo bối. Nói chung, ai cần cái gì nhất, thì cái đó chính là bảo bối. Và, nhìn ở góc độ nào đó, ăn mày cửa Phật cũng là thứ bảo bối những mong cho tâm được yên nhằm vui vẻ sống hết quãng đời còn lại. Lắm lúc, đơn giản vậy thôi!

Tháng bảy mùa ngâu

NGUYỄN AN BÌNH

Mẹ ơi tháng bảy mùa ngâu
Hạt mưa rớt thành giọt lệ
Hương thời gian trôi về đâu
Nghiêng nghiêng dáng gầy của mẹ.

Trời cao sông biển bao la
Bao la sánh đâu tình mẹ
Ngọt dòng sữa ấm ấu thơ
Bao mùa nắng mưa gian khó.

Ngậm ngùi cánh võng ngày xưa
Trăng mờ thềm rêu soi bóng
Mong manh tấm áo ngày mưa
Trôi theo bao mùa dông bão.



Dẫu chân đi khắp nhân gian
Thương hoài bàn tay mẹ nắm
Những ngày nắng lửa chói chang
Ngọt ngào lời ru mẹ hát.

Phất phơ ngọn lau hiu quạnh
Chiều tàn bóng nắng lắt lay
Vòng hoa đặt trên mộ mẹ
Hình như tóc trắng mẹ bay.

Mùa Vu lan 2019



ĐỨC PHẬT
CHUYỂN PHÁP LUÂN LẦN ĐẦU

TUỆ ÂN *tổng hợp*

Sau khi trở thành bậc Chánh Đẳng Giác tròn đúng hai tháng, nhằm vào ngày rằm tháng 6, Đức Thế Tôn ngự đến khu rừng phóng sanh nai gọi là Isipatana, do Đức Phật nghĩ đến nhóm 5 huynh đệ đã từng phụng sự, hộ độ cho Ngài trong thời gian còn là Bồ Tát hành khổ hạnh, nên Ngài quyết định thuyết pháp tế độ nhóm 5 vị này.

Khi ấy, nhóm 5 huynh đệ của Ngài Koḍanna đang ở tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, gần thành Bārāasī, từ khu rừng Uruvela, Đức Phật ngự đến đó để thuyết pháp độ nhóm 5 huynh đệ gồm: Ngài Kondanna trưởng nhóm, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma và Ngài Assaji.

Nhóm 5 huynh đệ nhìn thấy Đức Phật từ xa đi đến, họ nghĩ lầm rằng: "Samôn Gotama đã từ bỏ sự tinh tấn hành pháp khổ hạnh, trở lại đời sống sung túc".

Vì nghĩ như vậy, họ không còn đức tin và kính trọng Đức Phật như trước, họ đồng ý thỏa thuận với nhau rằng: "Chúng ta không đứng dậy đón rước, không tiếp nhận y và bát, không đảnh lễ, chỉ nên sắp đặt chỗ để cho Samôn Gotama ngồi mà thôi". Nhưng khi Đức Phật đến gần, do oai lực và tâm đại bi của Ngài, nhóm huynh đệ không còn nhớ lời giao ước, mà mỗi người đều tự động đứng dậy cung kính đón rước: Vị này nhận y bát, vị kia lấy nước rửa chân, vị thì sắp đặt trải chỗ ngồi cao quí, thỉnh Ngài đến ngự... Nhưng cách xưng hô của họ đối với Đức Phật vẫn bằng cách gọi: "Āvuso" không hợp lẽ đạo, thiếu cung kính đối với Đức Thế Tôn.

Thấy vậy, Đức Phật dạy rằng:

- Này chư huynh đệ, các người không nên gọi Như Lai bằng tiếng "Āvuso" (đồng đạo). Như Lai là Đức Phật Chánh Đẳng Giác, Như Lai sẽ thuyết giảng chánh pháp mà Như Lai đã chứng ngộ. Chư huynh đệ hãy lắng nghe rồi thực hành theo để có cơ hội được chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn y theo Như Lai đã chứng ngộ".

Nhóm 5 huynh đệ vẫn chưa tin theo lời dạy của Đức Phật, vì nghĩ rằng: "Trước đây Samôn Gotama hành pháp khổ hạnh đến như thế, mà không chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác; nay trở lại đời sống sung túc như vậy, lại có thể chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác được hay sao?".

Đức Thế Tôn thấu hiểu rõ sự hoài nghi của họ nên Ngài đã giảng giải rõ ràng, phá tan được sự hoài nghi của họ. Cuối cùng, nhóm 5 huynh đệ cảm phục Đức Phật và phát sinh đức tin trong sạch nơi Ngài.

Khi ấy mặt trời sắp lặn ở hướng Tây, mặt trăng ló dạng ở hướng Đông, Đức Thế Tôn lần đầu tiên thuyết pháp với bài kinh "Dhammacakkappavattanasutta" (kinh Chuyển Pháp Luân).

Đây là lần đầu tiên Đức Phật thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân, để tế độ nhóm 5 vị là Ngài Koḍanna, Ngài Vappa, Ngài Bhaddiya, Ngài Mahānāma, Ngài Assaji.

Đức Phật dạy rằng:

- Bậc xuất gia không nên hành hai pháp cực đoan thuộc hai biên kiến.

Một là: Hưởng khoái lạc trong ngũ dục do tâm tham ái hợp với tà kiến, là pháp thấp hèn của hạng phàm nhân trong đời, không phải của bậc Thánh Nhân cao thượng, không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ sinh.

Hai là: Tự ép xác, hành khổ mình do tâm sân và có đoạn kiến, thuộc pháp hành khổ hạnh của ngoại đạo, không phải của bậc Thánh Nhân cao thượng, không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ sinh.

Không thiên về hai biên kiến ấy, Đức Phật đã hành theo pháp hành Trung Đạo (Majjhimappaṭipadā) đó chính là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh cao thượng là:

1 - *Chánh kiến*: Trí tuệ thiền tuệ chân chánh thấy rõ, biết rõ chân lý Tứ Thánh Đế:

- Khổ Thánh Đế.
- Nhân sinh Khổ Thánh Đế (Tập Thánh Đế).
- Diệt Khổ Thánh Đế (Diệt Thánh Đế).
- Pháp hành Diệt Khổ Thánh Đế (Đạo Thánh Đế).

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

2 - *Chánh tư duy*: Tư duy chân chánh:

- Tư duy thoát ra khỏi ngũ dục (xuất gia).
- Tư duy không làm khổ mình, khổ người (hợp với tâm từ).
- Tư duy không làm hại mình, hại người (hợp với tâm bi).

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

3 - *Chánh ngữ*: Lời nói chân chánh:

- Tránh xa lời nói dối.
- Tránh xa lời nói chia rẽ.
- Tránh xa lời nói thô tục.
- Tránh xa lời nói vô ích.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

4 - *Chánh nghiệp*: Hành nghề chân chánh:

- Tránh xa sự sát sanh.
- Tránh xa sự trộm cắp.
- Tránh xa sự tà dâm.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

5 - *Chánh mạng*: Nuôi mạng chân chánh:

- Tránh xa thân hành ác, khẩu nói ác liên quan đến việc nuôi mạng.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

6 - *Chánh tinh tấn*: Tinh tấn chân chánh:

- Tinh tấn diệt ác pháp đã sinh.
- Tinh tấn ngăn không cho ác pháp phát sinh.
- Tinh tấn làm cho thiện pháp phát sinh.
- Tinh tấn làm tăng trưởng thiện pháp đã sinh.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

7 - *Chánh niệm*: Niệm chân chánh:

- Niệm thân: Thân là đối tượng của chánh niệm, trí tuệ tỉnh giác.
- Niệm thọ: Thọ là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.
- Niệm tâm: Tâm là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.
- Niệm pháp: Pháp là đối tượng của chánh niệm, tỉnh giác.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

8 - *Chánh định*: Định chân chánh:

- Định trong đệ nhất thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ nhị thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ tam thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ tứ thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.
- Định trong đệ ngũ thiền Siêu tam giới, có Niết Bàn là đối tượng.

Đó là 1 trong 8 chánh chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Pháp hành Trung Đạo đó là Thánh Đạo hợp đủ 8 chánh này chỉ

đồng sinh với 4 Thánh Đạo Tâm và 4 Thánh Quả Tâm, chắc chắn có Niết Bàn là đối tượng.

Bằng những pháp hành Trung Đạo này, Đức Phật đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế theo Tam Tuệ Luân:

- Trí tuệ học Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ hành Tứ Thánh Đế.
- Trí tuệ thành Tứ Thánh Đế.

Thành 12 loại trí tuệ đã phát sinh hoàn toàn trong sáng, thanh tịnh và đã chứng đắc 4 Thánh Đạo - 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng sinh, cho nên Ngài có danh hiệu Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị.

Đức Phật truyền dạy rằng: "Như Lai đã chứng đắc thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác vô thượng trong toàn thế giới chúng sinh, nhân loại, Vua chúa, Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương và phạm thiên cả thảy".

Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh Chuyển Pháp Luân này xong, nhóm 5 huynh đệ vô cùng hoan hỷ thực hành theo lời giáo huấn của Ngài. Trong nhóm này có Ngài Koḍanna đã phát sinh Pháp Nhãn chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Nhập Lưu đầu tiên trong giáo pháp của Đức Phật Gotama.

Khi ấy, Ngài Koḍanna xin Đức Phật cho phép thọ Tỳ khưu; Đức Phật đã cho phép Ngài Koḍanna thọ Tỳ khưu theo cách Ehi bhikkhūpasampadā. Thọ Tỳ khưu bằng cách Đức Phật gọi Ehi bhikkhu như sau:

"Ehi bhikkhū!" ti Bhavagā avoca. Svākkhāto dhammo cara brahmacariya sammā dukkhassa antakiriyāya...".

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

"Con hãy lại đây! Con trở thành Tỳ khưu theo ý nguyện. Chánh pháp mà Như Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh tấn hành phạm hạnh cao thượng, để chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và

Niết Bàn, để chấm dứt khổ tử sinh luân hồi".

Ngay khi Đức Phật truyền dạy vừa dứt câu, Ngài Koḍanna liền trở thành vị Tỳ khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Tỳ khưu, phát sinh do phước thiện, cũng đồng thời Tam Bảo: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo hoàn toàn đầy đủ trọn vẹn trên thế gian này, vào đúng ngày rằm tháng 6 (âm lịch). Bốn vị còn lại cũng sẽ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Nhập Lưu theo tuần tự thời gian như sau:

- Ngày 16 tháng 6, Ngài Vappa chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo, Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc Thánh Nhập lưu và được phép thọ Tỳ khưu bằng cách Ehi bhikkhu.

- Ngày 17 tháng 6, Ngài Bhaddiya chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khưu bằng cách Ehi bhikkhu.

- Ngày 18 tháng 6, Ngài Mahānāma chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khưu bằng cách Ehi bhikkhu.

- Ngày 19 tháng 6, Ngài Assaji chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu và được Đức Phật cho phép thọ Tỳ khưu bằng cách Ehi bhikkhu.

Trong Phật giáo có 4 loại bậc Thánh Nhân:

Bậc Thánh Nhập Lưu.

Bậc Thánh Nhất Lai.

Bậc Thánh Bất Lai.

Bậc Thánh Arahán.

Nhóm 5 Tỳ khưu đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, chỉ mới là bậc Thánh thứ nhất trong Phật giáo. Bậc Thánh Nhập Lưu có khả năng diệt đoạn tuyệt được hai loại phiền não là tà kiến và hoài nghi. Bậc Thánh Nhập Lưu chưa có khả năng diệt đoạn tuyệt 8 loại phiền não còn lại và các tham ái, các ác pháp, nên chưa có thể giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới được. Cho nên,

Đức Phật giảng bài Kinh Anattalakkhaasutta: Kinh Vô Ngã Tướng để tế độ nhóm 5 Tỳ khưu tiếp tục chứng đắc thành bậc Thánh Arahán là bậc Thánh Nhân thứ tư cao thượng trong Phật giáo.

Theo tuần tự thời gian đến ngày 20 tháng 6 (âm lịch), Đức Phật thuyết giảng bài kinh Anattalakkhaasutta: "Kinh Vô Ngã Tướng", để tế độ nhóm 5 Tỳ khưu trở thành bậc Thánh Arahán.

Nội dung bài kinh, Đức Phật thuyết giảng về ngũ uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn đều là pháp vô ngã, không phải ta, không phải của ta.

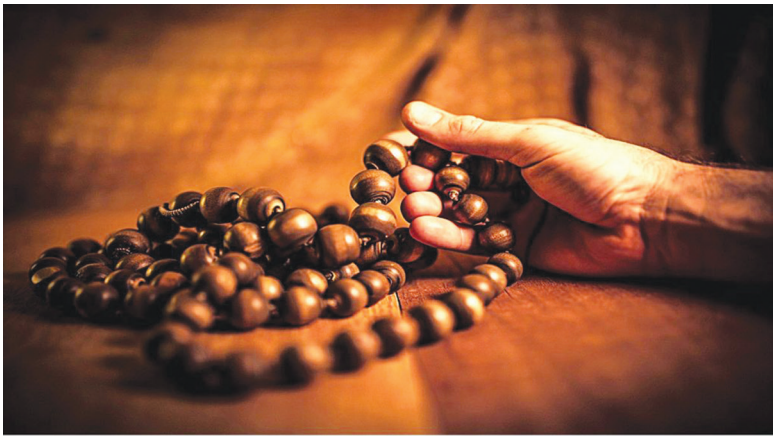
Mỗi uẩn đều có sự sinh, sự diệt, nên có trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã.

Mỗi uẩn có 11 tính chất: quá khứ hoặc vị lai, hoặc hiện tại; bên trong hoặc bên ngoài; thô hoặc vi tế; thấp hèn hoặc cao quý; gần hoặc xa thực tánh của tất cả mỗi uẩn ấy không phải của ta, không phải là ta, không phải tự ngã của ta.

Nhóm 5 Tỳ khưu có trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ ngũ uẩn đúng theo thực tánh của ngũ uẩn như vậy, dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ nhì, tiếp tục chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ ba, cuối cùng là chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn lần thứ tư, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót lại, trở thành bậc Thánh Arahán; trí tuệ quán xét thấy rõ, biết rõ Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả đã chứng đắc, Niết Bàn đã chứng ngộ, mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp đã diệt đoạn tuyệt không còn dư sót. Các Ngài có trí tuệ thấy rõ, biết rõ mọi phận sự Tứ Thánh Đế đã hoàn thành; phạm hạnh cao thượng đã hành xong, kiếp này là kiếp chót, không còn tái sinh kiếp nào khác nữa.

Nhóm 5 Tỳ khưu trở thành bậc Thánh Arahán vào ngày 20 tháng 6 là những ngày đầu hạ thứ nhất của Đức Phật.

Như vậy, ngoài Đức Phật ra, còn có thêm 5 vị Thánh Arahán xuất hiện trên thế gian.



CƯ SĨ *Phật giáo*

TS. LÊ SƠN PHƯƠNG NGỌC

Phật giáo ra đời đã trên 2.500 năm, và mở rộng phát triển ngày càng lớn mạnh, thường người ta dễ cho rằng đó là thành quả của hàng giáo phẩm và đông đảo các tu sĩ xuất gia tu tập tại các thiền viện, học viện, chùa chiền, tịnh xá… Nhưng quan trọng hơn và mạnh mẽ hơn là cộng đồng nhân dân đông đảo theo đạo Phật tức là lực lượng Phật tử sống theo lời dạy của các Tổ, các Thầy, với mục tiêu tốt đời đẹp Đạo, và chính Phật tử là lực lượng đông đảo hơn cả, đã dần dần hình thành các giá trị tinh thần và vật chất của đạo Phật, tức là văn hóa Phật giáo..

Phật tử là đông đảo nhân dân theo đạo Phật, tuy không xuất gia đi tu, mà chỉ thọ trì 5 giới cấm được chư Tăng khuyến khích thực hiện, người Phật tử thực hành các hành vi căn bản nói chung là ***tu học, tụng niệm, làm việc thiện và tham gia các Phật sự***. Phần lớn các quốc gia Đông Á và Nam Á, lực lượng Phật tử chiếm đa số trong dân cư là những người tự nguyện quy y Tam bảo ví như rừng cây nơi thâm sơn, như nước trong biển lớn vừa là đối tượng lợi tha chủ yếu của sống Đạo vừa là môi trường sống các tu sĩ xuất gia tu Phật.

o0o

Một số người trong lực lượng Phật tử đông đảo được tôn trọng đặc biệt, đó là các vị cư sĩ. Cư sĩ là "*cư gia chi sĩ*", là những người thông thạo học thuật Phật học nhưng còn nợ đời, nên họ chưa thể xuất gia đi tu làm tu sĩ Phật giáo.

Cư sĩ là những Phật tử có đủ giới đức của các vị tu sĩ Phật giáo. là những người trọn vẹn thập thiện và họ có thể đăng đàn giảng kinh thuyết pháp, có thể lý luận với tất cả các hàng Phật tử. Gần đây, nước ta xuất hiện các vị cư sĩ Phật giáo nổi trội đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp chấn hưng và hộ pháp như cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, cư sĩ Chánh Trí - Mai Thọ Truyền… Họ dịch Kinh Phật, họ không chỉ giảng dạy cho hàng hàng Phật tử mà còn giảng dạy cho cả giới tu sĩ.

Cư sĩ là những người có địa vị trong xã hội, có uy quyền và có khả năng huy động tiền của, nhân lực, do đó họ có thể góp quan trọng làm nên các Phật sự lợi ích chúng sinh. Cư sĩ thường đóng vai trò then chốt trong các tiến trình hoạt động các Phật sự thường là những vị lãnh đạo trong cộng đồng Phật tử. Ngày xưa, Duy Ma Cật (Vimalakirti), một thương gia giàu có ở thành Tỳ Xá Ly, giỏi tranh luận và có trí nhớ phi thường. Ông là một người đầy quyến rũ và bí ẩn. Không giống như những người hầu như tách rời hẳn với đời sống thế tục như các đại đệ tử của Đức Thích Ca Mâu Ni, Duy Ma Cật sống đời sống của một Phật tử. Đời sống đó là mang tinh thần Đại thừa, không chịu bó mình nơi tu tập biệt lập với thế tục mà họ cho là bị hạn hẹp tinh thần và họ dấn thân vào xã hội thực tế.

Cư sĩ là người có tri thức Phật học, nhưng họ tu tại gia chứ không phải chỉ là những người chỉ nghiên cứu Phật thuyết. Giới đức và sự tu tập của họ không kém gì các tu sĩ xuất gia, tâm của cư sĩ là tâm xuất gia. Dưới bóng của ba ngôi Tam Bảo - Phật, Pháp, Tăng - người Cư sĩ Phật giáo là chiếc cầu tượng trưng và tiêu biểu giữa Tam Bảo và cuộc đời thường; là hình ảnh nối kết giữa hàng xuất gia với quần chúng như câu ca dao:

Khó nhất là tu tại gia,
Thứ nhì tại chợ, thứ ba tại chùa.

Tu tại gia thường được coi là khó nhất vì cùng lúc, người cư sĩ Phật giáo phải đóng trọn hai vai trò: Vai trò đối với Đời và vai trò đối với Đạo.

Vai trò đối với đời: Bao gồm những bổn phận và trách nhiệm đối với tự thân, đối với gia đình quyến thuộc, đối với mọi người, đối với quốc gia và xã hội. Vai trò đối với đời là một sự thử thách thường xuyên, có tác động trực tiếp và mạnh mẽ để tạo điều kiện thuận lợi hay trở lực cho vai trò đối với Đạo. Trong giới hạn nhất định của cuộc đời thường thì mọi người đều chỉ có mỗi ngày 24 giờ để sống. Giữa hai hạng người cực đoan - Hoặc không có gì để làm; hoặc làm tới khi chết rồi mà vẫn chưa hết công việc - là những người điều khiển được con ngựa thời gian bất kham. Thực tế đã chứng minh rằng, giữa dòng cuộc sống tất bật và trôi chảy không ngừng, nếu biết sắp đặt sẽ không có sự mâu thuẫn hay xung đột nào giữa việc Đời và việc Đạo như những kẻ sĩ xưa thường nói:

"Hành tàng bất nhị kỳ quan"

(Gánh vác việc đời hay rút lui ẩn dật không phải là hai trạng thái tách rời nhau).

Trong tinh thần đó, người cư sĩ luôn luôn có khả năng tạo được thế quân bình giữa hai vai trò đối với đời và Đạo.

Cư sĩ Phật giáo còn là chiếc cầu tượng trưng và tiêu biểu giữa Tam Bảo với đời thường; giữa hàng xuất gia và quần chúng. Nhưng thế nào là chân dung của một người Cư sĩ Phật giáo điển hình và tiêu chí nào để thành người Cư sĩ? Đâu là sự khác biệt giữa một người Cư sĩ Phật giáo và một Phật tử "bình thường"?

Cư sĩ là từ Hán Việt, dịch từ tiếng Phạn Kulapati, Kulapati phiên âm là Ca-la-việt, Già-la-việt, có nghĩa là Trưởng-giả, Gia chủ, Gia-trưởng. Tiếng Phạn Kalapati vốn có hai nghĩa:

- Người thuộc dòng họ giàu sang;
- Người tại gia mộ đạo (Phật).

Phật giáo Nguyên thủy xem cư sĩ là người phụng sự đạo pháp bằng cách cúng dường thực phẩm, quần áo, góp công của tu bổ

xây dựng chùa chiền, là người lo lắng cho đời sống của tăng, ni. Phật giáo Đại thừa xem cư sĩ có vai trò quan trọng hơn, cho rằng cư sĩ cũng có khả năng thành Phật như tất cả những tu sĩ xuất gia. Nhiều Bồ Tát trong Đại thừa ẩn dưới đời sống của một cư sĩ tại gia thông thường. Theo Phật giáo Nguyên thủy thì cư sĩ đạo Phật chưa từ bỏ dục lạc thế gian. Tuy nhiên, nếu họ giữ hạnh bố thí thì phúc đức ấy có thể giúp họ tái sinh làm tăng sĩ và nhờ đó tu học đến cấp bậc A-la-hán và đạt Niết-bàn.

Tại Trung Quốc có **giáo hội của cư sĩ** và thường thường, các vị này lấy việc giữ 5 giới làm nền tảng chung.

o0o

Thông thường, người Phật tử sau khi quy y Tam bảo, thọ trì 5 giới cấm được chư Tăng khuyến khích tu học, tụng niệm, làm việc thiện và tham gia các Phật sự nói chung. Những pháp tu ấy được xem như phận sự căn bản của người Phật tử. Đức Thế Tôn đã khái quát phận sự của người cư sĩ, thành bốn pháp tu: 1-Quy y Tam bảo, 2-Thọ trì năm giới, 3-Tự lợi, 4-Lợi tha.

Người cư sĩ phát tâm tu tập bằng cách giữ giới, bố thí, nghe pháp, thọ trì chư pháp, và quan trọng nhất là thực hành chư pháp trong đời sống hàng ngày. Đây gọi là tự lợi, nhưng để tiến xa hơn, phải song hành tự lợi và lợi tha mới viên mãn hạnh nguyện của người cư sĩ. Vừa tu tập vừa khích lệ những người khác tu tập như mình là pháp tu quan trọng mà hàng cư sĩ luôn phấn đấu để thành tựu.

Thật ra, tu Phật không nhất định là phải đi vào trong núi sâu rừng già, cũng không nhất định phải ngày ngày trì chú niệm kinh. Xét đến cùng thì chỉ có một trạng thái "thanh tịnh", mang theo chánh tri kiến trong từng lời nói và hành động thì mới là tu Phật thật sự.

Những lúc đối diện với các tình huống ngoại cảnh khác nhau, nếu có thể bảo trì được trạng thái hòa ái từ bi, giữ vững sự thanh tịnh trong tâm, không bị hoàn cảnh bên ngoài tác động, thì đó chính là tu hành.

"*Mục đích cuối cùng của việc tu đó là để khi sống ta được an lạc, khi chết được giải thoát. Hãy xem những việc mình làm từ khi sinh ra đến nay sát hại bao sinh linh, xem việc tu của ta là bao so với sự tạo ra nghiệp của ta để khi lâm chung ta sẽ được giải thoát*". Chính là: **Vui vẻ với nghiệp cũ, không tạo thêm nghiệp mới, đây là điều chúng ta cần làm**. Đồng thời, "*Trường kỳ huân tu, nhất môn thâm nhập*".

Thông thường, người Phật tử sau khi quy y Tam bảo, thọ trì năm giới cấm được chư Tăng khuyến khích tu học, tụng niệm, làm việc thiện và tham gia các Phật sự nói chung. Những pháp tu ấy được xem như phận sự căn bản của người Phật tử.

Điều cần lưu ý ở đây là tự mình phát nguyện quy y trực tiếp với Tam bảo (không vắng mặt), không bị ai ép buộc, phải đủ nhận thức để tự giác phát nguyện (không quá nhỏ dại) thì pháp quy y mới thành tựu.

Sau khi quy y, dù không bắt buộc thọ hết cùng lúc cả năm giới cấm, nhưng Thế Tôn luôn khuyến khích các cư sĩ phát tâm thọ trì đầy đủ. Bởi năm giới là chuẩn mực đạo đức căn bản mà người cư sĩ phải thành tựu, trước để xây dựng hạnh phúc và an lạc trong đời sống thế tục hiện tại, sau làm nền tảng để thăng hoa tâm linh và thành tựu các quả vị.

Để tiến xa hơn, người cư sĩ phát tâm tu tập về lòng tin, giữ giới, bố thí, yết kiến các Tỷ-kheo, nghe pháp, thọ trì những pháp đã nghe, suy nghĩ đến nghĩa lý các pháp đã thọ trì, và quan trọng nhất là thực hành các pháp ấy trong đời sống hàng ngày. Đây gọi là tự lợi.

Tuy vậy, tự lợi và lợi tha phải song hành mới viên mãn hạnh nguyện của người cư sĩ. Do đó, vừa tu tập vừa khích lệ những người khác tu tập như mình.

Đi đầu trong số đó, bên cạnh các vị tu sĩ khả kính, ở Nam Bộ có các vị cư sĩ như commis Trần Nguyên Chấn làm ở sở Đốc lý Nam Bộ, Đốc phủ sứ Ngô Văn Chương, Chánh Trí Mai Thọ Truyền… Ở Trung Bộ có nhà văn Phan Khôi, Nữ sử Đạm Phương, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám..., ở Bắc Bộ có cư sĩ

Thiều Chửu, nhà sử học Trần Trọng Kim, nhà văn Nguyễn Trọng Thuật, nhà báo Sở Cuồng Lê Dư… Nhiều vị cư sĩ đức trọng tài cao có ảnh hưởng lớn trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX. Những cư sĩ ấy được trực tiếp hay gián tiếp trưởng thành từ phong trào Chấn hưng Phật giáo trước năm 1945 đã đóng góp vào lịch sử Phật giáo Việt Nam nửa sau thế kỷ XX mà đặc biệt nổi bật là cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền trong nhiều lĩnh vực. Những thành tựu nổi bật mà bất cứ Phật tử nào cũng thấy được là:

- *Về văn hóa văn nghệ*: Nhà văn Võ Đình Cường với Tiểu thuyết "*Ánh đạo vàng*", nhạc sĩ Lê Cao Phan với nhạc phẩm "*Phật Giáo Việt Nam*", nhạc sĩ Văn Giảng với nhạc phẩm "*Từ Đàm quê hương tôi*";

- *Về giáo dục*: Tổ chức hệ thống trường học từ mẫu giáo đến đại học, đặc biệt là hệ thống trường Bồ Đề trên khắp các tỉnh thành miền Nam Việt Nam, những cư sĩ tiêu biểu trong lĩnh vực giáo dục là các ông Lê Mộng Tùng, Lê Mộng Đào...

- *Về các cuộc vận động yêu nước*: Lớp cư sĩ này và các lớp cư sĩ đàn em, học trò của họ đã góp phần đáng kể trong việc hộ trì Giáo hội tăng già tổ chức và lãnh đạo cuộc vận động chống chế độ độc tài, kỳ thị Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963, cuộc vận động cho hòa bình Việt Nam từ năm 1964 cho đến năm 1975. Những cư sĩ tiêu biểu trong các cuộc vận động này được lịch sử quan tâm là bác sĩ Lê Khắc Quyến, Mai Thọ Truyền, GS Vũ Văn Mẫu… 

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG VIỆC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

VŨ THỊ HỒNG DUNG
Trường Đại học Hải Phòng

Ngay từ rất sớm, người dân Việt Nam đã có vô số những tín ngưỡng dân gian như thờ Mẫu, thờ thành hoàng, thờ thổ địa, thờ cúng tổ tiên… Các tín ngưỡng nguyên thủy đã góp phần thỏa mãn các nhu cầu văn hóa tinh thần, nhận thức và tâm lý của người dân. Song, con người ngày càng khao khát hướng tới những vấn đề mang tính triết lý nhân sinh như nguồn gốc con người, ý nghĩa cuộc sống, vấn đề họa phúc trong cuộc đời. Phật giáo là một tôn giáo giàu tính nhân văn, lý tưởng của đạo Phật là giúp con người thoát khổ, giáo dục tình yêu thương giữa con người với con người, giữa con người với muôn vật. Tư tưởng nhân văn bác ái đó đã dễ dàng chinh phục được lòng người. Vì vậy, Phật giáo từ khi du nhập vào nước ta đã tìm được cho mình cơ sở tồn tại và phát triển. Cùng với quá trình du nhập và phát triển của đạo Phật, những giá trị chuẩn mực của đạo đức Phật giáo cũng xâm nhập và góp phần bổ sung những giá trị đạo đức truyền thống cho con người Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xem xét giá trị của đạo đức Phật giáo tới việc hình thành đạo đức truyền thống cho người Việt Nam.

1. Quan niệm về đạo đức truyền thống Việt Nam và đạo đức Phật giáo

Trong lịch sử phát triển tư tưởng nhân loại đã có nhiều quan niệm khác nhau về đạo đức. Trong triết học phương Đông, theo quan niệm của Khổng tử, đạo đức là luân thường đạo lý, là quan niệm về tốt, xấu, đúng, sai. Con người phải làm theo cái đúng, cái tốt, tránh những cái sai. Trong triết học phương Tây, đạo đức là moral, là những chuẩn mực chung nhằm điều chỉnh hành vi của con người sao cho tạo nên mối quan hệ hài hòa giữa con người với nhau và giữa mỗi người với xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay có một số quan niệm khác nhau về đạo đức, có tác giả cho rằng: "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh, đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội. Chúng thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội"[1]. Từ quan niệm đạo đức nêu trên chúng ta đi nghiên cứu đạo đức truyền thống.

Đạo đức truyền thống của một dân tộc được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc đó. Mỗi dân tộc có điều kiện tự nhiên khác nhau, có điều kiện kinh tế xã hội khác nhau, có tôn giáo khác nhau, do vậy có đạo đức truyền thống khác nhau. Khi nói về đạo đức truyền thống, theo tác giả Dương Văn Duyên: Đạo đức truyền thống Việt Nam là những quan điểm, những chuẩn mực đạo đức, phong tục, tập quán, lối ứng xử của con người Việt Nam được hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, là sự tiếp nhận có chọn lọc những tinh hoa đạo đức nhân loại phù hợp với mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc.

Trước đây, đã có những cuộc tranh luận xung quanh vấn đề tôn giáo có đạo đức riêng hay không. Một số ý kiến cho rằng, tôn giáo không

1. Giáo trình đạo đức học (2000), nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, tr 8.

có đạo đức riêng, bởi lẽ, nó chỉ là sự phản ánh hoang đường, hư ảo về hiện thực. Một số ý kiến khác cho rằng, tôn giáo có đạo đức riêng thể hiện ở các quy tắc, giáo luật, nghi thức thờ cúng, nhưng đạo đức tôn giáo hoàn toàn đối lập với đạo đức xã hội.



Các nhà tư tưởng tư sản, các nhà thần học lại thường đề cao đạo đức tôn giáo, cho đạo đức tôn giáo là siêu việt, là ngọn nguồn của đạo đức xã hội. Cùng với sự nhận thức lại lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra một cách thuyết phục rằng, tôn giáo có đạo đức riêng, đạo đức tôn giáo bắt nguồn từ đạo đức xã hội và do đó không hoàn toàn đối lập với đạo đức xã hội.

Phật giáo là một hiện tượng tồn tại khách quan trong đời sống xã hội Việt Nam. Hiện nay, hệ giá trị đạo đức của Phật giáo vẫn có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần xã hội, thể hiện trước hết ở chỗ chúng bổ sung một số giá trị cho đạo đức, lối sống của dân tộc. Phân tích đạo đức tôn giáo nói chung trong mối quan hệ với đời sống xã hội, Giáo sư Nguyễn Hữu Vui nhận xét: Có thể nói trong lý thuyết đạo đức của hầu hết tôn giáo đều chứa đựng những chuẩn mực đạo đức tối sơ mang tính chất nhân loại như "kính trọng người già", "yêu thương trẻ nhỏ", "sống thiện với mọi người", "tránh làm điều ác", v.v.. Trong đó, nhiều giá trị đã trở thành di sản văn hóa quý báu của dân tộc ta và hiện nay vẫn có sự tương hợp ở những mức độ khác nhau với nền đạo đức mới.

Đạo đức Phật giáo bao gồm các giới cùng các chuẩn mực và các phạm trù có liên quan tới

nhau một cách chặt chẽ. Phật giáo xây dựng một hệ thống đạo đức hoàn chỉnh từ nhận thức, lý luận đến thực hành và việc áp dụng nó để xây dựng một nếp sống tốt đẹp. Bên cạnh đó, Phật giáo còn xây dựng mẫu người đạo đức đó là con người từ bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha mà thâu tóm là đứng vững trên hai chân: từ bi và trí tuệ. Đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức người Việt. Những phạm trù cơ bản của đạo đức Phật giáo đã ảnh hưởng khá sâu đậm vào đời sống người Việt. Ngày nay, với sự chấn hưng của Phật giáo Việt Nam, đạo đức Phật giáo sẽ góp phần hết sức to lớn vào việc xây dựng một xã hội hài hòa, phát triển.

2. Giá trị của đạo đức Phật giáo với việc hình thành và phát triển đạo đức truyền thống của người Việt Nam

Thứ nhất, đạo đức Phật giáo bổ sung một số giá trị cho đạo đức cho con người Việt

Đức Phật Thích ca là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đấu tranh cho tự do, bình đẳng xã hội, bình đẳng giữa các giai cấp, bình đẳng giữa những con người. Phật cho rằng, Phật dành cho mọi người, Phật không dành riêng ai. Phật là Phật đã thành, chúng sinh là Phật đang thành. Đức phật dạy rằng: "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn, con người sinh ra không phải đã mang sẵn trong bào thai dây chuyền ở cổ hay dấu ấn tín - ca (dấu hiệu quý phái của dòng bàlamôn) trên trán"[2].

Đức Phật quan niệm bình đẳng là bình đẳng cho mọi giai cấp không phân biệt tuổi tác, kẻ sang, người hèn, kẻ oán, người thân, không phân biệt nam nữ. Bình đẳng trong đạo Phật là bình đẳng trong nghiệp báo luân hồi, kẻ ác phải chịu tội không kể kẻ sang hèn, người làm việc thiện đều được phúc lộc không kể chức vụ cao thấp.Tư tưởng bình

2. Võ Đình Cường (1986), Mấy suy nghĩ về tính nhân bản của Phật giáo, Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam, Viện Triết học, tr.115.

đẳng trong Phật giáo là một tiến bộ so với Nho giáo, Hồi giáo và một số tôn giáo khác.

Đạo đức Phật giáo là đạo đức của chính con người, con người phải bắt đầu từ chính mình, phải chịu trách nhiệm trước bản thân mình. Phật giáo quan niệm đời là bể khổ. Nguyên nhân của nỗi khổ là do tham, sân, si và vô minh. Do vô minh, con người bị ngũ dục cuốn hút là danh vọng, tiền tài, sắc đẹp,… che lấp Phật tính. Đạo Phật cho rằng, con người muốn vượt qua những nỗi khổ, những bất hạnh phải bắt đầu từ chính mình. Phật giáo không tin vào mệnh trời như Nho giáo, cũng không tin vào sự cứu rỗi của Chúa như trong Thiên Chúa giáo.

Vấn đề diệt khổ và giải thoát là vấn đề trọng tâm cơ bản của đạo Phật, tư tưởng này nằm trong "Tứ diệu đế" và được trình bày một cách logic giúp con người nhận biết nỗi khổ, tìm ra nguyên nhân của nỗi khổ, khả năng và cách thức diệt khổ và sau cùng là tìm ra được chân lý trên con đường giải thoát. Nét nổi bật trong Phật giáo là tạo cho con người niềm tin, động viên con người hãy tận dụng thời gian trong một đời người nỗ lực tu tâm, tu thiện tích đức ngay trong bản thân mỗi người nhằm tiến đến giải thoát. Như vậy, vấn đề giải thoát chấm dứt đau khổ cho con người ở thế giới này là mục đích cuối cùng của đạo Phật, đó cũng là vấn đề cơ bản nhất được thể hiện nhất quán trong giáo lý Phật giáo.

Tóm lại, Phật giáo không phải là một tôn giáo duy nhất quan tâm đến số phận của những con người đau khổ. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa Phật giáo và tôn giáo khác là phương thức giải thoát khỏi sự đau khổ. Đó là con đường tu học trau dồi trí tuệ, phá vỡ vô minh, dứt bỏ mọi nhân quả để khỏi bị luân hồi khổ báo, thoát khỏi luân hồi sinh tử. Triết lý Phật giáo thể hiện tính nhân bản ở chỗ tin tưởng vào khả năng của con người, chỉ cho con người con đường và phương pháp đi đến hạnh phúc, an vui, tự tại.

Xuất phát từ quan niệm bản chất nhân sinh là khổ, Phật giáo đề xuất một hệ thống luân lý để con người thoát khổ, đạt được hạnh phúc, an bình. Nó dạy con

người thực hành ba điều chính: loại bỏ những điều ác, thực hiện các hạnh lành, giữ ý thanh tịnh bằng cách đoạn tuyệt với mọi thứ ô nhiễm. Kinh Pháp cú còn ghi lại lời Phật dạy: "*Không làm mọi điều ác/ Thành tựu các hạnh lành/ Tâm giữ ý trong sạch/ Chính lời chư Phật dạy*"[3]. Thực hành ba điều đó tức là đã chiến thắng bản thân mình, là chiến thắng oanh liệt nhất. Bởi lẽ theo Phật giáo: Thắng ngàn quân giặc ở chiến trường chẳng bằng người tự thắng. Điều đó phù hợp với yêu cầu tự giáo dục theo định hướng Chân, Thiện, Mỹ của dân tộc ta.

Thứ hai, đạo đức Phật giáo góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống Việt Nam

Nhờ tiếp biến các giá trị tốt đẹp về đạo đức, lối sống truyền thống của dân tộc Việt Nam mà hệ giá trị đạo đức của Phật giáo trở nên phong phú sinh động. Tất nhiên, Phật giáo tiếp thu các giá trị đạo đức của dân tộc là nhằm củng cố niềm tin cho các tín đồ. Nhưng cũng nhờ vậy mà các giá trị tốt đẹp trong đạo đức, lối sống truyền thống của dân tộc được giữ gìn.

Đạo đức truyền thống Việt Nam đề cao chuẩn mực giữa các thành viên trong gia đình và giữa các cá nhân trong cộng đồng, với dân tộc. Có thể nói, đối với người Việt Nam, một cá nhân được đánh giá thiện hay ác, tốt hay xấu phụ thuộc vào việc ứng xử của người đó với tổ tiên, với gia đình, với cộng đồng. Đạo đức Phật giáo dạy con người phải sống có trách nhiệm với nhau. Cha mẹ phải có trách nhiệm với con cái, chăm lo con cái đến nơi, đến chốn, khuyến khích con cái làm những việc thiện, những việc tốt, ngăn cản con cái làm những việc ác, việc xấu. Ngược lại, con cái phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ già, chăm sóc tận tình khi cha mẹ ốm đau, làm theo những điều cha mẹ mong muốn, lo tang ma chu đáo khi cha mẹ qua đời, cúng giỗ khi cha mẹ đã chết. Đạo Phật dạy con người:

---

3. Thích Minh Châu (1995): Những lời Đức Phật dạy về hòa bình và giá trị con người, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành, tr149.

"*Tu đâu cho bằng tu nhà*
Thờ cha kính mẹ ấy là
chân tu"[4]

Đạo Phật yêu cầu vợ chồng phải sống có tình nghĩa với nhau, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Anh em bạn bè phải quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, thương yêu nhau, chỉ cho nhau những điều phải làm, những điều trái để tránh, giúp nhau lúc khó khăn hoạn nạn.

Tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha của Phật giáo là một thành tựu của nền văn minh nhân loại, mãi mãi vẫn là những giá trị đạo đức bồi đắp cho "lực lượng bản chất" của con người. Có ý kiến đã nhận xét về đạo đức Phật giáo như sau: Cái sống đời trong đạo đức Phật giáo là từ bi và cứu khổ cứu nạn. Nó vượt thời gian và không gian vì nó nhằm bảo vệ, phát huy, duy trì nhân bản làm điều lành, hướng về điều lành, hoặc ít nhất là đừng làm ác, đừng hướng về cái ác.

Tinh thần hướng thiện của Phật giáo thể hiện rõ trong những quy định về "Ngũ giới", "Thập thiện" để tín đồ thực hiện, trong đó có những quy định có giá trị chuẩn mực đạo đức của con người là: không được trộm cắp, không được thông dâm với người khác ngoài vợ hay chồng, không được nói lời sai trái, không tham lam,... Lối sống lục hòa, lục độ mà cốt lõi là sống hòa hợp, vị tha dựa trên sự tự giác, hiểu biết, trí tuệ của Phật giáo cũng là lối sống mà xã hội ta đang hướng tới. Với quan niệm "tự độ độ tha, tự giác giác tha", Phật giáo đại thừa vừa đề cao sự tự giải thoát vừa chú ý giúp đỡ, giải thoát cho những người khác. Điều đó phần nào phù hợp với tinh thần tự lực, tự cường và tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ của dân tộc ta.

Như vậy, đạo đức Phật giáo đóng góp vào nền đạo đức, lối sống xã hội nhiều chuẩn mực, giá trị tốt đẹp, trong đó nổi bật là tinh thần hướng thiện. Từ rất sớm, nhân dân ta đã tiếp thu những giá trị tốt đẹp về đạo đức

4. Vũ Ngọc Phan (2002), Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Nxb Văn học, tr. 388.

của Phật giáo để biểu thị tinh thần, lối sống nhân đạo của con người Việt Nam. Nhiều chuẩn mực, giá trị đạo đức Phật giáo đã đi vào tâm thức của mỗi người, hòa nhập với tình cảm, tâm hồn, khí phách dân tộc, bồi đắp cho đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "Lá lành đùm lá rách", "Thương người như thể thương thân" của con người Việt Nam. Khái quát một số giá trị đạo đức Phật giáo hiện nay có thể thấy, nhiều giá trị vẫn còn phù hợp ở những mức độ khác nhau với công cuộc xây dựng xã hội mới. Chúng góp phần bổ sung cho hệ giá trị đạo đức và lối sống của dân tộc ta trong quá trình đổi mới đất nước.

Đạo đức Phật giáo không chỉ lưu giữ các giá trị truyền thống đạo đức trong quan hệ gia đình mà còn giữ gìn, phát huy truyền thống nhân nghĩa của dân tộc. Trong quan hệ cộng đồng, đạo đức truyền thống Việt Nam đề cao tinh thần hòa hợp, đoàn kết, nhân nghĩa và khoan dung. Những giá trị tốt đẹp đó đều được Phật giáo tiếp thu, củng cố bằng luân lý và niềm tin tôn giáo. Tinh thần từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha của Phật giáo rất gần gũi với lối sống vì cộng đồng, vì tập thể của con người Việt Nam.



Chuẩn mực cơ bản của đạo đức Phật giáo là "Ngũ giới": Không sát sinh, không trộm cắp, không gian dâm, không nói dối, không uống rượu. Ngũ giới giúp con người hoàn thiện trong tư tưởng và hành vi nhằm phát triển hoàn thiện nhân cách con người theo nhân sinh quan Phật giáo. Đạo đức Phật giáo đi tìm sự dung hòa trong xã hội. Thiên nhiên và con người là một thể thống nhất. Con người và con người có những lợi ích chung như mong mỏi hòa bình, ấm no, hạnh phúc. Do vậy, con người muốn có cuộc sống tốt đẹp phải hòa đồng với thiên nhiên, môi trường xung quanh, không được giết hại các loài động vật kể cả từ con kiến trở đi, phải sống có tình, có nghĩa với nhau. Trong giáo lý Phật giáo đã đề cập đến rất nhiều vấn đề, song trung tâm của nó là vấn đề tu luyện đạo đức để hướng đến giải thoát. Muốn giải thoát con người không chỉ cần có niềm tin tôn giáo mà cần có sự phấn đấu nỗ lực của bản thân bằng cách thực hiện một đời sống đạo đức nhân bản. Nhìn một cách tổng thể, đạo đức Phật giáo là một hệ đạo đức tôn giáo xuất thế thiên về thế giới nội tâm chính vì thế với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, đạo đức Phật giáo luôn giữ một vị trí xứng đáng trong đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, đạo đức Phật giáo góp phần củng cố đạo đức, lối sống thiện, mỹ cho dân tộc Việt Nam

Nếu các chuẩn mực đạo đức xã hội điều chỉnh hành vi của con người thông qua dư luận của cộng đồng, xã hội thì các chuẩn mực trong đạo đức Phật giáo điều chỉnh hành vi của tín đồ bằng cả dư luận xã hội và sự thôi thúc của niềm tin về sự báo ứng. Vì vậy, nhìn chung các Phật tử nói riêng và những người có cảm tình với Phật giáo nói chung đều định hướng cho bản thân theo các chuẩn mực của đạo đức Phật giáo.

Điều đặc biệt nữa ở đạo đức Phật giáo là việc đánh giá nhân cách, lối sống không chỉ ở hành vi mà còn ở cả ý thức, suy nghĩ bên trong của con người. Trong "Thập thiện" của Phật giáo có tới ba giới răn về ý: không tham lam, không giận dữ, không tà kiến. Đương thời,

đức Phật nhiều lần nhắc nhở đệ tử phải biết hổ thẹn, tức là đạo đức phải biết xuất phát từ tâm. Người khẳng định: "Sự hổ thẹn là phục sức đẹp nhất trong mọi thứ phục sức, sự hổ thẹn có năng lực để chế ngự mọi thứ phi pháp của con người"[5]. Phật dạy đệ tử: "Đối với người nói dối không biết hổ thẹn, không tội lỗi xấu xa nào mà người ấy có thể không làm. Do đó, La-hầu-la, con phải cố gắng lập tâm dù trong lúc chơi đùa thôi cũng không nói dối"[6]. Như vậy, đối với Phật giáo, một người có đạo đức tốt là người không chỉ có hành vi tốt mà quan trọng hơn là hành vi đó phải xuất phát từ thiện tâm, thiện ý.

Khi phân tích về ảnh hưởng của Phật giáo đến đạo đức xã hội, có nhà nghiên cứu khẳng định rằng: "Tuy trong dân gian không phải ai cũng hiểu hết ý nghĩa sâu xa về ái, ố, hỉ, nộ, từ bi, hỷ xả, nhưng hễ cứ nghe đến, nhắc đến những từ này, là người ta tưởng tượng, hình dung ngay đó là một sự hiền hòa, phúc đức"[7]. Thật vậy, những hình ảnh cao đẹp về lòng từ bi trong biểu tượng về đức Phật cùng với không gian thiêng liêng của các ngôi chùa, từ lâu đã trở thành chỗ dựa tinh thần để con người xây đắp một cuộc sống chí thiện, chí mỹ trong cuộc sống thực tại. Bên cạnh đó, thông qua việc tham dự các nghi lễ của Phật giáo, con người được bồi đắp tinh thần đoàn kết, cố kết cộng đồng, tinh thần tương thân tương ái, nên họ hình thành nếp sống, lối ứng xử cao đẹp.

Kết luận

Như vậy, từ cái ngoại lai khi vào nước ta Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam tiếp nhận và phát triển tương đối rộng rãi để trở thành cái bản địa, từ cái xa

---

5. Thích Viên Giác (2004), Kinh Di giáo lược giải, nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr 124.

6. Warada Thera: Đức Phật và Phật pháp (1991), bản dịch của Phạm Kim Khánh, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, tr 133.

7. Nguyễn Đăng Duy (1999), Phật giáo với văn hóa Việt Nam, nxb Hà Nội, tr 305.

lạ trở thành cái thân thuộc với dân tộc. Đạo đức Phật giáo thực sự đã bám rễ vào đạo lý truyền thống dân tộc ảnh hưởng sâu sắc đến tâm lý lối sống, phong tục tập quán của con người. Đối với con người Việt Nam, đạo đức Phật giáo không chỉ là tính triết lý mà quan trọng hơn là hành vi mang tính thiện. Họ tiếp thu Phật giáo không phải với tư cách là một hệ tư tưởng với các giáo lý cao siêu mà là những điều rất gần với tâm tư tình cảm của mình. Người dân Việt Nam đã tìm thấy ở Phật giáo một chỗ dựa tinh thần, một niềm tin và một sự cảm thông, đồng điệu. Phải chăng chính bởi những lý do trên mà đã tạo cho Phật giáo có một sức sống lâu bền đến ngày nay. Gần 2.000 năm qua, Phật giáo đã đi vào đời sống tâm linh vượt ra khỏi khuôn khổ của tín ngưỡng tôn giáo trở thành một nét văn hóa độc đáo của đời sống con người Việt.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu (1995): Những lời Đức Phật dạy về hòa bình và giá trị con người, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành.

2. Võ Đình Cường (1986), Mấy suy nghĩ về tính nhân bản của Phật giáo, Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch ử tư tưởng Việt Nam, Viện Triết học.

3. Nguyễn Đăng Duy (1999), Phật giáo với văn hóa Việt Nam, nxb Hà Nội.

4. Nguyễn Khắc Đức (2008), Vai trò của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 7/2008.

5. Giáo trình đạo đức học (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Đặng Thị Lan (2006), Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam, Nxb Đại học Quốc gia.

7. Vũ Ngọc Phan (2002), Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Nxb Văn học.

8. Thích Viên Giác (2004), Kinh Di giáo lược giải, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

9. Hoàng Thị Thơ (2002) Đạo đức Phật giáo với xây dựng nhân cách con người Việt Nam,Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 1/2002.

10. Warada Thera: Đức Phật và Phật pháp (1991), bản dịch của Phạm Kim Khánh, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.



Nỗi niềm tháng bảy Vu lan

ĐOÀN TẤN THUẬN

Hằng năm tháng bảy Lễ Vu lan
Gợi lại cho mình nỗi trở trăn
Thuở bé mồ côi cha mẹ sớm
Đền ơn trả hiếu tủi vô vàn!

Từ khi vắng bóng mẹ cha rồi
Nương tựa người thân sống nổi trôi
Giỗ chạp hằng năm dâng quả bánh
Cầu mong cha mẹ vãng sanh thôi

Nay được quy y Phật, Pháp, Tăng
Giúp mình từng bước nhận ra rằng
Tứ ân cần nhớ năng bồi đắp
Cha mẹ, tôn sư, ơn xóm làng...

Hiếu nghĩa, hiếu trung luôn nhắc ta
Vẹn lòng với nước, với ông cha
Nhớ ơn Thầy Tổ, ơn cha mẹ...
Ơn chiến sĩ gìn biển đảo xa.

NHÌN THẤU-BUÔNG XUỐNG

HUỲNH VĂN ƯU

Chúng ta đi chùa thường nghe quý thầy, quý sư dạy nào là đời vô thường, buông bỏ. Trong câu chuyện, chúng tôi muốn nói hôm nay có hai vế (ý) là "nhìn thấu" và "buông xuống". Phật tử đi chùa chỉ nghe quý thầy dạy mỗi một vế buông xuống, khi về nhà cho đó là lời Phật dạy rồi công ăn việc làm gần như để qua một bên (quên hết bỏ sạch), nếu có làm cũng không thiết tha cho lắm, bởi đời vô thường chết nay sống mai nào có gì bền lâu, mọi việc đều buông bỏ. Chắc vì có suy nghĩ như thế, nên chúng ta thấy không ít người đi chùa, gia đình không êm ấm mà lại có chuyện lục đục cãi vã mất đi hạnh phúc. Điều nầy chúng ta cần phải quan tâm, giải thích tường tận để Phật tử hiểu đúng và làm đúng. Đó cũng là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

Người đời thường cho rằng sống một kiếp người có ý nghĩa là phải làm cái nầy cái nọ, lưu danh hậu thế, nhưng xin thưa: Sống một kiếp người mà không biết tu thì xem ra quá uổng phí, vì dù có làm được gì thì cuối cùng cũng phải đoạ lạc trong ba đường dữ, có để lại được gì cho con, cho đời thì cuối cùng họ cũng bị đoạ lạc như chúng ta mà thôi. Đức Phật khuyên chúng ta nên hiểu bản chất kiếp người là Vô thường, là Khổ là Không để chúng ta buông xả, tâm không làm điều ác chứ không phải vô trách nhiệm không làm gì hết. Mặt khác, đức Phật lại nói kiếp người rất quý, phải biết tận dụng từng phút giây để sống cho có ý nghĩa, lợi người lợi mình. Nhìn thấu là nhìn thấu suốt, tất cả pháp thế gian và xuất thế gian hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ sự thật, hiện tượng rồi còn hiểu rõ nhân quả, đây mới gọi là hiểu thấu. Còn buông bỏ là buông bỏ vọng tưởng,

phân biệt chấp trước, buông bỏ kiến tư phiền não buông bỏ vô minh phiền não, buông bỏ trần sa phiền não, không phải buông bỏ tất cả mọi việc, không được hiểu sai. Trên con đường tu tập, trong đời sống hàng ngày chúng ta thường gặp những chuyện không vừa ý, tâm tham, sân, si liền nổi lên, đây là ba độc dẫn đến ba đường ác, khi quả báo đến mới thức tỉnh thì đã muộn. Chính điều nầy, chúng ta cần phải suy nghĩ rõ ràng trước khi làm, đem những điều này giảng nói cho mọi người thông hiểu, để tự quan sát, phản tỉnh. Một khi thất bại trong cuộc sống, hay mất mát chút ít tiền tài, một lời nói trái nghịch người khác đem đến cho mình thì sinh ra bực dọc, nổi giận đùng đùng đem lòng hận thù, đôi khi còn nói hãy đợi đấy (quyết trả thù mười năm chưa muộn). Bởi vì dính mắc tham, sân, si, phiền não không buông, nhưng nào có biết đó chỉ là: Mộng huyễn bào ảnh:

"*Nhất thiết hữu vi pháp* 一切有为法
Như mộng huyễn bào ảnh 如夢幻泡影
Như lộ diệc như điển 如露亦如電
Ưng tác như thị quán" 應作如是觀

Trong kinh Niết-bàn cũng nói:

"*Chư hành vô thường*; (諸行無常
Thị sinh diệt pháp; 是生滅法
Sinh diệt diệt dĩ; 生滅滅已
Tịch diệt an lạc" 寂滅安樂)

Trên bước đường tu tập, hành giả nên tránh nơi ồn náo mới buông bỏ tranh luận đúng sai, trách cứ, buông bỏ quá khứ, buông bỏ biếng nhác, tiêu cực, không sợ hãi trước khó khăn; còn phải buông bỏ thị phi, khi ta làm việc thiện lành, xả thân cho đời như bố thí, từ thiện… Nói chung là chuyện xã hội, ta làm tốt ít người quan tâm mà lại có nhiều lời ra tiếng vào, khi gặp nghịch cảnh ta cũng quyết buông bỏ mới đi đến thành công. Buông bỏ xấu ác thị phi thì có nhiều, là phàm



phu trên bước đường tu tập, ta phải nhìn thấu rồi mới buông bỏ, đừng mới nghe hai chữ buông bỏ rồi vội về nhà buông bỏ hết, kể cả cơm ăn cũng buông bỏ thì còn gì tánh mạng để tu tập, ta hãy xem những vật chất, những điều kiện chỉ là phương tiện đừng bám chặt lấy nó. Ngày xưa, đức Phật tu khổ hạnh sáu năm chỉ còn da bọc xương, nếu Phật tiếp tục như thế thì hôm nay ta đâu được lời giáo huấn, nhờ bát sữa của thiếu nữ Tu Xà Đa mà đức Phật tiếp tục sống và đạt được bậcVô thượng Chánh Đẳng chánh giác.

Ở cõi đời nầy, chúng ta chỉ là khách qua đường, trải qua biết bao cảnh sinh ly tử biệt, những cơn mưa gió bão bùng, những ngày nắng nóng cháy da, rồi còn bôn ba cuộc sống mệt nhọc, lúc khóc, lúc cười, khi tủi nhục, quạnh quẻ, cô đơn, bụi trần đắng cay, ngọt bùi nếm đủ. Đời người là một chặng đường tu dưỡng, chúng ta đã trải qua, hiểu biết nhiều thêm, có cái nhìn sáng suốt hơn, nên phải nhận ra rằng, biết buông bỏ đúng lúc, kịp thời (không sợ mê, mà sợ giác chậm) thì con đường nhân sinh trước mắt, càng bước càng nhìn rõ phương hướng đường đi lối về, càng bước lại càng thấy thênh thang, bất tận, cuộc sống như bất động, chan hoà giữa ánh sáng ban mai.

Sống không giận hờn không oán trách
Sống mỉm cười trước thử thách chông gai
Sống vươn lên cho kịp ánh ban mai
Sống chan hoà với những người cùng sống
Sống là động nhưng lòng luôn bất động
Sống là thương nhưng lòng chẳng vấn vương
Sống hiên ngang danh lợi xem thường
Tâm bất biến giữa vòng đời vạn biến.

Trong "Kinh Kim Cang" mục đích chính là khuyên bảo dạy dỗ chúng ta hiểu rõ thấu suốt bản chất chân tướng của vạn sự vật, buông xả tất cả, chân thành niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Ngoài ra, đức Phật thuyết "Kinh Bát Nhã" hai mươi hai năm, mục đích là dạy chúng ta "Nhìn thấu; Buông xuống". Tại sao hai mươi năm giảng kinh Bát Nhã, cuối cùng chung quy lại bốn chữ "Nhìn thấu;

Buông xuống". Con đường tu tập Phật pháp tóm lại không rời "Giới, Định, Tuệ". Giới chính là nắm giữ Phật pháp quy củ mà đức Thế Tôn đã dạy. Điểm then chốt vô cùng quan trọng của việc tu hành chính là "Định", "Định" chính là tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh thì đối với nghịch cảnh hay thuận cảnh đều tu tập được cả, chẳng còn bị hoàn cảnh quấy nhiễu, hoặc làm ô nhiễm. Khi có Định thì phát sinh Huệ, Huệ chính là nhận thấu (rõ) việc thiện ác, đúng sai, đây là trí huệ chân thật, tuyệt đối. Chúng ta sống ở thế gian phải làm tròn bổn phận và trách nhiệm, dù gặp phiền não đừng để tâm dính mắc, chấp trước vào công việc. Khi tâm dính mắc mà không buông xuống thì dù làm nhiều hay ít làm cũng không lợi lạc gì cho mình và người. Kinh "Kim Cang" nói "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm".

Chúng ta không nhìn thấu và không buông bỏ thì nghìn thu vẫn ở trong vòng sinh tử khổ đau. Trong cuộc sống hàng ngày cho chúng ta thấy rõ những người dính mắc không buông bỏ như những người nghiện ma tuý, dù được nhà nước cho đi cải tạo, khi về người nào bỏ được thì cuộc đời thay đổi, người nào không bỏ được thì lao vào đường cùng bế tắc trong cuộc sống. Đó hình ảnh cụ thể trong xã hội hiện nay ai cũng thấy cũng biết, còn biết bao điều dính mắc về thị phi, hơn thua, nhân ngã đưa đến thân bại danh liệt, phiền não khổ đau của con người xoay quanh 12 từ: "Buông không đành; nhìn không thấu; nghĩ không thông; quên không được".

Chúng ta hãy nhìn lại trong kinh Niết-bàn có nói lúc Phật tu nhân, khi còn là Bồ-tát, vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân, có lẽ nhiều vị đã biết rồi, nhưng cũng cần nhắc lại để nói lên việc buông bỏ là cần thiết cho bước đường tu tập. Do vì tâm đức Phật cầu pháp tha thiết, thiên thần trông thấy, trời Đế Thích trông thấy, cố ý biến thành một con quỷ La Sát đến nói hai câu kệ: "*Các hành vô thường, Là pháp sinh diệt*" rồi không nói tiếp phần sau. Người cầu pháp liền hỏi "Còn phần sau thì sao?". Quỷ nói: Phần tiếp theo ta không có sức, nên nói không nổi nữa, bụng ta đói, không có gì để ăn. Người ấy nói: -Ngài muốn ăn gì? - Ta muốn ăn thịt người. Bồ tát (đức Phật)

liền phát tâm: "Tôi sẽ xả thân, trao cái thân nầy cho Ngài, xin Ngài nói nốt hai câu cuối được chăng?". Vì pháp xả thân. Quỷ La sát thấy Bồ tát thành tâm như thế, nói hai câu kệ cuối xong, Bồ tát thật sự xả thân mạng để cúng dường. Hai câu kệ cuối là: "*Sanh diệt dứt rồi, Tịch diệt là vui*". Khi ấy, quỷ bèn hiện lại thân Đế Thích, cúng kính lễ bái, cúng dường người ấy. Đấy là chuyện khi còn tu nhân, Phật đã xả thân cầu pháp, chẳng tiếc thân mạng, vì cầu đạo vô thượng, sao chúng ta không theo gương Phật mà cố bám víu vào danh văn lợi dưỡng, như thế có uổng phải một đời chăng?

Trên bước đường tu, chúng ta không buông xả được như đức Phật thì ít ra trong sinh hoạt thường nhật, trong công việc sinh sống hàng ngày, xử thế, đãi người, tiếp vật cũng phải buông bỏ phiền não, vọng tưởng, không phân biệt chấp trước thì việc tu tập mới đạt được lợi ích, nếu bằng trái ngược thì con đường phía trước mờ mịt chẳng có hy vọng đôi khi còn nguy hiểm khôn lường, nguyên nhân do nắm chặt không buông bỏ gây nên. Hãy nhìn chú khỉ kia cũng vì tham đắm chút lợi dưỡng mà tánh mạng không còn: Người đánh bẫy khoét bề mặt trái dừa một lỗ vừa tay chú khỉ thò vào khi tay không nắm lại, rồi người thợ săn bỏ ít đậu phộng vào trái dừa và đặt nơi bầy khỉ thường lui tới và để ít đậu phộng chung quanh trái dừa. biết chắc sớm muộn gì chú khỉ háu ăn xấu số cũng mò tới, trước nó ăn hết hạt đậu trên mặt đất, rồi sẽ tìm thấy quả dừa bên trong có đậu phộng, chúng rất khoái chí thò tay vào trái dừa để lấy đậu phộng ăn, nó sẽ không rút tay ra được vì bấy giờ đang nắm chặt giữ lấy đầy các hạt đậu phộng, dù cố gắng xoay xở để rút tay ra nhưng cũng không thể thoát được. Điều chú khỉ muốn thoát là phải buông bỏ những hạt đậu để được tự do, nhưng nó không muốn làm điều đó, cho nên cái chết không thể tránh khỏi. Đó cũng là bài học không buông bỏ, cố nắm chặt chỉ vì một ít lợi dưỡng mà phải chịu khổ đau. Cho nên trong đời sống hàng ngày chúng ta phải tập buông xả để thoát khỏi khổ đau và có được nhiều hơn. Sách "*Gia ngôn lục*" từng nói: "Khi trong tay bạn nắm chặt một vật gì mà không buông xuống, thì bạn chỉ có mỗi thứ ấy, nếu bạn chịu buông xuống, thì bạn mới có cơ hội

chọn lựa những thứ khác. Nếu một người luôn khư khư với quan niệm của mình, không chịu buông xuống thì trí huệ chỉ có thể đạt đến ở một mức độ nhất định nào đó mà thôi".

Để trang bị mình có bài học "Nhìn thấu và buông xuống", chúng ta phải nắm được cương yếu, tổng cương lãnh của Bát Nhã. Điều nầy cổ nhân đã làm thay cho chúng ta rồi, bây giờ chúng ta chỉ dựa theo kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa tiện lắm. Giản tiện tinh yếu hơn nữa thì có lẽ mỗi vị đồng tu hàng ngày nên niệm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Chúng ta lấy đó làm tiêu chuẩn tu hành, sửa đổi cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của mình. Về phương diện ứng dụng Bát Nhã, chúng ta chỉ cần nắm được hai câu cuối trong một bài kệ của kinh Kim Cang: "*Bất thủ ư tướng, như như bất động*", hai câu nầy diễn tả là "buông xuống" (phóng hạ) và bài kệ cuối cùng trong kinh Kim Cang "*Nhất thiết hữu vi pháp, Như mộng huyễn bào ảnh, Như lộ diệc như điển, Ưng tác như thị quán*" (Hết thảy các pháp hữu vi, Như mộng huyễn, bọt, bóng, Như ánh chớp, như giọt sương, Nên thường quán như vậy) Bốn câu kệ nầy "thấy thấu suốt" (khám phá). Dùng bốn câu kệ nầy để thấy thấu suốt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Đức Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thậm chí hết thảy chư Phật vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, toàn bộ là pháp hữu vi. Pháp hữu vi là mộng, huyễn, bọt nước, ảnh. Vì thế Phật mới bảo "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp" (pháp còn phải bỏ huống chi là phi pháp). Hai câu kệ trước và bài kệ nầy là nói đến thấy thấu suốt và buông xuống, có thể thấy thấu suốt và buông xuống được thì chẳng cần biết là tu học theo tông phái nào hay pháp môn nào, quý vị đều có thể thành công trên bước đường giải thoát. Nếu quý vị buông xuống thì quý vị mới thực sự cầu đạt giải thoát. Chữ "giải" nầy là giải trừ, giải trừ hết phiền não ràng buộc. "Thoát" là thoát ly lục đạo sanh tử luân hồi. Người thật sự giác ngộ đối với những sự nghiệp thế gian đều buông xuống hết. Nói "sự nghiệp thế gian" là chỉ những sự nghiệp tạo luân hồi lục đạo mà thôi.

PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO tỉnh Hải Dương từ 1934 đến 1945

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG

Năm 1934, ở Bắc Kỳ, nhờ nỗ lực hoạt động của nhóm Phật học tùng thư mà nòng cốt là các sư ông Trí Hải, Đỗ Trân Bảo (Thái Hòa, Tâm Bảo), Vũ Đình Ủng (Hải Châu, Tâm Ứng), Lê Toại, Trần Văn Giác, Nguyễn Hữu Kha (Thiều Chửu), một hội nghị trù bị thành lập Hội Phật giáo được tổ chức tại chùa Quán Sứ nhằm ngày rằm tháng Bảy - Phổ độ Trung Nguyên năm Giáp Tuất (1934). Một Ban Quản trị Lâm thời được lập soạn thảo đơn xin phép thành lập Hội và dự thảo Điều lệ kèm theo. Và, ngày 6 tháng 11 năm 1934, nhà cầm quyền Bắc Kỳ ký Nghị định số 4283 cho phép thành lập Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Hội viên sáng lập gồm 5 tăng sĩ và 27 cư sĩ, do Tổng đốc trí sĩ Nguyễn Năng Quốc làm Chánh Hội trưởng, Hòa thượng Thích Thanh Hanh làm Trưởng ban Chứng minh Đạo sư, năm 1936 suy tôn lên ngôi vị Thiền gia Pháp chủ. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 1935, tuần báo *Đuốc Tuệ* - cơ quan ngôn luận của Hội ra số đầu tiên.

Tháng 1 năm 1935, Hội thành lập *Ban Khảo cứu Phật học*, do học giả Trần Trọng Kim làm Trưởng ban, nhiều trí thức cựu học và tân học làm ủy viên trong đó có các ông Trần Văn Giáp, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Quang Oánh là người quê Hải Dương hoặc đang là quan chức tại tỉnh nhà như ông Nguyễn Huy Xương[1].

---

1. Biên bản số IX , Tập Kỷ yếu Hội Phật giáo Bắc Kỳ, *1935*.

Ngày 17-3, Ban Quản trị Trung ương họp, quyết định: "cấp cho ông Nguyễn Trọng Thuật mỗi tháng 20$00 để ông lưu trú ở Hà Nội mà làm Thư ký cho Ban Khảo cứu[2];

Phong trào Phật giáo ở Hải Dương lúc bấy giờ đang trên đà phát triển, lại có sự giúp đỡ của các vị như Nguyễn Trọng Thuật, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Ngọc… là thành viên Ban Quản trị Trung ương Hội nên ngày 22 tháng 4 năm 1935 (20-3 năm Ất Hợi), Ban Đại lý Phật giáo (BĐLPG) tỉnh Hải Dương đã được thành lập. Hội quán đặt tại chùa Đông Thuần gần thị xã Hải Dương. Trưởng ban bên Tăng (TBBT) là sư cụ Tâm Liên, trụ trì chùa An Ninh (tức chùa Trăm Gian), huyện Nam Sách, Hải Dương. Trưởng ban bên tại gia (TBTG) là quan Bố chánh Nguyễn Huy Xương.

Tại đại hội đồng thường niên Hội tại chùa Quán sư ngày 10 tháng 5 năm 1935 phái viên BĐLPG Hải Dương thỉnh cầu xin xây lại chùa Hội quán Đông Thuần vì hiện tại chùa rất chật hẹp. Dự tính làm chùa mới hết 3000$. Nhưng lúc bấy giờ Ban Quản trị Trung ương không thể giúp chi hội về tài chính được, vì Trung ương cũng đương trù liệu xây lại chùa Quán Sứ; Ngày 23-6-1935, Ban Quản trị họp, ưng thuận để Chi hội tự quyên lấy tiền mà làm5[3].

Ngày 22 tháng 8 năm 1935, Ban Quản trị Trung ương họp chuẩn y BĐLPG Hải Dương bầu cụ Trần Văn Đại, Tuần phủ hưu trí làm Trưởng ban Đại lý Hội Phật giáo tỉnh, thay quan Bố chánh Nguyễn Huy Xương thăng chuyển tỉnh khác.

Ngày 29 tháng 8 năm 1935, BĐLPG huyện Tứ Kỳ thành lập. TBBT là sư cụ Nguyễn Văn Tường trụ trì chùa Gia Xuyên, TBTG là nghị viên Phạm Văn Huống xã An Lão, Hội quán đặt tại chùa Gia Xuyên.

Ngày 25-26 tháng 8 năm 1935, BĐLPG tỉnh Hải Dương đã xuống chùa làng Ninh Xá, phủ Kinh Môn để làm chay bắc cầu phả độ cho vong hồn những người bị nạn đắm tàu Chấn Long ngày 8 tháng 8 năm 1935.

---

2. Biên bản số XVI, Tập Kỷ yếu Hội Phật giáo Bắc Kỳ, *1935.*
3. Biên bản số XXVII, Tập Kỷ yếu Hội Phật giáo Bắc Kỳ, *1935.*

Buổi làm chay có quan Tuần phủ trí sĩ Trần Văn Đại-Đại biểu và ông Đỗ Công Chân-Thư ký; 6 vị sư và Ban Hộ niệm Hội Phật giáo Hải Dương.

Thuyền ghé vào chùa An Ninh để thỉnh kinh, rước xuống thuyền rồi thuận dòng thẳng đến Ninh Xá. Đến nơi đã thấy dân sở tại đem long đình, hương án, cờ quạt và chiêng trống đứng đón ở bờ sông.

Bắt đầu vào việc làm chay, tiếp linh ngay bên cạnh chỗ tàu đắm. Tràng phan phất phới theo chiều gió khi lên khi xuống như hòa với tiếng bổng trầm của một ông trong Ban Hộ niệm cất giọng đọc bài độ vong nghe rất não nùng ai oán. Xong, rước linh vào chùa làng Ninh Xá để cúng Phật tụng kinh, cắt kết. Khách thập phương thiện tín đến chỗ ước đến 2000 người. Quan phủ Kinh Môn được tin Hội Phật giáo làm chay đã cử 1 cai và 3 lính cơ về đây giữ trật tự. Đến hôm sau, Ban Đại biểu từ giã Ninh Xá ra về[4].

Ngày 20 tháng 10 năm 1935, BĐLPG huyện Ninh Giang, Hải Dương thành lập. TBBT là sư cụ Tạ Uyên Sào trụ trì chùa Phù Mã, xã Mai Sơn, tổng Kê Sơn, phủ Vĩnh Bảo, Hải Dương, TBTG là ông Bùi Khắc Ngữ, Hội quán đặt tại chùa Sùng Quang, Đỗ Xã, huyện Ninh Giang.

Ngày 29 tháng 11 năm 1935, BĐLPG huyện Kim Thành thành lập. TBBT là sư cụ Phạm Chính Đức trụ trì chùa Quang Khánh làng Dưỡng Mông, Kim Thành. TBTG là chánh tổng Nguyễn Văn Điện[5].

Ngày 16 tháng 1 năm 1936, BĐLPG huyện Chí Linh thành lập. TBBT là sư cụ Tâm Khang trụ trì chùa Triều Âm, Đồng Đôi, Chí Linh, TBTG là ông Trịnh Đình Vỵ, Hội quán đặt tại chùa Côn Sơn, Chúc Cương, Chúc Thôn, tổng Chí Nghĩa, Chí Linh.

Ngày 12 tháng 2 năm 1936 (20-1 năm Bính Tý), lễ khánh thành BĐLPG chùa Hun (tức chùa Côn Sơn) ở huyện Chí Linh. Các ông Lê Dư, Nguyễn Trọng Thuật và Dương Bá Trạc đã về dự.

Ngày 29 tháng 10 năm 1936 (16-10 Bính Tý), khánh thành

---

4. Báo Trung Bắc Tân Văn *số ra ngày 3-10-1935.*

5. Các sự kiện trên dựa theo sách Biên niên sử Phật giáo miền Bắc (1920-1953) *của Nguyễn Đại Đồng, Nxb Tôn giáo, 2008.*

CHPG Gia Lộc, Hải Dương. Chánh Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, tổ Bằng Sở, các ông Lê Dư, Bùi Kỷ, Trần Tuấn Khải về dự.

Ngày 13 tháng 4 năm 1937 (Đinh Sửu), khánh thành BĐLPG chùa Kính Chủ, phủ Kinh Môn, Hải Dương. Hội quán tại chùa Kính Chủ (Thạch Sơn động) TBBT là sư cụ trụ trì bản tự, TBTG là ông Nguyễn Tử Tư. Chánh Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc, sư cụ Tế Cát, các ông Á Nam Trần Tuấn Khải, Lê Dư, Nguyễn Trọng Thuật về dự.

Ngày 15 tháng 9 năm 1937, khánh thành chùa Hội quán của CHPG Hải Dương. Chùa Đông Thuần ở ngay bên vệ đường số 5 khi qua phố Maréchai Toffre thị xã Hải Dương. Chùa đồ sộ nguy nga, ở trong có thể chứa được hàng nghìn người đến lễ. Ông Trần Văn Đại Chánh Đại lý CHPG Hải Dương là người có công lớn trong việc này.

Ngày 20 tháng 8 năm 1938 (15-7 Mậu Dần), tại chùa Đông Thuần đã bỏ vàng mã, đây là một cải cách lớn thực hành tại CHPG Hải Dương. Cầu nguyện đức Phật phù hộ cho tất cả mọi nơi từ Hội Trung ương cho đến các chi hội các nơi, đâu đâu các giáo hữu cũng giác ngộ mà thực hành việc cải cách về tinh thần ấy - là việc bỏ vàng mã. Một Phật sự nổi bật Phật giáo xứ Bắc trong thời kỳ này là việc CHPG Hải Dương đã lập một Ban Kịch do cư sĩ Đỗ Công Chân - Chánh Thư ký BĐLPG tỉnh phụ trách. Diễn viên là các nhà thân hào cùng các viên chức trong thị xã lại là hội viên CHPG. Mục đích để giúp các việc công đức, việc từ thiện cùng các việc nghĩa khác, diễn những vở có tính cách tuyên truyền giáo lý, khuyến thiện, khuyến tu. Các tài tử trong Ban đều tận tâm vì đạo ra công luyện tập đã lột tả được tinh thần các vai trong vở. Bấy giờ Hội được phép đưa Ban Kịch đi diễn các phủ, huyện thuộc tỉnh Hải Dương, trước là tuyên dương giáo lý, khuyến hóa nhân tâm, sau lấy tiền để mở mang các việc công ích và chấn hưng Phật giáo. Công cuộc được tiến hành, đến đâu đều được công chúng hoan nghênh[6].

---

6. Đuốc Tuệ *số 103 ra ngày 15-2-1938 (Mậu Dần).*



Tối ngày 11-3-1939, Ban Kịch Phật giáo Hải Dương biểu diễn vở *Quả báo luân hồi* (do ông Đinh Xuân Thuyết ở Chi hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình sáng tác) phục vụ các hội viên tại chùa Hội quán Đông Thuần ở gần sân vận động thị xã Hải Dương. Ban Kịch đã đi diễn ở 4 phủ, huyện đến đâu cũng được hoan nghênh. Tại Vĩnh Bảo bán được 600$00 tiền vé, cúng cho Hội Thể thao hơn 100$00. Ông Trần Văn Đại, Chánh Đại lý Hải Dương đã mời Chánh Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc và mấy vị cư sĩ trên Trung ương Hội về xem. Tháng 8 năm 1939, Hội trưởng Hội PGBK Nguyễn Năng Quốc kính đạt tôn ông Chánh Đại lý cùng các CHPG địa phương: "... về phần tôi, tuổi ngày một già, mỗi ngày một yếu tự liệu không còn đủ sức để đảm đương hết thảy mọi việc cho được hoàn toàn, nên tôi xin từ chức Chánh Hội trưởng để Hội bầu người khác thay tôi. Nhưng vì các ban đồng chí cố sức giữ lại không cho tôi từ chức nên tôi phải bàn với Ban Quản trị Trung ương mời cụ Trần Văn Đại lên sung chức Phó Hội trưởng và mời cụ trông coi các việc thơ từ vãng lai với các chi hội và trông coi các việc nội tại trong Hội giúp tôi.

Cụ lớn Trần là một bậc khoa danh lão thành lại sẵn có nhiệt tâm vì đạo, chắc các giáo hữu đã biết và sau đây chắc là cụ sẽ giúp tôi mà làm cho đạt tới mục đích chấn hưng."

Ban Kịch CHPG Hải Dương diễn 2 tối lấy tiền mua áo rét cho binh sĩ người Việt tham gia đại chiến bên Pháp. Tối 9 tháng 11 năm 1939 vở *Quả báo luân hồi* tại rạp Sélect. Tối 10 tháng 11 năm 1939 diễn vở *Tu là cõi phúc*. Cả 2 buổi thu 424$20, Hội nộp lên chính quyền tỉnh, các phí của 2 buổi biểu diễn là 57$95 thì Chi hội Hải Dương trích tiền quĩ Hội ra chi không tiêu vào tiền bán vé.

Ngày 2 tháng 12 năm 1940 (Canh Thìn) sư cụ Trịnh Mạnh Đinh, Giám viện chùa Côn Sơn đã cúng cho Hội Phật giáo Bắc Kỳ ngôi chùa Côn Sơn là một nơi phát tích của tổ Huyền Quang đời Trần. Ngày 15-12-1940 (17-11 âm lịch), ngày vía đức Di Đà tại Hội quán Trung ương (chùa Quán Sứ) đã làm lễ cất nóc chùa chính điện. Sau lễ cất nóc Ban Thiền học đã họp. Đúng 12 giờ khai mạc hội đồng, có mặt quí Hòa thượng: Phan Trung Thứ, Phúc Chỉnh, Tế Cát, Hương Tích, Bát Mẫu, Chánh Giám viện và Phó Giám viện trường Thiền học, các Thượng tọa: Trí Hải và Thái Hòa do Hòa thượng Phan Trung Thứ chủ tọa. Hội đồng đã bàn và quyết định:

1) Cử Thượng tọa Tố Liên đi trụ trì chùa Côn Sơn và trông nom khai thác 50 mẫu ruộng ở xung quanh chùa (thực tế chỉ cấy được 20 mẫu, còn lại là hoang thảo phải khẩn điền khai sơn mà cầy cấy trồng trọt).

2) Bàn việc làm Tùng lâm Côn Sơn, Hội đồng đã nhất trí cử Hòa thượng Phan Trung Thứ (tổ Bằng Sở) sung Chánh trụ trì, Hòa thượng Triều sung Phó trụ trì, Hòa thượng Tuệ Tạng (tổ Cồn) sung Chánh thủ tọa, sư cụ Thọ trụ trì chùa Ngái sung Chánh Duy na. Thượng tọa Thanh Đinh (Trịnh Mạnh Đinh nguyên Giám viện chùa Côn Sơn) sung Phó Duy na kiêm Tri khách, Đại đức Thanh Đỗng là Thư ký kiêm Tri tạng, Đại đức Thanh Hạnh làm Phó Giám tự, Thượng tọa Tố Liên làm Phó Phó tự.



Ngày 22 tháng 5 năm 1941, CHPG Hải Dương họp Đại hội đồng thường niên do Chánh Đại lý Trần Văn Đại chủ tọa. Sư cụ An Ninh ngồi ghế Chứng minh. Hội đồng đã bầu sư cụ An Ninh Trần Chấn Đức làm Chánh trụ trì kiêm TBBT thay sư cụ Hòa Xá Vũ Đình Chân mới thị tịch, sư cụ An Tĩnh Tạ Đăng Mẫn làm Phó trụ trì thay cụ An Ninh, ông Bùi Đăng Khoa - Lục sự tòa án Hải Dương làm Phó Đại biểu thứ nhất thay Tham tá Địa chính Nguyễn Đức Khởi chuyển đi Sơn Tây. Hội đồng quyết định cuối năm nay sẽ đúc một quả chuông thông thủy 1 thước 2 tấc ta dự tính 1200$00.

Tháng 2 năm 1942, do Phó Hội trưởng Trần Văn Đại từ chức vì bệnh duyên, Hòa thượng Viên Hải ở chùa Đào Viên, Thanh Hóa đương sung chức Phó Đốc giáo Ban Thiền học và lại thường trụ ở Hội quán Trung ương, bầu Hòa thượng làm Phó Hội trưởng thứ 2. Cử tọa nhất trí.

Các vị đại biểu các Chi hội Phật giáo Hải Dương, Nam Định, Nam Sách và Kiến Thụy trình hội đồng rằng có nhiều vấn đề cần phải chấn chỉnh để thi hành cho được duy nhất; đại khái như y phục của chư tăng, chương trình các ngày đại lễ ở các chi hội, các hội viên phải mua đủ huy hiệu và phải đeo trong các ngày đại lễ. Ông Phó Hội trưởng trả lời: hiện nay công việc của Hội ta phạm vi hết sức rộng, có nhiều việc về tinh thần cần thiết hơn nữa và những vấn đề nói trên Hội cũng đã lưu tâm từ trước. Xin các giáo hữu nhất tâm hợp tác với Trung ương về hết thẩy các phương diện thì kết quả mới mau thành tựu được.

Cuối năm 1944 (Giáp Thân), các Hội và toà báo ở Hà Nội như: Hội Phúc thiện, Hội Hợp thiện, Hội Quảng thiện, Hội Phật giáo, Hội Thánh (bên Công giáo), báo Đông Pháp, Ngọ Báo, báo Trung Bắc Tân Văn thành lập Ban Cứu tế mùa đông để giúp đỡ đồng bào thiếu áo chống rét. Đầu năm 1945 (Ất Dậu), tuy không bị đói kém trầm trọng như nơi khác, nhưng các làng lân cận chùa Hương Hải, huyện Nam Sách, Hải Dương cũng có một số người bị đói. Để chia sẻ nỗi khốn khó khổ cực cùng đồng bào, Hòa thượng Tuệ Tạng-

Thích Tâm Thi (tổ Cồn) trụ trì chùa Hương Hải đã cho tăng chúng xem xét số thóc chuẩn bị để ăn hàng năm của chùa, chỉ để lại cho gần 40 tăng ni đủ ăn cho đến tháng 6 là có lúa mới; mỗi ngày bữa sáng ăn cháo, bữa trưa ăn cơm nhưng cầm chừng, bữa tối không ăn, còn dư bao nhiêu đều đem chia ra nấu cháo đặc để phân phát cho đồng bào tới chùa buổi sáng, mỗi người một bát ăn tạm, để giữ lấy sức sống cho tới mùa gặt lúa chiêm. Việc phân phát kéo dài từ cuối tháng 2 đến tháng 5 năm 1945. Việc làm của tăng ni chùa Hương Hải đã giúp một số đồng bào qua được cơn đói.

Ngày 8 tháng 8 năm 1945 (1-7 Ất Dậu), sư Như Như về chùa Đông Thuần, Hội quán CHPG Hải Dương giảng về vấn đề "Phải tẩy trừ mê tín để nâng cao dân trí" theo thỉnh cầu của CHPG tỉnh lỵ Hải Dương.

Tạm kết

Trong phong trào chấn hưng Phật giáo từ 1934-1945 Phật giáo Hải Dương đã có nhiều thay đổi: các chi hội Phật giáo tỉnh, huyện được thành lập với đầy đủ hai ban bên tăng sĩ và bên cư sĩ với những hoạt động hoằng pháp và từ thiện xã hội khá phong phú. Chùa Côn Sơn được trao về Trung ương Hội và đặt trường Tiểu học Phật giáo với 15 tăng sinh tại chùa. Hòa thượng Tuệ Tạng về trụ trì chùa Hương Hải và mở rộng tùng lâm này với trên dưới 40 tăng ni sinh.

Phật giáo Hải Dương đã đi đầu trong phong trào bỏ tục đốt vàng mã và cải tiến nội dung tiến hành lễ Vu Lan -rằm tháng 7. Ngoài việc duy trì đều việc đặt mua và tổ chức đọc báo Đuốc tuệ, BĐLPG tỉnh đã thành lập Ban Kịch Phật giáo biểu diễn nhiều buổi phục vụ tốt cho việc hoằng dương giáo lý của đức Phật.

Tài liệu tham khảo

1. Báo *Đuốc Tuệ* từ 1935-1945.

2. Nguyễn Đại Đồng, *Biên niên sử Phật giáo miền Bắc từ 1920-1953,* Nxb. Tôn giáo, 2009.



Tín ngưỡng dân gian, MỘT BIỆN PHÁP BẢO TRỌNG CUỘC SỐNG

LƯƠNG THỊ THU *(Pháp danh Ngọc Trực)*
Lớp CHTXII Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM

Tín ngưỡng dân gian Việt Nam dựa trên niềm tin như một biện pháp bảo trọng cuộc sống, mong được yên lành; vừa như một yếu tố hỗ trợ thêm trong quá trình sản xuất; đồng thời như một phương thức để thực hành và giáo huấn đạo đức, luân lý, hướng con người đến chân, thiện, mỹ. Cơ sở hình thành tín ngưỡng dân gian xét về mặt tâm lí đó chính là niềm tin.

Tín ngưỡng ra đời và tồn tại trong đời sống cộng đồng dân tộc Việt Nam qua truyền thừa. Xét về địa lý, người Việt tựu cư ở trung, hạ lưu các con sông như sông Thái Bình, Thu Bồn, Hương, Cửu Long, Đồng Nai. Xét về nghề nghiệp, theo địa lý sông, biển nhiều nên nông ngư nghiệp nuôi trồng, hải thủy sản là chính. Do đó "Tín" các vị thần liên quan đến đời sống nông nghiệp rất đa dạng. Mà hễ nói đến nông nghiệp là nói đến lễ hội mùa xuân. Chính lễ hội giải quyết tín ngưỡng, là một trong những cách thức con người thực hành niềm tin. Vậy tín ngưỡng dân gian có những đặc điểm gì, trước hết chúng ta đi qua từng khái niệm. Tín ngưỡng là niềm tin, sự ngưỡng mộ đối với một đối tượng siêu nhiên nào đó có ảnh hưởng chi phối đến đời sống sinh hoạt con người.

Tín ngưỡng dân gian là một loại hình sinh hoạt tinh thần, ra đời và phát triển cùng với con người từ thuở sơ khai. Hai khái

niệm tín ngưỡng và tín ngưỡng dân gian [1] này gần như tương đồng. Tín ngưỡng dân gian còn gọi là tín ngưỡng truyền thống, là tín ngưỡng của các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, nó đều mang những đặc trưng của văn minh nông nghiệp. Hiện tượng tín ngưỡng dân gian đa thần có từ thời cổ xưa, bao gồm những tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, sùng bái thần linh, sùng bái con người, trong đó có những tập tục cúng tế, bói toán, lên đồng, xuất xứ từ những tín ngưỡng Saman giáo[2] cổ xưa.

---

*(1) Thuật ngữ "dân gian" mới được thông dụng trong nghiên cứu học thuật ở Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám, năm 1945, thay thế cho thuật ngữ "bình dân", "truyền khẩu". Dân gian nghĩa đen là dân chúng, thuộc về nhân dân, gắn với môi trường folklore (folk: người dân, klore: tri thức, kiến thức). Không nên hiểu dân gian là đơn giản, dễ dãi, thiếu tính bác học. Trong nghiên cứu học thuật, tính dân gian nên được hiểu là tính folklore. Một hiện tượng văn hóa mang tính dân gian (tính folklore) là khi nó thể hiện sinh động bản sắc nguyên hợp nhiều thành tố, đồng thời phát huy tác dụng trong môi trường sinh hoạt folklore. (*Từ điển Việt Nam văn hóa tín ngưỡng phong tục*, 2005, tr. 1031-1032)*

(2) Saman giáo được xem như một hình thức tôn giáo tập trung tín ngưỡng vào vô số các vị thần và linh hồn được tin là giao cảm với con người thông qua các pháp sư. Pháp sư là những người dàn xếp thực hiện các nghi lễ khác nhau, đôi khi đưa con người vào trạng thái thôi miên, để linh hồn của họ thoát khỏi thân xác để đi vào thế giới thần thánh và tâm linh. Các pháp sư có khả năng như vậy giữ vai trò là trung gian giữa con người và thần linh, thay mặt con người bày tỏ những ước muốn đến các bậc thần linh và truyền đạt ý chí của thần thánh đến với con người. Giáo sư TSKH Phan Đăng Nhật trong bài viết Cơ chế tín ngưỡng Sa man (SHAMANISM) và cơ chế tìm mộ bằng phương pháp đặc biệt*, có viết: Có người gọi là sa man giáo. Rành mạch hơn thì nên chỉ rõ đây là tín ngưỡng, chưa phải là tôn giáo, vì vậy, chúng tôi dùng thuật ngữ tín ngưỡng sa man, hoặc nói tắt là sa man. Thuật ngữ sa man có cội nguồn từ người Nga, tộc người tông gu dờ (tongouse). Có thể từ này bắt nguồn từ samana, tiếng Pali do ảnh hưởng của Ấn Độ đối với vùng Xibêri. Sa man trở thành một thuật ngữ quốc tế, người ta không dịch ra các ngôn ngữ quốc gia.*

Một trong những nguồn gốc của tín ngưỡng dân gian là con người từ thời cổ xưa chưa giải thích được những hiện tượng tự nhiên và trong đời sống xã hội. Tín ngưỡng dân gian có sức mạnh dai dẳng. Tại Việt Nam, tín ngưỡng dân gian sâu đậm ở nhiều tầng lớp. Người dân tin vào phúc thần, các thánh, các mẫu. Tín ngưỡng này chưa được nâng lên thành đạo và thường bị lợi dụng xuyên tạc thành những trò mê tín dị đoan. Hai khái niệm tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian có thể tương đồng về mặt cấu trúc và chức năng. Tín ngưỡng dân gian ở trong tất cả các dân tộc chứ không phải chỉ ở trong một nhóm người riêng biệt nào. Tín ngưỡng dân gian có tính xuyên văn hóa rộng rãi và tính đa dạng cao. Trong rất nhiều hoàn cảnh, tín ngưỡng dân gian như là một phần hoạt động của con người chỉ được hiểu như là một việc liên quan đến nghi lễ (Patrick B. Mullen, 2005). Tín ngưỡng dân gian thường khoác lên mình những biểu hiện sau:

Thứ nhất là tôn trọng và gắn bó mật thiết với thiên nhiên. Từ đó, xuất hiện tín ngưỡng sùng bái thiên nhiên như trời, đất, mây, mưa, sấm, sét, núi, sông...

Thứ hai là hài hòa âm dương thể hiện trong đối tượng thờ cúng như: có trời phải có đất, có tiên phải có rồng... Điều này có thể nhận ra từ việc người phụ nữ đi lấy chồng, không theo họ của chồng như Nhật Bản, Trung Quốc. Nho giáo vào Việt Nam đã bất lực về việc này. Còn thể hiện qua hệ thống Tứ pháp của miền Bắc là nữ như Điện bà Pháp Vân ở chùa Dâu, tỉnh Bắc Ninh.

Thứ ba, đối tượng tín ngưỡng phần lớn là phụ nữ. Chúng ta dễ dàng nhận ra trong hệ thống Tứ pháp ở miền Bắc hoặc như Cửu thiên huyền nữ, bà chúa Liễu Hạnh...

Thứ tư là tôn phong đền đài các anh hùng liệt sĩ, các danh nhân văn hóa của dân tộc.

Có thể thấy lịch sử Phật giáo Việt Nam từ lúc Phật giáo Ấn Độ du nhập cho đến nay, Phật giáo Việt Nam tạo ra một đời

sống tâm linh sâu sắc và hướng thiện, Phật giáo đồng hành với dân tộc trong quá trình dựng nước, góp phần phong phú cho kiến trúc và lễ hội, góp phần điều chỉnh các hành vi xã hội theo chuẩn mực đạo đức truyền thống, đáp ứng nhu cầu tôn giáo cho quảng đại quần chúng tín đồ. Tín ngưỡng xuất hiện trước tôn giáo nên khi Phật giáo vào nước ta tạo ra một đời sống tâm linh sâu sắc, từ nghiệp báo, luân hồi, giải thoát, vị tha, vô chấp, vô ngã, từ bi. Sự tiếp nhận giáo lý nhà Phật ban đầu của người Việt chẳng hạn "họa phúc" lúc bấy giờ người Việt hiểu theo hướng nhân quả. Muốn phúc thì phải tích thiện, họa lại hiểu là do nhân làm. Như vậy, suy nghĩ của người Việt chịu tác động của triết lý Phật giáo, nó thể hiện ra ngôn ngữ. Khi đề cập đến thiện ác, tích thiện, dù người chưa đi chùa vẫn có thể hiểu được: "*Ở hiền gặp lành*", "*Làm lành lánh dữ*", "*Đời cha ăn mặn, đời con khát nước*", "*Gieo gió gặt bão*"... Theo Phó giáo sư Trần Thị Hạnh ngôn ngữ là cái vỏ vật chất của tư duy: "*Cơ bút sinh cơ tâm*". Người Việt có thể hiểu được giáo lý nhà Phật một cách thuận lợi, dễ dàng dù họ không biết gì về đạo Phật, có lẽ vì chữ Việt/ tiếng Việt đã đi vào tư duy của họ từ thuở bé. Người ta có thể lý giải tại sao tín đồ Phật giáo Việt Nam số lượng đông đảo có lẽ một trong những nguyên nhân là do ngôn ngữ tiếng Việt, họ đã có tư duy gần với đạo Phật. Một lý do nữa là do thiền sư, những vị cao tăng trong đạo Phật trở thành thân vương trong triều chính. Từ vai trò ảnh hưởng xã hội, đạo Phật đem lại sự phong phú đa dạng trong kiến trúc như chùa, đình, miếu, phủ... Đa dạng trong lễ hội. Đáng lý ra, di tích của ta rất dày. Thật ra hiện nay một số chỉ còn phế tích, đô thị hóa, xây nhà, làm chung cư, phục vụ du lịch đã san bằng nhiều di tích. Đó là về mặt vật chất nhưng cái còn lại bền vững là giáo lý nhà Phật góp phần điều chỉnh chuẩn mực đạo đức xã hội, góp phần điều chỉnh tư duy, hành động, ngôn ngữ.

Một mặt nữa mà chúng tôi đề cập là Phật giáo góp phần đáp

ứng nhu cầu tín ngưỡng của Việt Nam và một khi nó thể hiện sinh động bản sắc nguyên hợp nhiều thành tố, đồng thời phát huy trong môi trường sinh hoạt dân gian thì hiện tượng văn hóa Phật giáo lại có thể mang tính dân gian. Trước hết, chúng ta có thể nhận ra mối quan hệ này qua việc thờ cúng và lễ bái. Hình tượng thờ Thạch Quang Phật chính là do tục thờ đá của người Việt. Theo người Việt, có một bái vật là đá [3]. Bởi đá thì có thạch khí và thạch linh. Khi Phật giáo vào Việt Nam thì kết hợp thờ đá, thờ thần đá với việc thờ Phật. Di tích Hoa Lư có rất nhiều trụ khắc kinh Phật, hang đá khắc tượng Phật. Điều này chứng tỏ, Phật rất thiêng và trong tâm lý người Việt Nam, khi nhìn một đám mây có hình dạng như hình Phật thì họ rất phấn khởi. Trong tiềm thức sâu xa, họ cho rằng điều đó là có Phật hộ trì con người cho mọi việc được hanh thông. Đó chính là sự kết hợp giữa thiên nhiên với cấp độ của Phật. Chúng ta lần giở những trang *Sử Ký Toàn Thư* có ghi chép lại thái độ của người Việt từ xưa, họ tin rằng con người mà có sự hỗ trợ của thần, độ chứng của Phật là thành công. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên khi cách sắp xếp, bài trí các tượng trong một ngôi chùa lại có sự kết hợp biểu tượng của niềm tin tín ngưỡng. Cách bài trí các thánh có thể là riêng, không phải tín ngưỡng nào cũng được tích hợp với Phật giáo.

---

(3) Bái vật giáo là lòng tin của con người vào thuộc tính siêu nhiên của những vật chất như hòn đá, gốc cây, lá bùa, tượng, tranh… Bái vật giáo là hình thức tín ngưỡng thổi phồng, phóng đại những tính năng thực tế của đồ vật và gán cho những vật chất, đồ vật những khả năng siêu phàm. Việc tín đồ Phật giáo thờ Xá lợi, tượng Phật, La Hán, Bồ tát hoặc ở Phật giáo Việt Nam là chuyện Man nương đầu thai với nhà sư Ấn Độ sinh ra con giấu trong cây gỗ và sau này hình thành nên tứ pháp như Pháp Vân (mây), Pháp Điện (sét), Pháp Lôi (sấm), Pháp Vũ (mưa) hay việc đạo Công giáo thờ Thánh giá, tượng gỗ chúa Giêsu; ở Cao đài là việc thờ Thiên nhãn, còn ở đạo Hòa Hảo là việc thờ tấm Trần Dà là thể hiện rõ cộng đồng người ngày xưa ở đây đã có tín ngưỡng Bái vật giáo.

Thứ đến, xét về mối tương hợp tinh thần từ bi của đạo Phật với đạo đức xã hội. Thời kỳ du nhập, ảnh hưởng bình đẳng của tư tưởng Phật giáo Đại thừa đó là tình yêu thương rộng lớn không phân biệt. Tương hợp với đạo đức làm người thương yêu, đùm bọc che chở xuất phát từ thời Bắc thuộc, nhân dân khổ cho nên ý chí chung là khát vọng giành độc lập. Tinh thần tương hợp bình đẳng của Phật giáo và truyền thống đoàn kết. Có thể thấy một hình ảnh Phật giáo kết hợp giữa di tích lịch sử và tâm lý dân gian như trường hợp mua đồ vàng mã (tất nhiên là mua tượng trưng) lễ các liệt sĩ ở Ngã ba Đồng Lộc, cũng là một cách thể hiện đồng cảm giữa các phụ nữ đang sống và các chị em đã hy sinh, vừa giải quyết suy nghĩ tâm linh vừa không tổn hại cho ai.

Mặt khác còn do sự kết hợp từ trong thần tích, huyền thoại, trong lịch sử mà hình thành một ngôi chùa đến nếp sinh hoạt của người dân, ví dụ truyền thuyết chùa Dâu, chùa Một Cột (Diên Hựu). Đặc biệt là sự kết hợp qua nghi lễ và giáo lý. Hiện nay, các nghi lễ dân gian được làm trong chùa rất phổ biến như lễ hằng thuận, các nhà sư trở thành chủ lễ, lễ làm trai (trai phạn, trai tăng). Lễ làm trai dung hợp cả nghi thức Phật giáo và nghi thức Lão giáo. Trên tế đàn, vị tam phủ [4], ở hai bên là tranh thập điện; ở giữa còn có tượng Thiên quan, tượng Thành hoàng, cùng tượng Di Đà. Trước hết, là lễ cầu Phật xin phổ độ, lễ tam phủ xin xá tội, lễ cầu vong để gọi hồn người chết về, lễ phá địa ngục để giải thoát cho vong hồn có tội, lễ giải oan, cắt đoạn để trừ mối oan ức của những hồn bất đắc kỳ tử, cùng lễ phóng sinh, phóng đăng để mua phúc quả [5].

Một số ngày lễ chính của đạo Phật cũng gắn với tín ngưỡng dân gian. Dược sư thất châu đầu năm kết hợp Lễ hội Kỳ an. Ở miền

---

(4) Thiên phủ, địa phủ, thủy phủ

(5) Đào Duy Anh (1992), Việt Nam văn hóa sử cương, *Nxb TP HCM, tr. 223.*



Bắc, lễ vật của người dân đi chùa không chỉ có lễ chay mà có cả lễ mặn, bởi trong chùa thờ cả thần thánh. Ở miền Nam, đa phần là lễ chay. Người dân kính trọng nhà tu hành, họ trân trọng đeo những chiếc vòng mà sư đã trì chú, thiêng ở trong lời chú nguyện, và trong họ đã có sức mạnh của niềm tin. Chính vì vậy, các nhà tu hành Phật giáo đã làm việc với thần thánh trong tâm thế của Phật giáo. Thiêng trong Kinh điển, Thượng tọa Thích Đồng Văn, trụ trì chùa Viên Giác, có nói rằng nếu một ai đó có nói đến việc đưa các bản kinh và thờ cúng hay pháp hội về Ngài Mục Liên hay kinh Vu lan báo hiếu, kinh Di Đà không phải là của Phật giáo thì hãy xét đến hiệu quả về việc giáo dục luân lý đạo đức. Lời dạy của các kinh và những tấm gương đền báo tứ trọng ân này có thiết thực trong việc thiết lập trật tự đạo đức gia đình, xã hội, quốc gia không? Có làm hại cho xã hội không? Bởi nếu chối từ niềm tin của tín chúng vào một chỗ dựa tinh thần sẽ dễ rơi vào tà giáo, mê tín dị đoan. Có bao giờ chúng ta tự giải đáp cho câu hỏi tại sao nhà sư trở thành người thực hành nghi lễ không? Bởi khi nào còn sự đe dọa về tinh thần, khi nào con người còn khát vọng thì vẫn còn niềm tin. Không chỉ riêng người Việt Nam còn tin vào thần thánh, gia tiên mà ở các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, vào tháng 4, tháng 10, chùa Hàn Quốc, Nhật Bản rất đông, bởi là tháng đi thi đại học, các bà mẹ vào chùa để cầu nguyện, họ viết những điều mình mong muốn vào một cái thẻ, sau khi cầu nguyện điều mình mong muốn, họ treo lên cây. Lúc này, chúng ta không thể nhận thức theo nghi lễ Phật giáo được mà đơn giản là đáp ứng tín ngưỡng của người dân: Con đi thi, mẹ đi lễ. Ở Việt Nam cũng vậy, tháng 9 cũng cầu nguyện thi đỗ. Khi mà nhu cầu người dân vẫn còn, nhà chùa buộc phải kết hợp nhu cầu đó trên tinh thần hướng đạo. Năm 1990, Đảng CSVN đã thừa nhận tôn giáo tồn tại rất lâu. Quan điểm 2 là

vấn đề "Tín ngưỡng tôn giáo" còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Quan điểm 3 là đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ nhận thức này, Nhà nước cho ra đời một số pháp lệnh về tín ngưỡng và tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu niềm tin của mọi tầng lớp nhân dân. Từ đó, chúng ta có thể khẳng định được vai trò nhập thế của Phật giáo trên tinh thần từ bi và trí tuệ.

Nói về tín ngưỡng, tức nói về niềm tin vào cái thiêng. Nghi lễ nhà Phật nếu thoát ly ra khỏi cái thiêng thì không còn mang màu sắc của tôn giáo nữa. Niềm tin tôn giáo là một hệ thống niềm tin hướng vào thế giới thiêng. Sự chuyển hóa thiêng qua phàm và từ phàm qua thiêng có một lằn ranh rất mỏng. Bất kỳ tôn giáo nào cũng phải giải quyết ba vấn đề lớn: cái chết, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống... Phật giáo buộc phải giúp cho nhu cầu tâm linh của người dân. Và trên đường đi của Phật giáo không tránh khỏi những sự cuốn hút ảnh hưởng của Ấn giáo, Nho giáo, Đạo giáo. Cuối cùng thì Phật giáo giúp chúng ta cái nhìn về nhân sinh, vũ trụ rất hay nhưng không được quên những tôn giáo khác và những văn hóa tín ngưỡng bản địa. Đặc biệt, nghi lễ Phật giáo chuyển tải, quy phạm hóa những lời dạy của đức Phật. Nghi lễ không phải là sự bắt buộc mà là hướng đích xã hội. Sự bài trí các tôn tượng hoặc nghi lễ, lễ hội mang tính biểu tượng. Cần thiết chuyển tải giá trị luân lý đạo đức thông qua biểu tượng. Thượng tọa Tiến sĩ Thích Đồng Bổn trong công trình nghiên cứu "*Phật giáo với tập tục tín ngưỡng trong đời sống văn hóa Nam Bộ*" đã trình bày cụ thể sự tương tác giữa tập tục dân gian và Phật giáo qua một số tập tục tín ngưỡng dân gian tiêu biểu [6] và theo tác

---

(6)

Dân gian Phật giáo

Nhóm liên quan đến ông bà, tổ tiên

1. Lễ trung nguyên(rằm tháng 7) (< >) Lễ Vu lan, Lễ Báo hiếu
2. Tục đốt vàng mã (>) Tục hóa sớ, tiền vãng sanh
3. Nghi Học trò lễ (>) Nghi dâng lục cúng
4.Nghi Thập khoa (>) Nghi trai đàn

giả: "*Ta có thể thấy rõ tư tưởng Phật giáo thấm sâu vào cuộc sống, quan niệm và tâm lý người Nam Bộ, trở thành một phần vốn có trong truyền thống, trong bản chất của họ. Đổi lại các nghi lễ cúng tế trong Phật giáo Bắc truyền cũng đã dần dần thâm nhập vào các tập tục dân gian theo tín ngưỡng bản địa ấy làm biến đổi từ mục đích đơn giản ban đầu để trở thành những tập tục có ý nghĩa*"[7]. Và khi cộng đồng thực hành những tập tục, những nghi lễ đó bằng niềm tin thì nó có thể trở thành một trong những biện pháp bảo trọng trong cuộc sống hàng ngày vốn nhiều bất trắc như hiện nay.

5.Nghi Đàn trình	*(>)*	*Nghi đàn trình*
6. Tục cúng bông hoa	*(>)*	*Tục cúng bông hoa*
7. Nghi cúng ông bà	*(>)*	*Nghi cầu siêu*
8. Nghi khai Xá hạc	*(>)*	*Nghi khai Xá hạc*
Nhóm liên quan đến người chết		
9. Lễ cúng cô hồn	*(< >)*	*Lễ chẩn tế*
10. Nghi Đề phan	*(>)*	*Nghi Tây quy*
11. Nghi cúng cơm	*(>)*	*Nghi cúng vong*
12. Nghi đám tang	*(>)*	*Nghi dẫn lộ*
13. Nghi vớt vong	*(>)*	*Đàn thủy lục*
14. Nghi vớt trùng	*(>)*	*Đàn giải oan*
Nhóm liên quan đến cá nhân và đời sống		
15. Tục cúng sao giải hạn	*(>)*	*Lễ cầu an đầu năm*
16. Tục cúng Sóc Vọng	*(>)*	*Lễ Sám hối kỳ an*
17. Tục bố thí	*(<)*	*Tục bố thí*
18. Tục phóng sanh	*(<)*	*Tục phóng sanh*
19. Tục ăn chay	*(<)*	*Tục ăn chay*
20. Nghi đám cưới	*(>)*	*Lễ hằng thuận*
21. Tục hái lộc	*(<)*	*Tục hái lộc*
22. Tục cúng Tam tai	*(>)*	*Tục cúng Tam tai*
23. Tục xin Xăm	*(>)*	*Tục xin Xăm*
24. Tục coi ngày tốt xấu	*(>)*	*Tục coi ngày tốt xấu*
Nhóm liên quan đến trời Phật thần thánh		
25. Lễ khai quang điểm nhãn	*(>)*	*Lễ An vị*
26. Lễ Thượng nguyên rằm tháng Giêng	*(>)*	*Lễ Rằm tháng Giêng*
27. Lễ Hạ nguyên rằm tháng Mười	*(>)*	*Lễ Rằm tháng Mười*
28. Lễ Rằm tháng Tư	*(<)*	*Lễ Phật đản*
29. Tết Trung thu	*(>)*	*Lễ cúng trăng*
30. Lễ cúng Giao thừa	*(< >)*	*Lễ vía Di Lặc*

(7) Thích Đồng Bổn, Những tập tục dân gian chịu ảnh hưởng Phật giáo Đại thừa*, Luận văn Cao học, Viện KHXH tại TP.HCM, 1991.*



Đôi tay mẹ

TRẦN THÁI HỌC

Tìm trong những hạt cơm thơm
Có bàn tay mẹ sớm hôm tảo tần
Dẫu ngày nắng, dẫu đêm trăng
Lúa vàng mẹ gặt chuyên cần không ngơi

Tìm trong con – dáng thảnh thơi
Có lời ru mẹ à ơi ngọt lành
Ban trưa cánh võng tròng trành
Đôi bàn tay mẹ thoắt nhanh nhịp nhàng

Tìm trong trang vở thênh thang
Có bàn tay mẹ dịu dàng bảo ban
Kèm con những nét chữ ngoan
Để giờ con được bảng vàng đề tên

Tìm trong cuộc sống bấp bênh
Có bàn tay mẹ chặt bền dựng xây
Cho con hạnh phúc điều may
Chỉ riêng mẹ nhận đắng cay nhọc nhằn!

Tìm trong những nếp da nhăn
Tìm trong tay mẹ trăm lần yêu thương...

LÝ NHÂN QUẢ và ẢNH HƯỞNG "VĂN HÓA"

TUỆ LẠC

"Lý nhân quả" trong nhà Phật không phải là một "tín điều" (doctrine). Nó không tượng trưng cho cán cân công bằng thưởng phạt, của một linh quyền tạo hóa toàn năng nào cả. Nó cũng không phải là một giáo thuyết (enseignements religieux), do vị "giáo chủ" là đức Phật sáng chế ra, để làm nền tảng cho những lập luận giảng đạo, dựa trên luật vay trả, hằng mong ước của con người.

Mà lý nhân quả trong nhà Phật là một tiến trình tự nhiên của phản ứng lý hóa, nghĩa là một nguyên hành khoa học thuộc về tâm và vật.

Qua cái nhìn ấy, người Phật tử nhận thấy "lý nhân quả theo Phật giáo bao giờ cũng nghiệm đúng". Nó xác định nguyên tắc "có quả thì phải có nhân", hay ngược lại "không nguyên nhân nào mà chẳng đưa đến hậu quả". Hậu quả ấy, trong 1 số trường hợp, có thể tương xứng với nguyên nhân, nghĩa là hợp lý. Và trong 1 số trường hợp khác có thể bất tương xứng (khi đối chiếu với nguyên nhân), hay bất hợp lý.



Trong khi 2 thuật ngữ nghịch nghĩa của Tây phương là "Logique" và "Illogique", tương đương với cặp từ Hán Việt, là "hợp-lý" và "bất-hợp-lý", đang tỏ ra rất thông dụng trong các giới khoa học, nhất là các giới chuyên nghiên cứu về "Causalité de la matière" (1), thì nhóm chữ "lý nhân quả" trong nhà Phật, vì bị coi thường (hay bỏ quên) cái yếu tố tối quan trọng, là thực tế trợ duyên hay văn hóa, nên làm cho người ta khi nghe nói, cảm thấy nó thuần túy "tôn giáo" (như thuộc về linh quyền thưởng phạt), hay nó chỉ nằm trong lãnh vực luân lý xã hội mà thôi.

(1) Tự điển Le Petit Larousse Illustré đã định nghĩa: "Causalité (du phénomène) de la matière" est le "Rapport qui unit la cause à l'effet". Donc "Les mêmes causes dans les mêmes conditions produisent les mêmes effets".

Tạm dịch: "Nhân quả (của hiện tượng vật chất) là mối liên hệ, kết từ nguyên nhân đến hậu quả". Và từ đó suy ra: "Những nguyên nhân giống nhau trong những điều kiện giống nhau thì cho ra những hậu quả giống nhau".

Để đầy đủ hơn, chúng tôi xin nêu câu hỏi bổ túc vấn đề rằng: "Nhưng nếu những nguyên nhân giống nhau, lại xảy ra trong những điều kiện (trợ duyên = văn hóa) khác nhau, thì kết quả sẽ ra sao ?" (= "Mais si les mêmes causes ne se déroulent pas dans les mêmes conditions, alors quels effets?").

Chúng ta không cần phải chờ tự điển "Le Petit Larousse Illustré" đồng ý rằng: Nếu những nguyên nhân giống nhau, diễn ra trong những hoàn cảnh khác nhau, thì hậu quả phải sai biệt, khác đi!

Rồi lắm trường hợp xảy ra giữa đời sống hằng ngày: "Người ăn hiền ở lành thì gặp nhiều bất hạnh, và kẻ gian manh hiểm ác, lại thường được phát đạt, may mắn, bình an…", càng làm cho tư tưởng chuộng hợp lý của con người phân vân hơn nữa.

Chưa kể một số cá nhân chuyên lạm dụng thực tế phản đạo đức để trục lợi, liền dựa vào đó, xuyên tạc kết luận rằng : "Luật nhân quả nói chung, hay lý nhân quả trong nhà Phật nói riêng, chỉ là chuyện suy tưởng hoang đường, hứa hẹn kiếp sau,

an ủi hão huyền, nghe "công bằng trên lý thuyết", nhưng xa vời thực tế…."

Lối bài bác ấy tỏ ra khá "hiệu lực", đối với những người chỉ quan niệm lý nhân quả một cách đơn giản, cứng ngắc, xem đó như một "quy luật bất biến". - Kiểu nhắm mắt nói rằng: "Làm việc lành thì luôn luôn sẽ hưởng trọn quả lành, còn phạm điều ác thì chắc chắn phải nhận đủ quả xấu" (?).

Mà họ không biết hay không chú trọng đến các yếu tố hoàn cảnh, tương duyên, liên đới, tức thực tế xã hội (= văn hóa).

Các yếu tố nầy rất quan trọng, nhưng hầu hết người ta lại coi thường. Tỷ như tin rằng "hễ đường tốt bột tốt, thì cái bánh nhất định sẽ ngon", mà không cần nghĩ đến các yếu tố cần thiết như nhiệt độ, nghệ thuật làm việc, lẫn phương tiện trộn và nhồi bột.

Trên thực tế, các yếu tố ấy mới chính là "môi trường biến hóa ra" tất cả diễn tiến "từ đường bột đến cái bánh" hay "từ nhân đến quả".

Nghĩa là khi nghiên cứu cặn kẽ vào lý nhân quả một cách khoa học, qua thực tế đời sống, với những điều kiện biến thiên giữa tâm và vật, nằm trong tiến trình tương duyên không phải một chiều, mà là xoay chiều (chu kỳ), được hoàn cảnh thực tại "pha trộn", từ nhân đến quả, rồi từ quả đến nhân, thì chúng ta sẽ nhận thấy lý nhân quả trong nhà Phật là một "phương trình biến dịch toàn diện".

Phương trình ấy có thể viết ra một cách rõ ràng : nhân cộng với duyên thành ra quả (a+b=c), chứ không phải "nhân nào quả nấy" (a=a'), như một số người thường tưởng. Từ NHÂN đến QUẢ phải xuyên qua duyên. Vì vậy, "phương trình tổng quát" của lý nhân quả ấy, vốn chứa tất cả các "ẩn số" ắt có và đủ, hợp lý lẫn bất hợp lý, tương xứng lẫn bất tương xứng.

Những ẩn số ấy luôn luôn bị thay đổi tùy theo các điều kiện tương duyên (tức là tùy theo "dẫn số" b), cấu kết giữa nhân và quả, trên một hay nhiều chu kỳ.

Các điều kiện tương duyên ấy rất quan trọng, vì nó dự phần chính vào việc nghiệm đúng hay làm sai biệt "đáp số" dưới dạng kết quả.



Thử nêu vài ví dụ:

* Anh A có lượng hạt giống tốt. Nói chung thì hạt tốt phải sinh cây và trái tốt (hiểu theo kiểu cứng ngắc "nhân nào quả nấy"). Vì tin như vậy (giả dụ thế) nên anh A đã chẳng quan tâm đến trợ duyên, đem hạt tốt thờ ơ gieo trên chỗ đất tầm thường, hay độc địa sỏi đá. Anh lại ít chăm sóc, cứ để cho nó "tự nhiên phát triển". Kết quả đến mùa anh gặt hái chẳng bao nhiêu, và quả thu lượm cũng không sung tốt như anh tin tưởng.

* Trái lại, anh B chỉ có những hạt giống không xuất sắc, hay tương đối xấu. Trên nguyên tắc thì hạt xấu khó mọc, và nếu mọc thì cây sẽ yếu ớt, không thể cho trái tốt được (lại cũng "nhân nào quả nấy"). Nhưng anh B nhờ có tinh thần quan sát, biết được giá trị của hoàn cảnh trợ duyên. Anh cẩn thận tìm chỗ đất thích hợp để gieo hạt. Anh cũng theo dõi, chăm sóc cây từ lúc nẩy mầm, thường xuyên bón phân tưới nước…, nên đến mùa, anh thu hoạch khá tốt, và quả mới còn chứa hạt giống cho kỳ sau, tốt hơn hạt giống trước rất nhiều.

Ý nghĩa cụ thể của hai thí dụ

trên đây, tuy tầm thường, thuộc về vật chất, nhưng ám chỉ (nghĩa bóng) của nó lại rất quan trọng, trong lãnh vực xã hội biến hóa tâm linh con người (trừu tượng).

Ám chỉ ấy đã thường được đức Phật nhắc đến, một cách trực tiếp hay gián tiếp, qua nhiều bài pháp, nhằm diễn tả tác ý (nhân) phát ra hành động (quả) nơi thân và tâm thức của một con người, bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh xã hội đang sống, để sinh ra thục quả ra sao.

Nhất là chúng ta tìm thấy phản ảnh của các ám chỉ ấy trong các bộ kinh phổ thông, thuộc Tam Tạng Pāḷī (Tipitaka) lưu lại, như Túc Sinh Truyện (Jātaka), còn gọi là kinh Bổn Sinh (thuật lại mối liên quan với tiền kiếp), kinh Phạm Võng (Brahmajāla Sutta) nói về 62 loại cố chấp (tà kiến) đóng khung, mê tín, dị đoan, và kinh Sa Môn Quả (Sāmaññaphala Sutta), nói về phúc lộc xứng đáng nhãn tiền, hay quả báo sẽ đến trong kiếp sau, của các bậc sa môn tinh tấn tu hành, nghiêm trì giới luật, hoặc của thiên chúng, hay của thiện nam tín nữ, cư sĩ tại gia sống đời tịnh hạnh…v...v…

Mục đích của các kinh Phật ấy, là nêu lên vai trò then chốt của những điều kiện trợ duyên trong lý nhân quả, tức hoàn cảnh thân cận tương quan, chứa đựng những va chạm sống, của con người.

Nói cách khác, NIỀM TIN trong hoàn cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội là điều kiện trợ duyên chính, là yếu tố biến đổi một cách sâu xa cả "hai cực" nhân và quả.

Hiệu lực biến đổi hùng hậu và đa dạng ấy, của những sinh hoạt tương duyên hiện hữu, không ngừng chuyển hóa tâm và vật, trong ý thức của mỗi cá nhân, qua các trợ lực thuận hay nghịch trong xã hội.

Thuận (lành mạnh) thì bổ khuyết, điều chỉnh, cải thiện cho hành động làm nghiệp nhân, tức là dẫn ra lối sáng (tăng trưởng quả phúc). Và nghịch (tà kiến thì biến thành chật hẹp, kềm chế, ngăn trở, che khuất sáng suốt, đẩy pháp hành trong hiện tại vào bóng tối (làm giảm, làm cho trổ quả trổ lệch chiều, hay triệt tiêu quả phúc).

Đó chính là "đầu mối" của những "đáp số" sai biệt. Nghĩa

là cùng một nhân, mà trường hợp nầy thì chúng cho quả (đáp số) tương xứng, nhân nào quả nấy, hợp lý hay tốt hơn. Còn trường hợp khác, thì chúng hiện ra quả xấu, đáp số bất tương xứng, nhân một đàng quả một nẻo, nhân cao quả thấp, hay bất hợp lý.

Nói cách khác, nhân lành mà hợp với duyên lành (thuận = soi sáng) thì mới sinh được quả lành, còn nhân lành mà gặp phải duyên dữ (nghịch = có tham, sân, tà kiến, vô minh), thì sẽ sinh ra quả xấu.

”Duyên lành” đối với con người, là được sinh ra trong một gia đình có chánh kiến, đạo đức, hoặc được gần gũi bạn hữu sáng suốt, lương thiện, quốc gia văn minh, cởi mở, và nhất là được hướng dẫn bởi thầy tổ trong sạch, thanh tịnh, chân tu. Nghĩa là được sống trong một khung cảnh sinh hoạt, mà định hướng hành động của con người được đặt nền tảng trên giá trị đạo đức.



Về phương diện xây dựng xã hội, muốn duy trì văn minh tiến bộ, thì duyên lành ấy phải được coi trọng vào hàng đầu. Sau duyên lành (trợ duyên hiện tại có soi sáng), mới kể đến cái nhân nghiệp của tiền kiếp, đã cho quả tốt khả dĩ, “giúp” một người được tái sinh bình thường, có đầy đủ ngũ quan cảm giác, không bị tàn tật trong kiếp nầy. -Cuối cùng mới nói đến sự trông cậy vào kết quả, của những thiện nghiệp mà con người đã tạo trong quá khứ, hay đang làm trong hiện tại.

Tâm lành, (như thực thà, thương người, từ bi, tin tưởng), tuy là cái nhân tốt, nhưng nếu khi hành động thiếu trí tuệ và dũng lực (tức thiếu hiểu biết sáng suốt, và thiếu can đảm, sợ trở ngại, hay vì “nể” người, không muốn bị mích lòng… rồi làm), thì hành động ấy chẳng khác nào anh A trong thí dụ gieo hạt nói trên. Hạt giống (nhân) dù tốt đến đâu mà chẳng gặp đất thích hợp (bất thiện thổ), thì chưa phải là yếu tố quyết định sự gặt hái (quả) như ý muốn.

(Còn tiếp)



CÁC ĐẶC ĐIỂM VÀ SỰ QUỐC TẾ HÓA *của Phật giáo Hán truyền*

HỌC THÀNH
Hội trưởng Hội Phật giáo Trung Quốc
NGUYỄN HẢI HOÀNH *lược dịch*

Dưới đây là tóm lược nội dung bài nói của Thiền sư Học Thành, Hội trưởng Hội Phật giáo TQ tại *Hội thảo về vấn đề quốc tế hóa Phật giáo Hán truyền* ngày 9/12/2015. Hội thảo này được tổ chức nhân dịp khánh thành ngôi chùa Long Tuyền Đại Bi tại thành phố Utrecht, Hà Lan. Đây là đạo tràng đầu tiên do Phật giáo Hán truyền đại lục TQ xây dựng ở châu Âu, dùng làm nơi truyền bá văn hóa Phật giáo, đào tạo tăng sĩ, tiến hành các hoạt động từ thiện công ích, tập hợp các Phật tử người Hoa và người châu Âu. Các ghi chú trong dấu ngoặc [ ] là của người dịch.

Thiền sư Học Thành cho rằng nói tới *Phật giáo Hán truyền* là nói tới các vấn đề cơ bản của Phật giáo. Tư tưởng cốt lõi của Phật giáo Hán truyền là các khái niệm "Nghiệp quả", "Luân hồi" và "Niết bàn"; thực ra đó cũng là giáo lý cơ bản của Phật giáo 3 ngữ hệ lớn [Pali ngữ, Hán ngữ, Tạng ngữ, là 3 ngôn ngữ lớn từng truyền bá Phật giáo vào TQ, hình thành PG hệ Hán ngữ, PG hệ Tạng ngữ và PG hệ Pali ngữ, tương ứng với PG Hán truyền, PG Tạng truyền và PG Nam truyền]. Trong Phật giáo Ấn Độ, Đức Thích Ca Mâu Ni

Phật giáo ra đời tại Ấn Độ sau đó truyền bá đi khắp nơi, đến nơi nào lại kết hợp với văn hóa nơi đó làm thành những nhánh Phật giáo khác nhau. Xét theo vị trí địa lý, Phật giáo chia làm nhiều nhánh: Một nhánh là *Phật giáo Bắc truyền*, tức Phật giáo từ miền Bắc Ấn Độ truyền đi các vùng khác. Một nhánh là *Phật giáo Nam truyền* tức Phật giáo từ miền Nam Ấn Độ truyền sang Sri Lanka rồi sang vùng Đông Nam Á.

Trong **Phật giáo Bắc truyền** có nhánh Phật giáo từ Ấn Độ qua Trung Á Tế Á truyền tới Trung Quốc, kết hợp với văn hóa Trung nguyên TQ làm thành Phật giáo Hán truyền (Chinese Buddhism), sau đó truyền sang bán đảo Triều Tiên, quần đảo Nhật Bản và Việt Nam (chủ yếu miền Bắc VN). Phật giáo Hán truyền chủ yếu là Phật giáo Đại Thừa.

Phật giáo Hán truyền tồn tại trên diện tích lãnh thổ cực rộng với số dân nhiều nhất thế giới, vì thế có quy mô rất lớn, hiện đang phát triển theo hướng quốc tế hóa. Gần đây, một số Phật tử người Hoa, người Việt Nam sống tại châu Âu đã và đang xây dựng các ngôi chùa tại nơi họ ở để làm đạo tràng và truyền bá Phật giáo trong xã hội châu Âu. *Rõ ràng, Phật giáo Hán truyền đã bắt đầu được quốc tế hóa, trước hết ở châu Âu.*

sinh thời đặc biệt nhấn mạnh 3 khái niệm trên và quy kết vào chân lý tận cùng "Vô Ngã". Toàn bộ kinh luận Phật giáo đều phải giải đáp câu hỏi này: Dùng cách nào để nhận thức "Vô Ngã" trong hiện tượng Luân hồi của sinh mệnh, chứng được Niết bàn? Nhưng Tiểu thừa và Đại thừa lại hiểu khác nhau về "Niết bàn".

Phật giáo Tiểu Thừa cho rằng Niết bàn có hai loại: một loại là Hữu dư Niết bàn, một loại là Vô dư Niết bàn. *Hữu dư Niết bàn* là nói tuy chúng ta về tinh thần đã chứng được Niết bàn, nhưng hãy còn có Quả Báo Thân của kiếp cuối cùng, sau đó lại có Niết bàn. *Vô dư Niết bàn* là "Khôi thân diệt trí [đốt thân xác, diệt trí

óc]", cả đến thân xác cũng chẳng cần nữa, để cháy thành tro tàn, trở về không tịch vô vi.

Nhưng Niết bàn của Phật pháp Đại Thừa thì khác, là siêu việt Niết bàn và siêu việt sinh tử, đạt tới cảnh giới không hữu bình đẳng, trí bất trụ sinh tử, bi bất trụ Niết bàn. Vì Bồ Tát nhìn thấy có rất nhiều chúng sinh chịu khổ trong Lục đạo luân hồi, cho nên Ngài phát tâm cứu độ, tức là "Bi bất trụ Niết bàn". Đồng thời, Ngài lại nhìn thấy bản chất của luân hồi thế gian là Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, cho nên Ngài không chấp trước cái thế gian đó, "Trí bất trụ sinh tử". Trí bi song vận, không hữu bất nhị.

Vì thế mà nói *Tam Pháp Ấn* trong Phật giáo - Chư hành vô thường, Chư pháp vô ngã, Niết bàn tịch tịnh - là sự khái quát bản chất cuộc nhân sinh trên thế giới và niềm hứng thú cuối cùng của sự tu hành Phật giáo, cũng tức là tư tưởng cốt lõi nhất của Phật giáo.

Sau đây, ta hãy xem xét Phật giáo Hán truyền từ ba phương diện.

Phương diện thứ nhất: Phật giáo Hán truyền có đặc điểm rõ ràng bản thổ hóa và có hệ thống giáo chứng sâu rộng

Không ít người phương Tây đơn giản coi Phật giáo Hán truyền là "Thiền tu". Thực ra trong 2.000 năm sau khi từ Ấn Độ truyền vào TQ, Phật giáo Hán truyền đã không ngừng hòa hợp với văn hóa bản thổ TQ, hình thành hệ thống tư tưởng Phật pháp Đại Thừa phong phú, hoàn bị, có chế độ tổ chức đặc biệt, và từ đó triển khai nhiều Pháp môn tu chứng có thể chế nghiêm cẩn, nội dung sâu rộng, đáng để chúng ta nhận thức một cách sâu rộng toàn diện. Cụ thể có ba tiêu chí chủ yếu:

Tiêu chí thứ nhất: Hình thành Thanh quy Phật giáo Hán truyền. Trong xã hội Ấn Độ cổ đại, trên cơ sở truyền thống khất thực vốn có từ xưa của xã hội thời đó, người xuất gia Phật giáo không có chỗ ở cố định, hoặc sống ở đền miếu, nhà mồ, hoặc ngồi thiền dưới gốc cây, hàng ngày mang bát đi tới các thôn xóm

xin ăn [khất thực]. Sau khi Phật giáo truyền vào TQ, cách xin ăn này không thích hợp với tập tục văn hóa xã hội TQ, vì thế người xuất gia TQ bèn tuân thủ nguyên tắc "Tùy phương tì ni" [giới luật thích hợp với hoàn cảnh cụ thể] trong giới luật, sáng lập ra Tùng lâm [chùa lớn], đạo tràng an cư, vừa tu hành vừa làm ruộng, dựa vào sức mình để sinh sống [tự lực cánh sinh], phát triển nhà chùa thành nơi tu hành đạo Phật, truyền thừa văn hóa, có lợi cho xã hội. Do sự thay đổi hình thái sinh tồn này của Phật giáo Hán truyền mà các vị tổ sư TQ cổ đại lại còn sáng lập ra các loại Tùng lâm Thanh quy với đại diện là "Bách trượng thanh quy", dùng mô hình kết hợp Giới luật với Thanh quy để quản lý sinh hoạt và việc tu hành của các tăng ni xuất gia và triển khai các dịch vụ phục vụ chúng sinh. Có thể nói rằng, cho tới nay, phương thức sinh hoạt tu hành đoàn thể này của người xuất gia Phật giáo Hán truyền là một hình thái xã hội hiếm có nhất, khó có nhất, quý giá nhất trong toàn bộ xã hội loài người, rất đáng để chúng ta nghiên cứu tìm hiểu.

Điều đó đem lại một suy nghĩ và gợi mở: Trong xã hội hiện đại, đời sống tôn giáo nên hòa nhập vào đời sống thế tục như thế nào? Chế độ của tôn giáo nên kết hợp với chế độ quản lý xã hội như thế nào? Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hình thái xã hội, mô hình quản lý, mô hình phát triển và mô hình tương tác với xã hội của Phật giáo Hán truyền cần được khai thác và sáng tạo đổi mới như thế nào? Thiền sư Học Thành cho rằng kinh nghiệm bản thổ hóa thành công của Phật giáo Hán truyền có ý nghĩa tham khảo rất tốt đối với sự truyền bá quốc tế của Phật giáo Hán truyền cũng như việc tổ chức và xây dựng các tôn giáo khác.

Tiêu chí thứ hai: Xây dựng tám (8) tông pháp lớn của Phật giáo Hán truyền. Thời Lưỡng Hán, Phật giáo truyền vào TQ; trong quá trình tương tác, hòa nhập với văn hóa bản thổ TQ, hình thái phát triển của Phật giáo đã trải qua mấy lần thay đổi. Thời Tùy-Đường, Phật giáo phát triển mạnh mẽ, hình thành

tình hình 8 tông phái cùng phát triển: tông Thiên Thai, tông Hoa Nghiêm, tông Duy Thức, tông Trung Quán, Thiền tông, tông Tịnh Độ, Luật tông, Mật tông; sản sinh các phương pháp phán giáo "Ngũ thời bát giáo", "Ngũ giáo thập tông", "Tam giáo", "Tam tông", "Thánh tịnh nhị môn" và sáng lập các hệ thống tu học hoàn chỉnh có đặc sắc khác nhau. Nhiều vị tổ sư các tông phái này đều xuất gia từ thủa ấu thơ, tiềm tâm Tam Tạng, dùng tâm lực cả đời nghiên cứu giáo lý, dựng tông phái, lập học thuyết, một mặt nắm vững bản chất thuyết pháp của Phật Đà, một mặt phù hợp với căn cơ của chúng sinh, vì thế có thể tập hợp được mọi cái hay cái giỏi, dựng được ngọn cờ của riêng mình. Sự ra đời các tông phái của Phật giáo Hán truyền thể hiện tư duy sáng tạo cao và ý thức bản thổ hóa sâu sắc của các vị tổ sư đại đức TQ cổ đại. Trong thời kỳ Đường Tống, tám tông phái lớn nói trên chẳng những đã có ảnh hưởng lớn đối với văn hóa tư tưởng của TQ mà còn truyền bá đi xa thu hút các tăng nhân từ Nhật Bản, bán đảo Triều Tiên và nhiều vùng khác tới TQ học tập tu hành, trở thành sợi dây quan trọng giao lưu văn hóa giữa các nước với nhau.

Cho tới nay, TQ hãy còn rất nhiều người xuất gia và nhiều nhà chùa đang tiếp tục học tập, nghiên cứu, truyền bá Phật giáo các tông phái truyền thống. Giờ đây, chúng ta càng cần truyền bá rộng rãi Phật giáo Hán truyền trên phạm vi thế giới, cũng cần phát huy tinh thần sáng tạo của các vị tổ sư đại đức trong việc sáng lập tông phái, giới thiệu một cách linh hoạt và hoàn chỉnh cho xã hội phương Tây hiểu rõ tư tưởng Đại Thừa và các Pháp môn tu hành của Phật giáo Hán truyền. Đồng thời, cũng cần thúc đẩy sự giao lưu hòa hợp tư tưởng các tông phái Phật giáo Hán truyền với văn hóa phương Tây, mở ra một hệ tư tưởng Phật giáo thích ứng với ngữ cảnh văn hóa phương Tây.

Tiêu chí thứ ba: Biên soạn Đại Tạng Kinh của Phật giáo Hán truyền. Công trình biên soạn này là một bổ sung và sáng tạo của Phật giáo Hán truyền đối với Phật giáo Ấn Độ. Trong

lịch sử, TQ đã biên soạn được hơn 20 văn bản [*bản bổn*] Kinh Đại Tạng, hầu như mỗi bản có tới vài nghìn quyển, thực sự là kho báu vô giá của văn hóa Trung Hoa. Hiện tượng văn hóa độc đáo này có địa vị lịch sử và giá trị văn hóa rất cao trong lịch sử văn hóa TQ và thế giới. Đáng tiếc là sau cuộc cách mạng công nghiệp, việc chậm phiên dịch các kinh điển Phật giáo hệ Hán ngữ đã làm cho phương Tây thiếu hiểu biết về các kinh điển và tông phái Phật giáo Hán truyền, gây ra nhiều hiểu lầm. Ví dụ, nhiều người phương Tây cho rằng Phật giáo Hán truyền tức là Thiền tu. Thực ra, Thiền tu chỉ là một phương pháp tu hành của Phật giáo Hán truyền; còn có các phương pháp tu hành khác như Chỉ Quán, Niệm Phật, Trì Giới, Bố thí… Ngay trong Thiền tông cũng có các môn phái Thiền pháp khác nhau, "Ngũ gia Thất tông". Cho nên không thể đơn giản đánh đồng Phật giáo Hán truyền với Thiền tu và cũng không thể phiến diện hiểu Thiền tu của Phật giáo Hán truyền là một kiểu suy tưởng [*minh tưởng*], tĩnh tọa hoặc Yoga.

Trong thời đại giao lưu văn hóa Đông-Tây đang toàn cầu hóa, việc nghiên cứu 3 đặc điểm có tính tiêu chí nói trên của Phật giáo Hán truyền là rất đúng lúc. Nghiên cứu toàn diện chế độ tổ chức, hệ tư tưởng, phương pháp thực chứng và các kinh điển của Phật giáo Hán truyền chẳng những làm cho xã hội phương Tây hiểu biết về hình thái chân thực của Phật giáo Hán truyền hoàn chỉnh về hệ thống và phong phú đa dạng, mà còn khai thác được nhiều kênh kết nối tôn giáo TQ với phương Tây. Nhất là việc tái chỉnh lý, tái giải thích và phiên dịch Kinh Đại Tạng Hán văn và nghiên



cứu so sánh với các kinh điển Phật giáo thuộc các ngữ hệ khác sẽ có triển vọng rất rộng rãi.

Phương diện thứ hai: Phật giáo Hán truyền có kinh nghiệm xã hội hóa phong phú, thiết thực

Phật giáo Hán truyền chẳng những thực hiện thành công việc bản thổ hóa từ giáo lý, giáo nghĩa cho tới chế độ tổ chức mà còn rất coi trọng tác động lẫn nhau với xã hội. Trong quá trình triển khai sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Phật giáo Hán truyền thông qua các phương thức khéo léo thích hợp với văn hóa bản thổ và tâm lý dân tộc đã tích cực phát huy được công dụng xã hội của Phật giáo và tích lũy được nhiều kinh nghiệm xã hội hóa phong phú, thiết thực. Trong đó có 3 điểm tiêu biểu là *chú trọng công đức, chú trọng báo ân* và *chú trọng viên dung.*

Thứ nhất, chú trọng công đức. Phật giáo Ấn Độ nhấn mạnh Nghiệp Quả, Phật giáo Hán truyền càng chú trọng công đức. Cũng tức là nói, một đằng là xuất phát từ sự khổ nạn của đời người và siêu việt đối với khổ nạn; một đằng là bắt đầu từ giá trị của đời người và sự khai mở giá trị lớn hơn. Người TQ có tâm thái tích cực đối với đời người hiện thực, coi trọng lợi lạc [lợi ích và niềm vui] của kiếp hiện sinh, làm cho Phật giáo Hán truyền trong quá trình hóa thế đạo tục càng chú ý gợi mở mọi người cống hiến thiện tâm thiện hành, và làm cho mọi người thiết thực thể hội được niềm vui tinh thần và sự cải thiện đời sống do lợi tha đem lại - đây là ý nghĩa tích cực mà ý tưởng "công đức" thể hiện.

Tại TQ có rất nhiều người muốn đến chùa để bố thí, cúng dàng, quyên hiến tiền vật, vì họ cho rằng việc đó rất có công đức, cũng tức là việc hộ trì, cúng dàng Tam Bảo sẽ đem lại cho mình nhiều lợi ích. Loại "công đức" và "lợi ích" ấy thể hiện trên hai mặt: Mặt ngoài, việc bố thí, cúng dàng Tam Bảo sẽ đem lại hồi đáp, đem lại quả báo khiến mình cảm thấy vui lòng; mặt bên trong, tâm hành lợi tha có thể gợi mở tự tính trong sáng của con

người, khiến họ cảm nhận được giá trị và ý nghĩa của hành vi mình làm, thấy được mối liên hệ khăng khít giữa cuộc sống của mình với mọi người, từ đó việc giúp người khác trừ bỏ các tình cảm tiêu cực sẽ hóa giải sự ngăn cách giao lưu người-người, tìm được niềm an lành và vui sướng tâm linh.

Phật giáo Hán truyền coi trọng "công đức" vừa thể hiện được nội hàm tự lợi lợi tha của Phật giáo Đại Thừa lại vừa tạo ra cơ sở xã hội và cơ sở vật chất cho việc truyền bá, phát triển Phật giáo. Đây là kinh nghiệm và ý tưởng đặc sắc của Phật giáo Hán truyền so với các tông phái Phật giáo khác.

Thứ hai, chú trọng đền ơn [*báo ân*]. Tư tưởng đền ơn vốn có của Phật giáo Ấn Độ được Phật giáo Hán truyền nâng lên một địa vị nổi bật hơn, chủ trương "Thượng báo tứ trùng ân", tức đền ơn cha mẹ, ơn nhà nước, ơn chúng sinh, ơn Tam Bảo. Tức là nói nếu Phật giáo muốn đứng chân và phát triển được trong xã hội thì phải đồng thời nghĩ tới ân đức của cha mẹ, quốc gia, dân chúng và Tam Bảo đối với ta và phải dùng hành động thực tế để báo đáp những ân đức ấy. Ngày xưa, những ý tưởng đó rất phù hợp với tư tưởng "trung hiếu" và quan niệm "thiên nhân hợp nhất" của văn hóa truyền thống TQ, vì thế có thể làm cho công dụng xã hội của Phật giáo thống nhất với nhu cầu tâm lý của đại chúng. Đối với xã hội hiện đại, tư tưởng đền ơn của Phật giáo Hán truyền càng có tác dụng đặc biệt sửa chữa các tật bệnh của văn minh hiện đại như chủ nghĩa trung tâm cá nhân, chủ nghĩa tiêu dùng. Việc trau dồi tư tưởng cảm ơn, đền ơn có thể giúp mọi người tái nhận thức mối quan hệ dựa lẫn nhau, hòa hợp cộng sinh người với người, người với xã hội và người với thiên nhiên, qua đó hóa giải cuộc khủng hoảng tinh thần, khủng hoảng đạo đức tồn tại phổ biến trong xã hội hiện đại, từ đó tiến lên thực hiện nhu cầu chung của loài người là xã hội hài hòa, thế giới hòa bình.

Thứ ba, chú trọng viên dung [hòa hợp một cách trọn vẹn]. "Viên dung" là đặc trưng trí tuệ sáng láng nhất của Phật giáo

Hán truyền, là sự thể hiện cụ thể quan niệm vô ngã, duyên khởi của Phật giáo. Trong 2.000 năm Phật giáo truyền vào TQ, các vị tổ sư đại đức trên cơ sở lĩnh ngộ tư tưởng Phật giáo đã tiến hành giao lưu với các văn hóa tư tưởng Nho, Đạo [tức đạo *Lão*] của bản thổ TQ, tham khảo lẫn nhau và hợp tác, chung sống hài hòa, hơn nữa còn kết hợp chặt chẽ với chính trị, kinh tế, đời sống xã hội, tập tục dân gian của TQ, hòa với nhau làm một. Thời đại thế giới toàn cầu hóa ngày nay là thời đại đa nguyên, cởi mở, bao dung; các nền văn minh khác nhau, các tôn giáo khác nhau làm cách nào để tìm điểm chung, gác lại điểm bất đồng, giao lưu tham khảo lẫn nhau? Điều này có thể được sự gợi ý hữu ích của kinh nghiệm chung sống hài hòa ba tôn giáo Nho-Thích-Đạo ở TQ. Xét về mặt quốc tế hóa Phật giáo Hán truyền, quan niệm viên dung của sự cộng sinh hòa hợp cùng nhau đi lên của các loại hình văn hóa khác nhau là một tài nguyên trí tuệ quý giá, tích cực.

Phương diện thứ ba: Quá trình quốc tế hóa Phật giáo Hán truyền nên khai thác được những cách suy nghĩ mới trong sự giao lưu tham khảo lẫn nhau

Loài người ngày nay đang ở vào thời đại toàn cầu hóa; từ lâu xã hội hiện đại đã được mạng Internet khổng lồ kết nối lại thành một xã hội mạng hóa, tin học hóa, bất cứ cá nhân hoặc tôn giáo nào cũng như bất cứ ngôi chùa hoặc tông phái Phật giáo nào đều không thể tồn tại độc lập. Tình trạng cuộc sống kết nối với nhau này làm cho toàn xã hội tiến sang thời đại "loài người chung vận mệnh", không ai có thể tách khỏi người khác. Trong bối cảnh thế giới như vậy, Phật giáo sẽ phát triển như thế nào, Phật giáo Hán truyền sẽ được quốc tế hóa tại phương Tây như thế nào?

Nhìn lại lịch sử truyền bá, giao lưu của văn minh nhân loại, có thể thấy sự cộng hưởng và thừa nhận ở tầng sâu về văn hóa tư tưởng bao giờ cũng là cây cầu nội tại truyền bá xuyên văn hóa, xuyên tôn giáo, cũng là cây cầu duy nhất dẫn đến hòa bình. Vì



thế, sự giao lưu tham khảo, hòa nhập văn hóa tư tưởng là con đường căn bản để Phật giáo Hán truyền có thể đứng chân tại phương Tây. Trong đó, bối cảnh văn hóa, phương thức tư duy, ngôn ngữ văn tự là những điểm mấu chốt thực hiện sự nối thông hữu hiệu.

Muốn vậy, *trước hết* Phật giáo Hán truyền cần tăng cường tìm hiểu xã hội phương Tây. Chỉ sau khi học tập, tìm hiểu, nắm vững xã hội này thì mới có thể đứng chân hòa hợp với họ. Phải nắm được ngữ cảnh văn hóa, bối cảnh lịch sử, tập tục xã hội, pháp luật và tập quán của xã hội phương Tây thì mới có thể truyền bá Phật giáo vào phương Tây. Thời xưa, các vị cao tăng Ấn Độ cũng trước tiên tìm hiểu, học tập văn hóa tư tưởng, phong tục tập quán, chế độ luật pháp của TQ, sau đó mới truyền bá Phật giáo vào TQ.

Thứ hai, phải ra sức tạo điều kiện để xã hội phương Tây hiểu biết về Phật giáo Hán truyền. Muốn vậy, phải đào tạo những Phật tử biết các ngôn ngữ phương Tây. Ngôn ngữ văn tự là kết tinh của tư tưởng loài người, là vật mang của truyền bá văn hóa, là cầu nối để trao đổi thông tin, cũng là phương thức chủ yếu để truyền bá tôn giáo. Ngay từ năm 2008, tôi [tức Thiền sư Học Thành] đã mở 4 trang web dùng 4 ngôn ngữ Trung, Anh, Nhật,

Hàn. Từ 2011 tới nay, tôi lại mở 11 Weblog dùng 11 thứ tiếng: Trung, Anh, Nga, Nhật, Hàn, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Thái Lan, Tây Tạng và Việt Nam, hàng ngày dùng 11 thứ tiếng đó phát đi khắp thế giới tin tức về Phật giáo TQ. Các trang Web và Weblog ấy đã đào tạo được nhiều Phật tử giỏi ngoại ngữ.

Ta hiểu người, người hiểu ta, sự truyền bá và tìm hiểu hai chiều đó tạo ra sự giao lưu toàn diện bình đẳng. Chỉ có không ngừng giao lưu thì mới có thể tìm ra những điểm khác nhau, giống nhau giữa các tôn giáo và nền văn hóa khác nhau, từ đó vượt qua các hạn chế, thực hiện bổ sung ưu thế lẫn nhau, tạo cơ sở để các tôn giáo, giáo phái và nền văn hóa khác nhau có thể chung sống hòa bình, cùng phát triển. Thực ra, rất nhiều sự cách ly, va chạm thậm chí chiến tranh trên thế giới đều có liên quan tới sự khác biệt, xung đột về quan niệm tư tưởng của người ta, đều có căn nguyên là thiếu sự hiểu biết và đồng cảm trên các mặt văn hóa, tín ngưỡng, tập tục. Vì vậy, sự tìm hiểu và học tập lẫn nhau giữa các nền văn hóa và tín ngưỡng là rất cần thiết, bức thiết.

Nhưng việc truyền bá Phật giáo nếu chỉ dựa vào các Phật tử xuất gia thì chưa đủ lực, mà còn phải dựa vào các Phật tử tại gia, học giả Phật giáo, và nhân sĩ các giới, cần tất cả mọi người đều quan tâm và ủng hộ sự phát triển Phật giáo Hán truyền.

Hiện nay, xã hội phương Tây ngày càng có nhiều người quan tâm và có cảm tình tốt với Phật giáo Hán truyền. Chùa Long Tuyền Từ Bi ở thành phố Utrecht, Hà Lan, hôm nay khánh thành là đạo tràng đầu tiên của Phật giáo Hán truyền được thiết lập tại châu Âu. Từ nay, tất cả mọi người đều có thể đến đây sinh hoạt tôn giáo, tọa thiền, tụng kinh, làm các lễ hội Phật giáo cũng như học tập văn hóa và ngôn ngữ TQ. Chúng tôi sẽ gắng hết sức cung cấp cho mọi người những dịch vụ toàn diện của Phật giáo Hán truyền.

Nguồn: 汉传佛教的特点及国际化 —— 在荷兰龙泉大悲寺开光大典暨汉传佛教国际化研讨会上的致词（2015年12月9日于荷兰乌特勒支）学 诚



Những con đường ta đã đi qua

PHAN THỊ BÍCH TRẦM

Hôm nay, chạy xe giữa trưa nắng gắt, tôi bỗng chợt nhận ra sao hôm nay mình không chạy trên con đường quen thuộc sớm tối đi về, mà lại chọn con đường này vậy? Sao cảm thấy mình không được tỉnh táo rồi, sao không biết lựa đường quen thuộc với đầy bóng râm mà đi, lại đột nhiên đi con đường này, vừa lạ lại vừa chẳng có bóng cây nào. Chợt suy tư và nhận ra rằng, con người ta ai cũng vậy, dù đích đến chỉ có một nhưng con người ta luôn có thể lựa chọn nhiều con đường khác nhau để về đích.

Thông thường, ai cũng muốn chọn cho mình một con đường thật quen, thật dễ chịu, thật trơn tru để đến nơi an toàn. Nhưng đôi khi không phải do mình làm chủ được. Nhưng thật ra mà nói, trên mọi nẻo đường đều có những cái hay và cái chưa hay của nó.

Ngẫm lại trong cuộc đời của con người, ta cũng vậy, đôi khi ta sẽ phải đứng trước nhiều ngã rẽ mà không biết lựa chọn lối nào là may mắn nhất và hoàn hảo nhất, bởi mọi thứ đều chưa trải qua, làm sao biết hay và dở. Nhưng than ôi! Con người ta có vẫn luôn tồn tại một cái "tật" chung là luôn thấy con đường của người khác thì trải đầy "hoa hồng" còn con đường của mình sao mà "chông gai" thế. Cũng như tôi đã từng nghe nhiều người nói rằng, sao mà người tu sướng thế, họ không phải lo cơm áo gạo tiền, lại chẳng cần lao động mà vẫn ở "chùa to", đi "xế hộp". Nhưng thật ra, những thứ ấy chỉ là cái bên ngoài mà người ta nhìn vào mà thôi. Vì sao người ta lại chọn con đường mà bản thân những người đang thắc mắc kia đã không đủ dũng khí để chọn. Vậy có ai đã từng nghĩ qua, tại sao họ đã cắt ái ly gia mà lắm lúc lại rơi vào cảnh "nuôi con thiên hạ" với bao lời dè bỉu gièm pha của miệng đời.

Trong công việc cũng vậy, con người ta sao luôn luôn cảm thấy việc người khác làm là nhẹ nhàng, còn bản thân mình là nặng nhọc, bi thương. Phải chăng ở đây có một điều gì đó đáng để ta xem xét lại, riêng bản thân tôi cảm thấy, ở mỗi một công việc nào, một cương vị nào, cũng đều có những cái khó và cái hay của nó. Cũng như bạn đi trên con đường nào cũng có những đóa hoa tươi và cây xanh bóng mát làm lòng ta cảm thấy hân hoan, êm dịu, nhưng lắm lúc cũng ngay trên con đường ấy ta không thể tránh khỏi việc vấp phải ổ gà và ngập nước đến nỗi xe chết máy.

Chỉ cần bản thân ta biết nhìn lại, biết quan sát những gì đã đến và đang đến để sống trong ngay phút hiện tại, thì mới thấy rằng mọi thứ không như ta nghĩ hay ta cảm giác lúc đầu.

Ở mỗi một con đường, hay mỗi một lựa chọn về con đường đi của mình trong cuộc đời đều là một quá trình chứ không phải là một kết quả. Trong quá trình đó sẽ có đủ cả hỷ nộ ái ố, vui vẻ, hạnh phúc và bi thương, khổ đau. Do đó, ta không nên mãi dằn vặt

trong đau khổ hay đắm chìm với cảnh vui. Điều quan trọng hơn tất cả là cố gắng giữ cho mình một tâm thế tích cực nhất dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Vì chỉ có tâm ta mới làm nên tất cả, hãy để tâm ta chuyển đổi hoàn cảnh, chứ đừng để hoàn cảnh làm chủ thân ta.

Trong cuộc đời này, ai cũng sẽ có một con đường đi do chính mình đã chọn. Không có hối hận, không có đau thương hay đổ lỗi, mà chỉ có sự trải nghiệm, khắc phục khó khăn và trân trọng những gì đang có mới là điều quan trọng nhất. Không con đường nào là mãi chào đón bạn bằng hoa thơm cỏ lạ, cũng chẳng con đường nào là hiểm nạn giăng đầy. Cứ thế mưa lâu rồi cũng tạnh, quan trọng là ta có đủ bản lĩnh để trang bị cho mình một bộ áo giáp để đón chờ ngày mai tươi sáng hay không. Bộ áo giáp đó không ngoài cái tâm của ta, một tâm thế tích cực và lạc quan để thật sự thể nghiệm mọi thứ trong cuộc sống. Xin hãy là sen giữa bùn như lời Phật từng dạy:

Như giữa đống rác nhớp.
Quăng bỏ nơi bờ đầm
Chỗ ấy hoa sen nở.
Thơm sạch đẹp ý người.
Cũng vậy, giữa quần sanh.
Uế, nhiễm, mù, phàm tục
Đệ tử bậc Chánh Giác.
Sáng ngời với trí tuệ.

(Pháp cú câu 58-59)





NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI *cho đạo pháp và dân tộc*

THÍCH NỮ CHÚC HÒA

Chùa Phật học Xá Lợi nằm ở góc đường Sư Thiện Chiếu - Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết đến là ngôi chùa đã có rất nhiều đóng góp thiết thực cho Phật giáo Việt Nam và đất nước, từ giai đoạn chiến tranh cho đến thời bình hiện nay, đã đồng hành cùng dân tộc trên tinh thần hộ quốc an dân và giáo dục tha nhân.

SƠ NÉT VỀ SỰ HÌNH THÀNH CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI

Ngày 25-2-1951, Hội Phật học Nam Việt được thành lập, đặt trụ sở tạm tại chùa Khánh Hưng (390/8, đường Cách Mạng Tháng Tám), sau thì dời về chùa Phước Hòa (khu Bàn Cờ)[1]. Năm 1952, Hội đã tiếp rước phái đoàn Phật giáo Tích Lan đang trên đường đi dự phiên họp lần thứ II của Hội Phật giáo thế giới (World Fellwship

1. Nguyễn Quảng Tuấn – Huỳnh Lứa – Trần Hồng Liên (1993), Những ngôi chùa ở Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Tp. HCM, tr. 119.

of Buddhists) tổ chức tại Tokyo (Nhật Bản), và hoàn thành tốt việc cung nghinh xá lợi lên bờ cho công chúng chiêm bái trong khoảng thời gian tàu ghé lại Sài Gòn[2]. Năm sau, Đại đức Narada Mahathera (tọa chủ chùa Vajirarama, Tích Lan) sang Việt Nam, phụng thỉnh theo ba viên xá lợi và ba cây Bồ đề con, dâng cúng cho ba nơi: Phật giáo Nguyên Thủy (chùa Kỳ Viên), Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Cao Miên (theo lời tuyên bố của Đại đức lúc đến phi trường Tân Sơn Nhất). Do vì chưa nắm rõ tình hình nội bộ Phật giáo Bắc tông Việt Nam và để tránh sự dị nghị, nên sau khi bàn với đạo hữu Chánh Trí, Đại đức Narada đã quyết định trao quyền này cho Hoàng thái hậu Đoan Huy (đức Từ Cung, thân mẫu cựu hoàng Bảo Đại) để Thái hậu tùy ý giao lại cho đoàn thể PG nào mà bà xét thấy đáng phụng thờ di tích của đức Phật[3]. Khoảng hai năm sau, bà Từ Cung Đoan Huy quyết định giao cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam trách nhiệm phụng thờ ngọc xá lợi. Tổng hội xét công lao của Hội Phật học Nam Việt nên đã ủy nhiệm cho Hội nhiệm vụ thờ phụng. Lúc ấy trụ sở của hội còn đặt tại chùa Phước Hòa ở khu Bàn Cờ, cũ kỹ và chật hẹp. Đến năm 1955, Hội quyết định xây dựng chùa mới tại một vị trí khác, để có nơi xứng đáng phụng thờ di bảo Đức Thế Tôn và đủ chỗ cho thiện tín đến lễ Phật chiêm bái xá lợi[4].

Được câu lạc bộ Đông Dương nhượng lại với giá một đồng bạc Việt Nam, trên một khuôn viên rộng 2.500 m^2 tọa lạc góc đường Lê Văn Thạnh (nay là đường Sư Thiện Chiếu) và đường Bà Huyện Thanh Quan, Hội đã khởi công xây dựng vào ngày 05-08-1956. Theo bản thiết kế của hai kiến trúc sư Trần Văn Đường và Đỗ Bá Vinh, kinh phí tốn hơn 05 triệu đồng, được điều khiển xây dựng

2. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 6.
3. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 10.
4. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 11-12.

bởi hai kỹ sư Dư Ngọc Ánh và Hồ Tố Thuận[5]. Đại lễ khánh thành được tổ chức vào các ngày 02, 03, 04-05-1958[6]. Sau khi thỉnh ý của Hòa thượng Khánh Anh đặt tên hiệu cho chùa Ngài đã dạy rằng: "… Công chúng đã gọi là chùa Xá Lợi thì lấy tên ấy cho hợp lòng người". Đó là duyên cớ có tên là chùa Xá Lợi[7].

ĐÓNG GÓP CỦA CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI CHO ĐẠO PHÁP

Chùa Phật học Xá Lợi là trụ sở của Hội Phật học Nam Việt, một tổ chức Phật giáo có uy tín hoạt động từ năm 1951 đến 1981, có tất cả 74 chi hội với gần 25.000 hội viên khắp Đông và Tây Nam bộ[8]. Sự quản lý được thiết lập thành hai hệ thống: giới tu sĩ xuất gia giữ vai trò lãnh đạo tinh thần (cấp lãnh đạo là phẩm vị chứng minh đạo sư và cấp điều hành là phẩm vị trụ trì) và giới cư sĩ tại gia giữ nhiệm vụ điều hành Phật sự (cấp lãnh đạo là chức vị Hội trưởng và cấp điều hành là chức vị Tổng thư ký).

Hàng năm, chùa Xá Lợi tổ chức lễ húy kỵ Hòa thượng Thiện Hào vào ngày 16 tháng 06 âm lịch, húy kỵ cụ Chánh Trí Mai Thọ Truyền vào ngày 15 tháng 03 âm lịch, tổ chức lễ Vu lan, vía Quan Thế Âm, Đàn Dược sư vào tháng giêng Âm lịch[9], hướng dẫn Phật tử cúng dường trai tăng, tổ chức lễ mừng thọ (Hòa thượng Hiển Tu, cư sĩ Tống Hồ Cầm,…). Sau một năm hoạt động, Ban Phật học tổ chức cuộc họp tổng kết công tác Phật sự đã làm trong năm, đồng thời chúc thọ Hòa thượng Viện chủ và chư Tôn túc Tăng của

---

5. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 13.
6. Như Quỳnh, Như Hoa (2017), Cẩm nang hướng dẫn du lịch Việt Nam, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 180.
7. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 14-15.
8. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 21.
9. http://www.chuaxaloi.vn/hinh-anh/chua-xa-loi-khong-gian-tam-linh-co-kinh-ma-hien-dai.

chùa. Năm 2013, đặc biệt đánh dấu sự đổi mới, trở mình vươn lên của chùa Phật học Xá Lợi, với việc cải tiến và thành lập mới các Ban hoạt động chuyên ngành, thuộc sự chỉ đạo và cố vấn của Hội đồng quản trị và trụ trì chùa Phật học Xá Lợi. Ban Phật học có những buổi nói chuyện về nhiều chuyên đề: khái quát về kinh tạng A Hàm, vi diệu pháp, vài kinh nghiệm điều phục ngũ căn, v.v… để trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Các thời khóa tu học, các buổi pháp thoại, sinh hoạt gia đình Phật tử, các chương trình liên kết đào tạo Tăng ni tu học v.v… tại chùa Xá Lợi nhằm hướng dẫn chư Tăng ni cũng như Phật tử, tu học tốt trong bối cảnh hội nhập phát triển hiện nay.

Chùa từng là trụ sở của Uỷ ban Liên phái bảo vệ Phật giáo, là địa điểm diễn ra lễ kỳ siêu và phát động cuộc đấu tranh kỳ thị tôn giáo trong pháp nạn 1963, là trụ sở văn phòng II Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-1994), là nơi hình thành hiến chương Phật giáo Việt Nam đầu tiên. Bên cạnh đó, chùa Phật học Xá Lợi cũng từng là trụ sở của Ủy ban Liên hiệp Phật giáo Hoa Việt. Ủy ban này được thành lập vào tháng 06 năm 1959, đã hợp nhất 23 đoàn thể Phật giáo Hoa - Việt để đón tiếp Pháp sư Diễn Bồi (danh tăng Phật giáo Trung Hoa) và các phái đoàn Phật giáo, tôn giáo khác đến thăm viếng và làm việc tại Việt Nam.

Chùa Phật học Xá Lợi từng là nơi đặt lớp học đầu tiên của Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn khi Viện mới được thành lập vào ngày 13-03-1964, lớp hoạt động đến năm 1966 thì dời về Viện Đại học Vạn Hạnh[10]. Năm 1964, Hội Phật học Nam Việt phản đối Viện Hóa Đạo muốn giải tán Hội và chuyển giao tài sản cho Giáo Hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất[11]. Sau này Thượng tọa Đồng Bổn - trụ trì chùa Phật học Xá Lợi đã liên kết với trường Đại học

10. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 25.
11. Trần Quang Thuận (2014), Phật giáo Việt Nam đi vào thời đại mới trước những thử thách và văn hóa thời đại, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 820.

sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo cử nhân Ngữ văn cho Tăng ni, học viện khoa học xã hội đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cho các Tăng ni. Lớp cử nhân Ngữ văn học sáng và chiều ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần tại chùa Xá Lợi, còn Tăng ni theo học thạc sĩ và tiến sĩ thì học tại trường đào tạo của Học viện khoa học xã hội. Cuối năm 2018, Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam đã liên kết với trường Đại học Đông Đô (Hà Nội) mở lớp đào tạo cử nhân chính quy chuyên ngành ngôn ngữ Anh[12] cho Tăng ni và Phật tử theo học.

Kể từ khi Hội Phật học Nam Việt hình thành (1951) đã phát hành tạp chí Từ Quang để truyền bá giáo lý[13]. Báo Từ Quang là tiếng nói chính thức của Hội Phật học Nam Việt hoạt động liên tục từ năm 1952 đến 1974[14]. Sau khi hoàn thành trọn bộ Chánh Trí toàn tập, đến năm 2012, Thượng tọa Đồng Bổn cùng các cư sĩ thành viên Ban Phật học Xá Lợi, đã nỗ lực ra mắt tủ sách Phật học Từ Quang tập 1 vào tháng 06 năm 2012. Cứ mỗi quý phát hành một tập, tính đến cuối năm 2018, tủ sách Phật học Từ Quang đã phát hành được 26 tập. Tạp chí Phật học Từ Quang phong phú về nhiều nội dung Phật học; phát triển việc nghiên cứu về lịch sử, văn hóa và thư tịch Phật giáo của Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Việt Nam qua các hội thảo khoa học: Hòa thượng Khánh Hòa và phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam, v.v… để bảo vệ và phát huy những tinh hoa lịch sử - văn hóa của Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay.

Ngoài thời khóa bái sám của chư Tăng và Phật tử, chùa Xá Lợi tổ chức các lớp giáo lý dành cho Phật tử tại gia. Chùa tổ chức lớp giáo lý hàng tuần cho các tín đồ và những ai muốn nghiên cứu tìm hiểu triết lý Phật đà. Vào mỗi sáng chủ nhật,

---

12. http://www.chuaxaloi.vn/tin-tuc/thong-bao-tuyen-sinh
13. Thích Thiện Hoa soạn (1970), 50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam (tập I), Viện Hóa Đạo Sài Gòn, tr. 88.
14. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 24.

giảng đường mở cửa để mọi người đến nghe thuyết pháp, buổi chiều là lớp giáo lý và sinh hoạt gia đình Phật tử. Cũng có những buổi tu tập Bát quan trai của tín đồ Phật tử. Dù trải qua bao năm tháng thăng trầm lịch sử, chùa Xá Lợi vẫn luôn sinh động phát triển theo định hướng thuở ban đầu[15]. Bên cạnh đó, chùa còn tổ chức pháp hội uế tích Kim Cang, lớp thiền Vipassana Tứ niệm xứ[16],…

Chùa cũng lập trang website riêng (http://www.chuaxaloi.vn), luôn cập nhật tam tạng kinh điển, các bài giáo lý, các thông báo tu học, các cuộc họp mặt, các lễ hội của chùa và nhiều nơi khác,…

Lễ công bố quyết định và ra mắt nhân sự Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, trực thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam được tổ chức tại chùa Xá Lợi - nơi đặt văn phòng Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Việt Nam[17]. Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam gồm có 32 thành viên, do Hòa thượng Phước Sơn làm cố vấn, Thượng tọa Tiến sĩ Đồng Bổn làm Giám đốc Điều hành. Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn - Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, giới thiệu chương trình hoạt động của Trung tâm trong nhiệm kỳ 2012-2017, và cho biết ba lĩnh vực chính sẽ được Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam nhấn mạnh là: lịch sử, văn hóa và thư tịch Phật giáo Việt Nam[18].

---

15. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 25.

16. http://www.chuaxaloi.vn/tin-tuc.

17. https://giacngo.vn/thoisu/2013/09/14/1FD409/Bài viết của Thích Tuệ Nhật đăng trên mục Thời sự của GiácNgộ online, với chủ đề: "Ra mắt Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam", đăng vào ngày 14-09-2013.

18. https://giacngo.vn/thoisu/2013/09/14/1FD409/Bài viết của Thích Tuệ Nhật đăng trên mục Thời sự của GiácNgộ online, với chủ đề: "Ra mắt Trung tâm Nghiên cứu PGVN", đăng vào ngày 14-09-2013.

ĐÓNG GÓP CỦA CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI CHO DÂN TỘC

Chùa Phật học Xá Lợi được công nhận là một danh lam ở thành phố Hồ Chí Minh, có kiến trúc hiện đại mà vẫn mang sắc thái văn hóa dân tộc. Đây là lối kiến trúc mang nét đặc thù của đất Sài Gòn, và là một điểm thắng tích mang dấu ấn của cuộc đấu tranh lịch sử của Phật giáo đồ, chống chế độ độc tài Ngô Đình Diệm kỳ thị và đàn áp tôn giáo. Tự hào là di sản văn hóa quý báu: có tháp bằng vàng đựng ngọc xá lợi Phật tổ do Ngài Narada mang sang tặng (Phật bảo), có một pho kinh bối diệp bằng chữ Pali (chép trên lá Muôn) cách đây hơn 1.000 năm[19].

Là một chốn yên tĩnh để mọi người tìm đến đọc sách, sinh viên - học sinh chọn làm nơi ôn tập học bài, người già tìm đến văn cảnh trầm tư, với cảnh trí thanh thoát tĩnh lặng, khiến người tìm thấy sự cân bằng tâm hồn giữa cuộc sống nơi chốn phồn hoa đô hội. Sau hơn 40 năm hoạt động, ngôi chùa lịch sử này được trùng tu lại toàn diện trong ba năm từ năm 1999 đến 2001 theo như nguyên mẫu ban đầu, để giữ gìn những giá trị kiến trúc mang phong cách đặc thù của chùa[20]. Chùa Phật học Xá Lợi tự hào là một thắng cảnh văn hóa Phật giáo.

Ban Phật học kết hợp với Ban điều hành chùa tổ chức các khóa tu học như, tổ chức khóa tu một ngày cho đạo tràng ung bướu và khiếm thị, đồng thời tổ chức lễ cầu siêu cho thân nhân các Phật tử tại Tu viện Xá Lợi ở Đồng Nai (ngày 28-08-2016). Mở lớp dạy khí công sáng và tối do hai Võ sư Lâm Đạt và Lâm Toàn giảng dạy vào đầu năm 2017, lớp học thư pháp cho tất cả

---

19. Bộ kinh này do Giáo hội Tăng già Tích Lan tặng cho Ngài Thích Quảng Liên, sau khi du học hơn 5 năm tại xứ này. Khi về nước, Ngài đem tặng lại cho Hội Phật học Nam Việt, và được làm lễ cung thỉnh về chùa Xá Lợi vào ngày 16-06-1957.

20. Thích Đồng Bổn (2003), Lịch sử chùa Xá Lợi – văn hóa và truyền thống, Nxb. Tôn giáo, HN, tr. 37.



mọi người yêu thích nghệ thuật, khóa học anh văn Phật pháp, v.v… tạo môi trường lành mạnh giáo dục đạo đức con người về thể chất lẫn tinh thần.

Năm 1969 - 1970, phòng phát thuốc Xá Lợi đã khám và trị bệnh cho 30.934 người; cùng với Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam đã cứu trợ Việt kiều ở Campuchia hồi hương hàng trăm nghìn đồng[21]. Từ năm 1969 - 1973, Hội Phật học Nam Việt đã giúp các cô nhi viện Diệu Quang, Bạch Vân, làng cô nhi Long Thành hơn ba triệu đồng và nhiều quần áo, chăn màn, sữa, thực phẩm[22]. Và hiện nay, Quỹ từ thiện Sala giúp đỡ cho những đồng bào nghèo trong và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh.

Tóm lại, với tâm nguyện "phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật", chùa Phật học Xá Lợi đã có nhiều đóng góp thiết thực cho Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung, góp phần thiết thực trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước từ giai đoạn chiến tranh cho đến thời bình hiện nay, mãi là ngọn đèn sáng soi cho cuộc đời, xây dựng tinh thần nhập thế lợi sanh, phát triển xã hội và tô đẹp cho cuộc đời. Trước xu thế công nghệ 4.0, sự phát triển của thiết bị khoa học công nghệ, tinh thần hội nhập quốc tế, chùa Phật học Xá Lợi đẩy mạnh việc tu học của chư Tăng ni và Phật tử trong đời sống hàng ngày, phát triển các chương trình sinh hoạt thiết thực, các buổi họp mặt cũng như hội thảo để thắt chặt tình đoàn kết, tinh thần tu học giữa cuộc đời này.

21. Bồ Đề Tân Thanh, Nguyễn Đại Đồng (2012), PGVN từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, tr. 355.
22. Bồ Đề Tân Thanh, Nguyễn Đại Đồng (2012), PGVN từ khởi nguyên đến 1981, Nxb. Văn học, tr. 355.

Trái Tim Bất Diệt

Thơ: ***Tuệ Kiên*** *_ Lời đọc:* ***Minh Mẫn*** *_ Nhạc:* ***Ngộ Anh Kiệt***

*** Kính dâng lên Bồ-tát Thích Quảng Đức**

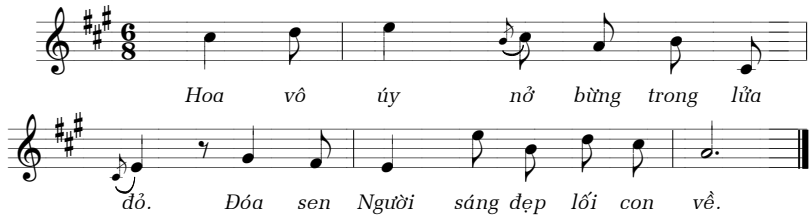
Hoa vô úy nở bừng trong lửa đỏ.
Trái tim Người bất diệt giữa Ta-bà.
Tuệ Kiên.




Nam
tang, nước mắt dâng tràn... Lửa vô úy kết thành muôn sức
mạnh. Trái tim Người bát ngát tín - nguyện - hạnh. Quê hương
ơi! Người cháy rực trần gian. Tâm Bồ - tát giữa đất trời hiển
thánh... Chuông nức nở hồn Từ Quang, Xá
Lợi. Kinh mõ buồn, Từ Đàm hướng Ấn Quang. Cây ủ
rũ giữa đôi bờ sinh - diệt; Huế, Sài - gòn đang đứng dậy hiên
ngang... Con quỳ kính trước uy linh Quảng Đức. Lòng từ
bi sáng rực mãi trần gian. Hoa vô úy nở bừng trong lửa
... úy nở bừng trong lửa
đỏ. Trái tim Người bất diệt giữa Ta - bà. Hoa vô...
đỏ. Đóa sen Người sáng đẹp giữa muôn...
... ngàn. Đóa sen Người sáng đẹp giữa muôn ngàn...

Lời đọc: Khi diễn xong lần thứ nhất.

+ Ngọn lửa từ bi và oai hùng, đã mở đường tiếp theo cho ngọn lửa tại Bình Thuận vào ngày 4/8/1963 của thầy ***Thích Nguyên Hương,*** *23 tuổi.* (vào điệp khúc)



+ Vẫn tiếp tục, 13/8 cùng năm đó, thầy ***Thích Thanh Tuệ,*** *18 tuổi, tự nguyện thiêu thân cúng dường Tam-bảo để thắp sáng cõi vô minh tại Huế.* (vào điệp khúc)

+ Sư cô ***Thích nữ Diệu Quang*** *tuy thân nữ nhi, 27 tuổi, can đảm tiếp nối cho ngọn lửa sáng thêm vào ngày 15/8 tại Huế.* (vào điệp khúc)

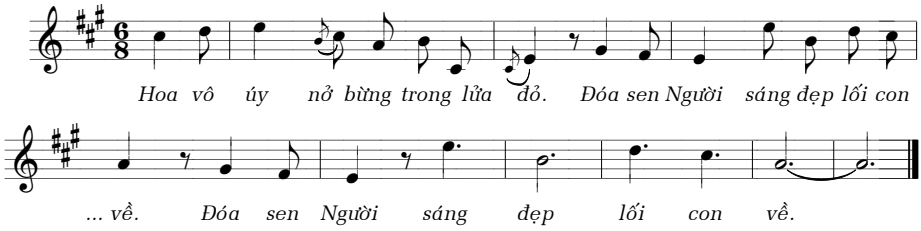
+ Và tiếp theo, ngày 16/8 ***thiền sư Thích Tiêu Diêu,*** *71 tuổi, đốt thân tại chùa Từ Đàm (Huế). Bấy nhiêu ngọn lửa cũng chưa đủ thức tỉnh chế độ.* (vào điệp khúc)

+ Ngài ***Thích Quảng Hương,*** *37 tuổi, chọn ngày 5/10 để tiếp nối ánh sáng của tiền nhân tại chợ Bến Thành (Sài-gòn).* (Vào điệp khúc)

+ Kết thúc cho hàng loạt ngọn lửa từ bi lay động lương tâm nhân loại, Đại đức ***Thích Thiện Mỹ,*** *23 tuổi, vào ngày 27/10/1963 đã thiêu thân cúng dường Tam-Bảo tại Sài-gòn, cầu mong Phật giáo Việt Nam sớm thoát đại nạn.* (Vào điệp khúc)

++ Lấy thân mình để cảnh tỉnh con người vô minh độc ác, ngọn lửa từ bi đốt cháy cả một chế độ bạo tàn, để đất nước mãi mãi nở hoa tình thương bất diệt, cho giống nòi danh rạng Rồng Tiên.

+++ MỘT PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪNG LÀ THẾ ĐÓ!





Mặt tiền chùa Hội Khánh

CHÙA HỘI KHÁNH Ở THỦ DẦU MỘT

HỮU CHÍ



Cổng chùa Hội Khánh
Ảnh *Võ Văn Tường*- Nguồn*: Giác Ngộ Online*

Chùa Hội Khánh là một ngôi chùa cổ Phật giáo được Đại Ngạn Thiền sư (thuộc dòng Lâm Tế) khai sơn năm Cảnh Hưng thứ 2, đời Lê Hiển Tông, tức năm Tân Dậu (1741) ở Thủ Dầu Một. Chùa hiện tại ở số 29 đường Chùa Hội Khánh, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Chùa cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 25 km về phía Nam. Chùa thuộc hệ phái Bắc tông.

Lúc đầu, chùa được xây trên một ngọn đồi cao. Năm 1868, đời Tự Đức, do chùa bị hư hỏng nặng, Hòa thượng Chánh Đắc cho xây dựng chùa mới dưới chân đồi, cách vị trí cũ khoảng 100m. Chùa tọa lạc trên một vùng đất yên tĩnh với nhiều cây cối, đặc biệt có bốn cây dầu được trồng hơn một thế kỷ. Tuy đã được sửa chữa, trùng tu nhiều lần nhưng về cơ bản đây là ngôi chùa vẫn còn giữ được phần lớn kiến trúc ban đầu, không chỉ nổi tiếng về niên đại thành lập, giá trị kiến trúc nghệ thuật. Đến nay, chùa còn lưu giữ được nhiều cổ vật có giá trị cao về lịch sử văn hoá, tôn giáo, mỹ thuật, kể cả nhiều tự khí mộc bản, kinh sách, liễn đối, tài liệu, văn thơ, địa lý, y học cổ. Chùa Hội Khánh còn là một công trình điêu khắc chạm trổ tinh vi, khéo léo từng bộ phận, chi tiết trong nội thất như cột kèo, đầu dư, cửu võng, câu đối... Di tích trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1891, 1906, 1917, 1991,1999, năm 2004 trùng tu cổng chính. Vườn chùa có 9 ngôi bảo tháp, có giá trị mỹ thuật cao được trùng tu, tôn tạo vào năm 2006. Năm 2007, chùa xây dựng thêm ngôi tháp 7 tầng cao 27 mét và tái tạo lại Phật tích "Tứ động tâm", gồm có: Vườn Lâm Tì Ni, Bồ Đề Đạo Tràng, Vườn Lộc Uyển, Ta La Song Thọ.

Nét nổi bật của ngôi cổ tự là giá trị phong phú về mặt lịch sử văn hoá, nghệ thuật kiến trúc, đặc biệt phần lớn những di tích, cổ vật hàng mấy trăm năm được bảo tồn lưu giữ cho đến nay. Chùa Hội Khánh còn được xem là ngôi chùa tiêu biểu cho đặc điểm chung của các ngôi chùa cổ ở Bình Dương: "*Trong tỉnh có nhiều chùa cổ, đặc biệt ở đây là xứ sở của nghệ thuật, nên các chùa đều xây dựng theo quy mô đẹp, trong chùa có nhiều tác phẩm trang trí, nhất là hệ thống tượng thờ đạt tiêu chuẩn, không nơi nào có được*".

Về cấu trúc, chùa gồm có: Tiền điện - Chánh điện - Giảng đường. Kiến trúc này có 92 cột gỗ quý, Đông lang và Tây lang bố trí theo kiểu "sắp đôi" nối liền nhau với kiến trúc "trùng thềm, trùng lương". Đây là biến tấu đặc biệt trong kiến trúc theo truyền

thống chùa cổ xứ Nam Kỳ. Chánh điện với kèo cột, vách gỗ và ba bộ cửa bức màn, còn có gần 100 tượng gỗ, các vị La Hán và thập điện Minh Vương dáng vẻ khác nhau được tạo bằng gỗ mít sơn son thép vàng. Đặc biệt, có hai bức phù điêu chạm hình 18 vị La Hán và các vị Bồ tát, tạo nên một công trình điêu khắc tuyệt mỹ, có giá trị nghệ thuật cao, mang đặc trưng của phong cách điêu khắc gỗ Bình Dương xưa. Đây là công trình mang dấu ấn những bàn tay tài nghệ độc đáo của lớp thợ xứ Thủ ở cuối thế kỷ XIX (trong đó phải kể đến các thợ có tay nghề giỏi như Trương Văn Cang, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Văn Xù, Sáu Nhồng, Chính Trí…). Đại hồng chung của chùa được đúc vào năm Quý Mùi (1883) do Bổn đạo Dương Văn Lúa hiến cúng.

Phần liễn đối, thơ văn còn lưu giữ phong phú, giá trị khó có ngôi chùa nào sánh kịp. Nơi chánh điện có những câu liễn đối tiêu biểu cho đạo vị thiền học được nhiều người nhắc đến:

"*Nhược thực nhược hư trúc ảnh tảo giai trần bất động*
Thị không thị sắc nguyệt xuyên hải để thủy vô ngân"

Dịch nghĩa:

Như thực như hư, bóng trúc quét thềm, bụi trần chẳng động;
Là không là sắc, ánh trăng xoáy biển, nước biển không nhồi.

Nói riêng về cảnh chùa ở đây cũng như nói chung về bốn thiền môn, ở ngoài tiền điện còn có ba bài thơ cảm tác "*Hội Khánh tự hữu cảm thi*" không chỉ có giá trị cao nói về sự tĩnh tâm, thanh tịnh của nhà Phật mà còn mang đậm phong cách tao nhã trong văn chương. Dưới đây xin trích lại phần diễn ý ra quốc ngữ đoạn cuối bài thơ:… "*Giữa đám cỏ xanh dựng lên chùa như tại một cảnh tiên. Lòng vui rảo bước qua khu rừng khoe màu sắc. Đêm ở lại chùa cùng các tăng đàm đạo. Nơi Phật đường yên vắng ngồi tĩnh dưỡng. Im lặng tịnh tâm quay lại với chính mình. Bỗng hương huệ khó đưa nhiều nhà sư đến*".

Trong những năm 1923 - 1926, chùa Hội Khánh (Thủ Dầu Một) còn là nơi ẩn náu, quy tụ các nhân sĩ, nhà nho, nhà sư yêu nước cùng lập ra "Hội danh dự" với sự tham gia của chính Hoà thượng

Từ Văn, Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cụ Tú Cúc… Mục đích của Hội là cổ vũ cho lối sống đề cao đạo đức, coi trọng danh dự và lòng yêu quý đồng bào đất nước.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chùa Hội Khánh là trụ sở Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh Thủ Dầu Một, đã góp nhiều công sức tâm huyết kể cả xương máu của các nhà tu, Phật tử bổn chùa. Trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân địa phương từ 1953, chùa là trụ sở Phật giáo yêu nước tỉnh Bình Dương và đến 1983, chùa Hội Khánh là trụ sở của Tỉnh Hội Phật giáo Bình Dương. Năm 1995, nơi đây Tỉnh hội xây dựng Trường cơ bản Phật học tỉnh Sông Bé (Bình Dương).

Hơn 250 năm qua, chùa được tiếp nối qua các đời trụ trì: Đại Ngạn - Từ Tấn, đời 37 dòng Liễu Quán (1741-1812), Minh Huệ - Chân Kính (1812-1839), Toàn Tánh - Chánh Đắc, đời 37 dòng Chúc Thánh (1839-1869), Chương Đắc - Trí Tập (1869-1884), Ấn Long - Thiện Quới (1884-1906), Chơn Thinh - Từ Văn (1906-1931), Ấn Bửu - Thiện Quới (1931-1941), Thị Huê - Thiện Hương (1941-1971), Đồng Bửu - Quảng Viên (1971-1988) và Nhựt Minh - Huệ Thông, đời 41 dòng Lâm Tế Gia Phổ. Đương nhiệm trụ trì là Hòa thượng Thích Huệ Thông - Nhật Minh (từ 1988 đến nay). Ngài cũng là Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 TW GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Dương. Ngoài Đại Ngạn Thiền sư, người khai sơn sáng lập chùa, có công hoằng pháp khá sớm ở địa phương này, còn phải kể đến Hòa thượng Từ Văn (1877 -1931) - Ngài đã đào tạo nhiều đệ tử tài đức có công đức với đạo pháp cũng như với dân tộc. Đặc biệt, không thể không nhắc đến nhà sư yêu nước là Hòa thượng Từ Tâm đã bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo năm 1940. Hoà thượng Từ Văn có nhiều công đức và uy tín xếp hàng đầu các danh tăng ở Nam Bộ. Năm 1920, người Pháp đã mời Ngài qua Pháp làm chủ lễ cầu siêu cho binh sĩ người Việt chết trận cho nước họ trong Thế chiến thứ nhất (1914 -1918). Cũng có tư liệu cho rằng Ngài được mời tham dự cuộc đấu xảo của các xứ thuộc



Tháp Tổ Từ Vân
Ảnh *Internet*

địa Pháp tại Marseille cùng với một số mô hình kiến trúc phiên bản đình chùa.

Ngày 12-8-2008 (nhằm 12 tháng Bảy năm Mậu Tý), chùa Hội Khánh đã tổ chức xây dựng một Phật đài quy mô lớn, đồng thời cũng là Trung tâm Văn hóa Phật giáo tỉnh Bình Dương, gồm một dãy nhà có chiều dài 64m, ngang 23m, cao 22m, dùng làm Trường Phật học, Thư viện… Tầng trên tôn trí một đại tượng Đức Bổn sư Thích Ca nhập Niết Bàn, cao 12m, dài 52m. Đây là một công trình mỹ thuật đáng tự hào của Phật giáo Bình Dương, được khánh thành trọng thể vào ngày Rằm tháng Hai năm Canh Dần (30-3-2010), mừng 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Công trình được bố trí trên diện tích 3.200m^2 đất nằm trong khuôn viên rộng 13.000m^2 của khu đất tổ chùa, do hai kiến trúc sư Phạm Văn Thịnh và Trần Văn Pháp vẽ bản thiết kế, điêu khắc gia Trần Quang Thái thực hiện. Điểm nhấn là tượng Đức Bổn sư Thích Ca nhập Niết Bàn, dài 52m, cao 12m được an vị trên độ cao cách mặt đất 24m giữa khu rừng dầu, sao gợi liên tưởng đến hình ảnh

Phật Thích Ca nhập diệt trong rừng Tala Song Thọ cách đây trên 2.500 năm. Dưới chân bệ nằm của Đức Phật là 20 bức phù điêu thể hiện cuộc đời của Đức Phật từ lúc đản sinh đến lúc nhập Niết Bàn, quanh tượng Phật còn được trang trí bằng 840 cánh hoa sen đắp bằng xi-măng.

Đây là một công trình tôn giáo mang tính chất lịch sử và mỹ thuật cao, được Tổ chức Kỷ lục châu Á tại Ấn Độ công nhận là tượng Phật nằm dài nhất châu Á, và là một công trình mỹ thuật đáng tự hào của Phật giáo Bình Dương.

Nét nổi bật của ngôi cổ tự này là giá trị phong phú về mặt lịch sử văn hoá, nghệ thuật kiến trúc, đặc biệt phần lớn những di tích, cổ vật hàng mấy trăm năm được bảo tồn lưu giữ cho đến nay. Chùa Hội Khánh còn được xem là ngôi chùa tiêu biểu cho đặc điểm chung của các ngôi chùa cổ ở Bình Dương

Với bề dày về lịch sử, tôn giáo, kiến trúc mỹ thuật và truyền thống yêu nước gắn bó giữa đạo pháp và dân tộc, chùa được công nhận Di tích Lịch sử - Văn hóa cấp Quốc gia ngày 07/01/1993.



Tượng Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni cao 12m, dài 52m
Ảnh *Internet*

CHÙA ẤN QUANG
VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH PHẬT GIÁO NĂM 1963



THÍCH GIÁC MINH HỮU
Tịnh Xá Trung Tâm Q. Bình Thạnh

Chùa Ấn Quang với vai trò đầu não của cuộc đấu tranh Phật giáo năm 1963

Chùa Ấn Quang được thành lập bắt đầu từ năm 1948, do Hòa thượng Trí Hữu khai sơn với tên gọi ban đầu là "*Am Trí Tuệ*" tại ngã ba Vườn Lài, nay là đường 243 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1950, Hòa thượng Trí Hữu cúng lại Am Trí Tuệ cho Đến năm 1950, Hòa thượng Thích Trí Hữu đã giao quyền quản lý ngôi chùa cho Hòa thượng Thích Thiện Hòa để hoằng dương Phật pháp. Hòa thượng Thích Thiện Hòa đã cho xây dựng ngôi chánh điện theo kiểu chùa Từ Đàm ở Huế. Sau đó, Ngài cho xây tăng xá, giảng đường và nhà trù.

Năm 1951, Hòa thượng Thích Thiện Hòa đã vận động các trường Phật học Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức và Ứng Quang hiệp nhất thành Phật học đường Nam Việt. Chùa Ứng Quang được đổi tên thành Ấn Quang, được chọn làm trụ sở của Phật học đường Nam Việt và Hòa thượng Thiện Hòa được bầu làm Giám đốc. Các hoạt động của Phật học đường Nam Việt và chùa Ấn Quang càng ngày càng khẩn trương bởi sức nóng của phong



Biểu tình của Sinh viên và Quách Thị Trang bị Cảnh sát bắn chết

trào chấn hưng đang trên đà đỉnh điểm, đồng thời các vấn đề phát sinh về cuộc đàn áp Phật giáo của Chính thể Ngô Đình Diệm càng ngày càng nghiêm trọng nên việc thống nhất Phật giáo Việt Nam là yêu cầu của lịch sử bối cảnh thời đại:"*Ngày 21/4/1956, Đại hội lần thứ nhất của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức tại chùa Ấn Quang ở Sài Gòn. Đại Hội đã gửi văn bản yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm công nhận ngày lễ Phật Đản nằm trong ngày nghỉ lễ tôn giáo hàng năm dành cho công chức và binh sĩ*" [1]. Sau khi thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam thì lúc này vẫn duy trì sáu tổ chức Phật giáo trên toàn quốc.

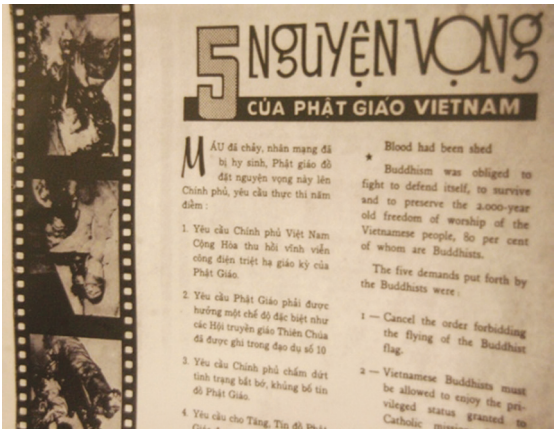
Ngày 8/5/1963 xảy ra vụ tàn sát Phật tử ở đài phát thanh Huế, trước sự bàng hoàng và xót xa cho sự tàn ác của nhà cầm quyền ngày 10 tháng 5 năm 1963, các bậc thưởng thủ gồm: Hòa thượng hội chủ Thích Tịnh Khiết, Thượng tọa Mật Nguyện, Trí Quang, Thiện Siêu, Mật Hiển cùng nhau bàn thảo và đưa ra bản yêu cầu thực thi 5 nguyện vọng chân chính, sáng tỏ và xây dựng của Phật giáo:

1. Yêu cầu chính phủ Việt Nam cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ cờ Phật giáo.

2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên chúa giáo đã được ghi trong Đạo dụ số 10.

3. Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.

4. Yêu cầu cho tăng ni phật tử được tự do truyền đạo và hành đạo.



5 NGUYỆN VỌNG
CỦA PHẬT GIÁO VIETNAM

MÁU đã chảy, nhân mạng đã bị hy sinh, Phật giáo đồ đặt nguyện vọng này lên Chính phủ, yêu cầu thực thi năm điểm :

1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ của Phật Giáo.
2. Yêu cầu Phật Giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong đạo dụ số 10
3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bợ, khủng bố tín đồ Phật Giáo.
4. Yêu cầu cho Tăng, Tín đồ [illegible]

★

Blood had been shed

Buddhism was obliged to fight to defend itself, to survive and to preserve the 2,000-year old freedom of worship of the Vietnamese people, 80 per cent of whom are Buddhists.

The five demands put forth by the Buddhists were :

1 — Cancel the order forbidding the flying of the Buddhist flag.

2 — Vietnamese Buddhists must be allowed to enjoy the privileged status granted to Catholic [illegible]

5 nguyện vọng

5. Yêu cầu chính phủ bồi thường thích đáng cho những người chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải bị xét xử.

Bản Tuyên ngôn có chữ ký của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ của Tổng Hội Phật giáo Việt Nam, thượng tọa Mật Nguyện, đại diện Giáo hội Tăng Già Trung Phần, Thượng tọa Trí Quang, đại diện hội Phật giáo Thừa Thiên và Thượng tọa Thiện Siêu, đại diện Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên và kèm với bản phụ đính kèm theo giải thích 5 nguyện vọng với mục đích là:

1. Phật giáo Việt Nam không chủ trương lật đổ chính phủ để đưa người của mình lên thay thế mà chỉ nhằm đến sự thay đổi chính sách của chính phủ.

2. Phật giáo Việt Nam không có kẻ thù, không xem ai là kẻ thù. Đối tượng của cuộc tranh đấu tuyệt đối không phải là Thiên chúa giáo mà là chính sách bất công tôn giáo, đấu tranh cho lý tưởng công bằng, chứ không phải đấu tranh với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo.

3. Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ cho bình đẳng tôn giáo được đặt trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội.

4. Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ được thực hiện theo đường lối bất bạo động.

5. Phật giáo Việt Nam không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bình xã hội.

Bản Phụ đính cũng đề nghị chính quyền rút tất cả các tôn giáo ra khỏi phạm vi ràng buộc của Đạo dụ số 10, và ban hành một chế độ đặc biệt cho tất cả các tôn giáo, trong đó có Phật giáo và Gia Tô giáo. Ngày 25/5/1963, Phụ trương của Bản Phụ đính được công bố. Mục đích của văn kiện này là nhắc lại vai trò lập quốc và xây dựng

nền văn hóa quốc gia trong quá trình lịch sử dân tộc của Phật giáo và nói rõ lập trường tranh đấu của Phật giáo cho công bằng xã hội [2]. Cùng thời điểm này thì ngày 9/5/1963, Ngô Đình Nhu sai Dương Văn Hiếu và Nguyễn Văn Thành Tổng giám đốc nha cảnh sát đến chùa Ấn Quang gặp quý thầy Lãnh đạo Phật giáo Miền Nam để yêu cầu trấn an dư luận nhưng đã bị các vị từ chối và cho biết đang chờ tin tức từ Huế.

Đến ngày 15/5/1963, phái đoàn Phật giáo Việt Nam gồm: Thượng tọa Tâm Châu, Thiện Hòa, Thiện Hoa, Thanh Thái, Đại đức Dũng Chí và cư sĩ Chánh Trí (Mai Thọ Truyền) đã diện kiến Tổng thống Diệm để trình bài về 5 nguyện vọng nhưng không đạt được kết quả nào khả quan [3] sau đó một ngày các vị lãnh đạo Phật giáo Miền Nam đã họp báo tại chùa Xá Lợi để tố cáo sự trơ trẽn của Tổng thống Ngô Đình Diệm.

Hơn 1000 Tăng, Ni và rất đông Phật tử vân tập về chùa Ấn Quang để cầu siêu cho đồng bào Phật tử bị thảm sát ở Huế vào ngày 21/5/1963. Dù đã bị sự ngăn cản của cảnh sát, mật vụ và sự hăm dọa của chính quyền nhưng buổi lễ vẫn diễn ra trang nghiêm và sau đó rước các hương linh sang chùa Xá Lợi.

Ngày 25.5.1963, Hòa thượng Tịnh Khiết triệu tập một cuộc gặp mặt giữa các tập đoàn thuộc Tổng Hội Phật giáo Việt Nam và đại diện các tổ chức và môn phái Phật giáo khác như Giáo Hội Nguyên Thủy, Thiền Tịnh, Đạo Tràng, Giáo Hội Theravada v.v. để thảo luận về kế hoạch tranh đấu. Một Ủy ban Liên Phái bảo



Đấu tranh

vệ Phật giáo được thành lập để chỉ đạo cho cuộc đấu tranh Phật giáo do Thượng tọa Tâm Châu làm chủ tịch dưới quyền lãnh đạo tối cao của Hòa thượng Hội chủ Thích Tịnh Khiết.

Sau khi thành lập Ủy ban Liên Phái, đại diện các giáo phái có mặt tại chùa Xá Lợi ngày 25.5.1963 công bố một bản Tuyên Ngôn mang chữ ký của các vị: Trị sự Trưởng Giáo hội Tăng già Việt Nam là Thượng Tọa Thích Thiện Hòa; Pháp chủ Giáo hội Thiền tịnh đạo tràng Hòa thượng Minh Trực; Tăng thống Giáo hội Phật giáo Nguyên Thủy Đại đức Bửu Chơn; Tăng trưởng Giáo hội Theravada (người Việt gốc Miên) Lục Cả Lâm Em; Trị sự trưởng Giáo hội Tăng già Nam Việt là Thượng tọa Thích Thiện Hoa; Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam Thượng tọa Thích Tâm Châu; Trị sự trưởng Giáo hội Tăng già Bắc Việt (Tại miền Nam) thượng tọa Thích Thái Thanh; Hội trưởng Hội Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam là Nguyễn Văn Hiếu; Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt là Vũ Bảo Vinh; Đại diện Phật tử Therevada (người Việt gốc Miên) Sơn Thái Nguyên; Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt là Mai Thọ Truyền [4] từ đó chùa Ấn Quang, Xá Lợi và chùa Giác Minh là các trung tâm bảo vệ Phật giáo Miền Nam Việt Nam.

Đầu tháng 6 năm 1963, Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam ra tuyên bố ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo [5]. Lúc này, các sự kiện đấu tranh của cách mạng, của nhân dân và đặc biệt của Phật giáo diễn ra dồn dập, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt đầu tiến hành các cuộc đàn áp khắc nghiệt với Phật giáo Miền Nam bằng các thủ đoạn tinh vi và tàn khốc, từ việc bắt bớ, hăm dọa những Phật tử đến chùa Ấn Quang, Xá lợi, Giác Minh, cho mật vụ đêm đêm đến chùa bắt Tăng, Ni đi thủ tiêu nhằm mục đích triệt hạ tinh thần đấu tranh của Phật giáo Miền Nam.

Sau hơn 1 tháng đấu tranh với tinh thần bất bạo động với các cuộc tiếp xúc, biểu tình và tuyệt thực, tự thiêu cũng không làm cho chính quyền thức tỉnh cho đến ngày 11/6/1963, Hòa thượng

Thích Quảng Đức trụ trì chùa Quan Thế Âm, tự thiêu ở ngã tư đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám) với bức tâm thư để lại [6] đã xóa tan đi sự vu khống nông nỗi của đệ nhất phu nhân Trần Lệ Xuân. Bắt đầu từ sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu đã có tác động tích cực lên phong trào ủng hộ đấu tranh của Phật giáo Miền Nam Việt Nam, những chiêu trò đánh lạc hướng dư luận của chính quyền không còn tác dụng và lúc này chính vợ chồng Trần Lệ Xuân và Ngô Đình Nhu đã thâm hiểm hơn khi cố vấn trở mặt với Thông cáo chung "*Trần Lệ Xuân khuyên Tổng thống không ký ngang hàng với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết mà phải ký ở trên trang nhất kèm theo câu 'thông cáo chung này đã được tôi chấp thuận nguyên tắc ngay từ đầu' cho thấy sự thâm hiểm muốn triệt tiêu Phật giáo của vợ chồng Nhu*'' [7].



Tăng ni ngồi xuống đường niệm Phật khi bị cảnh sát chặn bắt

Sau khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu thì chính quyền còn vận động chi tiền mua chuộc thương phế binh, cô nhi, quả phụ biểu tình và chửi bới Tăng Ni chia rẽ Tăng đoàn v.v. nhưng cũng không có kết quả, cuối cùng Ngô Đình Nhu xây dựng và thực thi kế "Hoạch nước lũ" với trọng tâm là tấn công các chùa Ấn Quang, Xá Lợi, Giác Minh, Giác Sanh, Tuyền Lâm, Từ Đàm, Linh Quang, Giác Nguyên, Kim Liên và các chùa khác vào lúc 0 giờ 15 phút ngày 21/8/1963, cảnh sát mặc đồ rằn ri ào ào tấn công chùa bắt người, toàn bộ ban lãnh đạo Phật giáo gồm hơn 20 người: Hòa thượng Tịnh Khiết, thượng tọa Thiện Hòa, Thiện Hoa…và cư sĩ Mai Thọ Truyền nhưng khi kiểm tra danh sách

thấy thiếu Thượng tọa Trí Quang viên Giám đốc nha cảnh sát bắt cư si đi tìm, dù tất cả đều biết thượng tọa Trí Quang cũng bị bắt trong đoàn nhưng không ai khai cả, tất cả đều bị giam tại An Dưỡng Địa. Được tin Tăng Ni, Cư sĩ bị bắt, nhân dân, Phật tử hết sức lo lắng và bắt đầu có biểu tình, mở đầu là các giáo sư, sinh viên, học sinh trường Đại học Y khoa, Ở Đại học luật Giáo sư Vũ Văn Mậu, Bộ trưởng Ngoại giao lên tiếng phản đối mạnh mẽ lên Tổng thống Ngô Đình Diệm bằng cách cạo đầu và bắt đầu cuộc đấu tranh ồ ạt của giáo sư, sinh viên, sau đó đến công thương, bãi khóa biểu tình nhanh chóng lan rộng khắp Miền Nam chính quyền đã thẳng tay đàn áp và bắn chết em học sinh Quách Thị Trang đã khơi dậy nỗi đau của dân tộc đến nỗi những người Công giáo có lương tri như: Linh mục Cao Văn Luân từ chức Viện trưởng Viện Đại học Huế để phản đối sự dã man của chính quyền. Không những phong trào diễn tiến mạnh mẽ trong nước mà thế giới cũng đã bắt đầu áp lực lên nước Mỹ và Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc đã cử một phái đoàn về Việt Nam để điều tra cuộc đàn áp Phật giáo đến Sài Gòn ngày 24/10/1963 [8], các chính khách Mỹ cũng bị dư luận trong nước công kích mạnh mẽ và yêu cầu có hành động với chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 1/11/1963 Quân đội Sài Gòn do Mỹ dật dây đã tiến hành đảo chính và ngày hôm sau hai anh em Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu đã bị giết còn Trần Lê Xuân cũng đã đi vận động dư luận quốc tế cho chính quyền Sài Gòn cũng không còn có cơ hội trở về.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu của những người đương thời như: Nam Thanh (Tổng thư ký - Linh sơn nghiên cứu Phật học Hội), Vũ Văn Mậu (Bộ trưởng Ngoại giao của chính quyền Sài Gòn, Quốc Oai (Nhà nghiên cứu lịch sử đương thời. Tuệ Giác (người trong cuộc đã viết sử Phật giáo, Nguyễn Lang (Thích Nhất Hạnh) người trong cuộc viết sử đương thời, còn nhiều những trang sử của các nhân vật trong cuộc đã cho thấy, cuộc đấu tranh của Phật giáo để bảo vệ công lý và hòa bình phải trả giá bằng xương

máu của Tăng Ni và Phật tử.

Sau 9 năm cầm quyền Ngô Đình Diệm đã đem lại nhiều đau khổ, tủi nhục, mất mát to lớn cả về vật chất và tinh thần cho dân tộc Việt Nam nói chung và Phật giáo Miền Nam Việt Nam nói riêng.

Sau 53 năm sự kiện đấu tranh của Phật giáo đòi quyền bình đẳng tôn giáo và phong trào cách mạng của nhân dân Miền Nam chống chính quyền độc tài dẫn đến sự sụp đổ chế độ độc tài và gia đình trị Ngô Đình Diệm (1/11/1963), là một quy luật tự nhiên.

Vai trò nòng cốt của phong trào đấu tranh bảo vệ Phật giáo của các bậc tôn trưởng như: Hòa thượng Tịnh Khiết, Thượng tọa Thiện Hòa, Thiện Hoa, Trí Quang, Thiện Minh... và các Cư sĩ như Chánh Trí, Tâm Minh v.v. đã đưa đến thắng lợi hoàn toàn trước sự tàn bạo của chính thể Ngô Đình Diệm tàn bạo.

Thắng lợi bước đầu của Phật giáo Miền Nam đã tạo ra nhiều thời cơ, góp phần thuận lợi cho phong trào cách mạng giải phóng Miền Nam tiến lên giành nhiều thắng lợi 30/4/1975.

Chú thích:

1. Lê Cung (2008) Phong trào Phật giáo Miền Nam Việt Nam năm 1963.Nxb Thuận, Huế. Tr.134.

2. Nguyễn Lang (2009) Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 3 - Chương 38: Cuộc Vận Động Chống Chế Độ Ngô Đình Diệm, Nxb Văn Học - Hà Nội, tr.792- 800.

3. Nam Thanh (1963) Cuộc đấu tranh lịch sử của Phật giáo Việt Nam, Thư viện Huệ Quang ấn hành. Sài Gòn. Tr. 12.

4. Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào theo đạo Phật. Báo Nhân Dân ra ngày 13/6/1963.tr. 4.

5. https://thuviengdpt.info/kho/tai-lieu-tong-hop/tai-lieu/phat-giao-dau-su-phat-giao-viet-nam.

6. Trí Không (soạn 2009). Tổ đình Ấn Quang và lịch sử phát đạt của Phật giáo Việt Nam từ năm 1950 trở đi. ở dạng bản thảo.tr. 281.

7. Minh Không (Vũ Văn Mậu) (2003) Sáu tháng pháp nạn 1963, Nxb Giao Điểm, USA (ấn bản 1984.in Roneo. Việt Nam). Tr.279.

8. Võ Đình Cường (dịch) (1966). Vi Phạm Nhân Quyền Tại Miền Nam Việt Nam, Nxb Hùng Khanh, Sài Gòn



Lễ khai giảng lớp Trung cấp Phật học Kiên Giang khóa IV.
Nguồn: *phatgiaokiengiang.com*

Tìm hiểu
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO *tỉnh Kiên Giang*

THÍCH MINH NGHĨA

Sau ngày 30/04/1975 đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập thống nhất, trước vận hội mới đó các Tổ chức, Hệ phái Phật giáo ở Kiên Giang vận động thành lập ngôi nhà chung Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang vào năm 1982 và bổ nhiệm nhân sự các Ban ngành Phật giáo các cấp để điều hành công tác Phật sự. Trong 35 năm hoạt động, trải qua 08 nhiệm kỳ (tính đến năm 2017), Phật giáo tỉnh Kiên Giang dần dần đi vào ổn định, phát triển và đạt được nhiều thành tựu về các phương diện như giáo dục, hoằng pháp, từ thiện xã hội, văn hóa, nghi lễ, hướng dẫn Phật tử... Trong đó công tác Giáo dục Tăng ni là nhiệm vụ hàng đầu của Phật giáo tỉnh Kiên Giang, nhằm tạo đội ngũ kế thừa theo tinh thần tre già măng mọc để có nguồn nhân sự chủ chốt đáp ứng mọi công tác Phật sự cũng như nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay. HT. Thích Trí Quảng từng nói: "*Đối với Phật giáo, một trong*

những yếu tố quan trọng làm nên sự hưng thịnh đó là chất lượng của Tăng Ni… nếu Tăng Ni không được đào tạo, thiếu sự tu học thì Phật giáo cũng khó phát triển được. Do vậy, Phật sự giáo dục Tăng Ni luôn được chư vị tiền bối quan tâm, xem đó là một trong những công việc quan trọng hàng đầu của bất cứ tổ chức Phật giáo, ở bất cứ hoàn cảnh lịch sử nào"[1]. Trên tinh thần đó, Ban trị sự Phật giáo Kiên Giang mở các lớp đào tạo Phật học, hành chánh cho Tăng ni, Phật tử theo học nhằm nâng cao trình độ tri thức, nghiệp vụ hỗ trợ cho việc tu học và hành đạo. Với các hoạt động cụ thể như sau:

- *TRƯỜNG CƠ BẢN PHẬT HỌC KIÊN GIANG*: Năm 1991 được sự cho phép của Ban giáo dục Tăng ni Trung ương, Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang mở lớp Cơ bản Phật học (nay đổi tên là Trường Trung cấp Phật học) cho chư Tăng ni trong và ngoài tỉnh theo học "*Năm 1991, trường Trung cấp Phật học Kiên Giang chính thức được thành lập tại chùa Phổ Minh, số 27 đường Cô Bắc, thị xã Rạch Giá. Vào tháng 05 cùng năm trường đã tổ chức khai giảng khóa I với số Tăng ni theo học là 50 vị*"[2]. Trường Cơ bản Phật học ra đời là một trong những cố gắng rất lớn của Ban giáo dục Tăng ni Phật giáo tỉnh nhà trong hoàn cảnh cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, đội ngũ giảng viên còn hạn chế. Vì là một tỉnh thuộc vùng biên nên việc quy tụ các học viên khu vực xung quanh đăng ký theo học không nhiều, chủ yếu là các Tăng ni sinh trẻ trong tỉnh được sự vận động của Chư tôn đức cho đăng ký theo học. Tiếp tục thành công của khóa I, Trường cơ bản Phật học chiêu sinh khóa II (1996-2000) có 31 Tăng ni theo học. Khóa III (2002 - 2005) có 30 Tăng ni.

Sau thời gian gián đoạn đến ngày 01/09/2010, Trường trung cấp Phật học Kiên Giang khóa IV (2010 - 2014) chính thức khai giảng có 70 Tăng ni sinh đăng ký học. Phát biểu tại lễ khai giảng, HT.Thích Huyền Thông nhấn mạnh: "*Công tác đào tạo Tăng tài phục vụ Đạo*

1. Thích Trí Quảng, Giáo dục Tăng Ni là Phật sự quan trọng hàng đầu của Giáo hội Tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục Tăng Ni, *https://giacngo.vn, 11/05/2016.*

2. Thích Giác Phước (2002), Lược sử những ngôi chùa Kiên Giang, *Nxb Tp. HCM, tr. 11.*

pháp - Dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Giáo hội hiện nay… Nhằm phát huy thành tựu hiệu quả đã đạt được vừa qua, nay Ban Giám hiệu nhà trường tiếp tục đào tạo khóa mới, có hơn 70 Tăng Ni sinh theo học. Đây là nguồn nhân sự có thể kế thừa sự nghiệp hoằng truyền Phật pháp sau này cho Giáo hội"[3]. Trong khóa này Trường trung cấp chuyển từ chùa Phổ Minh sang chùa Phật Quang (số 83 Quang Trung, phường Vĩnh Quang, Tp. Rạch Giá) với những phòng học được trang bị khang trang, tiện nghi hơn. Tiếp tục thành công của 04 khóa trước, hiện nay Trường Trung cấp Phật học Kiên Giang đang lập kế hoạch chuẩn bị chiêu sinh khóa V.

- LỚP BỒI DƯỠNG CHUYÊN KHOA PHẬT HỌC, TIN HỌC VÀ NGOẠI NGỮ: Năm 2001, lớp Bồi dưỡng Chuyên khoa Phật học, Tin học và Ngoại ngữ do Ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Kiên Giang tổ chức, thành phần theo học chủ yếu là Tăng ni sinh tốt nghiệp lớp Cơ bản Phật học khóa II. Có thể nói lớp Bồi dưỡng Chuyên khoa Phật học, Tin học và Ngoại ngữ là lớp học đặc thù chuyên biệt của Ban giáo dục Tăng ni Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Tất cả học viên theo khóa này đều thực hiện theo chế độ nội trú ở hai địa điểm. Tăng nội trú ở chùa Phật Quang và Ni nội trú tại tịnh xá Ngọc Hải (mỗi sáng đều có xe đưa đón). Chương trình giảng dạy lớp Bồi dưỡng Chuyên khoa Phật học, Tin học và Ngoại ngữ gồm hai phần: "*Thứ nhất là nội điển: Kinh, Luật, Luận. Thứ hai là Ngoại điển: Anh ngữ, Hán ngữ, Tin học, Thuật hùng biện, Nghệ thuật viết văn*"[4]. Phương pháp đào tạo chia làm hai giai đoạn: "*Giai đoạn một học viên được tiếp thu kiến thức cơ bản về nội ngoại điển. Giai đoạn hai tùy theo khả năng của từng học viên, lớp sẽ được phân làm ba nhóm là Dịch thuật, Thuyết giảng, Ngoại ngữ và Tin học*"[5]. Có thể nói nội dung đào tạo nội ngoại điển của lớp tương đương với chương trình Cao đẳng, Cử nhân Phật học của

3. Ban Thông tin truyền thông Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2011), Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự và Bản tin Phật sự Kiên Giang năm 2011*, Ban trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 94.*
4. Thích Giác Phước chủ biên (2002), Sđd, tr.15.
5. Thích Giác Phước, Sđd, tr.15.



Khai giảng lớp Nghiệp vụ Hành chánh tỉnh Kiên Giang
Nguồn: *phatgiaokiengiang.com*

GHPGVN ngày nay. Nhưng rất tiếc do hạn chế về số lượng học viên nên lớp Bồi dưỡng chuyên khoa Phật học, Tin học và Ngoại ngữ đến nay mới mở được 01 khóa.

- LỚP BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TRỤ TRÌ: Ngày 25/8/2014, Ban trị sự Phật giáo Kiên Giang mở lớp đào tạo nghiệp vụ trụ trì dài hạn dành cho các vị Trụ trì, các vị Phó trụ trì và các vị được quy hoạch làm Trụ trì trong tương lai chưa qua các trường lớp đào tạo Phật học với thời gian đào tạo kéo dài 3 năm từ năm 2014 đến 2017. Mỗi tháng học hai ngày vào mùng 01 và mùng 02 hàng tháng. Địa điểm học tại giảng đường chùa Phật Quang. "*Ngoài các kiến thức cơ bản về Phật học, Tăng ni học viên còn được trang bị các kỹ năng về quản lý tự viện, phương pháp diễn giảng, nghệ thuật nói chuyện trước công chúng, vận động quần chúng… Bên cạnh đó là các kiến thức về hành chánh của Giáo hội, chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ được chư Tôn đức Văn phòng II Trung ương Giáo hội và Sở Nội vụ - Ban Tôn giáo tỉnh đến chia sẻ*"[6]. Khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ Phật pháp trong việc hướng dẫn Tăng ni, Phật tử sinh hoạt, tu học và nắm bắt những thông tin cập nhật theo đúng chủ trương Giáo hội và chính sách của Đảng, Nhà nước.

6. Ban Thông tin truyền thông Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2014), Đặc san Ánh đạo Kiên Giang *số 06, Ban trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 103.*



Lễ triển khai Pháp luật tín ngưỡng Tôn giáo ở Kiên Giang
Nguồn: *phatgiaokiengiang.com*

- *KHÓA TẬP HUẤN HOẰNG PHÁP VIÊN*: Bắt đầu từ năm 2014, mỗi năm Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang kết hợp cùng Ban Hoằng pháp Trung ương tổ chức khóa tập huấn Hoằng pháp viên cho các phật tử tiêu biểu của các chùa trong tỉnh. Tính đến nay đã tổ chức được 05 khóa, mỗi khóa có gần 1000 Phật tử về tham dự. Mục đích của khóa học "*Nhằm giúp Phật tử hiểu rõ hơn về chánh pháp, giáo lý Phật đà, kỹ năng trong giao tiếp… thông qua các buổi thuyết giảng của Chư Tôn đức ban Hoằng pháp. Từ đó Phật tử am hiểu chuyên sâu về Phật pháp, có tư cách đạo đức gương mẫu để áp dụng vào đời sống bản thân và quan trọng hơn hết là cùng với Tăng ni trở thành một người làm nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp*"[7]. Trong khóa tập huấn này, ban tổ chức chia ra làm hai lớp, một lớp căn bản dành cho các Phật tử mới tham dự khóa tập huấn và lớp nâng cao dành cho các Phật tử đã tham dự 3 kỳ tập huấn trở lên.

- *LỚP CỬ NHÂN TÔN GIÁO HỌC*: Năm 2015, Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang liên kết với trường Đại học KHXN & NV Hà Nội thuộc Đại học quốc gia, mở lớp Cử nhân Tôn giáo học tại chùa Phật Quang cho 121 vị Tăng ni. Chương trình đào tạo 4 năm, mỗi tuần học hai ngày vào thứ Bảy và Chủ nhật. Hiện khóa 01 đã kết thúc chuẩn bị liên kết mở thêm khóa 02.

7. Thích Tuệ Tánh, Gần 1000 phật tử được tập huấn công tác Hoằng pháp*, www.phatgiaokiengiang.com, 23/10 /2015*

Hằng năm, Ban trị sự Tỉnh mở thêm các lớp tập huấn dành cho Tăng ni trụ trì về các chuyên đề: Đào tạo nhân sự, Quản trị nhân sự, An ninh quốc phòng, Bảo vệ môi trường, Chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, khóa Bồi dưỡng trụ trì và nghiệp vụ hành chánh, Nghiệp vụ thư ký và viết tin... Theo Báo cáo tổng kết của Ban giáo dục Tăng ni tỉnh Kiên Giang đến năm 2017, số lượng Tăng ni đang theo học và đã tốt nghiệp các Trường Phật học, thế học trong và ngoài nước như sau: "T*iến sĩ khoa học 02 vị. Thạc sĩ 12 vị. Cao cấp giảng sư 08 vị. Cử nhân Phật học và thế học 67 vị. Đang học nghiên cứu sinh 04 vị. Đang học Cao học tại các trường Phật học và thế học trong và ngòai nước 18 vị. Đang theo học Cử nhân Phật học, các lớp Cao đẳng chuyên khoa Phật học, lớp Cao trung cấp giảng sư 21 vị*"[8]. Đây là thành quả đáng khích lệ cho hoạt động giáo dục của Ban giáo dục Tăng ni tỉnh Kiên Giang trong thời gian qua. Mặc dầu so với các tỉnh thành khác vẫn còn hạn chế nhưng với tinh thần luôn tìm tòi học hỏi, nâng cao trình độ bản thân, Chư tôn đức lãnh đạo Ban trị sự luôn cố gắng tạo môi trường học tập thuận lợi cho Chư Tăng ni để đào tạo ra nhiều nhân tài phục vụ cho Giáo hội.

Như vậy, kể từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kiên Giang được thành lập với sự quản lý điều hành của Ban trị sự đã đạt được nhiều thành tựu nhất định về mọi phương diện. Trong bối cảnh đất nước ngày càng phát triển và đổi mới, vai trò của Phật giáo đối với dân tộc ngày càng được thể hiện. Qua các nhiệm kỳ, Ban trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang không ngừng hoàn thiện mình, cải cách bộ máy hành chính, bổ nhiệm nhân sự sao cho đúng người đúng việc và kiện toàn bộ máy tổ chức Giáo hội. Sự quản lý sâu sát của Giáo hội từ Trung ương đến địa phương đã đưa ra những phương hướng hoạt động cụ thể để phát huy giá trị tích cực của Phật giáo và hạn chế những yếu kém, khuyết điểm nhằm nâng cao uy thế của đạo Phật, làm lợi ích cho mọi người. Sau thời gian đào tạo Ban giáo dục Tăng ni tỉnh Kiên Giang đã bồi dưỡng nhiều Tăng ni trẻ đủ tài đức kế thừa sự nghiệp Giáo hội trong các công tác Phật sự. Hướng đến xây dựng tổ chức Giáo hội Phật giáo Kiên Giang ngày một vững mạnh phụng sự nhân sinh.

---

8. Ban Thông tin truyền thông Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2017), Báo cáo tổng kết công tác Phật sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang năm 2017*, Đặc san* Ánh đạo Kiên Giang *số 11, Ban trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 60.*

Tìm hiểu di tích lịch sử *chùa Sắc Tứ Tam Bảo - Rạch Giá*

TN. HUỆ PHÁT

Chùa Sắc tứ Tam Bảo hiện cư ngụ tại số 03 đường sư Thiện Ân, Phường Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Chùa Sắc tứ Tam Bảo - Rạch Giá có vai trò quan trọng trong tiến trình hình thành và phát triển Phật giáo Kiên Giang. Chùa từng là trụ sở của hội Phật Học Kiêm Tế, hội Phật Học Nam Việt - Kiên Giang. Từ năm 1982 đến nay, chùa là Văn phòng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Trải qua các thời kỳ, với bề dày lịch sử, chùa Sắc tứ Tam Bảo đã để lại dấu ấn sâu đậm. Nơi đây, được xem là lá cờ đầu cho các hoạt động Phật sự Phật giáo ở Kiên Giang. Vì vậy, khi nhắc đến những ngôi chùa tiêu biểu nhất của Phật giáo tỉnh Kiên Giang, không ai không biết đến chùa Tam Bảo - Rạch Giá.



Chùa Tam Bảo - một ngôi chùa Phật thiêng liêng cổ kính, lâu đời tại Rạch Giá. Quá trình hình thành ngôi chùa cổ này là một sự tích gắn liền với dòng chảy lịch sử vùng đất Kiên Giang. Chùa Tam Bảo được thành lập vào cuối thế kỷ XVIII, một Phật tử tại Rạch Giá - bà Dương Thị Oán đã đứng ra xây dựng một ngôi chùa bằng cây lá đơn sơ đặt tên là Tam Bảo. Nguyễn Ánh từng có thời gian nhờ sự giúp đỡ của Bà Hoặng ở chùa Tam Bảo nên khi lên ngôi Vua ban bản hiệu Sắc tứ cho chùa Tam Bảo. Nhà văn Nam Sơn trong quyển *Hồi ký tập 1: từ U Minh đến Cần Thơ* kể lại: *"Bà Dương Thị Oán nhờ buôn bán lúa gạo tại địa phương đã cho Nguyễn Ánh, khi đang trốn chạy Tây Sơn, những cuộn tơ tằm quý giá để làm quai chèo không đứt khi vượt biển thay cho loại quai chèo thắt bằng gai, bằng bố dễ đứt và có thể từ công ơn này mà về sau vua Gia Long đã ban Sắc tứ cho chùa Tam Bảo*"[1]. Đến năm 1913, Hòa thượng Trí Thiền (Nguyễn Văn Đồng) được Phật tử địa phương thỉnh về trụ trì chùa Tam Bảo. Hai năm sau (1915), Hòa thượng cho đại trùng tu lại ngôi chùa. Đến năm 1917, công trình đại trùng tu hoàn thành, với lối kiến trúc cơ bản còn được lưu lại đến nay.

Vào năm 1936, Hòa thượng Trí Thiền cùng nhà sư Thiện Chiếu thành lập hội Phật Học Kiêm Tế và tạp chí Tiến Hóa là cơ quan ngôn luận của Hội. Chùa Tam Bảo được sử dụng làm trụ sở và cũng là tòa soạn của tạp chí Tiến Hóa. Hội đã chủ trương tổ chức các hoạt động xã hội như: mở phòng thuốc miễn phí, thành lập cô nhi viện, cứu trợ đồng bào hạn hán, lũ lụt, lớp học bình dân... Trong giai đoạn 1939 - 1941 chùa cũng là trạm liên lạc của Xứ ủy Nam Kỳ - địa điểm họp bí mật của Đảng; nơi chế tạo lựu đạn bởi nhà sư Thiện Ân (Trần Văn Thâu); nơi cất giấu vũ khí, in truyền đơn chuẩn bị cho cuộc Nam Kỳ khởi nghĩa. Tuy nhiên, do bị chỉ điểm hoạt động cách mạng của chùa bị bại lộ. HT. Trí Thiền, sư Thiện Ân và nhiều đồng chí khác bị bắt. Chùa Tam Bảo bị đóng cửa. Mãi cho đến sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 mới được mở cửa trở lại.

---

1. Thích Giác Phước chủ biên (2002), Lược sử những ngôi chùa ở Kiên Giang*, Nxb Tp.HCM, tr. 20.*

Mặc dù gặp nhiều biến động nhưng sức sống chùa Tam Bảo vẫn luôn duy trì một cách mãnh liệt và còn là cái nôi của Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Đến năm 1956, khi hai vị Thượng tọa Thích Huyền Vi và Thích Thanh Từ về chùa Tam Bảo mở lớp Phật học Phổ thông, vận động quý Phật tử thành lập chi hội - Hội Phật Nam Việt tỉnh Kiên Giang, chùa được chọn làm trụ sở của Hội. Từ ngôi chùa Tam Bảo này đã kết nối với các tự viện trong tỉnh, nêu cao tinh thần học Phật, phục hưng chánh pháp, đào tạo tăng tài, chấn chỉnh giáo lý khiến cho không khí học Phật phát triển rầm rộ trở lại. Nơi đây đã từng tiếp đón nhiều dấu chân của Chư tôn thạc đức, trong đó có HT. Thích Bổn Châu. Để đáp lời kiền thỉnh của Phật tử, Giáo hội Tăng già Nam Việt cử Ngài xuống trông coi ngôi Tam Bảo tự từ năm 1962.

Có thể nói, sau HT. Trí Thiền thì HT. Bổn Châu là người có nhiều đóng góp tích cực và tiếp tục giữ gìn nêu cao vị thế chùa Tam Bảo trong lòng Giáo hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang. HT. Bổn Châu cùng với HT. Danh Nhưỡng đi tiên phong trong việc vận động thành lập Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Trong ba kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo nhiệm kỳ I, nhiệm kỳ II, nhiệm kỳ III. Tất cả các nhiệm kỳ nêu trên đều chọn chùa Tam Bảo làm nơi diễn ra Hội nghị. Với vai trò là Văn phòng của Ban Trị sự, nên tất cả những cuộc hội họp dẫn đến những quyết định quan trọng trong những nhiệm kỳ đầu tiên đều diễn ra tại chùa Tam Bảo. Với vị thế là trung tâm Phật giáo tỉnh nhà, cộng với cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang nên chùa Tam Bảo - Rạch Giá thường xuyên được chọn làm nơi diễn ra các sự kiện quan trọng trong Phật giáo. Các khóa An cư Kiết hạ tập trung, các Giới đàn thọ giới, Bố tát trong giai đoạn đầu của Phật giáo tỉnh Kiên Giang đều tổ chức tại đây. Hằng năm, lễ đài Phật đản của Ban Trị sự tỉnh cũng đặt tại chùa Tam Bảo. Bên cạnh nhiều lễ hội văn hóa khác của Phật giáo tỉnh, chùa Tam Bảo cũng thường đứng ra đăng cai tổ chức. Có thể nói, chùa Sắc tứ Tam Bảo - Rạch Giá đã đóng góp rất lớn vào tiến trình phát triển Phật giáo Kiên Giang và đồng hành với dân tộc, trong phong trào đấu tranh giải phóng đất nước, giữ gìn trật tự xã hội, hộ

quốc an dân. Chính vì vậy, năm 1988 chùa Sắc tứ Tam Bảo - Rạch Giá được Bộ Văn hóa công nhận là Di tích Lịch sử cấp Quốc gia.

Sau khi HT. Bổn Châu viên tịch, TT. Thích Thiện Chơn trụ trì từ năm 1995 đến năm 2007. TT. Thiện Chơn đã cho trùng tu Chánh điện (1997), Hậu tổ (1998), Tây Lang (1999), xây cất dãy xá cho chư tăng An cư kiết hạ và Đông lang (2001). Thượng tọa cũng là Chánh văn phòng Tỉnh hội. Năm 2010 Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh cho đại trùng tu chùa Tam Bảo lần nữa. Chùa Tam Bảo từ lúc hình thành đến nay đã hơn 120 năm, qua 05 đời trụ trì với bao thăng trầm biến đổi của Phật giáo, của thời cuộc. Nhưng ánh sáng Tam Bảo vẫn tỏa rạng làm giềng mối cho Phật giáo tỉnh Kiên Giang.

Ngày nay, mặc dù chùa Tam Bảo nhiều đời trụ trì đã thay đổi tiếp nối quản lý nhưng chùa vẫn giữ vững vị thế của mình. Với vị trí là Văn phòng của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, vào ngày 25 dương lịch hàng tháng Thường trực Ban Trị sự đều trở về chùa Tam Bảo hội họp giải quyết các vấn đề Tăng sự, và bàn thảo các kế hoạch hoạt động của Giáo hội trong thời gian tới để triển khai đến Ban Trị sự cấp huyện và chư Tăng ni trong toàn Tỉnh biết. Nhờ thế mà Phật giáo Kiên Giang đạt được nhiều thành tựu về công tác tổ chức, công tác Tăng sự trong thời gian qua.

AN CƯ KIẾT HẠ: Chùa Tam Bảo cũng là trung tâm thường xuyên được chọn làm điểm An cư Kiết hạ tập trung của Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh. Tính đến năm 2016 *"Trải qua 35 năm Phật giáo tỉnh Kiên Giang tổ chức được 27 khóa An cư Kiết hạ cho Tăng ni tu học thúc liễm thân tâm trau dồi Giới Định Tuệ theo luật Phật chế. Cấp sổ chứng nhận An cư trên 400 Tăng ni"*[2]. Trong 27 khóa đó thì chùa Tam Bảo tổ chức khoảng 20 khóa, nhất là trong khoảng thời gian từ năm 2004 trở về trước (trừ năm 1997 và 2013) thì các mùa An cư đều tổ chức tại chùa Tam Bảo. Hiện nay, để

2. GHPGVN tỉnh Kiên Giang (2016), Báo cáo Thành tựu Phật sự 35 năm của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Kiên Giang*, Trích trong Kỷ yếu kỷ niệm 35 năm thành lập GHPGVN (07/11/1981 – 07/11/2016), Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 35.*

thay đổi không gian tu học, nhiều cơ sở tự viện xây dựng khang trang đủ điều kiện cho chư Tăng ni nội trú trong 03 tháng nên các khóa An cư được tổ chức luân phiên giữa các đạo tràng. Về Tăng có các điểm như chùa Tam Bảo (Rạch Giá), chùa Giác Lâm, chùa Phổ Minh, chùa Phật Quang, chùa Phật Đà. Về trường hạ Ni có chùa Tam Bảo (Hà Tiên), chùa Bửu Sơn, chùa Kiên Tân. Với lợi thế về địa lý, cơ sở vật chất nên chùa Tam Bảo vẫn được xem là điểm An cư lý tưởng cho chư Tăng tu học.

GIỚI ĐÀN - BỐ TÁT: Bên cạnh việc tổ chức An cư, chùa Tam Bảo cũng là nơi tổ chức nhiều Đại giới đàn nhất cho giới tử. Theo Báo cáo tổng kết 35 năm thành tựu công tác Phật sự. "*Ban Trị sự tỉnh đã tổ chức 13 kỳ Đại giới đàn, có trên 1300 giới tử trong và ngoài tỉnh đủ điều kiện thọ giới tu học. Cấp giấy chứng nhận Tăng ni cho gần 500 Tăng ni*". Trong tổng số 13 kỳ Đại giới đàn thì chùa Tam Bảo tổ chức 10 kỳ. Điều đó cũng đã nói lên được vai trò quan trọng của chùa Tam Bảo trong công tác truyền đăng tục diệm. Theo quy định của Ban Trị sự, hiện nay mỗi tháng chư Tăng ni phải tập trung Bố tát một lần. Về phía chư Tăng, hai đạo tràng thường luân phiên tổ chức là chùa Phật Quang và chùa Tam Bảo. Việc tụng Giới không những giúp chư Tăng ni thanh lọc tự thân mà còn tạo nên tinh thần đoàn kết hòa hợp trong Tăng đoàn. Nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và hướng dẫn Tăng ni, Phật tử sinh hoạt tu học theo đúng Hiến chương GHPGVN, Pháp luật Nhà nước, nâng cao trình độ Phật pháp và nắm bắt những thông tin cập nhật theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Giáo hội. "*Từ năm 1998 đến nay, hàng năm thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh đều mở khóa Bồi dưỡng trụ trì, hầu hết Chư tôn đức Tăng ni trụ trì trong toàn tỉnh đều tham dự đầy đủ*"[3]. Các khóa Bồi dưỡng trụ trì thường tổ chức trong mùa Hạ. Do đó, chùa Tam Bảo vẫn là địa điểm tổ chức nhiều nhất trong khóa Bồi dưỡng trụ trì.

---

3. Ban thông tin truyền thông Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2017), Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo Kiên Giang nhiệm kỳ IX (2017 -2022), *Ban Trị sự GHPG tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 10.*

VĂN HÓA - LỄ HỘI: Chùa Tam Bảo có những đóng góp tích cực cho các hoạt động Văn hóa - Lễ hội của Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Cụ thể, Lễ đài Phật đản của Ban Trị sự thường được đặt ở chùa Tam Bảo làm lễ đài chính của Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Đây là đại lễ nhằm tôn vinh sự ra đời của đức Phật và được chọn làm ngày lễ Văn hóa tôn giáo của Liên hiệp quốc. "*Đặc biệt, tại chùa Tam Bảo còn có một thư viện Phật giáo tập hợp trên 1.000 đầu sách Phật giáo các loại để đọc giả trong và ngoài tỉnh tham khảo*"[4]. Vào mùa tháng 07 hàng năm chùa đều có tổ chức Đại lễ Trai đàn Chẩn tế cầu siêu. Lễ Cầu siêu cho người bị tai nạn giao thông và lễ hiệp kỵ Chư tôn đức hữu công trong Phật giáo. Việc làm này thể hiện lòng tri ân của Tăng ni Phật giáo Kiên Giang đối với các bậc tiền bối hữu công đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc!

VỀ HƯỚNG DẪN PHẬT TỬ TU HỌC: Hiện nay toàn tỉnh có 65 đạo tràng sinh hoạt tu học thường xuyên theo nhiều pháp môn khác nhau như: Đạo tràng Bát quan trai, Đạo tràng Niệm Phật, Đạo tràng tu thiền, Đạo tràng Pháp Hoa... với số lượng tham gia khoảng 8.000 Phật tử. Trong đó, chùa Tam Bảo - một trong những đạo tràng lớn của tỉnh. Chùa đã tổ chức nhiều chương trình tu học cho Phật tử cụ thể là khóa tu Bát quan trai tổ chức hàng tuần vào ngày chủ Nhật, thu hút gần 100 Phật tử tham dự. Đặc biệt, tại chùa Tam Bảo còn có khóa tu Tổ sư thiền do TT. Thích Minh Hiền (Thượng tọa là đệ tử Hòa thượng Thích Duy Lực) trụ trì chùa Phật Đà Tp. Hồ Chí Minh trực tiếp hướng dẫn. Mỗi tối chùa đều có thời khóa Nhật tụng cho Phật tử trong địa bàn Rạch Giá về tụng kinh, bái sám. Với các khóa tu thường xuyên như vậy, tạo điều kiện cho Phật tử tới lui tu học, gắn kết giữa chư Tăng và Phật tử trong các công tác Phật sự ở chùa.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI: Vào những năm 1939-1940 chùa Tam Bảo được HT. Trí Thiền cùng với các đồng chí sư Thiện Chiếu, sư Pháp Linh đã phát triển các hoạt động từ thiện như mở cô nhi

---

4. Ban thông tin truyền thông Phật giáo tỉnh Kiên Giang (2017), Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo Kiên Giang nhiệm kỳ IX (2017 -2022), *Ban trị sự GHPG tỉnh Kiên Giang ấn hành, tr. 119.*

viện, phòng thuốc Nam miễn phí, mở lớp học bình dân... mang lại an vui, lợi lạc cho chúng sinh, góp phần giảm thiểu những khó khăn trong đời sống, giảm thiểu nỗi khổ niềm đau. Những việc làm này của chùa Tam Bảo vừa có giá trị đối với đời sống vật chất lẫn tinh thần. Vào những năm đầu giải phóng, đất nước ta nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng gặp nhiều khó khăn về thuốc men trị bệnh. Năm 1980 chùa Tam Bảo đã mở phòng thuốc Nam miễn phí, xem mạch, hốt thuốc trị bệnh cho nhân dân. Phòng thuốc lấy tên một vị Thiền sư lương y nổi tiếng của Việt Nam - Tuệ Tĩnh đường. Hiện nay Tuệ Tĩnh đường chùa Tam Bảo vẫn là một địa chỉ từ thiện. Mỗi năm khám và chữa bệnh miễn phí cho hàng ngàn người bệnh nhân nghèo. Về hoạt động khám chữa bệnh thầy Thiện Hữu quản chúng chùa Tam Bảo cho biết: Hàng ngày phòng thuốc Nam hoạt động vào buổi sáng, trung bình khám và chữa bệnh cho hàng chục bệnh nhân, nhiều bệnh nhân ở các huyện vùng xa cũng tới khám. Mỗi năm chùa Tam Bảo còn hưởng ứng lời vận động của Ban từ thiện Phật giáo tỉnh và các hoạt động xã hội đóng nhiều tài vật để cứu trợ đồng bào tỉnh Kiên Giang. Chùa cũng vận động đồng bào Phật tử, các mạnh thường quân tổ chức nhiều chuyến đi thiện nguyện, phát quà từ thiện, thăm khám phát thuốc miễn phí cho người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chùa Tam Bảo thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đồng hành với dân tộc, xây dựng quê hương đất nước.

Tóm lại, chùa Tam Bảo từ khi thành lập đến nay hơn 200 năm trải qua bao biến đổi thăng trầm theo lịch sử nhưng vẫn giữ được vị trí quan trọng của mình trong tiến trình hình thành và phát triển Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Kể từ khi HT. Trí Thiền về trụ trì năm 1913, chùa Tam Bảo trở thành trung tâm hoạt động Phật sự Phật giáo ở Kiên Giang. Chùa là trụ sở hội Phật Học Kiêm Tế, hội Phật Học Nam Việt, là Văn phòng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Kiên Giang. Dù trải qua từng thời kỳ thăng trầm biến đổi nhưng chùa Tam Bảo vẫn thể hiện giá trị lịch sử của mình trong tiến trình phát triển Phật giáo ở Kiên Giang và luôn đồng hành với dân tộc trong các hoạt động xã hội. Có thể nói lịch sử chùa Tam Bảo đã đóng phần nòng cốt, chủ đạo trong lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo tỉnh Kiên Giang.



Ăn chay để nuôi dưỡng sự bình an và hạnh phúc

THÍCH HOẰNG TRÚC

Ăn chay là một thói quen đáng được nhân rộng và phát huy trong đời sống của con người hiện nay. Ăn chay là một hình thức tiếp nhận thực phẩm có tính an toàn cao, hạn chế đến mức thấp nhất dư lượng hóa chất độc hại và một số căn bệnh hiểm nghèo hiện có ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác trên thế giới do thịt của động vật mang lại. Nói đến ăn chay thì chúng tôi liền nghĩ đến một bữa ăn có rau luộc, đậu hủ kho, đĩa dưa cà, hoặc nồi canh chua rau muống có vài cọng ngò thơm, v.v… gọi đó là bữa ăn thịnh soạn của người ăn chay; còn bình dị một chút thì bữa ăn chỉ có một đĩa rau luộc và chén nước tương có vài lát ớt chín đỏ nổi bồng bềnh trên mặt là đủ. Ăn chay thì không mất thời gian nhiều để chế biến và thậm chí dễ tiêu hóa. Vì cấu tạo của nhiều loại rau củ quả chủ yếu là chất xơ và mềm, khi vào bao tử của con người thì chúng được tiêu hóa dễ dàng và bao tử sẽ hấp thụ đầy đủ chất dinh dưỡng có trong chúng.

Ăn chay còn là một truyền thống văn hóa đáng được lưu giữ trong nếp sống của người Việt Nam. Cứ vào ngày mười bốn, rằm hay ngày hai mươi chín tháng thiếu, hoặc ba mươi tháng đủ và ngày mùng một thì phần đông người Việt Nam chúng ta lại có thói quen ăn chay để cơ thể được nhẹ nhàng và thanh lọc, dẫu là người có theo hoặc không theo Phật giáo.

Và cũng từ thói quen đó mà nhiều thế hệ người Việt đã biết chế biến nhiều món chay ngon đa dạng về kiểu cách và hình thức, không kém phần thịnh soạn, đảm bảo đầy đủ chất dinh dưỡng cho bữa ăn.

Như vậy, nói đến ăn chay thì chúng ta phải tự hào rằng bữa ăn của chúng ta sẽ đảm bảo không chứa nhiều độc tố và hóa chất gây ảnh hưởng đến sức khỏe, thọ mạng sẽ được kéo dài, không có sự giết chóc và ăn thịt lẫn nhau của con người và muôn loài trên hành tinh này. Trong bài viết này, chúng tôi xin nêu một vài nhận định và ý kiến chủ quan, với ước nguyện cuộc sống của con người sẽ luôn bình đẳng, an lạc, hạnh phúc, đó mới là một nền hòa bình thật sự của toàn thể nhân loại trên thế gian này.

Ở bài kinh "*Thịt Đứa Con*" nằm trong Đại phẩm thứ 7 thuộc Tương Ưng Bộ kinh, đức Phật đã nhắc đến thức ăn như sau:

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại thức ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay chúng sanh.

Thế nào là bốn?

Đoàn thực hoặc thô hoặc tế; thứ hai là xúc thực; thứ ba là tư niệm thực; thứ tư là thức thực.

Này các Tỳ kheo, bốn loại đồ ăn này đưa đến sự tồn tại, hay sự chấp thủ tái sanh cho các loài hữu tình hay các loài chúng sanh".

Đoạn kinh trên, đức Phật đã nhắc đến thức ăn "đoàn thực". Đoàn hay còn gọi là đoạn có nghĩa là ăn thức ăn có hình dáng dài, ngắn, vuông, tròn có thể đưa vào miệng được. Và thức ăn đó có thể làm cho cơ thể chúng ta phát triển.

Trong Phật giáo, đức Phật nhắc nhiều đến việc ăn uống của chư Tăng.

Đối với Phật giáo Nguyên thủy thì Ngài không bắt buộc người xuất gia phải ăn chay. Ngài cho phép ăn mặn. Nhưng phải dựa vào "Tam Tịnh Nhục" mà ăn, đó là được ăn loại thịt mà mình không thấy người giết; ăn loại thịt mà mình không nghe tiếng con vật bị giết kêu; ăn thịt mà mình không nghi ngờ người ta giết cho mình ăn.

Mặt khác, trong Kinh Jivaka, đức Phật khuyên các Phật tử không vì chư tăng mà giết hại chúng sanh, vì như thế người Phật tử sẽ mất công đức. Do

vậy, ở Phật giáo Nguyên thủy, đức Phật đã đưa ra điều kiện rõ ràng và cụ thể về sự tiếp nhận thức ăn của chư tăng thời bấy giờ. Ngài lấy "Tam Tịnh Nhục" làm giới điều căn bản để hàng đệ tử của mình có thể thuận theo thế gian mà du hành và truyền bá Phật pháp. Ở đây, Ngài không chú trọng vào hình thức ăn uống "chay" hoặc "mặn" mà Ngài chỉ chú trọng ở sự thanh tịnh của ba nghiệp đó là thân-khẩu-ý mà tiến tu.

Như vậy, nếu người xuất gia tham đắm vào thức ăn thể hiện sự thích thú và thèm khát, mà quên đi sự giác ngộ giải thoát thì điều tất nhiên người đó sẽ đánh mất phẩm chất của người xuất gia và họ cũng chỉ giống như bao nhiêu người bình thường trong xã hội này mà thôi. Và chắc chắn một điều là họ cũng chỉ là những người đáng thương trong biết bao người đáng thương còn đang chìm đắm trong khổ đau và hận thù, vì đã tạo duyên để người khác sát sanh, vay trả suốt đời không dứt.

Thêm nữa, trong kinh Tương Ưng Lakkhaṇa, ở các phẩm như Đống Xương, Đồ Tể Giết Trâu Bò, Một Miếng Thịt và Kẻ Bắt Chim, Người Giết Dê Bị Lột Da, Người Giết Heo Với Đao Kiếm, Người Săn Thú Với Cây Lao. Trong các Phẩm kinh này miêu tả về câu chuyện của Tôn giả Lakkana và Tôn giả Mục Kiền Liên. Trên đường đi từ núi Linh Thứu về thành Vương Xá để khất thực, hai Ngài đã nhìn thấy những chúng sanh có hình thù xấu xí và lạ lẫm, chịu nhiều cực hình đau đớn liên tục chưa từng được thấy trên thế gian này. Bằng khả năng thần thông siêu việt của mình, Ngài Mục Kiền Liên đã thấy được những nghiệp nhân của các chúng sanh đó, đời trước họ đã là một đồ tể giết trâu bò, là một kẻ săn chim, là một người đồ tể giết dê, là một người giết heo, là một người thợ săn thú ở tại thành Vương Xá. Do nghiệp của những người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm và với quả thuần thục còn lại, người đó cảm thọ một tự ngã như vậy.

Từ câu chuyện của bài kinh trên, chúng ta mới thấy được

nghiệp nhân mà chúng ta đã gieo từ đời trước liên quan đến sát sanh thì đời sau chắc chắn rằng chúng ta sẽ thọ lãnh quả báo đau khổ, sẽ trở thành những chúng sanh có hình thù xấu xí, thân xác chịu đau đớn đến lúc chết đi mới khỏi. Cho nên nếu chúng ta có thiện tâm bảo vệ người xuất gia thì cần phải khéo léo mà hộ trì thực phẩm cúng dường, điều quan trọng là phải biết rõ về "Tam Tịnh Nhục" mà đức Phật đã quy định trong thức ăn của người xuất gia, có thể tốt nhất là chúng ta nên mua động vật đã được chế biến hay động vật đã chết về chế biến lại, làm như vậy mới có thể tránh được nghiệp sát tốt nhất cho chúng ta. Còn nếu chúng ta muốn bảo đảm được thuần tịnh và thanh khiết cho bản thân mình và cả người xuất gia thì chúng ta nên mua, hoặc chế biến những thực phẩm chay để làm thức ăn cho mình và có thể cúng dường cho người xuất gia thọ nhận, đó là phương pháp tối ưu nhất để chúng ta bảo vệ cho lợi ích chung của tứ chúng trong giáo đoàn.

Riêng vấn đề "ăn chay" thì trong Phật giáo Đại thừa, đức Phật đã dạy rõ trong các bộ kinh như kinh Lăng Già, kinh Lăng Nghiêm, kinh Đại Bát Niết Bàn, v. v…, để nuôi dưỡng lòng từ bi. Đó là nền tảng vững chắc để người con Phật thực hành hạnh từ bi theo con đường Bồ tát đạo của Phật giáo Đại thừa. Vậy ta hiểu từ bi theo nghĩa ăn chay chính là không giết hại chúng sanh và không nhận đồ cúng dường qua sự sát sanh của người khác. Vì thế, nếu chúng ta dùng những món chay làm thực phẩm để nuôi dưỡng cơ thể thì chúng ta đã và đang thực hiện hạnh từ bi của người con Phật.

Khi không sát hại hay ăn thịt chúng sanh thì chúng ta đã thể hiện được tinh thần bình đẳng của muôn loài, vì không chỉ riêng ta muốn được sống mà còn có rất nhiều loài khác muốn được sống và tồn tại trên thế gian này. Bây giờ, nếu chúng ta dùng một cây gậy đánh mạnh lên lưng con chó mà chúng ta đang nuôi ở trong nhà, thì tức khắc nó sẽ đau và phản xạ bằng tiếng kêu thất thanh. Điều đó chứng tỏ con chó biết đau và ghét sự đánh đập giết hại. Cho nên nó cũng cần có sự bình đẳng về sự sống giống như chúng ta.

Nói về ăn chay thì cũng có nhiều người lại nghĩ rằng ăn chay thì sẽ thiếu chất dinh dưỡng, sanh nhiều bệnh tật, điều đó thật là một ý nghĩ sai lầm và cần phải được điều chỉnh. Bởi, nếu có dịp vào bệnh viện, thì chúng ta sẽ thấy rất nhiều bệnh nhân đang nằm điều trị ở đó, như người thì bị bệnh phổi, người thì bị bệnh gan, người thì bị bệnh tim, người thì bị thận, v.v… Khi bạn đến hỏi hằng ngày họ ăn chay hay ăn mặn, thì chắc chắn họ sẽ trả lời bạn rằng "ăn mặn mà còn bệnh tật như thế này, còn ăn chay thì không biết là cỡ nào nữa", nhưng họ không ngờ rằng những bệnh nhân nằm xung quanh họ đều "ăn mặn" cả. Nếu bạn có thích thú về vấn đề này thì bạn thử làm một bài test đơn giản tại một bệnh viện gần nhất, khi đó bạn sẽ thấy được điều tôi nói là không sai.

Cho nên chúng ta không thể quả quyết là ăn chay sẽ không có sức khỏe. Trong quyển sách *Enzyme - Phương thức sống lành mạnh*, của bác sĩ Hiromi Shinya, được Nhà xuất bản Thế Giới ấn hành vào tháng 3 năm 2018. (*Ông là giáo sư chuyên ngành phẫu thuật tại Đại học Y Albert Einstein của Mỹ và là Trưởng khoa Nội soi của Bệnh viện Beth Isarel. Ông cũng là bác sĩ đầu tiên trên thế giới thực hiện đưa thiết bị nội soi, hay còn gọi là phương pháp Shinya vào khám chữa bệnh. Ông cũng là người đầu tiên trên thế giới thành công trong việc phẫu thuật nội soi cắt bỏ polyp đại tràng mà không cần phẫu thuật ở bụng bệnh nhân, mở ra một bước tiến mới cho y học thế giới.*) Trong bài "*Ăn Thịt Nhiều Không Có Nghĩa Là Khỏe Mạnh*", ông cũng nhận định:

"Mấy lời quảng bá như không ăn thịt thì cơ bắp không phát triển được đều là nói dối. Các bạn cứ nhìn vào thế giới tự nhiên sẽ thấy. Sư tử, đại diện cho động vật ăn thịt, chắc chắn mọi người sẽ thấy nó có cơ bắp cực kỳ săn chắc. Nhưng thực ra, cơ bắp của các loài ăn cỏ như ngựa còn phát triển vượt trội hơn cả sư tử. Minh chứng rõ ràng chính là hổ hay sư tử khi đuổi bắt con mồi đều không đuổi bắt trong thời gian dài. Thế mạnh của chúng chính là giành chiến thắng nhờ

phát huy sức mạnh, tốc độ nhất thời. Bởi chúng nếu biết so về độ bền thì không thể nào bằng các loại động vật ăn cỏ vốn có cơ bắp rất phát triển. Không ăn thịt thì không lớn lên được, câu nói này cũng là nói dối. Voi hay hươu cao cổ đều to hơn hổ, sư tử đến mấy lần, nhưng chúng đều là động vật ăn cỏ".

Thêm nữa, trong bộ kinh Tăng Chi Bộ I, chương 3, phẩm Lõa thể, phần Sát sanh do VNCPHVN ấn hành vào năm 1996, cũng đã nói về sự nguy hại của sát sanh hại mạng như sau:

Này các Tỳ kheo, đầy đủ ba pháp này, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba? - Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, tùy hỷ sự sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỳ kheo, tương xứng như vậy, bị rơi vào địa ngục.

Này các Tỳ kheo, đầy đủ ba pháp này, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới. Thế nào là ba? Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỳ kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới.

Đến đây, chúng ta đã thấy rõ nhiều tác hại của việc ăn mặn do chính bản thân chúng ta tạo tác hoặc thọ hưởng từ sự sát sanh của người khác tạo nên. Phải chăng đó là sự cộng nghiệp của chúng sanh trong sanh tử luân hồi!?

Cuối cùng, chúng ta có thể đưa ra một nhận định khách quan rằng, ăn mặn không phải là một thói quen ăn tốt nhất để nuôi sống bản thân, mà chúng ta còn có thể huân tập thói quen ăn những món ăn chay thanh đạm, dễ tiêu hóa và bớt tốn kém về mặt chi phí và thời gian chế biến, tránh được những căn bệnh khó trị như hiện nay. Một điều quan trọng là ăn chay thì cơ thể vẫn có thể phát triển mạnh mẽ như người ăn mặn và hạt giống từ bi và trí tuệ vẫn được phát sinh, tiết chế được tham dục của con người trong cách ăn uống, tạo nên một thế giới hòa bình chung của loài người và của muôn loài.

"*Chúng sanh cầu an lạc*
Ai dùng trượng hại người
Để tìm lạc cho mình
Đời sau không được lạc"

Pháp Cú 131-Việt dịch
HT. Thích Minh Châu



Thơ và mưa trong mùa Vu Lan

DƯƠNG KINH THÀNH

Không rõ có phải mình là nghệ sĩ hay không, hay ít ra cũng là người có những hoạt động liên quan đến văn hóa văn nghệ, nên rất dễ cảm xúc trước một câu thơ, một câu văn hay bài nhạc hay và có ý nghĩa sâu xa?

Tự thân vốn là người đã mất cha và mẹ từ lâu, trước đây khi còn sinh hoạt, đứng trước hàng chục, hàng trăm huynh trưởng đoàn sinh đề nói về ý nghĩa cài hoa hồng mỗi dịp Vu Lan, tôi vẫn luôn giữ vững và kềm chế cho đúng quy cách một huynh trưởng lãnh đạo, nói cho các em và khuyên nhủ về sự hiếu đạo với hai đấng sanh thành, để rồi một lát nữa, khuất sau bức tường của hậu tổ, một vài huynh trưởng đến bên tôi và cho ghé bờ vai trong một thoáng ngậm ngùi mà ban nãy mình còn tỏ ra cứng cỏi! Sau này hoạt động nghệ thuật, tiếp xúc với rất nhiều thơ văn nhạc họa, tôi đã nhận định tác phẩm bằng chính cảm xúc thật của lòng mình, từng bước, kiên nhẫn xây nên nền móng văn hóa văn nghệ Phật giáo buổi ban

đầu. Cứ thế, mỗi mùa Vu Lan, mùa của gió và bão, luôn có những cơn mưa âm ỉ, đã ngăn cách khá dài những dòng hoài niệm vẫn luôn đang muốn chực chờ tuôn chảy. Thế nhưng cảm xúc thì vẫn không hao mòn, suy suyển theo thời gian.

Trong vai trò cố vấn đặc biệt cho ban tổ chức chương trình họp mặt và giao lưu Huynh trưởng Thanh niên Phật giáo vừa rồi, tôi dùng bút đỏ gạch dưới dòng chữ của tiết mục ngâm thơ của nghệ sĩ Thanh Hà (từ Hà Nội vào) với bài thơ "*Mưa Mùa Vu Lan*" mà ai cũng thầm hiểu với lý do hạn chế bớt các tiết mục bên lề. Ca sĩ M.K chạy đến bên tôi có ý thanh minh nội dung tiết mục giúp nghệ sĩ Thanh Hà. Tất cả đều hiểu sai ý tôi, hàng gạch màu đỏ chính là một tiết mục chính và yêu cầu nhạc phải ngưng chỉ trừ sáo, đàn bầu và đàn tranh làm nhạc đệm. Tôi biết bài thơ này hơn hai năm qua trên sóng VOV 2 với giọng ngâm của nghệ sĩ Minh Phúc, tác giả bài thơ là Công Phương Diệp. Nghệ sĩ Thanh Hà có ngỏ lời mời tôi lên nói vài lời cho tiết mục này sau khi nghe hết cảm nhận và yêu cầu một sự nghiêm túc trên một sân khấu phần đông là những anh chị huynh trưởng có học thức. Và tôi là người cúi xuống lén đưa chiếc khăn giấy lau giọt nước mắt đầu tiên, ngay trên sân khấu:

Mưa trong ngày lễ Vu Lan
Hạt rơi thanh thoát hạt tràn khóe mi
Chuông chiều đổ giọt Từ Bi
Cài bông hồng trắng tôi đi lễ chùa…

Những cơn mưa buồn của mùa Vu Lan hằng năm, tôi vì lẽ dễ cảm ấy mà ít khi lưu lại những câu thơ hay trong rất ít bài thơ mình thích. Có chăng là bài thơ được phổ thành nhạc là "*Hoài Niệm*", thơ của Hồng Khương, nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu phổ nhạc (Thực hiện và phát hành năm 1990 trong album "*Gió Mùa Thu*" do TT Thích Đồng Bổn làm chủ nhiệm và bài "*Vu Lan Tình Mẹ*" của nhà thơ Huyền Lan, nhạc sĩ Quý Luân phổ nhạc (*Không hiểu vì sao khi tìm trên các trang nghe nhạc chỉ thấy đề tên nhạc sĩ mà không thấy có tênnhà thơ Huyền Lan?*).

Câu thơ đầu và cũng là dòng nhạc đầu của bài "*Hoài Niệm*" đã ngay tức khắc làm tôi giật mình khi nghĩ đến ý nghĩa Vu Lan - Rằm Tháng Bảy trong tinh thần dân tộc, trong đạo lý Phật đà qua câu "*Con cài áo một bông hồng tươi thắm/ Niềm hân hoan tô đậm nét Đông phương*". Thường khi, chúng ta ít quan tâm đến giá trị sâu sắc của sự việc và thắc mắc tại sao chỉ mình mới có, còn những nơi khác thì không? Khi một câu văn, câu thơ của ai đó chạm đến dù có vẻ như thô cứng nhưng đó là tất cả tấm lòng của người viết ra nó và chấp nhận cái "*thô-cứng*" ấy trong thơ mình để cho đời còn có một ích lợi lớn hơn mà các nhà viết sử khó làm được như thế.

Gần đây, những tưởng các cơn mưa mùa Vu Lan dễ dàng cuốn trôi đi những hoài niệm đó thì bài thơ "*Vu Lan Tình Mẹ*" của nhà thơ Huyền Lan xuất hiện như níu chặt lại niềm tin vào thơ ca của công chúng cũng bằng một bản chất chung, *bản chất Đông phương*!

Từ trong tiềm thức thiêng liêng
Tim con réo gọi ân tình Tổ Tiên
Chắp tay lễ Mục Kiền Liên
Tấm gương hiếu tử đậm miền Đông phương…

Không nói nhiều đến những phạm trù Tổ quốc, Đất nước hay các công hạnh hằng dấu chân tích trượng của chư Tổ Sư xưa hằng lưu dấu nơi xứ sở này, nhưng nhà thơ làm được điều đó bằng những câu thơ mỏng manh và bao hàm bằng tình người ý đạo tuyệt vời.



Người con Phật hôm nay, không ai nhắc ai, khi bước vào chùa, khoác lên mình chiếc áo tràng lam hiền dịu, là khắc biết trước hết chúng ta là người Việt Nam, cùng chung nền văn hóa phương Đông. Hơn nữa, chiếc áo tràng lam còn nhắc nhở chúng ta nhiều điều rằng công ơn chư Tổ ngàn xưa đã nhọc công gầy dựng và cho vun trồng cội

phúc Bồ Đề nơi mảnh đất này. Vì vậy, chiếc áo tràng không là của nước nào mà phải xét nét, nhọc lòng kiêng kỵ.

Thơ và nhạc là tác nhân tạo nên cảm xúc, thứ cảm xúc tự giác mà đôi khi nó chỉ dành cho riêng ta một góc trong hoàn cảnh, trong trái tim vẫn còn đang đập nhịp đập của tiến độ luân hồi nhân thế.

Mưa dầm tháng bảy sụt sùi,
Mưa thương nhớ ai mưa bùi ngùi ướt lệ
Tiễn mẹ đi về miền miên viễn
Câu thơ ghi lại tiếng nói của ngày xưa.

Ai đó dưới khán phòng thảy lên tờ giấy ghi vội mấy câu thơ này.

Có thể mình sẽ giận hờn mấy cơn mưa, và có thể mình sẽ ghét mây trời âm u mùa Vu Lan tháng bảy. Nhưng ngoài kia người ta đang "cúng cô hồn", mình chợt nhớ ra à Vu Lan của mình mà tình thương tha nhân còn phải nhân rộng ra xa khắp bờ cõi của sự sống-chết! Nhìn ra nét chung của nền văn hóa Đông phương, nhìn ra những bất hạnh còn tràn đầy nhân thế, mình mới nguôi những giọt nước mắt khóc thương chỉ mỗi mẹ mình. Bởi vì mình còn là một Phật tử, ngày mai đây bước vào chánh điện, mình còn biết nguyện cầu cho cha mẹ hiện tiền và trong bảy đời quá vãng; còn tha nhân vô số lầm than, lắm nỗi tội tình, ai biết, ai hay và sẻ chia cho họ. Thôi thì mong mưa và thơ mùa Vua Lan, từ chốn thăm thẳm của tiềm thức đại từ, cất lên xoa dịu những cô quạnh trần gian.

Đó là tất cả nội dung tôi nói trước khi nghệ sĩ Thanh Hà cất lên tiếng ngâm trầm ấm qua bài thơ "*Mưa Mùa Vu Lan*". Cả hội trường nín im phăng phắt, nghe rõ từng móng sắt của tiếng đàn tranh nhạc sĩ khảy đưa câu. Một vài anh huynh trưởng nói sao tôi kéo Vu Lan đến sớm vậy làm cả hội trường, phần đông đều không còn mẹ, phải ngậm ngùi hoài niệm xa xăm! Tôi xin lỗi đã làm các bạn buồn và không khí khán phòng chùng lại. Nghệ sĩ Thanh Hà thì lại cảm ơn vì đã cho cô hưởng trọn mùa Vu Lan ý nghĩa nhất. Ai cũng ngấn lệ và câu " *Mưa Và Thơ trong mùa Vu Lan*" bây giờ mới thật sự ý nghĩa hơn bao giờ!

Vu Lan 2019

Bà già nhà quê



NGUYỄN THANH VŨ

Bà già ấy đã gần 70 tuổi, dáng người gầy nhom, đôi chân khẳng khiu như hai thanh tre non nhưng trông khỏe lắm. Điều đó, được thể hiện qua cách bà xách hai chiếc giỏ trái cây dáng đi thoăn thoắt. Bà có thằng con ở thị thành, từ khi nó lên đó học, làm việc rồi lấy vợ, sinh con. Không thích cái cảnh làng quê nghèo đói, con bà quyết trụ lại chốn phồn hoa rồi mua được căn nhà nhỏ. Vì nhớ con, nhớ cháu nên một năm, bà tới lui không biết bao nhiêu lần. Đường thì xa, ngồi xe đò đến ê cả mông, nhức cả cẳng, mỏi cả cái tấm lưng già còm cõi nhưng bà vẫn cứ đi. Mỗi lần nhìn thấy bà soạn trái cây, gà vịt, rau củ là chồng bà lại càm ràm:

- Bà già rồi, ở nhà mà hưởng thú điền viên với tôi. Hà cớ gì cứ lên thị thành hoài cho mệt thân. Nó làm con, không nhớ đến cội nguồn về thăm cha thăm mẹ, thăm cái làng quê thanh bình này thì thôi, chứ mình là cha mẹ sao phải lụy nó.

Bỏ dở việc soạn trái cây mới hái sau vườn, bà nói:

- Ông này kỳ thật! Ông cũng biết con mình nó làm quần quật suốt ngày mà, có ở không như tôi với ông đâu mà trách cứ.

- Bà nói như thế tôi không đồng tình. Chẳng lẽ ngày chủ nhật, lễ, Tết nó cũng làm à? Nhiều năm nay rồi, nó có vác mặt về thăm ông già này đâu. Mất gốc, quên nguồn quên cội rồi! Tôi mà biết trước được điều này chẳng thà không sinh con còn hơn.

- Thôi được rồi! Tôi cãi không lại ông! Tại tôi nhớ cháu nội quá mới lên thăm nó thôi! Được chưa!

Lại nữa, cứ mỗi lần cãi nhau là bà đem đứa cháu nội ra làm "bùa hộ mệnh" khiến ông thay đổi sắc mặt. Phải bỏ đi chỗ khác thôi. Ông sợ cứ ngồi đó, nghe bà ca cẩm về thằng cháu nội là ông nhớ, ông thương, mềm lòng, muốn đón xe đò lên thành phố ngay lập tức. Cảm xúc này đã nhiều lần đến với ông. Nó mãnh liệt, khát khao, dâng trào tột độ. Cũng phải thôi. Hai vợ chồng già chỉ có một thằng con trai, một đứa cháu nội, mà lại ở xa nữa thì hỏi làm sao cầm lòng cho đặng. Nhớ quá đi chứ. Nhưng ông thuộc tuýp người cứng rắn, mạnh mẽ, không để cảm xúc làm chủ lý trí. Thế nên thỉnh thoảng, ông vẫn hay nhắc khéo để bà gọi điện lên hỏi thăm cháu nội "sẵn tiện" ông nói ké vài câu.

Giận thì giận nhưng sáng ông vẫn phụ bà xách đồ ra đường cái đón xe đò. Những lần bà lên xe, ông không quên dặn:

- Lên tới nơi nhớ gọi điện về cho tôi. Vợ chồng nó mà đối xử tệ với bà thì nói cho tôi biết. Tôi lên tới đó xử tụi nó luôn.

Bà ừ hử cho xong rồi lên xe. Bà hiểu tính ông thẳng như ruột ngựa nên sau mỗi chuyến đi, bà chẳng dám kể cho ông nghe nhiều chuyện trên thị thành. Hầu như bà đều nói những câu chuyện tốt đẹp về con dâu, con ruột, cháu nội. Ông đâu biết, đã nhiều lần bà ra về trong nước mắt lưng tròng. Nhưng bà vẫn cứ đi.

Trên chuyến xe đò, thường lượt đi, đa phần là những ông già bà cả lên thăm con cháu ở chốn thị thành. Hàng hóa chất đầy trên cabin, hầm xe như một cái chợ thu nhỏ. Mùi sầu riêng, mít, nhãn tỏa hương ngào ngạt. Lại có cả một không gian xanh mướt với hàng chục giỏ rau: bông bí, càng cua, rau muống, đọt lang... Thỉnh thoảng, khứu giác của hành khách còn cảm nhận được mùi heo quay, gà nướng, vịt luộc đang ẩn nấp ở những hộp nhựa được đậy kín. Tất cả hành khách đều mang hương làng quê lên phố thị.

Bao giờ lên xe đò, bà cũng chọn nơi riêng lẻ, ghế cạnh bên không người ngồi, nơi gần cửa sổ hoặc hàng ghế sau cùng. Bởi bà không thích ồn ào, không ưa nói nhiều, chỉ muốn ngã lưng

đánh một giấc cho tới bến xe. Vậy mà bà chẳng được yên thân. Xe chạy được khoảng 20km thì dừng lại. Một người phụ nữ cũng chừng 70 tuổi, chọn ngay chỗ ghế gần cạnh bà ngồi xuống. Chỉ mới yên vị, người phụ nữ này đã bắt chuyện ngay:

- Chị lên thành phố thăm con cháu hả?

Không để người khác bảo mình kém lịch sự, bà trả lời gọn lỏn:

- Vâng! Tôi lên thăm con trai.

Người phụ nữ đó lại tiếp lời:

- Tôi tên Mai. Còn chị? Tôi cũng lên thăm con, nhưng mà con gái.

- Cứ gọi tôi là bà Cúc.

- Ồ! Cả hai chúng ta đều mang tên một loài hoa đẹp, lại là màu vàng sang trọng nữa cơ chứ!

- ... (cười mỉm)

Rồi bà Mai than thở:

- Không biết hoàn cảnh của chị có giống tôi không! Thiệt, cái thân già này nó khổ gì đâu. Có mỗi đứa cháu ngoại, nhớ quá mà chúng nó chẳng chịu về thăm, buộc bà ngoại này phải còng lưng lên thành thị để nhìn mặt chúng. Con với cái, nuôi cho ăn học đủ lông đủ cánh rồi bay đi luôn chẳng thèm nhớ nơi chôn nhau cắt rốn là gì nữa.

Nghe đến đây, chợt thính giác bà bị thu hút, lôi cuốn. Bởi trong câu chuyện buồn này, bà bắt gặp hình ảnh của mình trong đó. Bà hỏi:

- Thế chồng chị đâu, sao không đi thăm? Đàn ông mạnh tay mạnh chân dễ lên xuống xe, xách giỏ vác đồ.

- À, tôi cũng đang định hỏi chị câu đó. Ông nhà tôi mất lâu rồi, giờ ở có một mình với cô em gái. Hai chị em không chồng, nương tựa nhau mà sống qua ngày.

- Chồng tôi vẫn mạnh khỏe, nhưng ông ấy giận tụi nhỏ nên hờn mát, không thèm lên thăm...

Hai bà già chỉ mới quen nhau có mươi phút nhưng rất hợp ý, nói chuyện huyên thuyên. Câu chuyện chủ yếu nói về con cái với ý than phiền. Điều này làm cho cả lơ xe cũng ngạc nhiên, vì bao năm đi xe này, chẳng bao giờ thấy bà nói chuyện nhiều như thế. Có lẽ bao nhiêu năm qua, bà chỉ chờ có một người đàn bà cùng hoàn cảnh với mình để mà nói hết những đau khổ, bứt rứt trong lòng. Rồi cả hai bà còn trao đổi số điện thoại, hẹn nhau ngày về.

Đến bến xe, hai bà tự đón xe ôm về nhà con mình mà chẳng dám điện chúng ra rước vì sợ chúng nhăn nhó, cho là phiền phức. Con bà ở ngoại ô, gần bến xe nên chỉ mười phút là tới chỗ. Đến nơi, bà bước vào nhà, thằng cháu thấy bà nội vội mừng như trúng số, lăng xăng ra xách quà phụ bà. Trong khi con trai và con dâu ngó mắt nhìn chẳng thèm hỏi một tiếng. Bà xuất hiện trong ngôi nhà một cách tầm thường, thừa thãi. Bà lặng lẽ đặt giỏ trái cây xuống, định cho vào tủ lạnh thì cô con dâu lên tiếng:

- Mẹ mới lên à? Mẹ khoan đừng bỏ mấy thứ đó vào tủ lạnh. Bên trong chứa nho, táo, lê Mỹ nhiều lắm rồi. Cứ để bên ngoài rồi hẵng tính sau.

Bà để qua một bên, rồi mở giỏ đồ ăn định đặt con gà luộc vào ngăn đá, khi nào ăn thì rã đông, nhưng cô con dâu lại cản:

- Đừng để vô đó mẹ ơi! Hôi lắm! Mẹ đi luộc lại, rồi có đói thì dùng luôn đi. Cơm con nấu sẵn rồi đấy.

Lúc này, con trai của bà mới chịu buông tờ báo xuống, càm ràm:

- Con đã nói với mẹ bao nhiêu lần rồi, đừng có mang mấy cái đồ quê mùa này lên đây để chật nhà. Ở thành thị này cái gì mà chẳng có. Mẹ thấy đó, nhiều lần mẹ mang lên rồi chỉ mẹ với thằng Tính ăn. Mà từ đây con không cho nó ăn nữa. Nó mà đau bụng giữa đêm thì sao đi bác sĩ kịp?

- Đây là đồ ở nhà mình mà con! Làm gì có chuyện ngộ độc.

- Con biết, nhưng con phòng ngừa thôi.

Dứt lời, hai vợ chồng về phòng sửa soạn quần áo đi ăn tiệc. Bà lủi thủi mang thức ăn ra sau nhà hâm nóng, rồi ngồi đó ăn như người ở đợ. Thằng Tính tắm xong, chạy ra định ăn cùng nội thì mẹ nó cấm:

- Mẹ dặn, không được ăn lung tung nghe chưa! Mở tủ lạnh uống sữa, tối về mẹ mua gà rán cho dùng.

Bà uất ức lắm, gắp miếng thịt gà mà cứ nghẹn ở cổ họng, nước mắt cứ chực trào ra. Hình ảnh con dâu, con ruột thờ ơ với bà đã diễn ra nhiều lần, nhưng lần này bà không thể nào kiềm chế được nữa. Bà tự nhủ: "Con ơi là con, sao con lại phủi đi tất cả nguồn cội vậy? Chính những cái quê mùa tầm

thường đó đã nuôi con khôn lớn nên người kia mà!". Bà buông đũa, ngồi chống tay lên cằm mà khóc cho thật đã để hạ nhiệt. Đã từ lâu, con trai bà không còn thuộc về bà nữa, bà hiểu rất rõ điều đó. Bà lặn lội từ quê lên đây chỉ vì bà muốn dùng bữa cơm với thằng cháu nội, rồi hai bà cháu gọt trái cây ăn, kể chuyện cho cháu nghe. Vậy mà... những món quà quê chất chứa tình thương ấy lại bỏ phí nằm lăn lóc trong góc nhà. Thằng cháu nốc hết ly sữa, bất giác thấy nội khóc, nó hồn nhiên hỏi:

- Sao bà nội khóc vậy? Bà nội nhớ ông nội phải không? Thôi bà nín đi, chút con gọi điện cho bà nói chuyện với ông.

Ý chết, giờ bà mới nhớ, bà chưa điện về quê. Bà vội móc cái điện thoại trắng đen trong túi áo bà ba bấm ngay số "ong xa" mà thằng cháu đã lí lắc lưu vào danh bạ. Nhờ có chế độ cuộc gọi nhanh mà bà khỏi căng mắt nhìn số máy. Hai bà cháu tranh thủ trò chuyện với ông nội cho đến khi vợ chồng con bà về.

Hôm sau, bà ra về sớm hơn dự định. Con bà chẳng thèm hỏi nguyên nhân mà có lẽ hai người đã biết được câu trả lời. Bà ra bến xe thì nhận được cuộc gọi từ bà Mai, người khách mới quen trên chuyến xe hôm trước. Không hẹn mà gặp. Hai người lại về chung chuyến xe. Hóa ra bà Mai cũng bị con cái lạnh nhạt tương tự.

Bà đi chuyến xe này về thì nằm luôn một chỗ. Sau khi xe dừng trước cổng văn hóa, do suy nghĩ mông lung, bà bước hụt bậc thang nên té nhào, gãy chân, phải băng bột. Phải mười ngày sau thì con bà mới lái xe về thăm. Khỏi phải nói, thấy bà nằm đó với cái chân băng bột trắng xóa, thằng cháu chạy ùa lại ôm bà mà khóc. Trong khi cha mẹ nó đứng đó ngó nhìn. Lúc này, chồng bà mới lên tiếng:

- Giờ thì hai đứa bây vui lắm rồi chứ gì? Mẹ bây gãy chân, sẽ không còn lên thành phố làm phiền tụi bây nữa đâu, há. Nhìn cháu tao kìa, nó là con nít mà còn biết tình máu mủ ruột rà là gì...

Nói xong, ông chắp hai tay sau đít bỏ ra sau vườn mắc võng nằm. Con dâu và con ruột bà vẫn đứng trơ ra đó, mắt dường như có chút đỏ hoe. Ông bực ra mặt, còn trong lòng bà lại vui mừng. Bởi cũng nhờ tai nạn thế này con cái mới chịu về thăm quê hương, cha mẹ.



Những đứa con nuôi

NGUYỄN HOÀNG DUY

Ngày đem chôn "đứa con nuôi", ông Năm khóc hết nước mắt. Mới hôm kia còn tung tăng bơi lội, vậy mà... Cũng như số phận của những anh chị nó được nuôi trước đây, tất cả đều lần lượt bỏ ông mà ra đi.

Nhóc, đó là tên đứa con nuôi của ông Năm vừa mất. Ông mua nó về từ lò ấp vịt. Đó là một con vịt đực dễ thương, mến người nên ông gọi nó là con. Sở dĩ, ông đặt cho nó cái tên ấy là vì ông cưng, quý nó hơn tất cả những người con ruột của mình. Tại sao ư? Hai cậu con trai và một cô con gái của ông đã bỏ ông đi biền biệt. Hồi lúc vợ ông qua đời, ba đứa còn thơ dại. Ông gạt qua những đau buồn, cố gắng nuôi chúng khôn lớn nên người, giờ thì chúng đi mất dạng. Thằng lớn nhất làm ăn ở xứ Cambot (Campuchia), hình như là cưới vợ bên đó luôn, làm ăn cũng khá lắm. Rồi nó kéo em trai qua bên đấy, chỉ dẫn cách kinh doanh hàng điện máy. Cô con gái út lấy chồng ở miền Bắc, nghe đâu gia đình bên đó cũng khá giả. Vậy mà nhiều năm trời chẳng thấy đứa nào về thăm ông già một lần. Thời đại bây giờ công nghệ cũng phát triển, điện thoại kết nối mọi miền, mọi quốc gia nhưng có thấy đứa nào a-lô hỏi han ông đâu. Thành ra, cái lý do cách trở địa lý coi bộ khó chấp nhận. Mà lý do lý lẽ cái gì đi nữa cũng chỉ là ngụy biện. Đó là cha, người đã cực khổ nuôi mình khôn lớn thì dù có nghèo xơ xác, làm ăn thất bại, cách trở xa xôi thì cũng phải một lần về thăm quê, thăm nhà, thăm cha già, đốt nén nhang trong ngày giỗ mẹ mới là đạo lý. Đằng này, chẳng đứa nào còn nhớ nguồn cội là gì.

Ngày giỗ vợ ông, nhà nghèo, tiền lương hưu ít ỏi, nhưng ông vẫn làm một mâm cơm khá thịnh soạn cúng vợ. Đứng trước di ảnh của người bạn đời vắn số, ông ủ rũ tâm sự:

- Bà à, tôi với bà thật vô phước! Nhà có ba đứa con mà chẳng đứa nào nhớ đến tôi, đến ngày giỗ của bà... Giờ tôi chỉ thui thủi một mình thế này. Nhớ cái ngày bà mất, bà trăn trối lại kêu tôi ráng nuôi ba đứa nhỏ nên người. Tôi nghe lời bà, lo cho chúng đầy đủ, khỏe mạnh, ăn học đàng hoàng nhưng khi đủ lông đủ cánh thì chúng bay đi biền biệt... Tôi đau lắm...

Ông khóc, nấc thành từng tiếng nghẹn ngào. Bao giờ cũng vậy, ông đứng ngây dại trước bàn thờ vợ mình hồi lâu, khi nén nhang đã tàn phân nửa thì ông mới chợt tỉnh. Rồi ông chạy qua nhà mấy người hàng xóm mời mấy ông bạn già qua dùng bữa cơm đạm bạc. Ông Tư sát vách nhà hỏi ông:

- Thế mấy đứa nhỏ đâu mà giờ này nó chưa về?

Thoáng bối rối vài giây, ông giả lả:

- À, đứa nào cũng bận việc suốt. Hai thằng con trai thì đi buôn hàng bên Thái Lan, về không kịp. Con nhỏ út thì bụng mang dạ chửa, đâu có ra khỏi nhà được.

- Bận việc cách mấy thì cũng phải nhớ đến ngày giỗ của mẹ mình mà về chứ - ông Tám góp ý.

- Ờ... bọn trẻ mà ông! Tụi nó sống theo kiểu phương Tây, còn trẻ là cố gắng làm kiếm tiền để lo cho cuộc sống mà mua đất cất nhà, có tài khoản ngân hàng, lo cho con cái học hành đàng hoàng, chứ để già như tụi mình thì còn làm được gì nữa. Đánh rơi tuổi trẻ là lãng phí thời gian đấy!

- Nhưng đã nhiều năm rồi, tôi có thấy bọn trẻ về đâu? - ông Tám truy vấn đến cùng của sự việc.

Ông Tư chen vào:

- Thôi bỏ đi, chuyện nhà ông Năm mà. Mình dùng cơm đi. Khi nào chúng đi mỏi chân rồi thì sẽ quay về thôi. Lá rụng cũng về cội mà.

Không biết đã bao nhiêu lần ông phải nói dối về điều này. Chẳng những ngày giỗ mà ngay cả ngày lễ, Tết, hàng xóm cũng hỏi. Ông xấu hổ, vội chạy xe đạp gần ba cây số qua nhà người em trai để "lánh nạn". Nhưng rồi sợ không ai đốt nhang cho vợ, sợ con cái nó về không biết tìm chỗ nào nên ông lại thui thủi quay về nhà ăn Tết một mình. Hàng xóm đến chúc Tết, họ hỏi han về những đứa con của ông, ông buộc lòng phải nói dối. Cũng

từ đó, ông trở thành kẻ nói dối bất đắc dĩ. Ông cũng dằn dặt về chuyện này nhiều lắm, nhưng nghĩ lại nói dối mà không ảnh hưởng đến ai thì chắc không sao. Cho nên từ chuyện đó trở thành thói quen. Cứ hễ thấy hàng xóm qua thăm là ông phải chuẩn bị tâm lý để nói dối tốt đẹp về con mình. Dù biết rằng họ rất rõ về gia cảnh của ông, nhưng nếu không nói dối thì bối rối khó xử. Còn nếu gặp hàng xóm ở ngoài đường, nhất là những bà lắm chuyện, ông nhanh bước về nhà để né tránh những câu hỏi khó trả lời. Thành ra, ông rất ít bạn, chỉ vài người thỉnh thoảng dùng trà tâm sự chuyện đời.

Nhàn rỗi, lại trống trải, ông nghĩ đến việc trồng cây ăn quả, trồng rau để khỏa lấp nỗi cô đơn. Nhưng rồi ông lại chán vì cây cỏ chỉ im lặng đứng yên. Nhạt nhẽo vô cùng. Bầu bạn với người thì đào sâu vấn đề tế nhị nhiều quá, mà cây cỏ thì lại không biết nghĩ suy, không biết cử động, thành ra ông quyết định nuôi động vật. Ông xin bên nhà vợ một cặp chó béo tròn. Hằng ngày, ông đều nấu cơm chắt lấy nước cho chúng uống. Một con Mực, một con Cò đều lớn nhanh như thổi. Chó là loài vật có nghĩa có tình, gần gũi với con người nên chúng rất quý ông, hiền lành, chẳng sủa tí nào. Mà cũng chính vì điều đó đã khiến cho sinh mạng của chúng bị đe dọa. Một buổi tinh mơ, như thường lệ, ông dậy uống trà. Ông bước xuống giường xách ấm đi nấu nước pha trà. Chợt ông nghe có tiếng bước chân, mạnh, rõ. Theo quán tính, ông la lên: "Ai đó?". Rồi ông chạy ra sau hè xem. Hai chú chó tơ của ông nằm sóng soài ói mửa. Ông đoán là bị bọn trộm thuốc nên chạy vào nhà cắt chanh vắt vào họng chúng cho ói ra giải độc nhưng quá muộn. Chó chết, ông buồn thiu. Mấy gã thanh niên trong xóm xin ông cặp chó về làm thịt nhưng ông không cho. Ông mang chúng ra sau vườn nhà chôn rồi ngồi cả buổi ngoài đó suy tư. Ông thút thít:

- Mực ơi, Cò ơi, sao nỡ bỏ cha ra đi!

Từ đó, ông quyết định không nuôi chó nữa. Ông mua một cặp gà trống - mái, về nuôi. "Với đôi cánh chắc khỏe, chúng có thể thoát được những cạm bẫy của con người", ông nghĩ thế. Nhưng

độ chừng một tháng, khi đôi gà đã trưởng thành, sinh cho ông được chục quả trứng thì cũng là lúc vận xui lại đến. Nhà ông trong con đường làng, dù được bê tông hóa nhưng bé xíu, chỉ đủ hai làn xe gắn máy. Hai con gà xấu số lao ra đường bị xe ba gác máy cán chết. Ông nghe tiếng kêu thất thanh, bỏ dỡ luống rau đang tỉa, vội chạy ra xem thì chúng đã ngắc ngoải. Ông khóc:

- Tụi bây sao vậy? Có cánh mà sao không chịu bay để thiệt mạng thế này. Còn mười trứng đang chờ con ấp kìa gà mái ơi...

Rồi ông lại mang chúng đi chôn, bán luôn cả 10 quả trứng cho bà Sáu đầu xóm để bà bỏ vào tổ cho gà mái ấp. Bà có gợi ý cho ông mượn tổ để gà mái của bà ấp giùm nhưng ông không muốn thế.

- Tôi không muốn nuôi gà nữa, bà ạ!

Ông nảy ra ý tưởng mua một chú vịt về nhà nuôi, do một lần nhìn thấy bầy vịt xiêm của ông Tám hàng xóm tung tăng dưới nước. Có lẽ, ông nghĩ vịt là loài gia cầm sống trên cạn, dưới nước và bay được thì mạng sống sẽ được bảo toàn cao hơn. Chỉ mới mua về vài ngày mà con Nhóc, tên chú vịt, đã yêu quý ông, cứ chạy theo ông như đứa con bé bỏng đi theo cha tìm chỗ che chắn. Thấy nó ngoan quá, cưng quá nên ông không nuôi ngoài chuồng mà cho ngủ trên giường đàng hoàng. Để dạy con Nhóc ăn ở như con người, ông phải mất một tháng để huấn luyện nó. Từ đấy, nó trở thành con vịt sạch sẽ nhất dù rằng bản năng nó vẫn thế. Ông còn đeo cho Nhóc một chiếc lục lạc nhỏ để khi nó đi lạc, ông nghe thấy mà tìm. Có nhiều lần, dẫn nó ra sau vườn nhà rỉa rau cải, ngắm nó trong bộ dạng lạch bạch, ông bảo:

- Con đáng yêu quá, Nhóc ạ! Cha trồng cho con ăn đấy! Ăn cho nhiều để chóng lớn.

Hai thực thể, một con người, một loài vật sánh bước nhau đi trên triền đê trong buổi chiều tà cứ như người cha đón con đi học về. Có hôm, trời mưa như trút, ông chịu trận, đặt con Nhóc vào trong áo để nó không bị ướt. Nhiều người thấy vậy cho rằng có thể do con ông chết nên đâm ra ông bị điên nặng, nghĩ súc vật là con của mình. Ông nghe thấy hết, nhưng ông gác bỏ ngoài tai vì ông nghĩ rằng không thể để nỗi buồn vô cớ lấn át đi niềm vui của mình.

Nhưng niềm vui ấy chẳng tày gang. Một ngày xấu trời con vịt đỏng đảnh dễ thương của ông, sau buổi bơi lội mỏi chân, vội dừng ngay bờ ao để rỉa lông rỉa cánh. Bỗng đâu có một con trăn to bằng bắp chân, trườn ra bến nước muốn nuốt chửng con vịt. Nghe tiếng kêu cạp cạp cùng với tiếng lục lạc, ông đón là Nhóc ông có chuyện nên vội chạy thục mạng ra sau hè thì nhìn thấy con trăn đang nuốt con vịt. Ông lao tới, dùng cây to hất con trăn ra, giành lại con vịt, rồi la lên với nét mặt giận dữ:

- Ông Tám! Ông Tám đâu, mau ra đây xem.

Bỏ dỡ bữa cơm trưa, ông Tám chạy ra xem:

- Chuyện gì thế ông Năm?

- Ông nhìn đi, có phải con trăn của ông không?

- Ờ...

- Nó đã giết chết con của tôi rồi. - Ông vừa nói vừa khóc như đứa trẻ vừa bị đánh đòn.

- Cho tôi xin lỗi về chuyện này. Nó sổng chuồng hồi nào tôi không hay. Nhưng anh cũng không nên làm quá lên thế. Nó chỉ là con vịt thôi mà. Bao nhiêu tiền tôi đền cho?

- Đối với tôi, nó là đứa con ngoan ngoãn. Anh nghĩ có tiền sẽ mua được một sinh mạng ư?

- Anh vừa phải thôi chứ. Nó là loài vật để chúng ta ăn, anh hiểu chưa? Đừng có mụ mị u mê cho rằng nó là con anh nữa. Tỉnh lại đi.

Ông Tám chìa 100 ngàn đồng, đưa cho ông Năm nhưng ông khoát tay:

- Anh giữ lại để dùng gia cố chuồng trăn của anh cho cẩn thận đi, kẻo nó tiếp tục đi ăn những con thú khác. Nói rồi ông ôm con vịt vào nhà. Ông Tám hứ một tiếng bỏ đi, không quên buông một câu nặng nề: "Đúng là thần kinh!".

Nhóc của ông mất. Tình nghĩa hàng xóm cũng chẳng còn. Người ta cho đó là lỗi tại ông làm vấn đề to tát lên. Cái thứ gia súc, gia cầm thì chỉ là công cụ để con người tiêu khiển, cần gì phải cưng chiều như con đẻ - họ bảo thế. Nhưng có ai hiểu cho ông, nhiều năm rồi, ông khao khát được làm cha, được có ai đó bầu bạn, chia sẻ những vui buồn trong cuộc sống tẻ nhạt ở tuổi xế chiều. Và trên hết, suy nghĩ đó xuất phát từ lòng yêu thương động vật của một người từ tâm như ông!



Kinh Bách Dụ (chuyển thơ)

TRÍ MINH ĐẶNG HÙNG ANH

Quyển 1, bài 4: GIẢ CHẾT LỪA CHỒNG

Ngày xưa có anh chàng nhẹ dạ
Cưới được người vợ khá đẹp xinh
Hắn rất yêu vợ của mình
Nhưng mà cô vợ tư tình nào hay
Ả từng trốn theo trai, nghĩ kế
Nhờ người ngoài làm để lừa chồng
Xác ai biến dạng trôi sông
Vớt về cố để trong phòng kêu la
Nói rằng vợ anh ta đã chết
Gã tin ngay chả thiết hỏi dò
Khóc than, thiêu xác thành tro
Đựng vào bọc, giữ bo bo bên mình
Chàng đinh ninh vợ mình đã chết
Chuyện trăm năm chấm hết từ đây
Hình xưa còn chút tro này
Thôi mong chi nữa có ngày hồi sinh
Ả kia theo nhân tình đã chán
Lòng ăn năn liều mạng quay về
Thấy chồng mặt ủ, mày ê
Vợ rằng: thiếp đã trở về nhà đây!
Nhưng gã chẳng mảy may xúc động
Nhìn xa xôi rồi bỗng thét gào:
- Vợ tôi chết tự hồi nào!
Cô là ai dám bước vào mạo danh?
Cô ả kể ngọn ngành bi thiết

Nhưng chàng ta nhất thiết không tin
Chồng gặp vợ chẳng có nhìn
Vợ lừa chồng, gánh lỗi mình gây ra...
Như người tu nhiễm tà thuyết lạ
Đã khắc sâu việc giả là hay
Bị lừa cố chấp bấy nay
Đến khi sự thật hiển bày chẳng tin.

Bài 90: ***NHẶT TÚI TIỀN VÀNG***

Xưa có người đi trên đường vắng
Lượm túi gì nghe nặng quá chừng
Mở ra mừng quá đổi mừng
Tiền vàng quý giá bỗng dưng đến mình
Hắn đổ ra để nhìn cho sướng
Rồi đếm xem số lượng là bao
Đếm chưa xong có tiếng gào
Chủ nhân chiếc túi chạy ào tới nơi
Nghe hỏi, hắn trả lời ấm ớ
Vì tiền, vàng phải của hắn đâu
Người kia lấy lại, đi mau
Chỉ còn có hắn buồn rầu nhìn theo...
Muốn tiền của hay là công đức
Phải bỏ bao công sức tạo ra
Cái gì không phải của ta
Làm sao giữ mãi được mà tiếc than.



Hoa Sen trên đảo



HÀNG CHÂU

Trời mờ mờ, lố nhố những chiếc thuyền con bên kia bến phà Thủ Thiêm. Có lẽ hơn bốn giờ sáng. Chiếc tàu thật cao không có nóc từ từ rời bến. Trên boong, hai bên sườn tàu ẩn hiện vài chục tên lính hải quân trang bị súng ống như sẵn sàng nhả đạn khi bất trắc.

Dưới hầm tàu lấp xấp nước, hơn năm trăm người, chân bị khóa chặt theo những dãy cùm sắt dài, tay thì bị còng bằng còng số tám dính chặt với người bên cạnh. Họ ngồi chen chúc, chỉ nhìn thấy những đôi vai xương xẩu kề nhau. Trên vòm trời còn sót lại vài ngôi sao lấp loáng.

Chiếc tàu rời khỏi Nhà Bè khá xa, qua sông Lòng Tàu, bắt đầu ra khơi. Thỉnh thoảng, có từng đợt sóng cao, tàu hơi chồng chềnh, nghiêng qua nghiêng lại, rồi nghe có tiếng ọ ọe của số người chưa lần nào đi biển.

Chắc chắn rằng năm trăm con người có mặt trên chiếc tàu mang số 502 nầy, trong quãng đời của họ, đều khắc ghi vào lúc ba giờ sáng nay, hình ảnh tên Luyến trưởng trại giam Chí hòa đã chỉ huy đám cai ngục, bọn trật tự khiêng cần xé lựu đạn cay mang mặt nạ, tay cầm ma trắc lên phòng "điện ảnh", nơi giam những người chống đối không chấp nhận chào cờ ba que, quăng tới tấp lựu đạn cay, đánh đập túi bụi vào đầu, vào thân thể những người tù, lôi xểnh họ ra ngoài phòng giam.

Giữa đêm khuya mịt mùng, tiếng hô vang từng chập lan tỏa trong không gian bao la:

- Đả đảo đàn áp! Đả đảo! Đả đảo!

Khu OB, khu FG, khu ED, đồng loạt hô to hỗ trợ:

- Đả đảo đàn áp tù nhân! Đả đảo!

- Cương quyết chống lưu đày! Cương quyết! Cương quyết!

Cả thành phố đang yên ngủ, những tiếng gào thét như muốn xé tan màn đêm làm 6.000 tù nhân trong nhà tù Chí Hòa bừng tỉnh hẳn. Tên Luyến ra lệnh tắt hết tất cả các ngọn đèn. Trong bóng đêm, nhóm cai ngục cùng những tên trật tự tay sai đánh đập anh em tù như đàn trâu điên đang hăng máu.

Tên Đàn trưởng ban an ninh Chí Hòa bực tức

- Đ.M! đánh chết cha thằng nào ngoan cố!

Tên Hoa bồi thêm:

- Bày đặt chống đối! Nó có chết tao chịu trách nhiệm!

Cuộc đấu tranh chống đi đày, giằng co hơn một tiếng đồng hồ, bọn chúng mới lôi được số tù nhân ra sân, còng chặt tay, lôi lên các xe cam nhông đậu sẵn ở đó.

Thầy Hành Tuệ ngồi co ro với những người bạn đồng số phận, cùng bị còng tay. Có người đã mệt nhoài, gục đầu ngủ tạm trên hai đầu gối trơ xương. Con tàu lướt sóng giữa biển cả mênh mông. Bầu trời dần dần sáng. Mặt trời nhô lên khỏi biển, chói chang ở đằng xa.

Dưới hầm tàu lúc nhúc những người. Hành trang của họ chỉ có một túi vải nhỏ đựng một hai bộ đồ vải ú mốc thếch.Số người nầy phần đông không có án, cũng có người án hai năm, năm năm, mười năm. Tất cả đều bị tòa án gán cho "tội phản nghịch" và "phá rối trị an".

Hành Tuệ nhìn số anh em trên tàu mà thương. Chỉ có những người đồng chịu cảnh khổ hết sức cùng cực mới thấm thía được tình cảm thân ái đó. Mặt người nào cũng xanh xao hốc hác, những năm tháng bị tra tấn từ các tỉnh lỵ miền Trung, miền Tây rồi đưa về Sài Gòn, qua nha Cảnh Sát, Tổng nha rồi về nhà lao Chí Hòa, mới thấy một ngày ở trong tù bằng mấy trăm năm ngoài đời. Có bị giam cầm mới thấu hiểu được giá trị của sự tự do.

Hành Tuệ co một chân lên cho đỡ mỏi, cánh tay không bị còng khẽ kéo chiếc áo "vạt khách" màu nâu bạc màu trong túi vải trùm lên đầu cho đỡ chói nắng. Mồ hôi bắt đầu ướt rịn thấm vào lớp vôi

bột hồi khuya làm mọi người cảm thấy nóng ran khó chịu.

Bọn lính gác đi qua lại trên boong tàu, thỉnh thoảng liếc nhìn số tù nhân. Họ bị còng chặt cả tay chân thì chẳng còn phương cách nào nổi dậy chiếm tàu.

Con tàu cứ xập xình trôi theo dòng nước. Tiếng sóng va mạnh từng cơn vào thành tàu như trỗi dậy sự căm hờn trong lòng anh em tù. Thôi! Xa rồi thành phố Sài Gòn thân thương.

Thầy nhớ lại năm 8 tuổi theo mẹ vào chùa rồi lúc 16 tuổi học trung cấp Phật học ở chùa Phổ Đà - Đà Nẵng, sau đó vào Sài Gòn ở chùa Hưng Long với Thầy Như Tín. Cũng có lúc sang chùa Phật Bửu, Thầy Tịnh Hạnh rất thương yêu người học trò trẻ tuổi, chịu khó cùng thầy lao động xây dựng ngôi chùa Tổ đình nầy. Hạnh Tuệ rất chăm học, giỏi việc văn thư nên Thầy trụ trì ưu ái dành cho một phòng riêng, có bàn đánh máy chữ cùng các phương tiện để làm việc.

Hành Tuệ nhớ như in, ngày 8 tháng 5 năm 1963, các chùa tại Huế cử hành lễ Phật đản và rước Phật trọng thể từ chùa Từ Đàn qua chùa Diệu đế, chánh quyền ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo, các Phật tử xôn xao thì có nhiều tiếng súng và một quả lựu đạn phát nổ làm 7 thường dân chết và bị thương một số người.

Làn sóng căm phẫn trào dâng, các Phật tử lại họp tại chùa Từ Đàm đưa ra các nguyện vọng: xin tự do hành đạo, chấm dứt các vụ khủng bố đàn áp Phật giáo, bồi thường các nạn nhân, trừng trị kẻ gây nợ máu.

Ngày 29 tháng 5, lực lượng an ninh được lệnh xiết chặt vòng vây chùa Từ Đàm. Dã man hơn họ còn cắt cả điện nước, cô lập cả hàng ngàn người ở trong đó. Chánh quyền còn cho một số cảnh sát, công an cạo đầu, mặc áo nâu, giả tăng ni ra chợ ăn thịt, uống rượu, mua hàng không trả tiền, hòng bôi nhọ các nhà sư, xuyên tạc cuộc đấu tranh của Phật giáo.

Hành Tuệ ôm đầu, mắt nhắm nghiền. Ôi! Phật giáo đang gặp cơn đại nạn năm đó, thầy và các đồng đạo ngày đêm xiết chặt tay, không sao ngủ được.

Thế rồi, ngày 11 tháng 6 năm 1963, quyết tâm làm lại ngọn đuốc soi đường, Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu nơi ngã tư Lê Văn Duyệt - Phan

Đình Phùng. Quá phẫn uất, ngày 16 tháng 6, 200 tăng ni biểu tình trước tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Thật thương tâm, sau khi đi chùa về, nữ sinh Mai Tuyết An chặt tay để phản đối lời tuyên bố của Trần Lệ Xuân: "Quyết đập tan cuộc đấu tranh của Phật giáo".

Từ Sài Gòn nối dài đến Nha Trang, các thầy trụ trì và Thầy Hội Trưởng Đức Minh bị tra khảo, tăng ni bị đánh đập, bắt giam toàn bộ tại quân lao.

Các bạn Sinh viên - Học sinh các Trường Đại học y Khoa, Đại học Khoa học, Luật Khoa, Văn Khoa, các trường Trung học Gia Long, Pétruy Ký, Trương Vương, Chu Văn An, Kỹ Thuật Cao Thắng, Võ Trường Toản đồng loạt xuống đường.

Rồi ngày 25 tháng 11, học sinh Trường Hồng Lạc phản đối bắt bớ người biểu tình. Đến 9 giờ đêm, cảnh sát quân đội ngụy trang mới giải tán được đám đông. Cảnh sát đã dùng vòi rồng, lựu đạn cay, dùi cui đánh đập túi bụi vào học sinh và số người ủng hộ làm 85 người bị thương, 238 người bị bắt. Các trường học trong toàn thành phố bãi khóa.

Đến ngày 27 tháng 11, thành phố ban hành thiết quân luật. Viện Hóa Đạo bị đóng cửa. Trước mặt Hạnh Tuệ, hình ảnh các nam nữ sinh viên học sinh ủng hộ Phật giáo trước Viện Hóa Đạo, trước chùa Xá Lợi, trước chợ Bến Thành thật dũng cảm, đáng mến phục. Hai vạt áo dài của các nữ sinh cột chặt ngang lưng, họ tràn tới xô xát với cảnh sát, hỗ trợ cho các bạn, còn sinh viên nam bảo vệ các tăng ni. Hình ảnh ấy sao mà thấm thía vô cùng.

"Phải được tự do hành đạo", đó là khẩu hiệu của tất cả các chùa. Những ngày hè năm 1963 là hình ảnh của một "thủ đô Sài Gòn bốc lửa".

Ánh nắng dìu dịu. Có lẽ đã về chiều. Trên cao vài con chim bay lượn. Chiếc tàu lách qua hai hòn đảo nhỏ, thấy có từng cụm cây xanh, chỉ còn vài phút nữa là đến nhà tù Côn Đảo.

Hành Tuệ ngồi thu mình trong góc hầm chuồng cọp. Hầm chuồng cọp 2, bề ngang 1,20 mét, bề dài 2,50 mét. Mấy tháng trước, chúng nhốt mỗi hầm 5 người, chân bị còng nên cứ phải thay nhau, cứ ba người nằm thì hai người ngồi. Có lúc quá mỏi mệt

phải nằm chồng lên nhau trên bệ xi măng. Thùng cầu để dưới đất, mùi hôi thối nồng nặc. Trên nóc hầm có một thùng vôi bột và hai cây roi mây, mỗi khi tù nhân đòi viết thư về gia đình, đòi có rau để ăn l2 bọn chúa ngục cho đổ vôi bột xuống hầm, dùng roi đánh đập tới tấp vào tù nhân. Da thịt hằn lên những vết roi rướm máu.

Mỗi ngày chúng chỉ cho có một lon gô nước để uống, rửa mặt. Tù nhân mỗi người để dành ba miếng vải bằng bàn tay: dùng để chà răng súc miệng, lau mặt, một miếng để chà lựa cơm bị trộn với cát, một để lau khi đại tiện.

Chợt cánh cửa sắt hé mở chỉ vừa đủ đĩa cơm đẩy vào. Hành Tuệ nhìn đĩa cơm khô, trên có một con khô mục mà ngoài đời người ta dùng làm phân. Có hôm mắm nấu có con giòi trắng nổi lầu bầu. Không hề có ngọn rau tươi. Sức khỏe càng ngày càng suy kiệt.

Hôm ở trại 4, trời tối mờ mờ, anh Mười hỏi Hành Tuệ:

- Chú bị bắt ở đâu vậy?

Hành Tuệ nói nhỏ:

- Từ hướng Phật Bửu tự ra, đến góc Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt thì bị công an chìm xét giấy. Lúc đó vào cuối năm 1966. Sau những hồi tra tấn, chúng kết tội tôi vận động các tăng sĩ đấu tranh đòi tự do cho Phật giáo và bị đày đi đảo vào năm 1967.

Anh Mười nhìn gương mặt như thư sinh của Hành Tuệ:

- Mới 22 tuổi mà đã bị quy là lãnh đạo tăng ni xuống đường!

Rồi Huệ tâm sự:

- Thật là bất công, chính phủ Diệm cho phép các nhà thờ được trùng tu, các trường đại học tư của Công giáo mọc lên rất nhiều. Còn Phật giáo chỉ có mấy trường Bồ đề cũ của thời trước để lại. Các Tổ chức công giáo tha hồ xuất bản Kinh sách, trong khi Kinh điển Phật giáo bị kiểm duyệt gắt gao. Phật giáo không dám ra một tờ báo. Chính quyền làm tê liệt các cơ sở của Phật giáo bằng cách kiểm soát chặt chẽ các trường tư thục.

Tin Hiệp định Paris ký kết lan truyền ra ngoài đảo. Hòa bình đang đến. Biết bao niềm hy vọng đến với anh em tù. Bọn chúa ngục cương quyết tìm hồ sơ 32 tù nhân chúng cho là quan trọng, cứng đầu, phân tán về chuồng cọp 2 có 60 phòng. Mỗi người còng cách nhau một hầm. Tù nhân được biết chúng dã tâm chuyển hồ sơ tù

chánh trị thành thường phạm với tội danh "gian nhân hiệp đảng" để đánh tráo, thủ tiêu những con người trung kiên.

Ngoài chiến trường, quân Giải phóng đã qua đường 9 tiến về Khe Sanh, căn cứ ở Tây Nguyên. Tin nầy len láo lan truyền khắp các trại tù ở đảo. Mọi người mong ước đến ngày đoàn tụ. Nụ cười sẽ chan hòa với nước mắt. Hành Tuệ nhớ Thầy mình ở chùa Phật Bửu, chùa Hưng Long, các sư huynh đã đùm bọc, che chở cho mình. Ngày ấy, Hành Tuệ sẽ xuôi tàu về Quảng Nam thăm lại những người thân.

Thầy nhắm nghiền đôi mắt, những hình ảnh thân thương với bao kỷ niệm lần lượt hiện về. Thương nhớ biết bao, con đường mòn với lũy tre xanh về ngôi chùa ở quê nhà, có cây da rợp bóng mà năm 8 tuổi, lần đầu tiên, Thầy từng bước bước chân vào chùa…

Như sực tỉnh, Hành Tuệ khẳng định cương quyết không ký vào bản án dối trá đó.

Sóng biển ngoài khơi ầm ầm từng đợt dâng trào xô vào vách đá cầu tàu của hòn đảo. Màn đêm phủ trùm lên nóc chuồng cọp. Bóng đêm mờ ảo qua những chấn song sắt lạnh xám xịt, làm ẩn hiện dưới hầm những thân thể gầy còm như bộ xương khô, chỉ còn nhận ra những cặp mắt sáng rực trong đêm trường.

Có tiếng mở khóa lộc cộc thật khẽ trước cửa hầm. Tức khắc 62 cái tai của 31 tù nhân cố nhận ra âm thanh xuyên tường đá, định hướng hầm bị mở lén lút, mờ ám…

Không ai thấy được bóng gầy gò của một tù nhân bị lôi ra, miệng bịt kín chặt. Bóng đêm đen ngòm một cách ghê rợn…

Sáng hôm sau, toàn đảo xôn xao:

- Nhà Sư Thích Hành Tuệ bị bọn chúa ngục đánh đập dã man bằng roi sắt bọc nhựa, bằng củ chì thun, bằng cây song hồng sắt cho đến chết ở hầm đá chuồng cọp 2 trước ngày trao trả tù binh…

Nghĩa trang liệt sĩ Hàng dương nằm cạnh một ngọn núi nhìn ra biển với trên 20 ngàn ngôi mộ của những người con vì Tổ quốc hy sinh.

Mộ bia chiến sĩ Nguyễn Thới, pháp danh Thích Hành Tuệ, quê Quảng Nam, hy sinh vì đạo pháp, vì đất nước Việt Nam, tươi đẹp như đóa hoa sen tỏa ngát giữa trời…

Phật pháp giữa đời thường

CAO THĂNG BÌNH

Đừng đợi đến khi hoàn hảo

"Đâu cần phải uống hết cả dòng sông thì mới hết khát, cũng như không cần phải đọc hết và thực hành hết kinh điển Phật giáo thì mới thoát khổ..."

Có người khát nước khi tìm được đến dòng sông nhưng lại không chịu uống vì thấy dòng sông nhiều nước quá. Cũng vậy, có người than khổ khi gặp đạo Phật vẫn ngần ngừ không chịu thực hành vì thấy đạo Phật mênh mông quá, rộng lớn quá.

Thật ra, đâu cần phải uống hết cả dòng sông thì mới hết khát. Cũng vậy, đâu cần phải đọc hết kinh điển thì mới thoát khổ. Kinh điển nhiều là để nhiều người cùng đọc, nhiều người cùng tu, mỗi người một hoàn cảnh khác nhau mà vẫn thấy phù hợp với mình.

Hãy bắt đầu từ những điều đơn giản nhất chứ đừng đợi đến khi đọc và hiểu hết kinh điển Phật thì mới bắt đầu tu. Đừng như anh chàng kia thà chịu khát chứ không uống nước vì nghĩ rằng mình không thể uống hết được cả dòng sông.





Vết sẹo trong tàng thức

"Khi ta nóng giận hay si mê, nó hằn lên trong tâm ta một vết sẹo. Khi ta làm tổn thương ai đó, nó cũng hằn lên trong tâm người đó một vết sẹo và cả trong tâm ta..."

Đinh đóng vào gỗ, khi nhổ ra nó để lại vết sẹo trên thân gỗ. Khi đóng nhiều đinh vào gỗ, những sẹo mới được tạo ra, chồng chất lên sẹo cũ, nhưng sẹo cũ cũng không bao giờ mất đi.

Cũng vậy, khi ta nóng giận hay si mê, nó đã hằn lên tâm ta một vết sẹo. Khi ta làm tổn thương ai đó, nó cũng hằn lên trong tâm người đó một vết sẹo và cả trong tâm ta. Các vết sẹo trong tâm chính là nghiệp, chúng nằm sâu trong tàng thức, rất khó phai dù thời gian có trôi qua.

Cần tỉnh thức và suy nghĩ kỹ trong từng hành động để tránh tạo nên các vết sẹo trong tâm mình và tâm người. Người không tu thì luôn si mê, đau khổ và sân hận ngày càng chồng chất cho nên nghiệp mới ngày càng dày thêm. Người tu hành thì biết dùng trí tuệ Bát Nhã để quán chiếu, để thấy "ngũ uẩn giai không", nhờ đó ngày ngày làm sạch bớt tàng thức.

THÔNG TIN

Tin ảnh: TRÍ BÁ - NHUẬN KIÊN - CHÚC TRỌNG

LỄ HÚY KỴ LẦN THỨ 46 CƯ SĨ CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN



Ngày 19-4-2019 (15-3 Kỷ Hợi), chùa Phật học Xá Lợi tổ chức lễ giỗ lần thứ 46 Cụ Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, thành viên sáng lập Hội Phật học Nam Việt,và là Hội trưởng Hội Phật học Nam Việt.

Đông đảo Chư Tăng, Ban Quản trị chùa Phật học Xá Lợi, các thành viên Ban Phật học, các đạo tràng Chùa Phật học Xá Lợi, gia đình cố Hội trưởng và Phật tử đã về dự lễ húy kỵ.

Cũng trong dịp này, đúng ngày rằm, Quỹ Từ thiện Sala cũng đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường 7, quận 3 trao tặng 200 phần quà cho các gia đình khó khăn trong phường.

Được biết, ngày 20-4-2019, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đồng tổ chức Hội thảo khoa học "*Cư sĩ Chánh Trí - Mai Thọ Truyền với Hội Phật học Nam Việt*". Hội thảo được tổ chức tại chùa Phật học Xá Lợi.

HỘI THẢO KHOA HỌC "*CƯ SĨ CHÁNH TRÍ- MAI THỌ TRUYỀN VỚI HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT*"

Để tiếp tục làm rõ những đóng góp to lớn của Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền và Hội Phật học Nam Việt, nhân dịp kỷ niệm 46 năm ngày mất của Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, trên tinh thần tri ân và tiếp bước các vị tiền bối hữu công của Phật giáo Việt Nam, ngày 20-4-2019 (16-3 Kỷ Hợi) tại chùa Phật học Xá Lợi - TP. HCM, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam phối hợp với Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: "*Cư sĩ Chánh Trí- Mai Thọ Truyền với Hội Phật học Nam Việt*".

Quang lâm và chứng minh hội thảo có nhiều vị cao tăng của GHPGVN. Cùng tham dự hội thảo có các nhà nghiên cứu, nhà khoa học và các thành viên của Ban Phật học và Phật tử các đạo tràng chùa Phật học Xá Lợi.



Quang cảnh Hội thảo

Sau phần khai mạc, Hội thảo được tổ chức tại 2 phòng với 2 chủ đề: Phòng 1, các diễn giả đã tham luận và tranh luận sôi nổi chủ đề "*Cuộc đời và sự nghiệp Cư sĩ Chánh Trí*". Phòng 2, các diễn giả đã cùng nhau trao đổi chủ đề "*Tư tưởng, tác phẩm và Hội Phật học Nam Việt*".

Ban tổ chức Hội thảo cho biết, đã nhận được 43 bản tham luận của các nhà nghiên cứu và chư tôn đức. Nội dung các bài tham luận khá phong phú, đề cập đến nhiều chủ đề khác nhau như về cuộc đời, tư tưởng, con đường đến với Phật pháp, những đóng góp của Chánh Trí Mai Thọ Truyền; về Hội Phật học Nam Việt,...

Với tinh thần khoa học, khách quan, Hội thảo khoa học "*Cư sĩ Chánh Trí- Mai Thọ Truyền với Hội Phật Học Nam Việt*" đã thảo luận và làm rõ những vấn đề cơ bản:

Một là, cuộc đời, sự nghiệp, những đóng góp của Chánh Trí Mai Thọ Truyền đối với sự nghiệp hoằng dương phật pháp nói chung, với Hội Phật học Nam Việt nói riêng. *Hai là,* sự hình thành, phát triển, những hoạt động, những đóng góp của Hội Phật học Nam Việt trong diễn trình vận động của Phật giáo Việt Nam. *Ba là,* sự hình thành, phát triển những đóng góp của Tạp chí Từ Quang đối với sự nghiệp hoằng dương Phật pháp. *Bốn là*, vai trò của cư sĩ trong việc hộ pháp và hoằng dương chánh pháp.

Hội thảo đã bế mạc vào buổi chiều cùng ngày.

LỄ TẮM PHẬT TẠI CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI

Lễ tắm Phật (Mộc Dục) tại chùa Phật học Xá Lợi (89 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM) đã trang nghiêm diễn ra sáng ngày 12-5-2019 (8-4 ÂL).

HT.Thích Hiển Tu, Phó Thư ký Ban Thường trực HĐCM GHPGVN, Viện chủ chùa Phật học Xá Lợi đã dâng hương, bạch Phật mở đầu nghi thức tắm Phật. Tiếp đó, chư Tăng và Phật tử chùa Xá Lợi cùng nhau tụng bài sám tắm Phật, và thực hiện nghi thức tắm Phật kính mừng Phật đản sanh PL.2563.


HT. Thích Hiển Tu thực hiện nghi thức tắm Phật

Được biết, từ ngày mùng 8-4 ÂL đến ngày 15-4 ÂL vào lúc 19g đều sẽ có thời thuyết pháp do các giảng sư HT Thích Giác Hạnh, HT Thích Thiện Đạo, TT Thích Nhật Hỷ, TT.Thích Chánh Định, NS.Thích nữ Hương Nhũ,... luân phiên các buổi tối.

Đặc biệt vào tối 14-4 ÂL, sau thời giảng pháp sẽ có văn nghệ kính mừng Phật đản của Gia đình Phật tử Xá Lợi.

NHỮNG BUỔI THUYẾT PHÁP TRONG PHÁP HỘI PHẬT ĐẢN PL 2563



Hòa thượng Thích Giác Hạnh



Phật tử lắng nghe thuyết pháp

Nhân Đại lễ Phật đản PL 2563, Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam và Ban Phật học chùa Xá Lợi đã tổ chức Pháp hội Phật đản từ ngày 12-5-2019 (mùng 8/4 năm Kỷ Hợi) đến ngày 19-5-2019 (ngày 15/4 năm Kỷ Hợi) tại chùa Phật học Xá Lợi.

Thượng tọa Chánh Định đã có buổi thuyết pháp đầu tiên trong Chương trình Pháp Hội với đề tài "*Ý nghĩa lễ Vesak*"; Thượng tọa Thích Nhựt Hỷ đã thuyết pháp ngày tiếp theo, với đề tài "*Hoa khai Phật thị hiện*"; Giảng sư Hòa thượng Thích Thiện Đạo, đã thuyết giảng đề tài "*Đức Phật và bức thông điệp cho thời đại*"; Thượng tọa Thích Đồng Thành, đã thuyết giảng với đề tài "*An nhiên giữa dòng đời*"; Ni sư Thích Nữ Hương Nhũ, đã thuyết giảng với đề tài "*Cái gì cũng nên vừa phải mà thôi*"; Thượng tọa Thích Trí Chơn đã đến thuyết giảng với đề tài "*Quán chiếu vô thường*"; Hòa thượng Thích Hạnh Trân, đã thuyết giảng đề tài "*Hiện tượng đản sanh và mục tiêu đản sanh*"; Hòa thượng Thích Giác Hạnh đã đến thuyết giảng đề tài "*Cuộc đời Đức Phật*". Qua các buổi pháp thoại, Phật tử hiểu thêm về ngày lễ Vesak và những lời dạy của Đức Phật để từ đó cố gắng thực hiện những lời dạy đó, sống tốt hơn.

LỄ KHÁNH ĐẢN ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

Sáng 19-5-2019 (15-04 Kỷ Hợi), sau khi tham dự Đại lễ Phật đản 2563 do Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự, chư Tăng và Phật tử đã tề tựu về Chùa Phật học Xá Lợi để tổ chức Lễ Khánh đản Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần thứ 2563. Thượng tọa Thích Đồng Bổn, Trụ trì chùa Phật học Xá Lợi làm chủ lễ.

Nhân dịp này, Ban Quản trị chùa Phật học Xá Lợi đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường 7 quận 3 trao nhiều phần quà cho các hộ nghèo trong phường và tổ chức Quầy sách gây quỹ ủng hộ bệnh nhân ung bướu và khiếm thị trong Khóa tu tại Tịnh thất Xá Lợi.



Chiều cùng ngày, chùa Phật học Xá Lợi cũng đã tổ chức lễ quy y cho 109 Phật tử.

NÓI CHUYỆN CHUYÊN ĐỀ *"PHÁP HÀNH CĂN BẢN: LỤC NIỆM"*

Sáng 8/6/2019 (nhằm ngày mùng 6 tháng 5 năm Kỷ Hợi), tại Chùa Phật học Xá Lợi, Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn, Trưởng Ban Phật học Chùa PH Xá Lợi, đã có buổi nói chuyện về đề tài "*Pháp hành căn bản: Lục niệm*"



Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn

Theo Cư sĩ Trần Đình Sơn, "Niệm" có nghĩa là nhớ. Theo Duy thức học, niệm là tác dụng của tâm nhằm ghi nhớ rõ ràng, không để quên mất một đối tượng nào đó. Trong pháp hành căn bản của người cư sĩ phải nên tu tập nghĩ niệm 6 điều, đó là Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Trang web chùa Phật học Xá Lợi: chuaxaloi.net, chuaxaloi.vn

Thư từ bài viết xin gửi về địa chỉ: Ban biên soạn Tủ sách Phật học Từ Quang, 89 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Email: phathoctuquang@gmail.com

Địa chỉ phân phối: Thư viện chùa Phật học Xá Lợi, 89 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.



QUỸ ẤN TỐNG HOA SEN

Với tâm nguyện pháp thí, đưa kinh sách đọc và nói đến với mọi người mọi nhà, nhằm phổ biến Phật pháp bằng hình thức *không kinh doanh*.

Chúng tôi hoan nghênh sự tham gia ủng hộ rộng rãi
của mọi giới vào công tác thiện nguyện này.

Liên hệ: Tỳ kheo **Thích Đồng Bổn**

Chùa Xá Lợi, 89 Bà Huyện Thanh Quan, phường 7, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 028.3930.0114 - 028.6656.1059

Email: quyantonghoasen@yahoo.com.vn

Tài khoản:

- Ngoại tệ: Nguyễn Thành Nam

Số tài khoản: 110.7755B

Tại VP Bank Hồ Chí Minh, 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM

- Việt Nam đồng: Phạm Thị Thùy Dương

Số tài khoản: 042.0101.0899.165 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Đô Thành, 169-171 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM